

DẪN NHẬP

Đại Tỳ Cầu Bồ Tát có tên Phạn là MAHÀ PRATISÀRAH (महाप्रतिशारः), dịch âm là Ma Ha Bát La Đề Tát Lạc, lược xưng là Tỳ Cầu Bồ Tát. Ngài là một Hóa Thân của Quán Âm Bồ Tát và là một Tôn trong Quán Âm Viện trong Thai Tạng Giới Man Đa La của Mật Giáo. Do Tôn này thường tùy theo sự nguyện cầu của chúng sinh mà diệt trừ Tội Vô Giá; trừ tai nạn về nước, lửa, đao binh, thuốc độc; trừ nạn Rồng Cá; miễn trừ nạn vua quan; cầu mưa; làm ngưng mưa gió; ban cho con cái, giúp cho vãng sinh về cõi Cực Lạc.... nên có tên là **Đại Tỳ Cầu**.

_ Kinh **Đại Tỳ Cầu Đà La Ni** ghi nhận là: “Nếu như có người nào nghe thấy Chú này, liền hay tiêu diệt tội chướng. Nếu thọ trì đọc tụng, thì lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây thương tích, chất độc chẳng thể hại, hay được sự hộ thủ của tất cả Hộ Pháp. Nếu viết chép Chú này đeo ở trên cánh tay và ở dưới cổ, thì người này thường hay được sự gia trì của tất cả Như Lai”.

_ Trong **Phật nói Kinh Tỳ Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú** ghi nhận Công Đức của **Đại Tỳ Cầu Bồ Tát Thần Chú** này là: “Đại Tỳ Cầu này tức là Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú, hay ban cho chúng sinh sự an vui tối thắng, chẳng bị tất cả Dạ Xoa, La Sát và các bệnh điên loạn, cùi hủi, Quỷ đói, Quỷ Tắc Kiến Đà, các hàng Quỷ Thần gây não hại; cũng chẳng bị bệnh nóng lạnh xâm tổn. Nơi cư ngụ luôn luôn được thù thắng, chẳng bị sự xâm hại về chiến đấu oán thù, lại hay đập tan kẻ địch, chú trở yểm đảo chẳng có thể làm hại, tội của nghiệp trước thảy đều tiêu diệt, chất độc chẳng thể hại, lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây thương tích, nước chẳng thể cuốn chìm, chẳng bị sấm chớp, sét đánh, gió ác, mưa bão không đúng thời.... gây tổn hại.

Nếu có người Thọ Trì Thần Chú này thì nơi cư ngụ được thù thắng. Nếu có thể viết chép rồi đeo trên cổ hoặc cột trên cánh tay thì người đó hay thành tất cả việc lành thanh tịnh tối thắng. Thường được Chư Thiên Long Vương ủng hộ. Lại được Chư Phật, Bồ Tát nghĩ nhớ, các Thiên Thần Chúng luôn luôn theo ủng hộ.

Nếu có người nữ Thọ Trì Thần Chú này sẽ có thế lực lớn, thường sinh con trai, Thọ Trì lúc mang thai thì thai được an ổn, khi sinh sản được an vui, không có các bệnh tật. Mọi tội tiêu diệt nhất định không còn nghi ngờ gì, do lực Phước Đức mà tiền của, lúa gạo được tăng trưởng. Lời bảo ban khiến cho người đều tin nhận, thường được tất cả điều cung kính”

Liên quan đến Linh Nghiệm ấy, căn cứ theo sự ghi nhận của Kinh **Phổ Biến Quang Minh Thanh Tịnh Xí Thịnh Như Ý Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đại Tỳ Cầu Đà La Ni** là: “Ở trong đại thành **Ca Tỳ La** (Kapila), lúc **La Hầu La** Đồng Tử (Ràhula) còn nằm trong thai mẹ thì mẹ Ngài tên là **Gia Du Đà La** (Ya'sodhara) bị ném vào trong hầm lửa, bắt chột **La Hầu La** nhớ niệm **Đà La Ni** này nên hầm lửa ấy bỗng nhiên hóa thành ao Sen.

..... Ở thành **Ma Già Đà** (Magadha) có vị vua tên là **Thí Nguyện Thủ** (Pratisàra-pàṇi) không có con, dùng **Đà La Ni** này viết chép đeo ở dưới cổ phụ nhân mà cuối cùng thỏa mãn được ước nguyện”

..... Nếu có nơi nào lưu truyền Đại Tỳ Cầu Đà La Ni này, nên dùng Hương Hoa, Phướng, Lọng mọi thứ cúng dường thượng diệu. Phải dùng vải lụa thù thắng bao bọc Kinh lại, đặt ở trong cái Tháp hoặc để trên đầu cây Phướng. Dùng mọi loại âm nhạc ca vịnh tán thán, nhiều quanh cúng dường, chân thành lễ bái thì mọi mong cầu ước nguyện đều được đầy đủ.

Nếu hay y Pháp viết chép, đeo giữ trên thân thì mọi mong cầu đều được. Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái. Thai nhi an ổn lớn dần tròn đủ và sinh nở được an vui”

_ Trong **Tỳ Cầu Bồ Tát Cảm Ứng Truyện**, quyển 3 có ghi chép các loại Linh Nghiệm có liên quan đến Đại Tỳ Cầu Đà La Ni này...

_ Trong “**Đại Tỳ Cầu Tức Đắc Đại Đà La Ni Minh Vương Sám Hối Pháp**” có ghi chép “**Tỳ Cầu Bát Ấn**”. Căn cứ vào sự ghi chép thì: Xưa kia Đức Thế Tôn tu học khổ hạnh, vì còn có tội, sám hối chẳng thể hết được, mới liền kết Khế Ấn này sám hối, nên hết tẩy chướng nạn nhất thời diệt hết, được mười phương Chư Phật thọ ký, đời sau có tên là **Thích Ca Mâu Ni Phật** (‘Sàkya-muṇi-buddha)

Đại Tỳ Cầu Bồ Tát có thân hình màu vàng đậm, 8 cánh tay dơ cao theo dạng Vô Úy. Bên phải, theo thứ tự 4 tay cầm : Chày Kim Cương Ngũ Cổ, Kích Xoa, Kiếm báu, Búa. Bên trái, 4 tay theo thứ tự cầm: Hoa sen (hoặc bánh xe), Rương Kinh Phạn, cây Phướng báu, sợi dây.



Theo Chùa Thiên Lâm thì tay bên phải cầm sợi dây, tay bên trái cầm Kịch Xoa. Như vậy thì 2 vật khí này được ghi nhận trái ngược nhau. Nay căn cứ vào Bản PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO ẤN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI KINH thì 4 bài Chân Ngôn ghi trong quyển thượng biểu thị cho Vô Năng Thắng Minh Vương Đại Tâm Chân Ngôn hàm chứa 4 tay Ấn: Ngũ Cổ Kim Cương Ấn , Phủ Việt Ấn, Sách Ấn, Kiếm Ấn. Còn 4 bài Chân Ngôn ghi trong quyển hạ biểu thị cho Vô Năng Thắng Minh Phi Đại Tâm Chân Ngôn bao hàm 4 tay Ấn : Luân Ấn, Tam Cổ Xoa Ấn, Như Ý Bảo Ấn, Đại Minh Tổng Trì Ấn. Do vậy thì vật khí bên trái chính là sợi dây và vật khí bên phải chính là Cây Kịch.



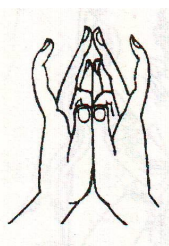
Tôn này có Mật Hiệu là Dữ Nguyên Kim Cương. Chủng Tử là PRA (𑖔) biểu thị cho Chân Đế (𑖔_PA: Nhất Nghĩa Đế) và Tục Đế (𑖒_RA: Bụi của cõi tục) nên được xưng là Lý Trí Bất Nhị Tôn. Tam Muội Gia Hình là Rương Kinh Phạn (Phạn Khiếp) là Lý biểu thị cho Định Tuệ Nhất Thể. Ngoài ra Tôn này còn có các Chủng Tử khác là : SA (𑖰), VAM (𑖘), AH (𑖡), HÙM (𑖛) với Tam Muội Gia Hình là : Chày Ngũ Cổ, Tháp Suất Đổ Ba trong đó có chứa rương Kinh Phạn.

Theo **Tùy Cầu Bát Ấn tinh** (và) **Thập Đại Ấn** (1 Quyển_ **Duy Căn Từ Vận**) thì có 10 Ấn nhưng chỉ lưu truyền cho Thế Gian 8 Ấn. Tám Ấn này biểu thị cho 8 vật khí cầm tay, khi kết các Ấn này sẽ hiển hiện 8 tay của Bản Tôn. Trong đó 4 tay bên phải với 4 Chân Ngôn biểu thị cho **Vô Năng Thắng Minh Vương** ; 4 tay bên trái với 4 Chân Ngôn biểu thị cho **Vô Năng Thắng Minh Phi**.

Tám Ấn Chân Ngôn là :

1. **Ngũ Cổ Kim Cương Xử Ấn** (Căn Bản Ấn): Hai tay cài chéo nhau bên trong rồi nắm lại thành quyền (Nội tương Xoa) hợp cứng 2 ngón giữa, đặt 2 ngón trỏ ở sau ngón giữa và hơi co lại như móc câu. Đầu hợp cứng 2 ngón út và 2 ngón cái rồi hơi co lại liền thành. Ấn này còn được gọi là Tùy Cầu Đại Hộ Minh Vương Ấn, Phát Bồ Đề Tâm Ấn, Sám Hối Ấn. Khi kết xong thì gia trì ở 5 nơi là: trái tim, đỉnh đầu, tam tinh, lông mày bên phải, lông mày bên trái. Chân Ngôn là A VIRA HÙM KHAM, trong đó A (𑖡: Trì quốc_ Giữ gìn đất nước), VI (𑖘: Đại Bi làm gốc), RA (𑖒: Phương tiện làm cứu cánh), HÙM (𑖛: Tất cả Như Lai Bí Mật Thần

Thông), KHAM (ॐ : Các Pháp chân thật_ Tất cả các Pháp rốt cuộc quy về Không Không) hoặc Đại Chân Ngôn.



Đại Chân Ngôn tên Phạn là **Mahà pratisàra vidya dhàraṇi** lại ghi là: Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni, Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni, Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn. Lược xưng là Tùy Cầu Đà La Ni. Đây là Chân Ngôn hay tiêu diệt tất cả tội chướng, phá trừ nẻo ác, tùy sự mong cầu liền được phước đức.

Câu chữ của Chân Ngôn này thì các Kinh ghi không giống nhau. Tuy vậy nội dung của Chân Ngôn thì không khác nhau bao nhiêu. Ví dụ Bản của Ngài Đại Quảng Trí **BÁT KHÔNG** ghi là MAMA SARVASATVÀNÀMCA (ॐ मम सर्वसत्त्वानामका ॐ नमः) : Tôi và tất cả chúng hữu tình) thì bản của Ngài **BẢO TỬ DUY** ghi là MAMAṢYA (ॐ मम ष्य : Nhóm chúng tôi) hoặc một vài câu có ghi trong bản này nhưng không được ghi trong bản kia. Tựu trung nội dung của Bài Đại Chân Ngôn có thể chia làm ba đoạn

Đoạn đầu biểu thị cho **lý Quy mệnh chư Phật Bồ Tát và Tam Bảo**

Đoạn giữa diễn nói là **Tùy Cầu Bồ Tát bạt tế hết thảy tội chướng, sự sợ hãi, bệnh tật của tất cả chúng sinh khiến cho thân tâm an vui, viên mãn sự mong cầu**

Đoạn cuối diễn nói là **Người thọ trì Đà La Ni sẽ được các hàng Trời, Rồng, Quỷ Thần... thủ hộ và được sự hộ niệm của tất cả Như Lai.**

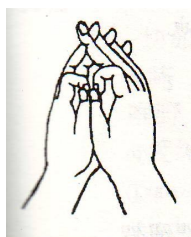
2. **Phủ Việt Ấn** : Tay trái úp, tay phải ngửa sao cho đỉnh lưng nhau. 10 ngón tay cùng trợ nhau móc lưng như hình cái búa. Chân Ngôn là Nhất Thiết Như Lai Tâm Chân Ngôn.



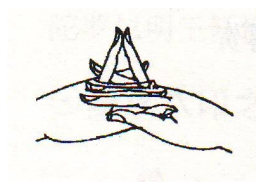
3. **Sách Ấn**: Hai tay nội tương xoa, dựng 2 ngón giữa rồi hơi co lại sao cho phần trên trụ đỉnh nhau giống như hình sợi dây liền thành. Chân Ngôn là Nhất Thiết Như Lai Tâm Ấn Chân Ngôn.



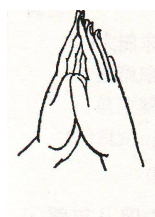
4. **Kiếm Ấn** : Chắp 2 tay, co lỏng giữa của 2 ngón giữa khiến cho đầu ngón cùng trụ nhau liền thành.. Chân Ngôn là Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Bị Giáp Chân Ngôn



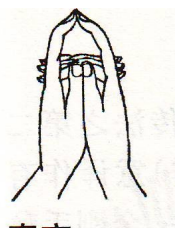
5. **Luân Ấn** : Hai tay Ngoại tương xoa, hợp đứng 2 ngón vô danh, giao cứng 2 ngón út liền thành.Chân Ngôn là Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Chân Ngôn.



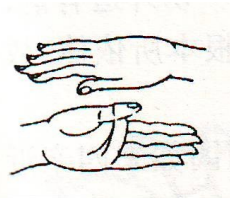
6. **Tam Cổ Xoa Ấn** : Hai ngón cái vịn trên móng 2 ngón út. Các ngón còn lại hợp cứng như hình Tam Kích Xoa liền thành. Chân Ngôn là Nhất Thiết Như Lai Kết Giới Chân Ngôn.



7. **Như Ý Bảo Ấn**: Hai tay Ngoại tương xoa, 2 ngón trỏ trụ như hình Báu, kèm cứng 2 ngón cái liền thành. Chân Ngôn là Nhất Thiết Như Lai Tâm Trung Tâm Chân Ngôn.



8. **Đại Minh Tổng Trì Ấn:** Tay trái ngửa ngay trái tim, đem tay phải úp trên tay trái, cùng cài nhau khiến cho bằng phẳng liền thành. Chân Ngôn là Nhất Thiết Như Lai Tùy Tâm Chân Ngôn.



Tám Ấn Chân Ngôn này biểu thị cho Lý Trí. Riêng Ấn thứ tám (Phạn Khiếp Ấn) dung hòa 5 Trí của 2 Bộ. Tất cả chư Phật Pháp Tạng dùng 5 Trí làm gốc. 5 Trí của 2 Bộ hòa hợp biểu thị cho một Đại Pháp Giới, trong Cung Pháp Giới này dung nhiếp tám vạn Pháp Tạng. Đại Sư nói theo thứ tự là **Nghịch chuyển Tiểu Thừa, Thuận chuyển Đại Thừa**. Trong rương Kinh Phạn dung nạp nghĩa thú rõ ràng của tất cả Giáo Pháp về Đại Tiểu Thừa cho nên Ấn Ngôn này có công năng thù thắng. Do vậy Ấn Ngôn này thường được dùng để tác Bản Tôn gia trì. Ngoài ra tụng Tùy Tâm Chân Ngôn có thể làm ngưng các tai nạn, diệt tội chướng và tất cả nguyện cầu đều được mãn túc. Riêng Tùy Tâm Chân Ngôn thì Bản của Ngài Bảo Tư Duy có ghi thêm câu KURU CALE (कुरु कालः : Làm cho lay động) vào cuối Bài Chú mà các Bản khác không có.

Thông thường người tu Mật Pháp này hay trì tụng Lược Pháp của 8 Ấn Chân Ngôn là:

1. ॐ वज्रय स्वहा
OM VAJRÀYA SVÀHÀ (Ngũ Cổ)
2. ॐ प्रसु स्वहा
OM PRA'SÙ SVÀHÀ (Việt Phủ)
3. ॐ पसा स्वहा
OM PÀ'SA SVÀHÀ (Quyển sách)
4. ॐ खदग स्वहा
OM KHADGA SVÀHÀ (Bảo Kiếm)
5. ॐ चक्र स्वहा
OM CAKRA SVÀHÀ (Luân)
6. ॐ त्रिसुला स्वहा
OM TRI'SÙLA SVÀHÀ (Tam Cổ Xoa)
7. ॐ चिन्तमणि स्वहा
OM CINTÀMANI SVÀHÀ (Bảo:viên ngọc Như Ý)
8. ॐ महविद्याधरानि स्वहा
OM MAHÀ-VIDYA-DHÀRANI SVÀHÀ (Phạn Khiếp:Rương Kinh Phạn).

वज्र मङ्गल पुत्रि मः

<p>ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः</p>	<p>ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः</p>	<p>ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः</p>
<p>ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः</p>		<p>ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः</p>
<p>ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः</p>	<p>ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः</p>	<p>ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः ॐ वज्र मङ्गल पुत्रि मः</p>

Nam Mô Đại Tỳ Cầu Bồ Tát

Tám Đạo Chú này đều được 99 ức trăm ngàn na do tha hằng hà sa đấng chư Phật cùng nhau diễn nói, cùng nhau khen ngợi, cùng nhau tùy hỷ nên 8 Chân Ngôn này có thế lực lớn, hay giáng phục Ma Chúng. Nếu viết chép, đeo giữ, tâm thường ghi nhớ 8 Đạo Chú này thì tất cả mộng ác, tướng ác, việc Bất Cát Tường chẳng phạm vào thân.

Đôi khi các bậc Đạo Sư lại gom 8 Đạo Chú trên thành một câu và truyền dạy cho đệ tử là:

ॐ वज्र परिशु पत्रि मङ्गल वक्र त्रिशुल त्रिशूल मङ्गलपुत्रिमः मङ्गल
OM VAJRA PARA'SU PÀ'SA KHADGA CAKRA TRI'SÙLA CINTÀ-
MANI MAHÀ-VIDYA-DHÀRANI SVÀHÀ

Ngoài ra trong Kinh Tạng còn ghi nhận thêm một câu Chú khác của Đại Tỳ Cầu Bồ Tát là:

ॐ मणिधारी वज्रिणी महाप्रतिहारी स्वहा

OM MANI-DHÀRI VAJRINI MAHÀ-PRATISÀRI SVÀHÀ

_Trong trang web dharanisangraha của Nepal có ghi nhận câu Chú của Đại Tỳ Cầu (Pratisarà-dhàraṇi) là:

ॐ मणिधारी वज्रिणी महाप्रतिहारी हूं हूं नमःनमः हूं

OM MANI-DHÀRI VAJRINI MAHÀ-PRATISÀRE HÙM HÙM PHAT PHAT SVÀHÀ

Tóm lại điều cốt yếu để tu trì Pháp này là: lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, viết chép, lưu truyền Đại Tỳ Cầu Đại Đà La Ni thì sẽ được mọi loại Công Đức như: lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể cuốn chìm, không bị trúng độc, giáng phục địch quân, phá ngục Vô Gian, trừ nạn Rồng Cá, sinh sản an vui, miễn trừ nạn vua quan...

Về các Bản Thư liên quan đến Pháp Đại Tỳ Cầu thì có rất nhiều (hơn 21 loại) nhưng tôi chỉ có thể biên dịch một số Bản được ghi chép trong Mật Tạng Quyển 3, Đại Tạng Kinh tập 61, Đồ Tượng Quyển 3, 5, 6, 9 nên vẫn chưa được hoàn chỉnh. Riêng Bài **Đại Chân Ngôn** và bài **Tỳ Cầu Đại Hộ Minh Vương Đại Tâm Đà La Ni** thì tôi xin mạo muội phục hồi và ghi chép lại nghĩa thú của từng câu Chân Ngôn.

Vào năm 1998, tôi đã lưu hành các bản ghi chép này nhưng không thể sao chép được phần Phạn văn. Nay nhờ sự giúp đỡ của Thầy **Thích Pháp Quang** và em **Tống Phước Khải** nên tôi đã chèn thêm được phần Phạn văn vào các bài Chú cần thiết, đồng thời hiệu chỉnh lại các Kinh Bản đã dịch... nhằm giúp cho người đọc có thể tự đọc được chữ **Tất Đàn** (Siddham) và dễ dàng tham cứu các Kinh Bản do nước ngoài lưu truyền.

Điều không thể tránh khỏi là bản ghi chép này vẫn còn sự sai sót. Do vậy tôi chân thành xin các Bậc Tiên Bối, các Bậc Long Tượng trong Mật Giáo hãy rủ lòng Từ Bi chỉ bảo cho chúng tôi sửa chữa kịp thời những lỗi lầm của mình ngõ hầu giúp ích cho những người cầu học Chính Pháp Giải Thoát.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con xin kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (**Nguyễn Vũ Nhan**) và Thân Mẫu (**Vũ Thị Ni**) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con cũng xin hồi hướng mọi Công Đức có được đến các Thầy **Thích Quảng Trí**, **Thích Pháp Quang** là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ và thúc đẩy con nghiên cứu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cảm ơn em Mật Trí (**Tống Phước Khải**), em Diệu Lý (**Nguyễn Thị Mộng Lý**), các con tôi đã hỗ trợ tài liệu, đánh một số Kinh Bản và scan hình ảnh để giúp tôi hoàn thành tập ghi chép này

Tôi xin chân thành cảm tạ anh **Nguyễn Ngọc Thắng**, vợ chồng em **Thông Toàn**, em Mật Trí (**Tống Phước Khải**) và nhóm Phật Tử của Đạo Tràng **Phổ Độ**

đã hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong từng thời gian soạn dịch và hiệu chỉnh Kinh Bản.

Tôi cũng xin cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (**Vũ Thị Thanh Hà**) đã cam chịu mọi khó khăn trong cuộc sống để hỗ trợ cho tôi vững bước trên con đường tìm hiểu Phật Pháp.

Nguyện xin Tam Bảo và các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực giúp cho con với tất cả chúng sinh tránh được mọi lỗi lầm và mau chóng thực chứng được Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà.

Mùa Thu năm Tân Mão (2011)

Huyền Thanh (**Nguyễn Vũ Tài**) kính ghi

Mật Tạng Bộ 3_ No.1153 (Tr.616_ Tr.621)

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH
NHƯ Ý BẢO ẤN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG
ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI
QUYỂN THƯỢNG

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tắng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn **BẤT KHÔNG** phụng chiếu dịch
Việt dịch : HUYỀN THANH

TỰA _ PHẨM THỨ NHẤT _

Như vậy tôi nghe, một thời Đức **Bạc Già Phạm** (Bhagavam: Thế Tôn) ngự tại lầu gác trên đỉnh **Đại Kim Cương Tu Di Lô** (Mahà-vajra-sumeru), an trụ trong **Đại Kim Cương Tam Ma Địa** (Mahà-vajra-samàdhi), dùng cây **Kiếp Thọ Đại Kim Cương Trang Nghiêm**, nơi ánh sáng của hoa sen báu trong cái ao Đại Kim Cương chiếu soi cát Kim Cương mà rải bày trên mặt đất. Ở **cung điện Đế Thích** (Indrapura) trong **Đạo Trường Kim Cương** (Vajra-maṇḍala) của **Đại Kim Cương gia trì** (Mahà-vajrādhiṣṭhana), dùng câu đê (Kuṭi) na dữu đa (Nayuta) trăm ngàn **tòa Đại Kim Cương Sư Tử** (Mahà-vajra-simhāsana) trang nghiêm, nói **Thần Thông Xứ** của Pháp, là nơi mà Thần Lực của tất cả Như Lai đã gia trì, nhập vào **Nhất Thiết Pháp Bình Đẳng Xuất Sinh Tát Bà Nhã Trí** cùng với 84 câu đê na dữu đa Bồ Tát Chúng đến dự. Các Vị này đều là **Bạc Nhất Sinh Bồ Xứ** (Eka-jāti-pratibaddha) đối với **A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề** (Anuttarà-samyaksambuddhi: Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác) được **Bất Thoái Chuyển** (Avaivartika), được thế lực lớn, thấy đều thị hiện **Đại Kim Cương Giải Thoát Tam Ma Địa** (Mahà-vajra-mokṣa-samàdhi), thần thông của cõi Phật, trong khoảng sát na tùy tiện vào Tâm Hạnh của tất cả Hữu Tình, thành tựu mọi thứ đẹp đẽ màu nhiệm rộng lớn thâm sâu, khéo nói các Pháp, biện tài không ngăn ngại, được Đại Thần Thông đều hay cúng dường vô lượng Như Lai trong thế giới của Phật, Thần Thông tự tại của **Đại cúng dường vân hải giải thoát Tam Ma Địa** (Mahà-pūja-megha-samudra-mokṣa-samàdhi), **Bất Cộng Giác Phần Đạo Chi**, tất cả **Địa Ba La Mật** (Pàramitàbhūmi), **bốn Nhiếp** (Catvāri saṃgraha-vastūni) khéo léo, sức của **Từ** (Maitra) **Bi** (Kàruṇa) **Hỷ** (Pramoda) **Xả** (Upekṣa), xa lìa trong sự nối tiếp của Tâm thanh tịnh.

Các vị ấy tên là: **Kim Cương Tạng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-àkà'sa-garbha), **Kim Cương Nhãn** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-netre), **Kim Cương Thân** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-kāya), **Kim Cương Tuệ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-mati), **Kim Cương Thủ** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-pāṇi), **Kim Cương Tương Kích** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-praharāṇa), **Kim Cương Na La Diên** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-nārāyaṇa), **Kim Cương Du Hý** Bồ Tát Ma Ha Tát, **Kim Cương Tích** Bồ Tát Ma Ha Tát, **Kim Cương Kế** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-jāta), **Kim Cương Diệu** Bồ Tát Ma Ha Tát, **Kim Cương Tràng** Bồ Tát Ma Ha Tát (Vajra-ketu)...Các bậc **Thượng Thủ** (Pramukha) như vậy cùng với chúng Bồ Tát Ma Ha Tát đều đến dự.

_ Lại có **Chúng Đại Thanh Văn** (Mahatà-'sràvaka-saṃgha) đều là Bạc Đại A La Hán đã đoạn trừ **Hữu Kết** (quả báo của sinh tử), chấm dứt tất cả các **Lậu** (Àsrava), được **Thiện Giải Thoát** của Tâm **Thiện Chính Tri**, đều hay thị hiện Du Hý Thần Cảnh Thông của sức Thần Thông chẳng thể nghĩ bàn, đều được thế lực lớn, không dính mắc vào sự thấy (Kiến vô trước), xa lìa tất cả cấu nhiễm, thiêu đốt hạt giống Tập Khí.

Các vị ấy tên là: **Cụ Thọ** (Àyusmata:Trưởng lão, Tôn Giả, Đại Đức...Lại xưng là **Tuệ Mệnh**) **Xá Lợi Tử** ('Sàriputra), **Cụ Thọ Mãn Tử Tử** (Pūrṇa-maitrāyaṇi-putra), **Cụ Thọ Kiếp Tân Na** (Mahà-kaphilena), **Cụ Thọ Ca Diệp Ba** (Kà'syapa), **Cụ Thọ Đại Ca Diệp Ba** (Mahà-kà'syapa), **Cụ Thọ Ưu Lâu Tần Loa Ca Diệp Ba** (Urubilvà-kà'syapa)..Các bậc Thượng Thủ như vậy cùng với chúng Đại Thanh Văn đều đến dự.

_ Lại có **Đại Tự Tại Thiên Tử** (Mahe'svara-devaputra) là bậc Thượng Thủ cùng với vô lượng vô biên bất khả thuyết a tăng kỳ chúng **Tĩnh Cư Thiên Tử** ('Suddha-vàsa-devaputra) đều đến dự.

_ Lại có **Sa Ha Thế Giới Chủ** Đại Phạm Thiên Vương (Sahampati) là bậc Thượng Thủ cùng với **Phạm Chúng Thiên Tử** (Bràhma-Parsàdyà-devaputra) đều đến dự.

_ Lại có **Tô Dạ Ma Thiên Tử** (Suyama-devaputra), **Hóa Lạc Thiên Tử** (Nirmàṇarati-devaputra), **Tha Hóa Tự Tại Thiên Tử** (Para-nirmita-vaśa-vartin-devaputra), **Thiên Đế Thích** (Indra, hay 'Sakra) cùng với các **Thiên Tử** (Devaputra) dùng làm **quyến thuộc** (Parivàra) đều đến dự.

_ Lại có **Tỳ Ma Chất Đa La A Tô La Vương** (Vemacitra-asura-ràja), **Mạt La A Tô La Vương** (Vali-asura-ràja), **Linh Hoan Hỷ A Tô La Vương**, **Chiếu Diệu A Tô La Vương**, **La Hầu A Tô La Vương** (Rahu-asura-ràja). Các A Tô La Vương thượng thủ như vậy cùng với vô lượng vô biên **A Tô La Vương** (Asura-ràja) dùng làm **quyến thuộc** đều đến dự.

_ Lại có **Sa Già La Long Vương** (Sàgara-nàga-ràja), **Đức Xoa Ca Long Vương** (Takṣaka-nàga-ràja), **Tô Phục Chỉ Long Vương** (Vàṣuki-nàga-ràja), **Thương Khư Ba La Long Vương** ('Saṅkha-pàla-nàga-ràja), **Yết Cú Tra Ca Long Vương** (Karkotaka-nàga-ràja), **Liên Hoa Long Vương** (Padma-nàga-ràja), **Đại Liên Hoa Long Vương** (Mahà-padma-nàga-ràja). Nhóm Long Vương thượng thủ như vậy cùng với vô lượng vô biên a câu đề chúng **Long Vương** (Nàga-ràja) đều đến dự.

_ Lại có **Thọ Khẩn Na La Vương** (Druma-kiṃnara-ràja) cùng với vô lượng vô biên **Khẩn Na La Vương** (Kiṃnara-ràja) **quyến thuộc** đều đến dự.

_ Lại có **Nhất Thiết Nghĩa Thành Tự Trì Minh Tiên Vương** (Sarvārtha-siddhi-vidya-dhàra-ṛṣi-ràja) cùng với vô lượng vô biên **Trì Minh Tiên Vương** (Vidya-dhàra-ṛṣi-ràja) **quyến thuộc** đều đến dự.

_ Lại có **Ngũ Kế Càn Thát Bà Vương** (Paṃca-jaṭa-gandharva-ràja) cùng với vô lượng vô biên **Càn Thát Bà Vương** (Gandharva-ràja) **quyến thuộc** đều đến dự.

_ Lại có **Kim Ngân Nghiệt Lộ Trà Vương** cùng với vô lượng vô biên **Nghiệt Lộ Trà Vương** (Garuḍa-rāja) quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Đa Văn Dược Xoa Vương** (Vai'sravaṇa-yakṣa-rāja), **Bảo Hiền Dược Xoa Vương** (Maṇi-bhadra-yakṣa-rāja), **Mãn Hiền Dược Xoa Vương** (Purnābhadrā yakṣa-rāja), **Bán Chi Ca Dược Xoa Vương** (Pañcika-yakṣa-rāja) cùng với vô lượng vô biên **Dược Xoa Vương** (Yakṣa-rāja) quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Ha Lợi Đế Mẫu** (Hārtye Mātṛ) cùng với 500 người con dùng làm quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có 7 vị **Hộ Thế Mẫu Thiên**, 7 vị **Đại La Sát Mẫu**, 7 vị **Tiên Thiên** dạo chơi trên hư không, 9 vị **Chấp Diêu Thiên**, **Phương Ngung Địa Thiên**, **Biện Tài Thiên Nữ** (Sarasvati Devi) cùng với quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có loài gây chướng, **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Bộ Đa** (Bhūta). Tất cả đều là bậc có Đại uy đức cùng với quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có tất cả **Sơn Vương** (Parvata-rāja), tất cả **Hải Vương** (Sāgara-rāja), **Hộ Thế Vương** (Loka-pāla-rāja), **Thủy Thiên** (Varuṇa-deva), **Trì Quốc Thiên Vương** (Dhṛta-rāṣṭra-devarāja), **Tăng Trưởng Thiên Vương** (Virūdhaka-devarāja), **Ác Mục Thiên Vương** (Virūpakṣa-devarāja), **Trì Bồng La Sát Chủ** (Daṇḍa-dhāra-rākṣasādhipati), 7 vị **Phong Thiên** (Vāyu-deva), **Y Xá Na Thiên** (I'saṇa-deva) với các bà vợ cùng với 1000 câu đê na dữu đa quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Na La Diên Thiên** (Nārāyaṇa-deva) cùng với quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Nại Đa Ca Na Ma Ca**, **Lỗ Hạ Ca**, **Đại Già Na Bát Đế**, **Di Cù La Ca**... **Tỳ Na Dạ Ca Vương** (Vināyaka-rāja) của nhóm như vậy cùng với vô lượng vô biên **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) dùng làm quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có 60 vị **Du Hành chư Thành Bảo Vương** với quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có **bốn chị em Thần Nữ** (Caturbhaginī) với người anh là quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Kim Cương Thương Yết La Nữ** (Vajra-'saṃkarānī) cùng với 64 vị **Kim Cương Nữ** (Vajrinī) dùng làm quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có **Kim Cương Quân Đồng Tử** (Vajra-sena-kumāra), **Tô Ma Hồ Đồng Tử** (Subāhu-kumāra), **Đỉnh Hạnh Đồng Tử** cùng với vô lượng vô biên **Kim Cương Tộc** (Vajra-kulāya) dùng làm quyền thuộc đều đến dự.

_ Lại có hàng tin tưởng trong sạch nơi **Phật** (Buddha), **Pháp** (Dharma), **Tăng** (Saṃgha) là: **Trời** (Deva), **Rồng** (Nāga), **Dược Xoa** (Yakṣa), **Càn Thát Bà** (Gandharva), **A Tô La** (Asura), **Nghiệt Lộ Trà** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kinnara), **Ma Hộ La Già** (Mahoraga), **Bộ Đa** (Bhūta), **Tất Xá Già** (Pi'sāca), **A Bát Sa Ma La**, (Apsamāra), **Ốt Ma Na** (Unmāda), **Sa Đình Sa**, **Tứ Lý Ca**, **Ô Tất Đa La Ca**, **Nhật Nguyệt Thiên Tử**, **Thần Triều Thiên**, **Nhật Ngộ Thiên**, **Hoàng Hôn Thiên**, **Trung Dạ Thiên**, **Nhất Thiết Thời Thiên** cùng với vô lượng vô biên a tăng kỳ quyền thuộc đều đến dự.

Bấy giờ Đức Thế Tôn khéo chuyển bánh xe Pháp, làm xong việc Phật, viên mãn **Phước Đức Trí Tuệ cứu cánh**, khéo nhiếp thọ **Nhất Thiết Trí Đại Bồ Đề**,

đắc được **Xí Thịnh Địa Ba La Mật**, dùng 32 tướng Đại Trưởng Phu trang nghiêm **Pháp Thân** (Dharma-kàya), dùng 84 vẻ đẹp trang nghiêm tất cả chi phần, Tướng mà tất cả Hữu Tình không có chỗ Quán Đỉnh, vượt hơn hẳn tất cả **Ma La** (Màra), thông đạt **Nhất Thiết Trí Trí** (Sarva-jñā-jñāna), đầy đủ năm loại mắt, thành tựu tất cả Tướng, thành tựu **Nhất Thiết Trí Trí**, thành tựu tất cả Phật Pháp, đập nát dị luận của tất cả **Ma** (Màra), hiển cao danh xưng **Đại Hùng Mãnh Sư Tử Hống**, phá hoại vô minh hắc ám. Dùng chỗ đã gom chứa các **Ba La Mật** (Pàramitā): **Thí** (Dāna), **Giới** (Śīla), **Nhẫn** (Kṣānti), **Cần Dũng** (Vīrya), **Tĩnh Lự** (Dhyāna), **Bát Nhã** (Prajña), **Phương Tiện** (Upāya), **Nguyện** (Praṇidhana), **Lực** (Bala), **Trí** (Jñāna), **Khổ Hạnh** (Duṣkara, hay Tapas) khó hành trong vô lượng vô biên a tăng kỳ trăm ngàn câu đê na dữu đa kiếp, chuyển được 32 tướng Đại Nhân, 84 vẻ đẹp trang nghiêm.

Thân ấy ngồi trên Tòa **Đại Bảo Kim Cương Liên Hoa Tạng Sư Tử** (Mahā-ratna-vajra-padma-garbhā-simhāsana). Tòa ngồi đó được trang nghiêm bằng vô lượng Kim Cương, vông lưỡi ngọc báu... khi gió nhẹ thổi qua đều phát ra âm thanh màu nhiệm. Dùng vô lượng **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) an trụ Thần Túc. Dùng vô lượng báu Kim Cương trang nghiêm cho viên ngọc đỏ do con **cá Ma Kiệt** (Makāra) phun ra và dùng miệng ngậm lại. Dùng vô lượng báu trang sức nhụy hoa sen. Dùng **Hổ Phách** (?Lohita-mukta: Xích châu), **Đại Hổ Phách** (Mahā-lohita-mukta), **Đế Thanh** (Indranīlamuktā), **Đại Đế Thanh** (Mahendranīlamuktā), **Bổ Sa La Già**... trang nghiêm cái lưới ánh sáng rộng khắp đoan nghiêm. Dùng vô lượng báu Kim Cương trang nghiêm cái cán của cây phan cây lọng. Dùng bóng mát của vô lượng câu đê na dữu đa trăm ngàn cây **Kiếp Thọ** (Kalpa-vṛkṣa) trang nghiêm

Tòa ngồi ấy rộng lớn như **Tu Di** (Sumeru) giống như ngọn núi vàng tỏa ánh hào quang rực rỡ sáng chói tốt lành vượt hẳn một ngàn mặt trời.

Mặt đất của nơi ấy tròn đầy giống như mặt trăng trong sạch khiến cho các Hữu Tình vui thích ngắm nhìn Pháp của Như Lai, như hoa hé nở của cây **Đại Kiếp Thọ** (Mahā-kalpa-vṛkṣa) ấy. Pháp màu nhiệm đã nói: Ban đầu, khoảng giữa, chặng cuối đều tốt lành. Lời nói về nghĩa thâm sâu của Pháp ấy rất khéo léo, thanh tịnh, tinh khiết, thuần nhất không pha tạp.

Khi ấy từ **Đỉnh đầu** (Uṣṇīṣa) và **Hào Tướng** (Ūṣa) của Đức Thế Tôn phóng ra ánh sáng lớn. Ánh sáng này chiếu khắp ba ngàn Đại Thiên Thế Giới cho đến như hằng hà sa số Thế Giới của Phật. Hết thủy Như Lai ở Thế Giới đó ngồi trên Tòa Sư Tử được trang nghiêm bằng vô lượng báu, ngự bên trong lầu gác đại trang nghiêm, nói Pháp cùng với tất cả Bồ Tát, Đại Thanh Văn, Bất Sở, Bất Sở Ni, Tịnh Tín Nam, Tịnh Tín Nữ, Trời, Rồng, Dược Xoa, Càn Thát Bà, A Tô La, Nguyệt Lộ Trà, Khẩn Na La, Ma Hộ La Già... thủy đều được chiếu diệu mà hiển hiện rõ ràng.

Bấy giờ Đức Thế Tôn vì khắp tất cả mà nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ tụng) là :

_ Nay Ta nói **Tuỳ Cầu** (Pratisāra)

Thương nhớ các Hữu Tình

Đại Đà La Ni (Mahā-dhāraṇī) này

Hay đập kẻ khó phục

Các tội nặng cực ác
 _ Nếu mới được nghe qua
Tùy Cầu Đà La Ni (Pratisàra-dhàraṇi)
 Tất cả tội tiêu diệt
 An vui các Hữu Tình
 Giải thoát tất cả bệnh
 Đại Bi vì chúng sinh
 Nên Đức Thế Tôn nói
 Làm cho được giải thoát
 Xa lìa các nẻo ác
 _ Nếu vào **cung Tu La** (Asura-pura)
Cung Được Xoa (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa)
Bộ Đa (Bhūta), **Rồng** (Nāga), **Quỷ** (Preta), **Thần** (Devatā)
 Các cung điện như vậy
 Tùy ý vào được cả
 Điều dùng **Đại Minh** (Mahà-vidya) này
 Mà làm nơi gia hộ
 _ Nơi chiến đấu hiểm nguy
 Chẳng bị oán trở hại
 Với các hàng Quỷ My
 Do xưng **Đà La Ni** (Dhàraṇi)
 Các My đều hoại diệt
 _ **Sa Kiển** (Skandha), **Ốt Mạt Na** (Unmāda)
Tất Xá (Pi'sāca), **Noa Cát Nễ** (Dākiṇi)
 Mãnh ác hút Tinh Khí
 Thường hại loài Hữu Tình
 Thấy đều bị diệt hết
 Do Đức **Tùy Cầu** diệt
 Địch đều bị diệt hoại
 _ Đã làm Pháp Chú Trớ
 Yểm Đảo đều vô hiệu
 Định nghiệp chẳng thọ báo
 Chẳng bị trúng Cổ Độc
 Nước, lửa với đao, gậy
 Sấm sét, sương, mưa đá
 Gió bão, mưa bạo ác
 Các nạn đều được thoát
 Oán địch đều giáng phục
 _ Nếu người trì **Minh** (Vidya) này
 Hoặc đeo cổ, đeo tay
 Mọi nguyện cầu đều thành
 Tất cả điều mong ước
 Thấy đều được như ý

Thiên Vương (Deva-ràja) đều gia hộ
 Với các **Đại Long Vương** (Mahà-nàga-ràja)
Bồ Tát (Bodhisatva), **Đại Cần Dũng** (Mahà-vìra)
Duyên Giác (Pratyeka-buddha) và **Thanh Văn** ('Sràvaka)
 Tất cả các **Như Lai** (Tathàgata)
Minh Phi (Vidya-ràjñi), **Đại Uy Đức** (Mahà-teja)
 Thấy đều cùng ủng hộ
 _ Người thọ trì **Tùy Cầu** (Pratisàra)
Kim Cương Bí Mật Chủ (Vajra-guhyakàdhipati)
Bốn Thiên Vương (Catvàsraḥ-mahà-ràjikàḥ) **Hộ Thế** (Loka-pàla)
 Đối với người Trì tụng
 Ngày đêm thường gia hộ
 Chúng **Đế Thích** (Indra), **Đao Lợi** (Tràyastrim'sa)
Phạm Vương (Brahma-ràja), **Tỳ Nữ Thiên** (Viṣṇu)
 Với **Ma Hê Thủ La** (Mahe'svara)
 Chúng sinh **Câu Ma La** (Kumàra)
Đại Hắc (Mahà-kàla), **Hỷ Tự Tại** (Nàndike'svara)
 Tất cả chúng **Thiên Mẫu** (Màṭṛ-gaṇa)
 Với các **Ma Chúng** (Màra-gaṇa) khác
Khổ Hạnh Uy Đức Tiên
 Cùng với **Mật Ngữ Thiên** (Guhya-vak-deva)
 Thấy đều đến ủng hộ
 _ Người trì **Tùy Cầu** này
Minh Phi (Vidya-ràjñi), **Đại Bi Tôn** (Mahà-kàruṇa-nàtha)
 Dững mãnh đủ thần lực
Ma Ma (Màmaki), **Tỳ Câu Đê** (Bhṛkūṭi)
Đa La (Tàrà), **Uống Câu Thi** (Amḥku'se)
 Cùng với **Kim Cương Tỏa** (Vajra-'saṃkhara)
Bạch Y (Paṇḍara-vàsiṇi), **Đại Bạch Y** (Paṇḍara-vàsiṇi)
 Thánh **Ma Ha Ca Ly** (Mahà-kàli)
Sứ Giả (Ceta), **Kim Cương Sứ** (Vajra-ceta)
Diệu Sách (Supà'sa), **Kim Cương Sách** (Vajra-pà'sa)
Chấp Luân (Cakra-dhàra) **Đại Lực Giả** (Mahà-bala)
Kim Cương Man Đại Minh (Vajra-màle-mahà-vidya)
Cam Lộ Quân Trà Lợi (Amṛta-kunḍali)
Vô Năng Thắng Minh Phi (Apàrajita-vidya-ràjñi)
Hắc Nhĩ (Kṛṣṇa-karṇa), **Cát Tường Thiên** ('Sṛi-devi)
Đại Phước Uy Đức Tôn (Mahà-puṇya-teja-nàtha)
Liên Hoa Quân Trà Lợi (Padma-kunḍali)
Hoa Xỉ (Puṣpa-danti) với **Châu Kế**
Kim Man, Chất Nghiệt La
Đại Uy Đức Cát Tường

Với **Điện Trang Nghiêm Thiên**
Nhất Kế Đại La Sát (Eka-jāta-mahā-rākṣasa)
Với **Phật Địa Hộ Tôn** (Buddha-dhara-pālāṇi)
Ca Ba Lợi Minh Nữ
Lăng Già Tự Tại Tôn (Laṅke'svara)
Với nhiều loại Chúng khác
Nhóm ấy đều ủng hộ
_ Do **Đại Minh** tại tay
Ha Lợi Đế (Hārtye) với con
Đại Tướng **Bán Chi Ca** (Pañcika)
Thương Khí Ni (Saṃkhini), **Tích Xỉ** (Kṣeta-danti)
Cát Tường ('Sri) và **Biện Tài** (Sarasvatī)
Do trì **Mật Ngôn** này
Ngày đêm thường đi theo
_ Nếu có các người nữ
Trì **Đà La Ni** này
Kẻ ấy đều thành tựu
Trai Gái ở trong thai
Thai an ổn tăng trưởng
Sinh nở đều an vui
Tất cả bệnh đều trừ
Các tội đều tiêu diệt
Phước lực thường đầy đủ
Lúa gạo với tài bảo
Thầy đều được tăng trưởng
Lời nói khiến vui nghe
Nơi đến, được cung kính
Nam tử với nữ nhân
Thanh tịnh hay thọ trì
Thường ôm Tâm Từ Bi
Cứu giúp các Hữu Tình
Nguyện họ được an vui
Khiến họ lìa bệnh tật
Quốc Vương và Hậu Cung
Đều sinh Tâm cung kính
Cát Tường thường xí thịnh
Nhóm Phước đều tăng trưởng
Tất cả Pháp Chân Ngôn
Thầy đều được thành tựu
Thành nhập tất cả **Đàn** (Maṇḍala)
Được thành **Tam Muội Gia** (Samaya)
_ Như Lai thành thật nói

Chẳng hay gặp mộng ác
Đều diệt trừ các tội
Phiền não và oán địch
Diệt tai họa Chấp Diệt
Đại Trí Tự Tại nói
Hay mãi nguyện ước khác
Vì thế nay Ta nói
Đại Chúng đều nghe kỹ

“Năng mô tát phộc đát tha nga đa nam (NAMO SARVA TATHAGATANAM)

Năng mô năng mặc tát phộc một đà mạo địa tát đa-phộc _ Một đà, đạt ma, tăng khế tỳ được (NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVA_ BUDDHA, DHARMA, SAṂGHEBHYAḤ)

Án (OM)

Vĩ bồ la nghiệt bệ (VIPULA GARBHE)

Vĩ bồ la, vĩ ma lê, nhạ dã nghiệt bệ (VIPULA VIMALE JAYA GARBHE)

Phộc nhật-la, nhập-phộc la, nghiệt bệ (VAJRA JVALA GARBHE)

Nga đế, nga hạ nãnh (GATI GAHANE)

Nga nga năng, vĩ thú đà ninh (GAGANA VI'SODHANE)

Tát phộc bá bá, vĩ thú đà ninh (SARVA PÀPA VI'SODHANE)

Án (OM)

Ngu noa, phộc đế (GUṆA VATI)

Nga nga lị ni (GAGARINI)

Nghĩ lị, nghị lị (GIRI GIRI)

Nga ma lị, nga ma lị (GAMÀRI GAMÀRI)

Ngược hạ, ngược hạ (GAHA GAHA)

Nghiệt nga lị, nghiệt nga lị (GARGÀRI GARGÀRI)

Nga nga lị, nga nga lị (GAGARI GAGARI)

Nghiêm bà lị, nghiêm bà lị (GAMBHARI GAMBHARI)

Nga đế, nga đế (GATI GATI)

Nga ma nãnh, nga lệ (GAMANI GARE)

Ngu lỗ, ngu lỗ, ngu lỗ ni (GÜRURU GÜRURU GÜRURU)

Tả lệ, a tả lệ, mẫu tả lệ (CALE ACALE MUCALE)

Nhạ duệ, vĩ nhạ duệ (JAYA VIJAYA)

Tát phộc bà dã, vĩ nga đế (SARVA PÀPA VIGATE)

Nghiệt bà, tam bà la ni (GARBHA SAMBHARANI)

Tất lị, tất lị (SIRI SIRI)

Nhĩ lị, nhĩ lị (MIRI MIRI)

Chi lị, chi lị (GHIRI GHIRI)

Tam mãn đá, ca la-sái ni (SAMANTA AKARṢANI)

Tát phộc thiết đốt-lỗ, bát-la ma tha nãnh (SARVA ‘SATRÙ PRAMATHANI)

La khất-sái, la khất-sái (RAKṢA RAKṢA)

Ma ma (Tôi, họ tên....) (MAMA

Tát phộc tát đa-phộc nan tả (SARVA SATVANÀMCA)

Vĩ li, vĩ li (VIRI VIRI)

Vĩ nga đá (VIGATA)

Phộc la noa bà dã nãnh xả nãnh (AVARAṆI BHAYA NÀ’SANI)

Tô li, tô li (SURI SURI)

Tức li (CILI)

Kiểm ma lê, vĩ ma lê, nhạ duệ (KAMALE VIMALE JAYE)

Nhạ dã, phộc hề (JAYA VAHE)

Nhạ dã phộc để, bà nga phộc để (JAYA VATI BHAGAVATI)

La dát-nãnh ma củ tra, ma la đà li (RATNA MAKUṬA MÀLÀ-DHÀRI)

Ma hộ, vĩ vĩ đa , vĩ tức dát-la, phệ sái, lỗ bạt, đà li ni (BAHU VIVIDHA VICITRA VEṢA RÙPA DHÀRAṆÌ)

Bà nga phộc để (BHAGAVATI)

Ma hạ vĩ nễ-dã, nê vĩ (MAHÀ VIDYA DEVI)

La khất-sái, la khất-sái (RAKṢA RAKṢA)

Ma ma (Tôi, tên là.....) (MAMA.....)

Tát phộc tát đa-phộc nan tả (SARVA SATVANÀMCA)

Tam mãn đá, tát phộc dát-la (SAMANTA SARVATRÀ)

Tát phộc bá bả, vĩ thú đà nãnh (SARVA PÀPA VI’SODHANE)

Hộ lỗ, hộ lỗ (HULU HULU)

Nhược khất-sát dát-la, ma la, đà li ni (NAKṢATRA MÀLÀ-DHÀRAṆÌ)

La khất-sái hàm (RAKṢA MÀM)

Ma ma (Tôi, tên là....) (MAMA.....)

A nãnh tha tả (ANÀTHAṢYA)

Đát-la noa, bả la gia noa tả (ATRÀṆA PARÀYANAṢYA)

Bả li mô tả, dã minh (PARIMOCA YÀ ME)

Tát phộc nậu khế tỳ dước (SARVA DUḤKHEBHYAḤ)

Chiến ni, chiến ni, tán ni nãnh (CAṆḌI CAṆḌI CAṆḌINI)

Phệ nga phộc để (VEGA VATI)

Tát phộc nốt sắt-tra, nãnh phộc la ni (SARVA DUṢṬA NIVÀRAṆÌ)

Thiết đốt-lỗ, bạc khất-xoa (‘SATRÙ PAKṢA)

Bát-la mặt tha nãnh (PRAMATHANI)

Vĩ nhạ dã, phộc tứ nãnh (VIJAYA VÀHINI)

Hộ lỗ, hộ lỗ (HURU HURU)

Mẫu lỗ, mẫu lỗ (MURU MURU)

Tổ lỗ, tổ lỗ (CURU CURU)

A dục, bá la nãnh, tô la (AYUḤ PÀLANI SURA)

Phộc la, mặt tha nãnh (VARA MATHANI)

Tát phộc, nê phộc đá (SARVA DEVATÀ)
Bố tử đế (PÙJITE)
Địa lị, địa lị (DHIRI DHIRI)
Tam mãn đá phộc lộ chỉ đế, bát la bệ (SAMANTA AVALOKITE PRABHE)
Bát-la bệ, tô bát-la bà (PRABHE SUPRABHA)
Vĩ truật đệ (VI'SUDDHE)
Tát phộc bá bả, vĩ thú đà ninh (SARVA PÀPA VI'SODHANE)
Đạt la, đạt la, đạt la ni (DHARA DHARA DHARAṆI)
La la đạt lệ (RARA DHARE)
Tô mẫu, tô mẫu (SUMU SUMU)
Lỗ lỗ tả lê (RURU CALE)
Tả la gia, nô sắt-lãng (CALÀYA DUṢṬA)
Bố la dã minh, a thêm, thất-lị (PÙRAYA ME À'SAM 'SRÌ)
Phộc bổ đà nam (VAPUDHANAM)
Nhạ dã, kiếm ma lê (JAYA KAMALE)
Khất-sử ni, khất-sử ni (KṢIṆI KṢIṆI)
Tát la ni, tát la năng củ thế (VARADE VARADA AṆKU'SE)
Án (OM)
Bát nột-ma, vĩ truật đệ (PADMA VI'SUDDHE)
Thú đà dã, thú đà dã ('SODHAYA 'SODHAYA)
Thuấn đệ ('SUDDHE)
Bạt la, bạt la (BHARA BHARA)
Tỷ lị, tỷ lị (BHIRI BHIRI)
Bộ lỗ, bộ lỗ (BHURU BHURU)
Mộng nga la, vĩ thuấn đệ (MAMGALA VI'SUDDHE)
Bạt vĩ dát-la, mục khế (PAVITRA MUKHE)
Khất nghĩ ni, khất nghĩ ni (KHARGAṆI KHARGAṆI)
Khư la, khư la (KHARA KHARA)
Nhập-phộc lý đa, thủy lệ (JVALITA 'SIRE)
Tam mãn đa, bát-la sa lị đá, phộc bà tất đa, truật đệ (SAMANTA PRASARITA AVABHAṢITA 'SUDDHE)
Nhập-phộc la, nhập-phộc la (JVALA JVALA)
Tát phộc, nê phộc nga noa, tam ma đa, ca la-sái ni (SARVA DEVAGAṆA SAMATÀ AKARṢAṆI)
Tát đế-dã phộc đế (SATYA VATI)
La hộ, la hộ (LAHU LAHU)
Hộ nộ, hộ nộ (HUNU HUNU)
Khất-sử ni, khất-sử ni (KṢIṆI KṢIṆI)
Tát phộc nghĩ-la hạ, bạc khất-sái ni (SARVA GRAHA BHAKṢAṆI)
Vĩnh nga lý, vĩnh nga lý (PIṆGALI PIṆGALI)

Tổ mẫu, tổ mẫu (CUMU CUMU)
Tô mẫu, tô mẫu (SUMU SUMU)
Tổ mẫu tả lệ (CUVI CARE)
Đa la, đa la (TÀRA TÀRA)
Năng nga, vĩ lộ chỉ nãi, đa la dã, đồ hàm (NÀGA VILOKITE TÀRÀYA TUMAM)
Bà nga phộc để (BHAGAVATI)
A sắt-tra ma hạ bà duệ tỳ dước (AṢṬA MAHÀ BHAYEBHYAḤ)
Tam muộn nại-la (SAMUDRA)
Sa nga la (SÀGARA)
Bát li-dần đảm, bá đá la, nga nga năng, đất lăm (PRATYANTÀM PÀTÀLA GAGANA TALAM)
Tát phộc đất la (SARVATRÀ)
Tam măn đế năng (SAMANTENA)
Nễ xả, măn đệ năng (DI'SA BANDHENA)
Phộc nhật-la, bát-la ca la (VAJRA PRÀKÀRA)
Phộc nhật-la, bá xả, măn đà mật năng (VAJRA PÀ'SA BANDHANE)
Phộc nhật-la, nhập phộc-la, vĩ truật đệ (VAJRA JVALA VI'SUDDHE)
Bộ lệ, bộ lệ (BHURI BHURI)
Nghiệt bà, phộc để (GARBHA VATI)
Nghiệt bà, vĩ thú đà nãi (GARBHA VI'SODHANE)
Câu khát-sử, tam bố la ni (KUKṢI SAMPÙRANI)
Nhập phộc-la, nhập phộc-la (JVALA JVALA)
Tả la, tả la (CALA CALA)
Nhập phộc-lý nãi (JVALANI)
Bát-la vạt sát đồ, nê phộc (PRAVAṢATU DEVA)
Tam măn đế nãi (SAMANTENA)
Nễ miểu ná kế nãi (DIDHYODAKENA)
A mật-lật đa, phộc la-sái ni (AMṚTA VARṢANI)
Nê phộc đá phộc đá la ni (DEVA DEVA-DHÀRANI)
A tỳ tru giả minh (ABHIṢIMCA TUME)
Tô nga đa (SUGATA)
Phộc tả năng, mật-lật đa (VACANA AMṚTA)
Phộc la, phộc bổ sái (VARA VAPUṢPE)
La khát-sái, la khát-sái (RAKṢA RAKṢA)
Ma ma (Tôi tên là.....) (MAMA.....)
Tát phộc tát đa-phộc nan tả (SARVA SATVÀNÀMCA)
Tát phộc đất-la (SARVATRÀ)
Tát phộc ná (SARVADÀ)
Tát phộc bà duệ tỳ-dước (SARVA BHAYEBHYAḤ)
Tát mạo bát nại-la phệ tỳ-dước (SARVOPADRABHAYEBHYAḤ)
Tát mạo bả tăng nghê tỳ-dước (SARVOPASAGREBHYḤ)

Tát phộc nột sắt-tra, bà dĩa, ty đát tả (SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTAṢYA)

Tát phộc ca lị, ca la hạ, vĩ nghiệt la hạ (SARVA KĀLI KĀLAHA VIGRAHA)

Vĩ phộc ná (VIVĀDA)

Nậu tát-phộc bả-nan nột nãnh nhĩ đá (DUḤSVAPNĀM DURNI MINTA)

Mộng nga la (AMAMGALLYA)

Bá bả (PĀPA)

Vĩ nãng xả nãnh (VINĀ'SANI)

Tát phộc dước khất-xoa (SARVA YAKṢA)

La khất-sái sa (RĀKṢASA)

Nãng nga (NĀGA)

Nãnh phộc la ni (NIVĀRANI)

Tát la ni, sa lẹ (SARANI SARE)

Ma la, ma la, ma la phộc để (BALA BALA _ BALA VATI)

Nhạ dĩa, nhạ dĩa (JAYA JAYA)

Nhạ dĩa đở hàm (JAYA TUMAM)

Tát phộc tát-la (SARVATRĀ)

Tát phộc la lam (SARVA KĀRAM)

Tát đệ đở minh (SIDDHE TUME)

Ế hàm, ma hạ vĩ niệm, sa đà dĩa (IMĀM MAHĀ-VIDYA SĀDHAYAT)

Sa đà dĩa, tát phộc mạn noa la (SĀDHAYAT SARVA MAṆḌALA)

Sa đà nãnh già đa dĩa (SĀDHANI GHĀTAYA)

Tát phộc vĩ cận-nãnh (SARVA VIGHNAM)

Nhạ dĩa, nhạ dĩa (JAYA JAYA)

Tát đệ, tát đệ (SIDDHE SIDDHE)

Tô tát đệ (SUSIDDHI)

Tát địa-dĩa, tát địa-dĩa (SIDDHYA SIDDHYA)

Một địa-dĩa, một địa-dĩa (BUDDHYA BUDDHYA)

Bố la dĩa, bố la dĩa (PŪRAYA PŪRAYA)

Bố la ni, bố la ni (PŪRANI PŪRANI)

Bố la dĩa, minh, a thiêm (PŪRAYA ME Ā'SAM)

Tát phộc vĩ nễ dĩa (SARVA VIDYA)

Địa nga đa (ADHIGATA)

Một lật-để (MŪRTTE)

Nhạ dụ đa lị (JAYOTTARI)

Nhạ dạ phộc để (JAYA VATI)

Để sắt-xá, để sắt-xá (TIṢṬA TIṢṬA)

Tam ma dĩa ma nễ bá la dĩa (SAMAYAM ANUPĀLAYA)

Đát tha nghiệt đa, ngật-lị nãi dĩa (TATHĀGATA HRDAYA)

Thuấn đệ ('SUDDHE)

Nhĩ-dĩa phộc lộ ca dĩa hàm (VYĀVALOKAYA MĀM)

A sắt-tra ty, ma hạ ná lỗ noa bà (AṢṬA MAHÀ DÀRUṆA BHAYE)
Tát la, tát la (SARA SARA)
Bát-la sa la, bát-la sa la (PRASARA PRASARA)
Tát phộc phộc la noa, ty thú đà nãnh (SARVA AVARAṆA VI'SODHANE)
Tam mãn đá, ca la, man noa la, vĩ thuận đê (SAMANTA KÀRA MAṆḌALA VI'SUDDHE)
Vĩ nga đế, vĩ nga đế, vĩ nga đa, ma la, vĩ thú đà nãnh (VIGATE VIGATE VIGATA MÀRA VI'SODHANE)
Khất-sử ni, khất-sử ni (KṢIṆI KṢIṆI)
Tát phộc bá bả, vĩ thuận đê (SARVA PÀPA VI'SUDDHE)
Ma la, vĩ nghịệt đế (MÀRA VIGATE)
Đế nhạ phộc để (TEJA VATI)
Phộc nhật-la phộc để (VAJRA VATI)
Tát-lạt lộ chỉ-dã, địa sắt-xỉ đế, sa-phộc hạ (TRAILOKYA ADHIṢṬITE _ SVÀHÀ)
Tát phộc đất tha, một đà, vĩ sắt cật-đế, sa-phộc hạ (SARVA TATHÀ BUDDHA ABHIṢIKTE _ SVÀHÀ)
Tát phộc mạo địa tát đa-phộc, vĩ sắt cật-đế, sa-phộc hạ (SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE _ SVÀHÀ)
Tát phộc nê phộc đa, vĩ sắt cật-đế, sa-phộc hạ (SARVA DEVATÀ ABHIṢIKTE _ SVÀHÀ)
Tát phộc đất tha nga đa, cật-li nãi dạ, địa sắt xỉ đa, hột-li nãi duệ, sa-phộc hạ (SARVA TATHÀGATA HRDAYA ADHIṢṬITA HRDAYE _ SVÀHÀ)
Tát phộc đất tha nga đa, tam ma dã, tát đê, sa-phộc hạ (SARVA TATHÀGATA SAMAYA SIDDHE _ SVÀHÀ)
Ấn nại-lệ, ấn nại-la phộc để, ấn nại-la, nhĩ-dã phộc lộ chỉ đế, sa-phộc hạ (INDRE INDRAVATI INDRA VYÀVALOKITE _ SVÀHÀ)
Một-la hám-mính, một-la hám-ma, để-dữu sử đế, sa-phộc hạ (BRAHME BRAHMA ADHYUṢṬE _ SVÀHÀ)
Vĩ sắt-nỗ, nãng mạc tắc cật-li đế, sa-phộc hạ (VIṢṆU NAMASKṚTE _ SVÀHÀ)
Ma hệ thấp-phộc la, mãn nễ đa, bố nhĩ đá duệ, sa-phộc hạ (MAHE'SVARA VANDITA PÙJITAYE _ SVÀHÀ)
Phộc nhật-la đà la, phộc nhật-la bá ni, ma la vĩ li-dã, địa sắt-xỉ đế, sa-phộc hạ (VAJRADHÀRA VAJRAPÀṆI BALA VÌRYA ADHIṢṬITE _ SVÀHÀ)
Địa-lã đa la sắt-tra-la dã, tát-phộc hạ (DHṚTARÀṢṬRÀYA _ SVÀHÀ)
Vĩ lỗ trà ca dã, tát-phộc hạ (VIRÙDHAKÀYA _ SVÀHÀ)
Phệ thất-la ma noa dã, tát-phộc hạ (VAI'SRAVAṆÀYA _ SVÀHÀ)
Tạt đót ma hạ la nhạ nãng mạc tắc-cật-li đá dã, tát-phộc hạ (CATUR MAHÀ RÀJA NAMASKṚTÀYA _ SVÀHÀ)
Diễm ma dã, tát-phộc hạ (YAMÀYA _ SVÀHÀ)

Diễm ma bố nhĩ đa, năng mạc tắc-cật-lij đá dĩa_ tát-phộc hạ (YAMA PÙJITA NAMASKRṬĀYA_ SVĀHĀ)

Phộc lỗ noa dĩa_ Tát-phộc hạ (VARUṆĀYA_ SVĀHĀ)

Ma lỗ đá dĩa_ Tát-phộc hạ (MARÙTĀYA_ SVĀHĀ)

Ma ha ma lỗ đá dĩa_ Tát-phộc hạ (MAHĀ MARÙTĀYA_ SVĀHĀ)

A ngân-năng duệ_ Tát-phộc hạ (AGNĀYE_ SVĀHĀ)

Năng nga vĩ lộ chỉ đá dĩa_ Tát-phộc hạ (NĀGAVILOKITĀYA_ SVĀHĀ)

Nê phộc, nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (DEVA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Năng nga, nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (NĀGA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Dược khất-sái, nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (YAKṢA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

La khat-sái sa nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (RĀKṢASA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Ngạn đật phộc tát nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (GANDHARVA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

A tô la nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (ASURA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Nga lỗ noa nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (GARUDA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Khản na la nga nãi tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (KIMNARA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Ma hộ la nga nễ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (MAHORAGA GAṆEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Ma nô sái tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (MANUṢYEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

A ma nô sái tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (AMANUṢYEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Tát phộc nghiệt-la hệ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (SARVA GRAHEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Tát phộc bộ đế tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (SARVA BHÙTEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Bật li đế tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (PRETEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Tỳ xả tế tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (PI'SÀCEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

A bả sa-ma lệ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (APASMÀREBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Cấm bạng nễ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (KUMBHĀNDEBHYAḤ_ SVĀHĀ)

Án_ Độ lỗ, độ lỗ_ Tát-phộc hạ (OM_ DHURU DHURU_ SVĀHĀ)

Án_ Đồ lỗ, đồ lỗ_ Tát-phộc hạ (OM_ TURU TURU_ SVĀHĀ)

Án_ Mẫu lỗ, mẫu mẫu_ Tát-phộc hạ (OM_ MURU MURU_ SVĀHĀ)

Hạ năng, hạ năng, tát phộc thiết đồ-lỗ nẫm_ Tát-phộc hạ (HANA HANA SARVA 'SATRÙNĀM_ SVĀHĀ)

Ná hạ, ná hạ tát phộc nột sắt-tra, bát-la nột sắt-tra nẫm_ Tát-phộc hạ (DAHA DAHA SARVA DUṢṬA_ PRADUṢṬĀNĀM_ SVĀHĀ)

Bát tá, bát tá tát phộc bát-la để dĩa dịch ca, bát-la để-dĩa nhĩ dát-la nẫm (PACA PACA SARVA PRATYARTHIKA PRATYĀMITRĀNĀM)

Duệ ma ma (YE MAMA)

A tứ đế sử noa (AHITEṢINA)

Đế sam, tát phệ sam, xả li lām, nhập-phộc la dã , nột sắt-tra tức đá nām_
Tát-phộc hạ (TEṢAM SARVESAM 'SARIRAM JVALÀYA _ ADUṢṬA
CITTÀNÀM_ SVÀHÀ)

Nhập-phộc lý đá dã _ Tát-phộc hạ (JVALITÀYA_ SVÀHÀ)

Bát-la nhập-phộc lý đá dã_ Tát-phộc hạ (PRAJVALITÀYA_ SVÀHÀ)

Nễ bát-đá nhập-phộc la dã_ Tát-phộc hạ (DĪPTA JVALÀYA_ SVÀHÀ)

Tam mãn đa nhập-phộc la dã_ Tát-phộc hạ (SAMANTA JVALÀYA_
SVÀHÀ)

Ma ni bạt nại-la dã_ Tát-phộc hạ (MAṆIBHADRÀYA _ SVÀHÀ)

Bố la-noa bả nại-la dã_ Tát-phộc hạ (PŪRNABHADRÀYA_ SVÀHÀ)

Ma hạ ca la dã_ Tát-phộc hạ (MAHÀ KÀLÀYA_ SVÀHÀ)

Ma đễ-li nga noa dã_ Tát-phộc hạ (MÀTRGAṆÀYA_ SVÀHÀ)

Đã khát-sử ni nām_ Tát-phộc hạ (YAKṢANĪNÀM_ SVÀHÀ)

La khát-ma tử nām_ Tát-phộc hạ (RÀKṢASĪNÀM_ SVÀHÀ)

A ca xả ma đễ-li nām_ Tát-phộc hạ (ÀKÀ'SA MÀTRNÀM_ SVÀHÀ)

Tam mẫu nại-la phộc tử nānh nām_ Tát-phộc hạ (SAMUDRA
VÀSINĪNÀM_ SVÀHÀ)

La đễ-li, tả la nām_ Tát-phộc hạ (RÀTR CARÀNÀM_ SVÀHÀ)

Nễ phộc sa, tạt la nām_ Tát-phộc hạ (DIVASA CARÀNÀM_ SVÀHÀ)

Đễ-li tán-đình, tạt la nām_ Tát-phộc hạ (TRISANTYA CARÀNÀM_
SVÀHÀ)

Vĩ la, tạt la nām_ Tát-phộc hạ (VELA CARÀNÀM_ SVÀHÀ)

A vĩ la, tạt la nām_ Tát-phộc hạ (AVELA CARÀNÀM_ SVÀHÀ)

Nghiệt bà ha lệ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (GARBHA HÀREBHYAḤ_
SVÀHÀ)

Nghiệt bà tán đá la ni. Hộ lỗ, hộ lỗ_ Tát-phộc hạ (GARBHA
SANDHÀRAṆĪ_ HURU HURU_ SVÀHÀ)

Án_ Tát-phộc hạ (OM_ SVÀHÀ)

Tát phộc_ Tát-phộc hạ (SVÀḤ_ SVÀHÀ)

Bộç_ Tát-phộc hạ (BHŪḤ_ SVÀHÀ)

Bộ phộc_ Tát-phộc hạ (BHŪVÀḤ_ SVÀHÀ)

Án, bộ la-bộ phộc, tát-phộc_ Tát-phộc hạ (OM_ BHŪRBHŪVÀḤ_ SVÀḤ_
SVÀHÀ)

Tức trưng, tức trưng_ Tát-phộc hạ (CIṬI CIṬI_ SVÀHÀ)

Vĩ trưng, vĩ trưng_ Tát-phộc hạ (VIṬI VIṬI_ SVÀHÀ)

Đà la ni_ Tát-phộc hạ (DHÀRAṆĪ_ SVÀHÀ)

Đà la ni_ Tát-phộc hạ (DHARAṆĪ_ SVÀHÀ)

A ngận-nānh_ Tát-phộc hạ (AGNI_ SVÀHÀ)

Đế tổ, phộc bổ_ Tát-phộc hạ (TEJO VAPU_ SVÀHÀ)

Tức li, tức li_ Tát-phộc hạ (CILI CILI_ SVÀHÀ)

Tát lý, tất lý_ Tát-phộc hạ (SILI SILI_ SVÀHÀ)

Một đình, một đình_ Tát-phộc hạ (BUDDHYA BUDDHYA_ SVÀHÀ)
Tất đình, tất đình_ Tát-phộc hạ (SIDDHYA SIDDHYA_ SVÀHÀ)
Mạn noa la tất đệ_ Tát-phộc hạ (MAṆḌALA SIDDHE_ SVÀHÀ)
Man noa la mãn đệ_ Tát-phộc hạ (MAṆḌALA BANDHE_ SVÀHÀ)
Tỷ ma mãn đà nãnh_ Tát-phộc hạ (‘SÌMA BANDHANI_ SVÀHÀ)
Tát phộc thiết đốt-lỗ nẫm, tiệm bà tiệm bà_ Tát-phộc hạ (SARVA
‘SATRÙNÀM_ JAMBHA JAMBHA_ SVÀHÀ)
Sa đảm-bà đã, sa đảm-bà đã _ Tát-phộc hạ (STAMBHÀYA
STAMBHÀYA_ SVÀHÀ)
Thân ná, thân ná_ Tát-phộc hạ (CCHINDA CCHINDA_ SVÀHÀ)
Tần ná, tần ná_ Tát-phộc hạ (BHINDA BHINDA_ SVÀHÀ)
Bạn nhạ, bạn nhạ_ Tát-phộc hạ (BHAÑJA BHAÑJA_ SVÀHÀ)
Mãn đà, mãn đà_ Tát-phộc hạ (BANDHA BANDHA_ SVÀHÀ)
Mãng hạ đã, mẫng hạ đã_ Tát-phộc hạ (MOHAYA MOHAYA_ SVÀHÀ)
Ma nĩ , vĩ thuận đệ_ Tát-phộc hạ (MAṆI VI’SUDDHE _ SVÀHÀ)
Tố lệ-duệ, tố lệ-duệ, tố lệ-dã, vĩ thuận đệ, vĩ thú đà nãnh_ Sa-phộc hạ
(SÙRYE_ SÙRYE_ SÙRYA_ VI’SUDDHE VI’SODHANE_ SVÀHÀ)
Chiến niết-lệ, chiến niết-lệ, bố la-noa chiến niết-lệ_ Tát-phộc hạ
(CANDRE CANDRE PÙRṆA CANDRE_ SVÀHÀ)
Nghiệt-la nễ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (GRAHEBHYAḤ_ SVÀHÀ)
Nhược khát-sát để-lệ tỳ-dược_ Tát-phộc hạ (NAKṢTREBHYAḤ_ SVÀHÀ
)
Thủy phệ_ Tát-phộc hạ (‘SIVE_ SVÀHÀ)
Phiến để_ Tát-phộc hạ (‘SÀNTI_ SVÀHÀ)
Tát phộc sa để-dã đã nãnh_ Tát-phộc hạ (SVASTYA YANE _ SVÀHÀ)
Thủy noan yết-lị. phiến để yết lị, bổ sát-trí yết lị, ma la mặt đạt nãnh_
Tát-phộc hạ (‘SIVAM_ KARI_ ‘SÀNTI_ KARI_ PUṢṬI_ KARI_ BALA
VARDHANI_ SVÀHÀ)
Thất-lị yết lị_ Tát-phộc hạ (‘SRÌ KARI_ SVÀHÀ)
Thất-lị đã mặt đạt nãnh_ Tát-phộc hạ (‘SRÌYA VARDHANI_ SVÀHÀ)
Thất-lị đã nhập-phộc la nãnh_ Tát-phộc hạ (‘SRÌYA JVALANI_ SVÀHÀ)
Nẩng mẫu tử_ Tát-phộc hạ (NAMUCI_ SVÀHÀ)
Ma lỗ tử_ Tát-phộc hạ (MARUCI_ SVÀHÀ)
Phệ nga phộc để_ Tát-phộc hạ (VEGA VATI_ SVÀHÀ)
***)**
Án_ tát phộc đát tha nga đa một lệ-để (OM_ SARVA TATHÀGATA
MÙRTTE)
Bát-la phộc la vĩ nga đa (PRAVARA VIGATI)
Bà duệ xả ma đã (BHAYE ‘SAMAYA)
Tát-phộc minh (SVAME)
Bà nga phộc để (BHAGAVATI)

Tát phộc bá bế tỳ-du sa-phộc sa-để bà phộc đở (SARVA PÀPEBHYAḤ SVÀSTIRBHAVATU)

Mẫu nãnh, mẫu nãnh, vĩ mẫu nãnh (MUṆI MUṆI VIMUṆI)

Tả lệ tả la ninh (CARE CALANE)

Bà dã vĩ nga để (BHAYA VIGATE)

Bà dã ha la ni (BHAYA HÀRAṆI)

Mạo địa, mạo địa (BODHI BODHI)

Mạo đà dã, mạo đà dã (BODHIYA BODHIYA)

Một địa lý, một địa lý (BUDHILI BUDHILI)

Tát phộc đát tha nga đa hột-lã nãi dã, túc sắt tai- Tát-phộc hạ (SARVA TATHÀGATA HRDAYA JUṢṬAI_ SVÀHÀ)

*)

Án_ phộc nhật-la phộc để (OM_ VAJRA VATI)

Phộc nhật-la bát-la đề sắt-xỉ để (VAJRA PRATIṢṬITE)

Thuấn đê ('SUDDHE)

Đát tha nga đa mẫu nại-la, địa sắt xá-nãng, địa sắt xỉ-để (TATHÀGATA MUDRA ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE)

Tát-phộc hạ (SVÀHÀ)

*)

Án_ mẫu nãnh, mẫu nãnh, mẫu nãnh phộc lệ (OM_ MUṆI MUṆI MUṆI VARE)

A tị tru tá đở hàm (ABHIṢIMCA TUMAM)

Tát phộc đát tha nghiệt đa (SARVA TATHÀGATA)

Tát phộc vĩ nễ-dã tị sái kế (SARVA VIDYA ABHIṢEKAI)

Ma hạ phộc nhật-la ca phộc tá mẫu nại-la (MAHÀ VAJRA KAVACA MUDRA)

Mẫu nại-lị đơi (MUDRITEH)

Tát phộc đát tha nga đa khát-lã nãi dạ, địa sắt-xỉ đa (SARVA TATHÀGATA HRDAYA ADHIṢṬITA)

Phộc nhật-lê_ Sa-phộc hạ (VAJRE _ SVÀHÀ)

Bấy giờ Đức Bạc Già Phạm nói **Phổ Biến Quang Minh Thanh Tĩnh Xí Thịnh Như Ý Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Tuỳ Cầu Đại Đà La Ni** này xong, lại bảo nhóm Đại Phạm rằng: "Này Đại Phạm ! Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện nào vừa mới nghe qua Đà La Ni này thì hết thấy tất cả tội chướng thấy đều tiêu diệt. Nếu hay đọc tụng thọ trì tại Tâm, nên biết người đó là thân kiên cố của Kim Cương, lửa chẳng thể đốt, đao chẳng thể hại, độc chẳng bị trúng.

_ Này Đại Phạm ! Vì sao biết là Lửa chẳng thể thiêu đốt được ? Ở đại thành **Ca Tỳ La** (Kapilavastu), lúc **La Hầu La Đồng Tử** (Ràhula-kumàra) còn nằm trong thai mẹ. Mẹ Ngài tên là **Gia Du Đà La** (Ya'sodhara), vốn là người nữ thuộc dòng **Thích Ca** ('Sàkya), bà bị ném vào hầm lửa. Lúc đó La Hầu La nằm trong thai mẹ

nhớ niệm Đà La Ni này nên hầm lửa ấy liền tự trong mát, biến thành ao sen. Tại sao thế? Vì Đà La Ni này là lực gia trì của tất cả Như Lai vậy. Đại Phạm nên biết, do nhân duyên đây mà lửa chẳng thể thiêu đốt được.

_ Lại nữa Đại Phạm ! Chất độc chẳng thể gây hại. Như cái thành **Thiện Du** có người con của vị Trưởng Giả **Phong Tài** (Bhogavati), trì tụng Mật Ngôn do **Thế Thiên** nói. Người đó dùng sức Trì Minh câu triệu Long Vương **Đức Xoa Ca** (Takṣaka) mà quên **Kết Giới** (Sīma-bandhana) Hộ Thân. Vị Long Vương ấy giận dữ nghĩ rằng làm cho người kia chịu nỗi đau khổ nặng nề và sắp sửa mất mạng. Rất nhiều người Trì Minh trợ giúp nhưng chẳng thể cứu hộ được. Ở trong cái thành ấy, có một vị **Ưu Bà Di** (Upāsika: Cận Sự Nữ) tên là **Vô Cấu Thanh Tĩnh** (Amala-vi'suddhe) thường trì **Tùy Cầu Đại Minh Đà La Ni** này. Vị Ưu Bà Di đó đã thành tựu **Đại Bi**, khởi lòng thương xót đi đến nơi ấy dùng Đà La Ni này gia trì cho. Vừa mới tụng một biến thì chất độc kia liền bị tiêu diệt và người kia được bình phục như cũ. Khi đó người con của vị Trưởng Giả ở chỗ của vị **Vô Cấu Thanh Tĩnh** thọ nhận Đà La Ni này và ghi nhớ tại Tâm. **Đại Phạm** nên biết đó là chất độc chẳng thể gây hại được.

_ Lại nữa Đại Phạm ! Ở thành **Phiệt La Nại Tư** (Vāraṇasī) có vị vua tên là **Phạm Thí**. Vua nước lân cận là kẻ có thế lực lớn nên đã khởi bốn loại binh đến chinh phạt Phạm Thí. Thời vị cân thần liền tâu với vua Phạm Thí rằng: *“Đại Vương ! Nay quân địch đi đến chiếm đoạt thành ấp của chúng ta. Mong Đại Vương ban lệnh cho chúng tôi phải dùng kế sách nào để đẩy lui quân địch ấy ?”*

Lúc đó, Phạm Thí bảo quần thần rằng: *“Nay các người đừng vội chống cự. Ta có **Tùy Cầu Đại Minh Vương Đà La Ni**. Do uy lực của Đà La Ni này hay đập tan quân địch khiến cho chúng giống như đám tro tàn vậy.”*

Các quần thần liền cúi đầu tâu rằng: *“Đại Vương ! Bọn hạ thần chúng tôi chưa từng nghe qua điều này.”*

Đức vua lại bảo rằng: *“Nay các người sẽ thấy sự hiệu nghiệm ngay lập tức”.*

Khi ấy, **Phạm Thí** liền dùng nước thơm tắm gội, mặc áo mới sạch, y theo Pháp viết chép Đà La Ni này, bỏ vào trong cái hộp rồi đặt ở trong búi tóc trên đầu. Nhà vua dùng **Đại Tùy Cầu Đà La Ni** này hộ thân, mặc áo giáp rồi đi ngay vào quân trận. Một mình nhà vua đánh nhau với bốn loại binh, giáng phục và khiến chúng quy hàng.

_ Đại Phạm nên biết **Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni** này là nơi gia trì của tất cả **Như Lai Tâm Ấn** nên có sự thần nghiệm to lớn. Ông nên thọ trì và phải biết Đà La Ni này ngang bằng với chư Phật. Sau này vào thời Mật Pháp sẽ vì những Hữu Tình: đoản mệnh, kém phước, không có phước, chẳng chịu tu phước.... mà làm lợi ích cho họ vậy.

_ Nay Đại Phạm ! **Đại Tùy Cầu Đà La Ni** này, y theo Pháp viết chép rồi cột trên cánh tay hoặc đeo dưới cổ. Nên biết người đó là **nơi gia trì của tất cả Như Lai**. Nên biết người đó ngang đồng với **Thân của tất cả Như Lai**. Nên biết người đó là **thân bền chắc của Kim Cương**. Nên biết người đó là **Thân của tất cả Như Lai Tạng**. Nên biết người đó là **con mắt của tất cả Như Lai**, nên biết người đó là **Thân ánh sáng rực rỡ của tất cả Như Lai**. Nên biết người đó là **giáp trụ bất hoại**. Nên biết người đó hay đập nát tất cả oán địch. Nên biết người đó hay thiêu đốt tất cả tội chướng. Nên biết người đó hay làm cho nẻo Địa Ngục được thanh tịnh.

Nay Đại Phạm ! Vì sao lại biết được như thế ? Khi xưa có một vị **Bật Sô** (Bhikṣu: Tỳ Khưu) mang Tâm hoại niềm tin trong sạch (Tĩnh Tín), làm nhiều điều vi phạm Chế Giới của Như Lai, ăn trộm tài vật của Tăng hiện tiền với vật của Tăng Kỳ Chúng, vật của Tứ Phương Tăng đem dùng làm của riêng. Sau đó bị bệnh nặng phải chịu sự khổ não lớn lao. Thời vị Bật Sô ấy không có người cứu tế nên kêu gào to tiếng.

Tức ở xứ đó có một vị **Ưu Bà Tắc** (Upāsaka: Cận Sự Nam) thuộc dòng **Bà La Môn** (Brahmaṇa) nghe tiếng kêu gào liền đi đến chỗ vị Bật Sô bị bệnh kia, khởi Tâm xót thương rộng lớn, liền vì vị Tăng ấy viết chép **Tùy Cầu Đại Minh Vương Đà La Ni** này rồi đeo dưới cổ vị Tăng. Vị Bật Sô ấy đều dứt hết mọi sự khổ não, chết ngay và bị đọa vào Địa Ngục **Vô Gian**. Thi hài của vị Bật Sô ấy được đưa vào trong cái Tháp nhưng trên thân vẫn đeo Đà La Ni đó. Do nhân ấy, khi vị Bật Sô vừa mới đọa vào Địa Ngục thì bao nhiêu sự đau khổ của kẻ thọ tội đều được chận đứng, thảy đều được an vui. Bao nhiêu ngọn lửa mạnh mẽ của **Địa Ngục A Tỳ** (Avīci) do sức Uy Đức của Đà La Ni này thảy đều tiêu diệt.

Bấy giờ **Ngục Tốt Diêm Ma** (Yama-purusa) nhìn thấy hiện tượng đó thì rất kinh ngạc, liền đến trình báo với **vua Diêm Ma** (Yama-rāja) và nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ tụng) rằng :

*“Nay Đại Vương nên biết
Việc này rất đặc biệt
Ở nơi hiểm ách lớn
Khổ não đều ngưng nghỉ
Nghiệp ác của chúng sinh
Ngọn lửa mạnh đều diệt
Cửa cắt tự dừng đứng
Đao kiếm chẳng thể hại
Cây đao và rừng kiếm
Các nỗi khổ giết mổ
Nồi nước nóng, ngục khác
Khổ não đều ngưng trừ
Diêm Ma (Yama) là **Pháp Vương** (Dharma-rāja)
Dùng Pháp trị Hữu Tình
Nhân duyên này chẳng nhỏ
Xin giúp tôi trừ nghi”*

_ Thời Đức vua Diêm La
Từ **Vô Bi Ngục Tốt**
Nghe việc như vậy xong
Liên nói lời như vậy :
“ Việc này thật kỳ lạ !
Đều do nghiệp sở cảm
Ngươi đến thành Mãn Túc
Xét xem việc thế nào ? “

_Ngục tốt nhận sắc lệnh
Ngay vào lúc đầu đêm
Phía Nam thành Mãn Túc
Nhìn Tháp của Bất Sô
Liên thấy trên thi hài
Đeo Chú **Đại Minh Vương**
Tuỳ Cầu Đà La Ni
Tỏa ánh hào quang lớn
Rực rỡ như đám lửa
Trời, Rồng với Dược Xoa
Chúng Tám Bộ vây quanh
Cung kính mà cúng dường
Thời **Ngục Tốt Diêm Ma**

Đặt hiệu **Tháp Tuỳ Cầu** (Pratisàrah: Đây là tên cái Tháp chứa thi hài của vị Tăng)

Khi ấy **Ngục Tốt Diêm Ma** (Yamapàla-purussa) quay về nơi vua ngự, trình bày đầy đủ sự việc trên với vua Diêm Ma: “Vị Bất Sô kia nương theo uy lực của Đà La Ni này mà tội chướng đều được tiêu diệt và được sinh về cõi **Tam Thập Tam Thiên** (Trayastrim'sa-deva). Nhân vì thân trước mà vị Trời này có hiệu là **Tuỳ Cầu Thiên Tử** (Pratisàra-devaputra)

_ Đại Phạm nên biết Đà La Ni này có uy lực to lớn . Ông nên thọ trì, viết chép, đọc tụng, y theo Pháp mà đội đeo ắt thường được xa lìa tất cả khổ não, tất cả nẻo ác và chẳng bị sấm sét gây thương hại.

Làm sao mà biết được?

Này Đại Phạm ! Ở thành **Hình Ngu Mật Đàn** có vị Trưởng Giả tên là **Vĩ Ma La Thương Khư** (Vimala-'saṅkha). Ông là nhà cự phú, kho tàng cất chứa đầy đầy vàng bạc với rất nhiều tiền gạo. Khi ấy Vị Trưởng giả đó là một vị thương chủ, ông dùng chiếc thuyền lớn đi vào biển để tìm kiếm báu vật. Lúc ở giữa biển lớn, ông gặp con cá **Đề Di** muốn phá nát thuyền. Vị Long Vương trong biển ấy lại sinh tâm giận dữ, khởi sấm sét lớn, gào thét tạo ra mây sấm và mưa đá Kim Cương.

Thời các thương nhân nhìn thấy cơn mưa đá sấm sét này đều buồn rầu phiền não và rất sợ hãi liền gấp rút kêu gọi cầu cứu nhưng vẫn không có ai đến cứu giúp.

Bấy giờ chúng thương nhân đến gặp vị thương chủ, khóc lóc bi than và nói rằng: *"Nhân Giả có kế sách nào cứu giúp cho chúng tôi xa lìa khỏi nỗi lo âu sợ hãi này chăng ? !..."*

Lúc đó vị thương chủ không hề sợ hãi. Nhờ chí tính kiên cố, có đại Trí tuệ nên khi thấy các thương nhân bị sợ hãi bức bách. Ông liền bảo rằng: *"Này các thương nhân! Các ông đừng sợ mà hãy khởi tâm mạnh mẽ cứng cáp. Nay tôi sẽ giúp các ông miễn trừ sự sợ hãi này"*

Các thương nhân ấy sinh tâm cứng mạnh, lại nói rằng: *"Đại thương chủ ! Nguyên xin mau chóng nói phương cách trừ tai nạn, khiến cho chúng tôi bảo tồn được mạng sống "*

Vị thương chủ ấy liền bảo các thương nhân rằng: *"Tôi có Đại Minh Vương tên là Tùy Cầu Đà La Ni, có thần thông to lớn hay giáng phục các điều khó điều phục. Nay tôi giúp các ông thoát khỏi sự ưu não này"*

Vị thương chủ liền viết chép Tùy Cầu Đà La Ni này đặt trên đầu cây phướng. Tức thời con cá Đê Di nhìn thấy chiếc thuyền này tỏa ánh sáng rực rỡ như đám lửa mạnh mẽ. Do **Đại Uy Lực Trí Hỏa** của Đà La Ni này thiêu đốt, con cá Đê Di liền tiêu tan. Các hàng Long Vương ấy nhìn thấy tướng này đều khởi Tâm từ, liền bay từ trên hư không xuống, rộng làm cúng dường và đưa chiếc thuyền này đến bãi chứa vật báu.

Này Đại Phạm ! Điều này đều do **Đại Trí Đại Minh Đại Tùy Cầu** dùng nơi gia trì Thần Lực của tất cả Như Lai cho nên có tên là **Đại Minh Vương** (Mahà-vidya-ràja).

Nếu có người viết chép Đà La Ni này, đặt ở đầu cây phướng trên thuyền thì hay chặn đứng tất cả gió ác, mưa đá, nóng lạnh không đúng thời tiết, sấm chớp, sét đánh. Hay chặn đứng sự kiện cáo tranh đấu của tất cả chư Thiên. Hay trừ tất cả muỗi mòng, Hoàng Trùng (loài sâu ăn lúa mạ) với các loài ăn lúa mạ khác...thủy đều lui tan. Hay làm cho tất cả loài thú mạnh ác có móng vuốt sắc bén chẳng thể gây hại. Hay khiến cho tất cả lúa mạ, hoa quả, cỏ thuốc thủy đều tăng trưởng hương vị và có thân thể tốt đẹp trơn láng. Nếu đất nước bị nạn khô hạn chẳng thể điều phục, do uy lực của Đà La Ni này thì Long Vương vui vẻ tuôn mưa đúng thời tiết.

Lại nữa Đại Phạm ! Nếu có nơi lưu bố Đại Tùy Cầu Đà La Ni này thì các Hữu Tình đã biết điều này, nên dùng hương hoa, phướng, lọng, mọi thứ cúng dường thượng diệu. Phải dùng vải lụa thù thắng bao bọc Kinh lại, đặt ở trong cái Tháp, hoặc đặt trên đầu cây phướng. Dùng mọi loại âm nhạc ca vịnh tán thán, nhiều quanh cúng dường, chân thành lễ bái. Át mọi việc suy tư, ước vọng mong cầu trong Tâm của các Hữu Tình ấy đều được mãn túc.

_ Nếu có thể y theo Pháp viết chép rồi đeo giữ trên thân thì mọi mong cầu đều được . Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái. Thai nhi an ổn lớn dần tròn đủ và sinh nở an vui.

Này Đại Phạm ! Làm sao mà biết được ? Xưa kia ở nước **Ma Già Đà** (Magadha) có vị vua tên là **Thí Nguyên Thủ** (? Pratisàra-pàni). Do nhân duyên gì

mà có tên là **Thí Nguyễn Thủ** ? Lúc vị vua ấy sinh ra, liền giơ tay nắm bầu vú của mẹ. Do bàn tay chạm vào vú mẹ thì bầu vú mẹ biến thành màu vàng, vú mẹ tăng trưởng tự nhiên và tuôn chảy sữa. Nếu có chúng nhân đi đến cầu xin thì nhà vua duỗi bàn tay phải, **khởi niềm tin trong sạch nơi Phật Bồ Tát** thì chư Thiên nghiêng rót mọi thứ trân bảo màu nhiệm đều nhập vào bàn tay của nhà vua mà ban cho người cầu xin. Tùy theo sự tu hành của người ấy mà đều được đầy đủ và đều thành tựu mọi sự an vui. Do nhân duyên ấy nên có tên là **Thí Nguyễn Thủ**.

Vị vua ấy vì cầu con nên cúng dường chư Phật với các Tháp Miếu nhưng cầu con chẳng được. Nhà vua giữ gìn Trai Giới, rộng bày **Vô Già Thí Hội**, rộng tu phước nghiệp hộ trì Tam Bảo, tu sửa chùa chiền bị phá hoại trong tương lai, làm một kho cất chứa.

Tại sao thế ? Này Đại Phạm ! Ta nhớ về thời quá khứ, ở quốc cảnh Ma Già Đà này trong thành **Câu Thi Na** (Ku'sinagara), phần lớn tụ lạc Đại Lực Sĩ đều theo giáo Pháp của Như Lai. Khi ấy có một vị Trưởng Giả tên là **Pháp Tuệ** (Dharma-mati) đối với tất cả chúng sinh khởi Tâm Đại Bi, vì các Hữu Tình nói Pháp yếu của Đại Tùy Cầu Đà La Ni này.

Ngay thời ấy, ở trong nhà Trưởng Giả có một người nghèo nghe được Pháp màu nhiệm này thì nói với Trưởng Giả Tử rằng: *“Trưởng Giả Tử ! Tôi ở trong nhà của ông làm việc, thường vui nghe Pháp. Tôi sẽ cúng dường Pháp này “*

Người nghèo túng ấy ở nhà của vị Trưởng Giả, làm đủ mọi việc, lại cúng dường Pháp. Về sau, lúc Trưởng Giả Tử ấy trao cho một đồng tiền vàng. Nhận xong, người ấy phát Tâm Bồ Đề muốn cứu giúp chúng sinh, rồi dùng Phước này hồi thí cho tất cả Hữu Tình. Người ấy liền đem đồng tiền vàng có được, cúng dường Đại Tùy Cầu Đà La Ni này và phát nguyện rằng: *“Dùng Phước xả thí này, nguyện cho tất cả Hữu Tình cất dứt được nghiệp nghèo túng“*.

Do nhân duyên này mà Phước xả thí ấy không hề chấm dứt. Như vậy phần lớn nhân duyên gieo trồng Phước là cúng dường chư Phật Bồ Tát.

Vì phước nghiệp này, Tịch Cư Thiên Tử hiện ở trong mộng báo cho nhà vua rằng: *“Nay Đại Vương có thể y theo Pháp, viết chép Tùy Cầu Đà La Ni này, khiến cho Đại Phu Nhân giữ Trai Giới và đeo giữ, ắt có con cái”*.

Khi tỉnh giấc, nhà vua cho triệu thỉnh một người xem tướng với chúng Bà La Môn có Trí, chọn ngày trực của Tú Diệu tốt, y theo Pháp giữ Trai Giới, viết chép Đà La Ni này khiến cho Phu Nhân đeo dưới cổ. Lại liền cúng dường Tháp Tốt Đồ Ba (Stupa:Tháp nhiều tầng), chư Phật Bồ Tát, rộng hành xả thí... Ứng thời có mang, đầy đủ ngày tháng sinh ra một đứa con đầy đủ sắc tướng đoan nghiêm thù thắng, người nhìn thấy đều vui vẻ.

Đại Phạm nên biết đây là uy lực của **Vô Năng Thắng Vô Ngại Đại Tùy Cầu Bảo Ấn Tâm Đại Minh Vương Đà La Ni**, là nơi cúng dường của tất cả Như Lai. Ai có mong cầu đều được vừa ý”

Lại bảo Đại Phạm: “Người nghèo làm công cho nhà Trưởng Giả Tử **Pháp Tuệ** lúc ấy chẳng phải ai xa lạ mà chính là Vua Thí Nguyễn Thủ vậy. Do đời quá khứ

xả thí một đồng tiền vàng, cúng dường Đại Tỳ Cầu Đà La Ni này rồi hồi thí cho tất cả Hữu Tình. Do nhân duyên ấy mà được Phước vô tận, nên thân đời sau được làm quốc vương, tin tưởng trong sạch nơi Tam Bảo, Tâm chẳng thoái lui, rộng hành xả thí, thành tựu **Đàn Ba La Mật** (Dàna-pàramità: Bố Thí Ba La Mật)”

PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO ẤN
TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG ĐẠI TỖY CẦU ĐÀ LA NI
QUYỂN THƯỢNG (Hết)

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dạ Xoa
Đến nghe Phật Pháp nên chí Tâm
Ứng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy
Bao nhiêu Hữu Tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm Từ
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở

_ Nguyên các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh
Bao nhiêu tội nghiệp thấy tiêu trừ
Xa lìa các khổ về Viên Tịch
Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng
Thường khoác áo Định để an thân
Hoa Diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở thường an lạc

Mật Tạng Bộ 3_ No.1153 (Tr.621_ Tr.632)

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH
NHƯ Ý BẢO ẤN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG
ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI
QUYỂN HẠ

(Bách Thiên Ấn Đà La Ni Kinh, đồng quyển, dịch khác)

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực ấp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Lại nữa Đại Phạm ! Lúc **Thiên Đế Thích** ('Sakra) đánh nhau với **A Tô La** (Asura) thì **Thiên Đế Thích** thường đem Đà La Ni này đeo giữ ở trong búi tóc trên đỉnh đầu nên chúng của Trời Đế Thích chẳng bị thương tổn, thường đắc thắng và an ổn quay về Cung.

Bồ Tát mới phát Tâm cho đến Bồ Tát ở **Cửu Cánh Địa**, đeo giữ thì hay xa lìa mọi thứ chướng nạn, nghiệp Ma.

Nếu có người đeo Đà La Ni này tức là nơi gia trì của tất cả Như Lai, là nơi hộ niệm của tất cả Bồ Tát. Tất cả người, Trời, quốc vương, vương tử, đại thần, Bà La Môn, trưởng giả thường luôn cung kính lễ bái thừa sự. Tất cả hàng **Trời** (Deva), **Rồng** (Nàga), **A Tô La** (Asura), **Nghiệt Lộ Trà** (Garuḍa), **Khẩn Na La** (Kinnara), **Ma Hầu La Già** (Mahoraga), **Nhân** (Maṇuṣya), **Phi Nhân** (Amaṇuṣya) đều cung kính người đeo giữ ấy. Tám Bộ Trời Rồng của nhóm ấy đều nói **người đó là bậc Đại Trượng Phu** (Mahā-puruṣa)

Đức Như Lai lại nói: ”*Kẻ trai lành, người nữ thiện ấy đều hay đập nát tất cả Ma Chướng, xa lìa tất cả bệnh tật, xa lìa tất cả tai hoạn, trừ tất cả ưu não, luôn là nơi thủ hộ của tất cả Trời Rồng* “.

_ Đức Phật bảo: “Này Đại Phạm ! Lại có bốn Đà La Ni gọi là **Vô Năng Thắng Phi Đại Tâm Chân Ngôn**. Nếu có ai viết chép, đeo móc trên thân thì thường nên tụng trì, thâm tâm suy tư **Quán Hạnh** ấy hay trừ bỏ mộng ác, việc chẳng lành, đều được thành tựu tất cả sự an vui.

_ “**An, A mật-li đa, phộc lệ, phộc la phộc la, bát-la phộc la, vĩ thú đệ, hồng hồng, phả tra phả tra, sa-phộc hạ**”

ॐ ऋमृग वर वरुं चवृ वृषुषं ॐ ॐ नमः ॐ न
OM_ AMṚTA VARE_ VARA VARA PRAVARA VI’SUDDHE_ HÙM
HÙM_ PHAT PHAT_ SVÀHÀ

_ “**An, A mật-li đa, vĩ lô chỉ nãnh, nghiệt bà, tăng la khát-sái ni, a yết li-sái ni, hồng hồng, phả tra phả tra, sa-phộc hạ**”

ॐ ऋमृग वृषुषेण गरु ऋं नमः ॐ ॐ नमः ॐ न
OM_ AMṚTA VILOKINI GARVHA_ SAMRAKṢAṆI ÆKARṢAṆI_ HÙM
HÙM_ PHAT PHAT_ SVÀHÀ

_ “**An, vĩ ma lê, nhạ dã, phộc lệ, a mật-li đế, hồng hồng hồng hồng, phả tra phả tra phả tra phả tra, sa-phộc hạ**”

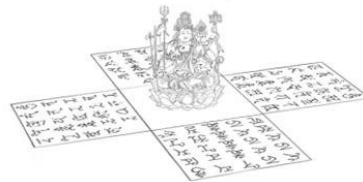
ॐ वमले जय वर ऋमृगं ॐ ॐ नमः नमः नमः नमः ॐ न
OM_ VIMALE JAYA VARE AMṚTE_ HÙM HÙM HÙM HÙM_ PHAT
PHAT PHAT PHAT_ SVÀHÀ

_ “**An, bả la, bả la, tam bả la tam bả la, ấn nại-li dã, vĩ thú đà nãnh, hồng hồng, lỗ lỗ tả lệ, sa-phộc hạ**”

ॐ नरुं संनरुं नोऽय वृषुषेण ॐ ॐ नमः नमः ॐ न
OM_ BHARA BHARA _ SAMBHARA SAMBHARA_ INDRIYA
VI’SODHANE_ RURU CALE_ SVÀHÀ

Vừa mới nói bốn Đại Đà La Ni này xong thì tất cả chư Phật, chư Đại Bồ Tát, Thanh Văn khác miệng cùng lời nói **Đại Tùy Cầu Đại Minh Vương Vô Năng**

Thắng Đà La Ni Giáp Trụ Mật Ngôn Cú này. Dùng Ấn của tất cả Như Lai, ấn lên. Đà La Ni này rất khó được nghe hưởng chỉ là viết chép, thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói. Chính vì thế cho nên biết đó là Đại Phật sự.



Đức Như Lai khen ngợi khôn cùng, nói lời tùy hỷ, rất khó được nghe tên của **Đại Tùy Cầu Đại Vô Năng Thắng Đà La Ni** này, rất khó được nghe, rất ư khó được, hay diệt hết các tội. Đại lực dũng kiện, đủ đại Uy Đức Thần Lực, hay sinh vô lượng Công Đức, hay đập nát tất cả Ma chúng, hay cắt đứt tất cả nhóm tập khí với Ma chướng. Hay trừ tất cả Chân Ngôn khác, chất độc, yểm đảo, *Dược Pháp* (Pháp về thuốc men), *Tướng Tăng Pháp* (Pháp trợ nhau oán ghét), *Giáng Phục Pháp*. Hay khiến cho chúng sinh có Tâm ác khởi Tâm Đại Bi. Hay giúp đỡ yêu thích người cúng dường chư Phật Bồ Tát Thánh chúng. Hay hộ giúp kẻ viết chép thọ trì đọc tụng, lắng nghe Kinh Điển **Đại Thừa** (Mahà-yàna), lại hay mãn túc việc tu **Phật Bồ Đề**.

Này Đại Phạm ! Trì **Đại Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đại Minh** này chẳng bị hoại nát, ở tất cả nơi được đại cúng dường giống như **Phật Đại Sư Lương Túc Tôn**. Làm sao biết được **Minh Vương** này hay nghiền nát tất cả Ma ?

Đại Phạm ! Vào thời quá khứ có Đức Phật tên là **Quảng Bác Vi Tiểu Diện Ma Ni Kim Bảo Quang diễm Chiếu Diệu Cao Dũng Vương** (Vipùla-pratita-vadana-sùktva- maṇi-kanaka-ratna-jvala-ra'smi-prabha-abhyuṅgata-ràja) **Như Lai Ứng Chính Giác**, lúc mới thành Đạo đi đến **Bồ Đề Trường** (Bodhi-maṇḍa, hay Bodhi-gaya) muốn chuyển **Pháp Luân** (Dharma-cakra), tất cả Như Lai xưng tán.

Bấy giờ tất cả Ma với vô lượng câu chi na dữu đa quyến thuộc vây quanh, hiện mọi loại hình, phát ra âm thanh đáng sợ, bày ra mọi loại Ma cảnh, hiện làm Thần Thông, tuôn mưa đủ loại khí tượng tràn khắp bốn phương để gây chướng nạn.

Khi ấy **Quảng Bác Vi Tiểu Diện Ma Ni Kim Bảo Quang Diễm Chiếu Diệu Cao Dũng Vương Như Lai** trong phút chốc tịch nhiên an trú, ý tụng **Đại Tùy Cầu Đại Minh Vương Vô Năng Thắng Đại Đà La Ni** này bầy biến.

Vừa tụng Đà La Ni này xong, trong khoảng sát na thì tất cả **Ma Ba Tuần** (Màra-pàpman, hay Màra-pàpiyàn) nhìn thấy từ mỗi một lỗ chân lông của Đức Như Lai ấy tuôn ra vô lượng câu chi trăm ngàn na dữu đa **Kim Cương sứ giả** (Vajra-ceta), thân mặc giáp trụ tỏa ánh hào quang lớn, đều cầm đao kiếm, búa, dây, gậy, côn, Tam Kích Xoa.... đều phát ra lời nói như vậy: “*Bất trối Ac Ma, nghiền nát loài có Tâm ác, chém đứt mạng của chúng, tán nát chư Ma đã gây chướng nạn cho Đức Như Lai, tức là tất cả ác Ma khó điều phục ấy*”

Dùng Đại Uy Lực của Như Lai, ở trong lỗ chân lông hiện ra vị **Đại Trưởng Phu** (Puruṣa). Các Chúng Ma ấy buồn thảm té lăn ra đất, đều bị mất: Tự Tính, Thần Thông, Biện Tài.... bỏ chạy tứ tán. Đức Như Lai dùng **cây kiếm Đại Từ** (Mahà-maitra-khaḍga) thắng được Ma cảnh thành **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi), liền chuyển **bánh xe Pháp của tất cả Như Lai** (Sarva-tathàgata-dharma-cakra) giống như tất cả Phật. Tất cả loài gây chướng, **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinàyaka), các Ma ác... thấy đều bị tội hoại. Đức Như Lai liền chuyển **bánh xe Pháp** (Dharma-cakra) vượt khỏi biển lớn sinh tử đến được **bờ bên kia** (Pàramita: ý nói là bờ giải thoát).

Như vậy Đại Phạm ! Đà La Ni này có thế lực lớn, hay được Thần Thông đi đến bờ bên kia. Nếu vừa mới nghĩ nhớ thì ở nơi hiểm nguy đều được giải thoát, vui thích thanh tịnh, Hữu Tình có **Tâm Ác** (Duṣṭa-citta) liền khởi **Tâm Đại Từ** (Mahà-maitra-citta). Chính vì thế cho nên, Đại Phạm thường nên ghi nhớ, **tác ý như lý**, y theo Pháp viết chép mà thường đeo giữ.

_ Lại nữa Đại Phạm ! Tại thành **Ô Thiên Na** (Ujayani) có vị vua tên là **Phạm Thí**. Thời ấy có một người phạm vào tội nặng, nhà vua ra lệnh giết chết kẻ ấy. Người nhận lệnh đem tội nhân ấy vào trong núi giết chết. Khi vào hang núi, người áp giải tội nhân liền vung đao tính chém chết thì Tội nhân kia, lúc trước có đeo **Tùy Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni** này ở cánh tay phải, nay Tâm lại ghi nhớ. Do uy lực của Đại Minh này nên cây đao ấy lóe ra ánh sáng giống như đám lửa rồi gãy ra từng mảnh giống như bụi nhỏ.

Khi nhìn thấy hiện tượng này, người đao phủ kinh ngạc chưa từng có. Liền trình báo đầy đủ cho nhà vua hay. Đức vua nghe xong, rất tức giận lại sai đao phủ đem tội nhân ấy đẩy vào hang Dục Xoa, ở trong hang ấy có rất nhiều **Dục Xoa** (Yakṣa) khiến cho chúng ăn thịt tội nhân này. Người áp lãnh nhận sắc của vua xong, liền đem tội nhân đẩy vào hang Dục Xoa. Khi tội nhân mới vào hang thì chúng Dục Xoa vui vẻ thích thú chạy vội đến phía trước muốn ăn thịt tội nhân ngay. Do tội nhân ấy đeo Đại Tùy Cầu, vì sức Uy Đức cho nên chúng Dục Xoa nhìn thấy trên thân thể của tội nhân ấy có ánh hào quang rực rỡ chiếu soi. Các chúng Dục Xoa rất sợ hãi đều nghĩ rằng: “*Lửa này muốn thiêu cháy chúng ta*“. Chúng Dục Xoa ấy thấy việc đẩy xong thì rất kinh sợ, liền đẩy tội nhân ra ngoài của hang rồi vây quanh lễ bái.

Khi ấy, Sứ giả lại trình báo đầy đủ cho vua hay. Nghe xong, nhà vua càng giận dữ hơn nữa, lại sai sứ giả cột tội nhân lại ném xuống sông sâu. Sứ giả vâng lệnh thi hành. Lúc tội nhân ấy vừa rơi xuống sông thì nước sông liền khô cạn giống như đất bằng (lục địa) và tội nhân kia liền đứng trên bờ, sợi dây cột trói tội nhân mỗi mỗi đứt đoạn từng mảnh.

Nhà vua nghe qua việc này thì rất kinh ngạc, vui vẻ mỉm cười, sinh đại kỳ đặc liền kêu tội nhân đến hỏi duyên cớ: “*Vì sao người lại thoát được nạn ?*”

Tội nhân đáp: “*Tâu Đại Vương ! Tôi không có thể tự giải thoát được (Sở dĩ tôi được thoát nạn) vì trên thân của tôi có đeo **Đại Tỳ Cầu Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đà La Ni***”

Vua liền khen ngợi: “*Thật là lạ lùng ! Đại Minh này quả là vi diệu hay đẹp tan tội chết* “. Rồi nói **Già Đà** (Gàthà) rằng :

“**Đại Minh** thật vi diệu !

Hay phá tan tội chết

Nơi chư Phật gia trì

Cứu giúp các Hữu Tình

Hay giải thoát bệnh khổ

Uy Đức của Đại Minh

Giải thoát sự chết yểu

Đại Bi Tôn đã nói

Hay chận bệnh tật lớn

Mau chứng **Đại Bồ Đề** (Mahà-bodhi)”

Bấy giờ nhà vua vui mừng hơn hở liền lấy **Tỳ Cầu** đó cúng dường lễ bái và đem vải lụa cột trên đầu người bị tội, ban cho dây lụa Quán Đỉnh và xưng là **Thành Chủ** (Pháp của 5 nước Thiên Trúc. Nếu nhận vinh dự của chức quan (quan vinh) đều dùng vải lụa cột trên đầu, Quán Đỉnh, sau đó mới nhận chức)

Như vậy Đại Phạm ! **Đại Tỳ Cầu Vô Năng Thắng Đại Đà La Ni** này. Nếu có người đeo cột thì ở tất cả nơi chốn đều được đại cúng dường. Nếu chúng sinh có Tâm ác khó điều phục, đều khởi Tâm Từ và cùng nhau thuận phục. Vì thế nên thường đeo giữ Đại Đà La Ni này.

_ Lại nữa Đại Phạm ! Nếu muốn đeo Đà La Ni này thì nên lựa ngày tốt, Tú tốt, giờ tốt... y theo Pháp viết Đà La Ni này

Thời Đại Phạm Vương nghe lời dạy đó xong thì rất vui vẻ, cúi năm vóc sát đất, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật rồi bạch Phật rằng: “Thế Tôn ! Dùng phương pháp nào để viết chép **Đại Tỳ Cầu Vô Năng Thắng Đà La Ni** này ?”

Bấy giờ Đức Như Lai liền nói **Già Đà** bảo Đại Phạm rằng :

“_ Đại Phạm ! Ông nên biết

Nay Ta vì ông nói

Thương nhớ các Hữu Tình

Khiến được an vui lớn

Mau lìa nghiệp bức bách

Giải thoát các bệnh tật
 Phụ nữ được mang thai (Người cầu con được như ý)
 Hữu Tình lia nghèo túng
 Nghiệp khốn khó đều trừ
 _ Nên vào giờ **cát Tú** (Sao Tú trực tốt)
 Bày *sa tú* (Tinh tú làm bằng cát) tương ứng
 Cần phải giữ Trai Giới
 Mà cúng dường chư Phật
 Phát Tâm Đại Bồ Đề
 Lại sinh Tâm Bi Mẫn
 Với khởi Tâm Đại Bi
 Nghĩ lợi ích cho người
 Khấp các loại Hữu Tình
 Hương Long Não, **Chiên Đàn** (Candana)
 Dùng nước hương này tắm
 Mặc quần áo mới sạch
 Liền đốt hương xông ướp
 Nên dùng **Cù Ma Di** (Komayì: phân bò)
 Tô **Mạn Trà La** (Maṇḍala) nhỏ
 Nên lấy năm Hiền Bình
 Đều chứa đầy nước thơm
 Cắm các loại hoa quả
 Đặt ở bốn góc Đàn
 Còn một cái giữa Đàn
 Vòng hoa với hương đốt
 Với hương xoa màu nhiệm
 Nên đốt Ngũ Vị Hương
Đàn hương, Táp Tất Ca
Tô Hợp, Trâm, Thạch Mật
 Hòa hợp rồi thiêu đốt
 Đủ mọi thứ diệu hoa
 Các hoa quả, hạt giống
 Tùy thời đem cúng dường
 Hương xoa dùng nghiêm sức
 Tô, Mật với sữa, Lạc
 Miến, Lúa và cháo sữa
 Chứa đầy vật cúng dường
 Ứng lượng đều tốt lành
 Dùng chén bát sứ chứa
 Bốn góc đầy mùi thơm
 Cọc gỗ **Khư Đà La** (Khadira)
 Đóng ở bốn góc Đàn
 Dùng chỉ Ngũ Sắc cột

_ Ở ngoài bốn góc Đàn
Đại Phạm dùng Nghi này
Nếu cầu xin **Tất Địa** (Siddhi)
Nên ăn *Tam Bạch Thực* (3 thức ăn màu trắng)
Vẽ người **Tùy Cầu** này
Nên ngồi ở trong Đàn
Trải chiếu bằng tranh cói
Y Pháp mà tô vẽ
Hoặc lụa trắng, lụa màu
Hoặc dùng vỏ cây hoa
Hoặc lá hoặc vật khác
Viết **Đà La Ni** này

_ Người nữ cầu xin con
Nên dùng **Ngưu Hoàng** vẽ
Chính giữa đặt **Đồng Tử** (Kumàra)
Anh Lạc trang nghiêm thân
Bát chứa đầy trân bảo
Dùng tay trái cầm giữ
Ngồi ngay trên hoa sen
Lá sen đều nở rộng
Lại ở góc phía Tây
Tô vẽ bốn núi báu
Dùng vàng báu tô núi
Ân cần nên tô vẽ
Hay khiến thai an ổn

_ Trượng Phu cầu xin con
Nên dùng **Uất Kim** (màu vàng nghệ) vẽ
Ắt việc mong cầu ấy
Thấy đều được thành tựu

_ Ở bốn mặt Chân Ngôn
Nên vẽ mọi loại Ấn
Lại vẽ đóa hoa sen
Hoặc hai, hoặc ba, bốn
Cho đến năm hoa sen
Hoa ấy đều hé nở
Tám cánh đủ râu nhụy
Cuống hoa dùng lụa buộc
Trên hoa vẽ **Tam Kịch**
Trên **Kịch** lại buộc lụa

Lại vẽ cây búa lớn (Phủ việt)
Cũng ở trên hoa sen
Lại vẽ hoa sen trắng
Bên trên vẽ cây kiếm
Lại ngay trên hoa sen
Tô vẽ ngay **Thượng Khư** (‘Saṅkha: vỏ ốc)
Các hoa sen đã vẽ
Đều ở trong ao báu

_ Nếu Trưởng Phu đeo giữ
Chẳng nên vẽ **Đồng Tử**
Nên vẽ hình người Trời
Mọi thứ báu trang nghiêm

_ Nếu Đế Vương đeo giữ
Chính giữa nên tô vẽ
Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokite’svara)
Lại ở nơi bốn mặt
Vẽ mọi loại **Ấn Khế**

_ Nếu là **Bật Sô** (Bhikṣu: Tỳ khưu) đeo
Nên vẽ **Trì Kim Cương** (Vajra-dhàra)
Phải: cầm chày Kim Cương
Quyển trái dựng ngón trở
Nghĩ loài khó điều phục
Lại nên ở bốn góc
Vẽ bốn vị **Thiên Vương**

_ **Bà La Môn** (Bràhmaṇa) đeo giữ
Tô vẽ **Y Xá Na** (Ī’sana: Tự Tại Thiên)

_ Nếu **Sát Lợi** (Kṣatriya) đeo giữ
Vẽ **Ma Hê Thủ La** (Mahe’svara: Đại Tự Tại Thiên)

_ Nếu **Tỳ Xá** (Vai’sya) đeo giữ
Tô vẽ **Thiên Đế Thích** (Indra)
Hoặc vẽ **Tỳ Sa Môn** (Vai’sravaṇa)

_ Nếu **Thủ Đà** (‘Sùdra) đeo giữ
Nên vẽ **Na La Diên** (Nàràyaṇa)
_ Đồng nam hoặc đồng nữ

Vẽ **Ba Xà Ba Đề** (Prajapati: Sinh Chủ, tên của vị Phạm Thiên)

_ Người nữ sắc xanh, đeo
Vẽ **Lô Đà La Thiên** (Rudra)

_ Người nữ sắc trắng, đeo
Nên vẽ **Danh Xưng Thiên**

_ Nếu người nữ mập béo
Nên vẽ **Bảo Hiền Tướng** (Maṇi-bhadra)

_ Người nữ gầy ốm, đeo
Vẽ **Mãn Hiền Dược Xoa** (Pūrṇa-bhadra-yakṣa)

_ Nếu phụ nữ mang thai
Nên vẽ **Đại Hắc Thiên** (Mahà-kàla)
Hoặc vẽ **Phạm Thiên Vương** (Brahma-deva-ràja)

_ Như vậy các loại người
Đều vẽ Bản Sở Tôn
Y Pháp mà vẽ chép
Thường đeo ở trên thân
Mong cầu đều như ý

_ Vàng, đồng làm Hoa Sen
Ở trên đặt **Bảo Châu**
Như Ý (Cintà-maṇi), hình rực lửa
Đặt trên đầu cây phượng
Ở trong viên ngọc này
An trí **Đại Tùy Cầu**
Ở trong Tùy Cầu đấy
Vẽ vị **Chủ Ấp Thành**

_ Nếu nhà cửa của mình
Dựng **Tùy Cầu Sát** (cây cột Tùy Cầu) này
Thì vẽ *Bản gia chủ* (chủ nhà)
Ở bốn mặt Tùy Cầu
Chung quanh vẽ hoa sen
Ở trên nhụy thai hoa
Vẽ một **sợi dây lụa** (Pà'sa)
Chày Kim Cương (Vajra), **bánh xe** (Cakra)

Cây bồng (Daṇḍa), **Xước Khất Để** ('Sakti)
Các Khế Ấn như vậy
Đều ngay trên hoa sen
Trên **Sát** (cây cột) treo phan lỵ
Nên như Pháp cúng dường
Do **Tùy Cầu Sát** (Cây cột Tùy Cầu) này
Hay hộ nước, thành, ấp
Với hộ giúp gia tộc
Trừ diệt hết tai hoạ
Ôn dịch, các bệnh tật
Đói khát chẳng lưu hành
Kẻ địch khó xâm hại
Quốc thổ đều an vui

_ Nếu gặp trời quá nắng
Hoặc lúc mưa ứ trệ
Nên vẽ **Rồng** chín đầu
Trên đầu có *bảo châu*
Tỏa ra ánh lửa mạnh
Ngay trên tim của **Rồng**
Vẽ một chày **Kim Cương**
Ở bốn mặt thân **Rồng**
Vẽ **Đại Tùy Cầu** này
Đặt ở trong cái rương
Cũng đặt trên cột phượng
Ứng thời tuôn mưa ngọt (Cam Vũ)
Mưa ứ trệ liền tạnh

_Thương Chủ dẫn mọi người
Hoặc dưới nước trên bờ
Các thương nhân đeo giữ
Nên vẽ hình **Thương Chủ**
Như trước đặt trên cột
Lìa giặc cướp, sợ hãi
Thảy đều đến bờ kia
Vì thế nên siêng năng
Đeo giữ và đọc tụng
Cát tường diệt các tội

_ Nếu là người niệm tụng
Nên vẽ **Tôn** của mình

_ Nếu **Nhật** (Sùrya), **Nguyệt** (Soma), **Huỳnh Hoạch** (Aṅgàraka: Hỏa Tinh)
Thần Tinh (Budha: Thủy Tinh) với **Tuế Tinh** (Vṛhaspati: Mộc Tinh)
Thái Bạch ('Sukra:Kim Tinh) và **Trần Tinh** ('Sanai'scara: Thổ Tinh)
Tuế (Ketu: Sao chổi) và **La Hầu Diệu** (Ràhu: Hoàng Phan Tinh, Thực Thần)
Nhóm **Cửu Cháp** (Nava-graha) như vậy

Lấn bức **Bản Mệnh Tú**

Gây ra các tai họa

Thảy đều được giải thoát

_ Hoặc có người Thạch Nữ (Phụ nữ không thể sinh con)

Phiến Xá Bán Xá Ca

Các loại người như vậy

Do đeo Đại Tùy Cầu

Liên có thể có con

Nếu loại này đeo giữ

Nên vẽ **Cửu Cháp Diệu** (Nava-graha)

Hai mươi tám Tú Thiên (Aṣṭa-vim'satìnàṃ-nakṣṭràṇàṃ)

Giữa vẽ hình người đó

Mong cầu đều như ý

Như Thế Tôn đã nói

Đắc được nơi tối thắng

Đời này và đời khác

Thường được vui thù thắng

Ba mươi ba cung Trời

Tùy ý liền sinh vào

Vui thích **Thiểm Bộ Châu** (Jambù-dvipa)

Nhà Tộc Tính tối thắng

Được sinh vào Tộc ấy

Hoặc sinh **Sát Lợi Thiên**

Hoặc nhà **Bà La Môn**

Do đeo Đại Tùy Cầu

Sinh nơi thù thắng này

_ Viết chép, giữ, đọc tụng

Y Pháp mà đeo giữ

Sinh về **cõi An Lạc** (Sukhavatì: Cực Lạc)

Hóa sinh trong hoa sen

Quyết định chẳng nghi ngờ

Tất cả chư Như Lai

Khen ngợi công đức này

Xưng dương không cùng tận

Đóng chặt cửa Địa Ngục

Hay mở các lối Trời (thiên thú)

An vui đều thành tựu
Trí Tuệ đều viên mãn
Chư Phật và Bồ Tát
Thường an ủi người ấy
Thân thường nhận khoái lạc
Mạnh khỏe có Đại lực
Như Lai thành thật nói
Sẽ được **Chuyển Luân Vị** (Địa vị Chuyển Luân Thánh Vương)
An ủi chúng Trời người
Loài Tâm ác kinh sợ

_Tu **Đà La Ni** này
Chẳng lâu sẽ đắc được
Chẳng bị đao gậy thương
Thuốc độc và nước, lửa
Thả đều chẳng thể hại
Phi mệnh và chết yếu
Các tội đều xa lìa
Thấy, nghe và chạm thân
Ở tất cả thời xứ
Quý My với đấu tranh
Sợ hãi... đều tiêu diệt
Trùng ác với rắn độc
Ngục tù đều giải thoát
Mọi loại tật bệnh nặng
Thả đều trừ diệt hết

_ Do tu trì **Minh** này
Ở các chúng **Ma La** (Màra: chướng ngại, loài Ma)
Không ngại, được thông đạt
Hay ở tất cả chốn
Đều được cúng dường lớn
Trong người được tối thắng
Gia hộ tu Chân Ngôn

TU HÀNH TÙY CẦU ĐẠI HỘ MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI
PHẨM THỨ HAI

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Đại Phạm, nói **Già Đà** (Gàthà: Kệ tụng) rằng:
“_ Nay Ta vì ông nói
Người tu hành Trì Minh
Nói nghi tắc gia hộ
Thương nhớ các Hữu Tình
Do sự ủng hộ này
Đắc được thành tựu lớn
Các phương xứ cư ngụ
Dùng làm **Gia Trì** này
Đắc được *Vô Chướng Ngại* (không có chướng ngại)
Tâm quyết định không nghi
Không sợ không nhiệt não
Trừ diệt tất cả *My*
Tùy thuận nơi **Tú** (Nakṣatra) **Diệu** (Grahà)
Hay đoạn Nghiệp *câu tỏa* (xiềng xích cột trời)
Ác thực (thức ăn ác), *ác khiêu mạch* (việc ác đột ngột xảy ra)
Yếm Thư... đều tiêu diệt
Chẳng bị các **oan gia** (‘Satrà)
Lấn hiếp gây thương tích
Ác thị (mắt nhìn lộ vẻ hung ác) với áp đảo
Chú, thuốc với **Cổ Độc**
Nơi nguy hiểm, địch quân
Nơi oán địch đáng sợ
Tất cả đều tiêu dung

_ Do sức Đại Tùy Cầu
Chư Phật đều ủng hộ
Nhất Thiết Trí Bồ Tát
Thả đều làm gia hộ
Duyên Giác và Thanh Văn
Với nhiều chủng loại khác
Trời Rồng đại uy đức
Đều cùng nhau ủng hộ

_ Người tụng Mật Ngôn này
Do mới nghe điều này
Minh Vương Tối Thắng Tôn
Tất cả nơi Vô úy (không sợ hãi)
Mâu Ni (Munì) nói điều này
Mộng ác, việc làm ác
Sự bức bách cực ác
Bệnh tật vây quần thân

Bệnh gây tiêu xương thịt
Với nhiều loại bệnh khác
Đinh sang (Ung nhọt) các độc thũng (Gân thịt sưng vù lên)
Ác chú (bệnh về mùa Hè) với tai họa
Cắn nhai các Hữu Tình
Làm Hữu tình tổn hại
Việc đáng sợ, hại lớn
Thầy đều được trừ diệt
Do gia hộ Đại Minh
Dùng **Minh** này gia hộ
Sắp chết, được giải thoát

_ Nếu dùng dây lụa đen
Đem đến **cung Diêm Ma** (Yama-pura)
Mệnh lại tăng tuổi thọ
Do viết đeo **Đại Hộ**

_ Nếu người hết tuổi thọ
Sau bảy ngày sẽ chết
Vừa vẽ đeo Minh này
Vô Thượng Đại Gia Hộ

_ Hoặc nếu vừa nghe qua
Y theo Pháp gia trì
Nơi nơi được an ổn
Tùy ý nhận an vui

_ Sáu mươi tám Câu Chi
Một trăm Na Dữu Đa
Ba mươi ba chư Thiên
Trợ giúp cho Đế Thích
Đến hộ giúp người này
Tùy đi theo gia hộ

_ Bốn **Đại Hộ Thế Vương** (Mahà-loka-pàla-ràja)
Kim Cương Thủ (Vajra-pàni), **Đại Lực** (Mahà-bala)
Một trăm **Minh Tộc Chúng** (Vidya-kulàya-gaṇa)
Thường gia hộ người ấy

_ **Nhật Thiên** (Àditya-deva) và **Nguyệt Thiên** (Candra-deva)
Phạm Vương (Brahma-ràja) và **Tỳ Nữ** (Viṣṇu)
Tự Tại (Ì'sana), **Dạ Ma Thiên** (Yama-deva)
Bảo Hiền (Maṇi-bhadra) với **Lực Thiên** (Bala-deva)
Mãn Hiền (Pūrṇa-bhadra), **Đại Dũng mãnh** (Maha-vira)

Ha Li Đế (Hartye) cùng Con
Bán Già La (Pañcala), **Bán Chi** (Pañcika)
Câu Ma La Chúng Chủ (Kumàra-gaṇapati)
Cát Tường Đại Minh Phi ('Sri-mahà-vidya-rājñi)
Đa Văn (Vai'sravaṇa) và **Biện Tài** (Sarasvatì)
Thương Khí Ni ('Samkhini), **Hoa Xỉ** (Puṣpa-danti)
Nhất Kế (Eka-jāta), **Đại Uy Đức** (Mahà-teja)
Đại Dược Xoa (Mahà-yakṣa) như vậy
Thường thường sẽ ủng hộ

_ Thạch nữ ngưng sinh con
Mang thai đều tăng trưởng
Thường gia hộ người ấy
Cho đến giữ thọ mệnh

_ Trượng Phu thường được thắng
Nơi chiến đấu sợ hãi
Do mãn các nguyện này
Do y **Tịnh Tín Thiên**
Các tội đều tiêu diệt

_ Do viết **Đại Minh** này
Chư Phật thường quán sát
Đại uy đức Bồ Tát
Danh xưng ấy tăng trưởng
Phước thọ cũng như thế
Tài cốc (tiền của lúa gạo) đều phong thịnh
Đắc được thấy không nghi
Ngủ nghỉ và thức tỉnh
Thấy đều được an vui
Oan gia và Quý Thân
Đều chẳng dám hủy hoại
Lúc đang ở chiến trường
Thường đều được đắc thắng

_ Nếu lúc tu Mật Ngôn
Hộ này là tối thắng
An vui tu các **Minh**
Đều được không chướng ngại
Tất cả **Mật Ngôn Giáo**
Thấy đều được thành tựu

Thâm nhập tất cả **Đàn** (Maṇḍala)
Mau thành **Tam Muội Gia** (Samaya)
Cho đến ở đời sau
Chư Phật đều ủy ký (giao phó việc)

_ Do trì **Đại Hộ** này
Các Cát tường đều mãn
Ý nguyện đều thành tựu

_ Do mới viết **Minh** này
Tất cả vui (lạc) phong thịnh
An vui buông tuổi thọ
Ắt sinh về nẻo lành (Thiện Thú)

_ Muốn sinh cực lạc quốc
Trì đeo **Minh Vương** này
Quyết định không nghi hoặc

_ Đấu tranh nơi kiện cáo
Trong chiến trận đáng sợ
Đều xa lìa sợ hãi
Như Phật thành thật nói
Thường được **Túc Mệnh Trí**
Đời đời đều không nghi
Quốc vương đều vui vẻ
Quyến thuộc với Hậu Cung
Hết thấy thường cung kính
Thường hoà cùng người thiện
Thấy đều sinh thương xót
Người cùng với chư Thiên
Khiến chở che giúp đỡ
Suốt cả ngày lẫn đêm
Đại Hộ Thành Tựu Minh
Đẳng Chính Giác đã nói

Bấy giờ Đức Bạc Già Phạm liền nói **Tuỳ Cầu Đại Hộ Minh Vương Đại Tâm Đà La Ni** là:

“**Nãṃ mô mẩu đà gia** (NAMO BUDDHÀYA)
Nãṃ mô đạt ma dã (NAMO DHARMÀYA)
Ná mạc tăng già dã (NAMAḤ SAṂGHÀYA)

Năng mô Bà nga phộc đế, xả chỉ-dã mẫu năng duệ, ma ha ca lố ni ca dã, đát tha nghiệt đát dạ la-ha đế, tam miệu tam mẫu đà dã (NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUNÀYE MAHÀ KÀRUṆIKÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA)

Ná mạc táp đáp tỳ-duợc tam miệu tam một đệ tỳ-duợc (NAMAḤ SAPTABHYAḤ SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ)

Ế sam, ná mạc sa khát-lị đát-phộc (EṢÀṂ NAMAḤ SKṚTVÀ)

Mẫu đà xả bà năng vật-lã đà duệ (BUDDHA 'SASANA VṚDHAYE)

A hạ nhĩ ná nãnh-dần (AHAMIDÀNÝÀṂ)

Tam bát-la phộc khát-sái mính (SAMPRAVA KṢA ME)

Tát phộc tát đát-phộc nộ kiếm bả dạ (SARVA SATVÀ DAKAṂPAYA)

I hàm vĩ niệtm, ma hạ đế nghệ (IMÀṂ VIDYA MAHÀ TEJÌ)

Ma hạ ma la bả la khát-la hàm (MAHÀ MÀLA PARÀKRA MÀṂ)

Duệ thấp bà sử đam ma đát-la điểm (YE ṢYAM BHIṢITAM MÀTRÀYAM)

Phộc nhật-la sa năng ma nãnh sử tị (VAJRÀSANA MANIṢIBHI)

Cật-la hạ tát phệ vĩ năng dã ca (GRAHA SARVE VINÀYAKA)

Thất-chế phộc đắc khát-sái noa, vĩ la đựng tát đá ('SCA VATA KṢAṆA VIRAYAM GATA)

Đát nễ dã tha (TADYATHÀ)

Nghi lị, nghi lị, nghi lị ni (GIRI GIRI GIRIṆI)

Nghi lị phộc đế (GIRI VATI)

Ngu noa phộc đế (GUṆA VATI)

A ca xả phộc đế (ÀKÀ'SA VATI)

A ca xả truật đệ (ÀKÀ'SA 'SUDDHE)

Bá bả vĩ nga đế (PÀPA VIGATE)

A ca thể nga nga năng đát lê (ÀKÀ'SE GAGANA TALE)

A ca xả vĩ tá lị ni (ÀKÀ'SA VICÀRIṆI)

Nhập-phộc lý đa thất lệ (JVALITA 'SIRE)

Ma ni mục khát-để khư (MAṆI MUKTI KHA)

Tức đa mạo lý đà lệ (CITTA BOLI DHARE)

Tô kế thế (SUKE'SE)

Tô phộc khát-đát-lê (SOVAKTRA)

Tô mật đát-lê (SUNÌTRÌ)

Tô vạt la-noa mạo lý (SUVARṆA BOLI)

A đế đế , a nễ đáp-bán ninh ma năng nghiệt đế (ATÌTE AṆATMAMṆI MANA GATE)

Bát-la đế-luật đáp-bán ninh (PRATYUTMAMṆI)

Năng mạc tát phệ sam mẫu đà nam (NAMAḤ SARVAṢÀṂ BUDDHÀNÀṂ)

Nhập-phộc lý đa đế nhạ tam mẫu đệ (JVALITA TEJA SAMBUDDHE)

Tố mẫu đế (SUBUDDHE)

Bà nga phộc đế (BHAGAVATE)
Tố la khất-sái minh (SURA KṢAṆI)
Tố khất-sái minh (SUKṢA ME)
Tố bát-la bệ (SUPRABHE)
Tố ná minh (SUDAME)
Tố nan đế (SUNÀMTE)
Tả lệ (CARE)
Bà nga phộc đế (BHAGAVATE)
Bả nại-la phộc đế (BHADRA VATI)
Bả nại-lệ , tố bả nại-lệ (BHADRE SUBHADRE)
Vĩ ma lê nhạ dã bặt nại-lệ (VIMALE JAYA BHADRE)
Bát-la tán noa tán nị (PRACAṆḌA CAṆḌI)
Phộc nhật-la tán nị (VAJRA CAṆḌI)
Ma hạ tán nị (MÀHÀ CAṆḌI)
Kiểu lệ (GAURI)
Hiến đà lệ (GANDHÀRI)
Chế tán noa lý (CERI CAṆḌALI)
Ma đặng nghĩ (MATAMGI)
Phó yết tư xả phộc lệ nại-la nhĩ nị (PUKASI 'SÀVARI DRAMIṆḌI)
Lao nại-lị ni (RAUDRIṆI)
Tát phộc la-tha sa đà nãnh (SARVÀRTHA SÀDHANE)
Hạ năng hạ năng, tát phộc thiết đốt-lỗ nãm (HANA HANA _ SARVA
 'SATRÙNÀM)
Nhược hạ nhược ha (DAHA DAHA)
Tát phộc nốt sắt-tra nam (SARVA DUṢṬANÀM)
Tất lệ đa (PRETA)
Tỷ xá tả (PI'SÀCA)
Noa chỉ nãnh nam (DÀKINÌNÀM)
Ma nộ sái (MANUṢYA)
Ma nộ sái nãm (AMANUṢYANÀM)
Bả tả bả tả (PACA PACA)
Hột-lị nãi diêm vĩ đà-võng sa dã nhĩ vĩ đam (HRDAYA VIDHVAMṢAYA
 JĪVITAM)
Tát phộc nốt sắt-tra ngật-la hạ nãm (SARVA DUṢṬA GRAHÀNÀM)
Năng xả dã năng xả dã (NÀ'SAYA NÀ'SAYA)
Tát phộc bá bả nãnh minh (SARVA PÀPAN IME)
La khất-sái, la khất-sái hàm (RAKṢA RAKṢA MÀM)
Tát phộc tát đát-phộc nan tả (SARVA SATVANÀMCA)
Tát phộc bà dữu bát nại-la phệ tỷ-dược (SARVA
 BHAYOPADRAVEBHYAḤ)
Tát phộc nốt sắt-tra nam (SARVA DUṢṬANÀM)
Mãn đà năng củ lỗ (BANDHANAM KURU)

Tát phộc chỉ lý-vĩ sái năng xả nãnh (SARVA KILIṢA NĀ'SANI)
Mạt đa nan nị ma nãnh nãnh, tả lê để trí để trí nãnh (MĀTA NAṆḌI MĀNINI CALE TITI TITINI)
Đốt lai cụ la ni vị la ni (TUṬAI GHORAṆI VĪRAṆI)
Bát-la vạt la tam ma lệ (PRAVARA SAṀMARE)
Tán noa lý (CANDARI)
Ma đặng kỳ (MATAMGI)
Vạt tạt tư, tố mẫu lỗ yết tư xả phộc lệ hưởng ca lệ nại-la vĩ nị (VACASI SUMURU PUKASI 'SAVARI 'SAMKARI DRAVINḌI)
Nhược hạ nãnh bả tả nãnh mạt ná nãnh (DAHANI PACANI MADANI)
Tát la tát la lê (SARA SARALE)
Tát la lãh bệ tứ năng (SARALAMBHE HĪNA)
Mạt địa-dữu đắc-khất sắt-tra (MADHYOKRṢṬA)
Vĩ ná lệ ni vĩ đà lệ ni ma tứ lý (VIDĀRIṆI VIDHĀRIṆI MAHĪLI)
Ma hộ ma hộ lý nãnh (MAHO MAHOLINI)
Nghiệt nãi nãnh, nghiệt noa bạng tế (GAṆENI GAṆA PACE)
Mãn đế mãn đế nãnh (BATI BATINI)
Mãn đế chước khát-la chỉ nãnh (BATI CAKRA KINI)
Nhạ lê tổ lê (JALE CULE)
Xả phộc lệ xả ma lệ xả phộc lệ ('SĀVARI 'SAMARI 'SĀVARI)
Tát phộc nhĩ-dã địa hạ la ni (SARVA VYADHI HĀRAṆI)
Tổ nị tổ nị nãnh (CONḌI CONḌINI)
Nãnh nhĩ nãnh nhĩ nãnh một (NIMI NIMINI NIMIM)
Đà lệ để-lệ lộ ca nhạ hạ nãnh (DHARI TRILOKA JAHANI)
Để-lệ lộ ca lộ ca yết lệ (TRILOKA LOKA KARI)
Đát-lạt đà đồ ca (TRAIDHĀTUKA)
Nhĩ-dã Phộc lộ chỉ nãnh (VYĀVALOKINI)
Phộc nhật-la bả la thú bả xả khát nga chước khát-la để-lệ thú la chấn đá ma ni (VAJRA PARA'SŪ PĀ'SA KHADGA CAKRA TRI'SŪLA CINTĀMAṆI)
Ma hạ vĩ nễ-dã đà la ni (MAHĀ VIDYA DHĀRAṆI)
La khát-sái, la khát-sái hàm (RAKṢA RAKṢA MĀM)
Tát phộc tát đát-phộc nan tả (SARVA SATVANĀMCA)
Tát phộc đát-la , tát phộc sa-tha năng nghiệt đát tả (SARVATRĀ SARVA STHANA GATAṢYA)
Tát phộc nốt sắt-tra bà duệ tỳ-dược (SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ)
Tát phộc ma nộ sái ma nộ sái bà duệ tỳ-dược (SARVA MANUṢYA AMANUṢYA BHAYEBHYAḤ)
Tát phộc vĩ-dã địa tỳ-dược (SARVA VYADHIBHYAḤ)
Phộc nhật-lệ phộc nhật-la phộc để (VAJRE VAJRA VATI)
Phộc nhật-la bá ni đà lệ (VAJRAPĀṆI DHĀRE)
Tứ lý tứ lý (HILI HILI)

Nhĩ lý nhĩ lý (MILI MILI)
Tức lý tức lý (CILI CILI)
Tất lý (SILI)
Phộc la phộc la phộc la nễ (VARA VARA VARANI)
Tát phộc đất-la nhạ dã lập đệ_ Sa-phộc hạ (SARVATRÀ JAYA LAMDHII_ SVÀHÀ)
Bá bả vĩ ná la ni (PÀPA VIDÀRANI)
Tát phộc nhĩ-dã địa ha la ni_ Sa-phộc hạ (SARVA VYÀDHI HÀRANI_ SVÀHÀ)
Tát phộc đất-la bà dã hạ la ni_ sa-phộc hạ (SARVATRÀ BHAYA HÀRANI_ SVÀHÀ)
Bổ sất-trí sa-phộc sa-để bà phộc đồ ma ma (...) Sa-phộc hạ [PUṢṬI SVASASTIRBHAVATU MAMA (.....) SVÀHÀ]
Phiến để_ Sa-phộc hạ ('SÀNTI SVÀHÀ)
Bổ sất-trí_ Sa-phộc hạ (PUṢṬI SVÀHÀ)
Nhạ dã đô nhạ duệ nhạ dã phộc để (JAYA TUJAYE JAYAVATI)
Nhạ dã vĩ bổ la vĩ ma lê_ Sa-phộc hạ (JAYA VIPULA VIMALE_ SVÀHÀ)
Tát phộc đất tha nghiệt đa, địa sất-xá năng, bố la-để_ Sa-phộc hạ (SARVA TATHÀGATA ADHIṢṬANA PURTI_ SVÀHÀ)
Án_ Bộ li bộ li phộc nhật-la phộc để (OM_ BHURI BHURI VAJRAVATI)
Đất tha nghiệt đa hột-li nãi dã bố la ni tán đà la ni (TATHÀGATA HRDAYA PURANI SANDHÀRANI)
Mạt la mạt la nhạ dã vĩ nễ-duệ (BALA BALA JAYA VIDYE)
Hồng hồng (HUM HUM)
Phát tra phát tra (PHAT PHAT)
Sa-phộc hạ (SVÀHÀ)

Đức Phật bảo Đại Phạm: “Nếu có người dùng câu cú của Như Lai **Thân Minh Đà La Ni** làm cứu tế nhiếp thọ gia hộ, hay làm Pháp Tức Tai, làm Pháp Cát Tường che chận sự trách phạt, thành **Đại Gia Hộ**.

_ Nếu có người sắp hết thọ mệnh, tụng Chân Ngôn này lại được diên mệnh tăng thọ, mạng sống kéo dài rất lâu, thường được an vui, được **Đại Niệm Trì**.

_ Nếu dùng chày Kim Cương vừa tụng niệm gia trì , giả sử có bị tai họa, đại tật phi mệnh đều được giải thoát. Tất cả bệnh tật đều được trừ diệt.

_ Người bị bệnh hoạn lâu ngày, tụng Chân Ngôn này gia trì vào góc áo Cà Sa rồi đem phủi phất lên người đó thì bệnh liền được trừ khỏi.

_ Người trì tụng hàng ngày sẽ được Đại Thông Tuệ. Thành tựu được uy lực, đại cần dũng, biện tài. Tất cả tội chướng đã định theo nghiệp báo thủy đều trừ diệt. Tất cả Phật, Bồ Tát, Trời, Rồng, Dược Xoa... đối với người thọ trì Đà La Ni này sẽ khiến cho Tinh Khí nhập vào thân để tăng thêm uy lực, làm cho Thân Tâm thường được vui thích.

Này Đại Phạm ! **Đại Minh Vương Đại Hộ Đà La Ni** này. Nếu có người cho đến loài bàng sinh, cầm thú được nghe qua tai thì hết thảy nhóm ấy vĩnh viễn chẳng thoái chuyển nơi **Vô Thượng Bồ Đề** (Agra-bodhi) hướng chi là kẻ trai lành người nữ thiện có tịnh tín (niềm tin trong sạch). **Bạt Sô**, **Bạt Sô Ni**, **Ô Bà Sách Ca**, **Ô Bà Tư Ca**, **Quốc Vương**, **Vương Tử**, **Bà La Môn**, **Sát Lợi** với các loại khác ... một lần nghe qua **Đại Tùy Cầu Đại Hộ Đà La Ni** này. Nghe xong, Thân Tâm tịnh tín, cung kính viết chép, đọc tụng, sinh Tâm ân trọng tu tập, vì người khác rộng diễn lưu bố.

Đại Phạm nên biết người này thấy đều mau chóng xa lìa tám loại Phi Mệnh (chết chẳng đúng mạng). Trong thân người đó chẳng sinh bệnh tật. Người đó chẳng bị lửa, chất độc, đao, gậy, **Cổ Độc**, áp đảo, **Chú Trớ**, các pháp thuốc ác gây tổn hoại đồng thời chẳng bị đau nhức thân thể, đau nhức đầu, các bệnh sốt rét phát theo chu kỳ 1 ngày, 2 ngày, 3 ngày, 4 ngày cho đến 7 ngày phát ra một lần và cũng chẳng bị các bệnh điên cuồng, thần kinh.

Do người này chính niệm ngủ nghỉ, chính niệm giác ngộ nên mau chóng chứng Đại Niết Bàn. Đời này được đại phú quý tự tại. Khi sinh ra, ở khắp mọi nơi thường được **Túc Mệnh**. Tất cả Người, Trời thấy đều yêu kính. Dung nghi đoan chính, đều được thoát khỏi tất cả nẻo Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Bàng Sinh giống như mặt trời tỏa sáng chiếu soi tất cả Hữu Tình, ví như mặt trăng đem **Cam Lộ** (Amṛta) rưới vẩy lên thân của tất cả Hữu Tình khiến cho yêu thích người đó. Dùng Cam Lộ của Pháp nhập vào trong sự tương tục trong Tâm của tất cả Hữu Tình... khiến cho tươi tốt, sáng bóng, vui vẻ. Tất cả hàng **Được Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Rākṣasa), **Bộ Đa** (Bhūta), **Tất Lệ Đa** (Preta), **Tất Xá Già** (Pi'saca), **Điên Giải Quỷ** (Unmāda: Quỷ điên cuồng), **Noa Chỉ Ninh** (ḍākiṇī), chư **My**, **Tỳ Na Dạ Ca** (Vināyaka) hung ác ... thấy đều dùng uy lực Đại Hộ của Đại Tùy Cầu khiến cho chúng chẳng dám xâm não. Nếu đến vùng lân cận, nghĩ nhớ **Đại Hộ Minh Vương** này thì tất cả loài có Tâm ác đối với người trì tụng sẽ phát sinh lòng vui vẻ, thọ giáo rồi bỏ đi.

Do uy lực của **Đại Tùy Cầu Đại Hộ Minh Vương** này, cuối cùng không có oán địch sợ hãi vì các oán địch đó chẳng dám lấn bức.

_ Hoặc nếu có người lỡ bị phạm tội với Quốc Vương, Đại Thần, Bà La Môn, Trưởng Giả... mà bị xử tội chết. Vào lúc thọ hình sắp bị đao kiếm chặt chém, nếu vừa nghĩ nhớ đến **Đại Hộ Minh Vương** này thì cây đao ấy sẽ gãy nát từng đoạn giống như bụi nhỏ. Người thọ tội ấy liền được tỏ ngộ sự bình đẳng của tất cả Pháp và được sức **Đại Niệm**.

Bấy giờ Đức Như Lai nói **Già Đà** (Gāthā) rằng:

“_ **Đại Hộ** gia trì này

Thanh Tĩnh diệt các tội

Hay tác **Tuệ Cát Tường**

Tăng trưởng các Công Đức

Hay mãn các **Cát Khánh** (điều may mắn tốt lành)

Hay gặp mộng tươi đẹp
Hay tịnh các mộng ác
_ **Đại Minh Đại Hộ** này
Giúp Trưởng Phu, người nữ
Trong khoảng khắc giải thoát
Nơi trống vắng hiểm nguy
Được các nguyện mong ước
Như Chính Đẳng Giác nói
_ Nếu bị mất lối đi
Niệm **Đại Minh Vương** này
Mau chóng được đường chính
Được ăn uống thù thắng
_ Dùng Nghiệp thân khẩu ý
Thời trước gây các tội
Chẳng hề làm nghiệp lành
Vừa nhớ đến **Minh** này
Thấy đều được tiêu diệt
_ Viết chép và thọ trì
Chuyển đọc và niệm tụng
Vì người khác tuyên nói
Các Pháp đều thông đạt
Như vậy được **Pháp Vị**
Các tội liền tiêu diệt
Tâm Ý cầu niềm vui
Các việc đều thành tựu
Trong cái chết, sợ hãi
Thấy đều được cứu hộ
_ Vua, Quan với nước, lửa
Sương, mưa đá, trộm cướp
Chiến đấu và kiện cáo
Nạn thú nanh vuốt bén
Tất cả đều tiêu dung
_ Do tụng **lạc xoa** biến (Lakṣa: một trăm ngàn lần)
Mau thành tựu **Minh** này
Tất cả chư Phật nói
Xưng tụng khiến vui vẻ
Mãn **tư lương** (Sambhāra: lương thực, hành trang cá nhân) **Bồ Đề** (Bodhi)
_ Tất cả nơi trú ngụ
Nếu dùng **Đại Minh** này
Tạo làm nơi gia trì
Muốn làm các sự nghiệp
Việc lợi ích Ta, Người
Nhậm vận được thành tựu

Dùng **Đại Hộ** không nghi

_ Đại Phạm ! Ông nên biết
Nay Ta lại tuyên nói
Vì người bị bệnh nặng
Nên làm **Tứ Phương Đàn** (Đàn vuông vức)
Cù Ma (Gomayì: phân bò) hòa bùn đất
Dùng phấn ngũ sắc vẽ
Mà làm Mạn Trà La (Maṇḍala)
Đặt bốn bình bốn góc
Bạc Trí y **Nghi Quỹ**
Rải các hoa trên Đàn
Nên đốt hương thù thắng
Dâng mọi thức ăn uống
Khiến người thấy *tịnh tín*
Như vậy dùng hương hoa
Y theo Pháp phụng hiến
Bốn góc cắm bốn **tiễn** (4 mũi tên)
Dùng chỉ ngũ sắc quấn
Khiến người bệnh tắm gội
Mặc quần áo thanh tịnh
Toàn thân bôi dầu thơm
Dẫn vào chính giữa Đàn
Ngồi đối mặt phương Đông
_ Bảy giờ người Trì Minh
Tụng **Đại Minh** này trước
Khiến đầy đủ bảy biến
Tự gia trì thân mình
Tiếp tụng hăm một biến (21 lần)
Gia trì cho người bệnh
Do tụng **Đại Hộ** này
Các bệnh đều ngưng trừ
_ Liền lấy một bình nước
Đầy hương hoa ẩm thực
Tác gia hộ bảy lần
Ném xa về phương Đông
Tiếp lấy bình phương Nam
Hương, hoa, thực (thức ăn) như Giáo
Như trước tụng bảy biến
Ném xa về phương Nam
Tiếp dùng bình phương Tây
Hương, hoa , thức ăn uống

Y Pháp gia trì trước
 Phương Bắc cũng như thế
 Bảy giờ người trì tụng
 Ngửa mặt hướng phương trên
 Tụng **Minh** này một biến
 Thành gia trì thù thắng
 _ Đại Phạm ! Làm xong rồi
 Tất cả khổ đều trừ
 Pháp gia trì như vậy
Thích Sư Tử ('Sàkya-simha) đã nói
 Trong tất cả các Pháp
 Không có gì sánh bằng
Thắng Hộ (hộ giúp hơn hẳn) trong ba cõi (Tam Giới)
 Người đó không chết yểu
 Không già cũng không bệnh
 Khổ: **Oán ghét, Ly Biệt**
 _ Nếu hay tại **Lý Quán**
 Tâm xa lìa buồn khổ
 Với lìa khổ **Thọ Uẩn**
 Chúng Diêm Ma cúng dường
 Pháp Vương cõi Diêm Ma
 Cung kính mà thừa sự
 Bảo người Trì Minh ấy
 Mau qua nơi **Thiên Thú** (cõi Trời)
 Do **Đại Minh** này nên
 Địa Ngục đều hết sạch
 Ất nự Cung Điện diệu
 Đủ uy lên trên Trời
 Tất cả Người và Trời
 Chúng Được Xoa, La Sát
 Hết thấy đều cúng dường
 Thường sẽ được Phước này
 Thế nên thường Thọ Trì
 _ **Kim Cương Thủ Bồ Tát** (Vajra-pàṇi-bodhisatva)
 Bí Mật Được Xoa Tướng
Đế Thích ('Sakra), **Xá Chi Hậu** ('Saci: vợ của Đế Thích)
 Chúng **Ha Li Đế Mẫu** (Hārtye-màṭṭ)
Bán Chi Ca Được Xoa (Pañcika-yakṣa)
Hộ Thế Đại Uy Đức
Nhật (Àditya: mặt trời), **Nguyệt** (Candra: mặt trăng) và **Tinh Tú** (Nakṣatra)
Chấp Diệu (Grahà), loài mãnh ác
 Tất cả **Đại Long Vương** (Mahà-nàga-ràja)

Chư Thiên (Devànàṃ) và **Tiên Chúng** (Rṣi-gaṇa)

A Tu La (Asura) với **Rồng** (Nàga)

Kim Xí (Garuḍa), **Càn Thát Bà** (Gandharva)

Khẩn Na (Kinnara), **Ma Hầu La** (Mahoraga)

Do viết đeo **Minh** này

Luôn luôn theo bên cạnh

Do y Pháp tụng trì

Đắc được *đại vinh thịnh* (hiển đạt hưng thịnh lớn lao)”

Khi ấy, Đức Thế Tôn nói Kinh này xong thời các Đại Bồ tát, chúng Đại Thanh Văn với Phạm Thiên Vương, tất cả hàng Trời, Rồng, Dược Xoa, A Tô La, Càn Thát Bà, Nghiệt Lộ Trà, Khẩn Na La, Ma Hô La Già, Người, Phi Nhân ... đều rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

KINH PHỔ BIẾN QUANG MINH THANH TĨNH XÍ THỊNH
NHƯ Ý BẢO ÁN TÂM VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH VƯƠNG
ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI
QUYỂN HẠ (Hết)

_ Trời, Rồng, A Tu La, Dược Xoa
Đều nghe Phật Pháp nên chí tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng tu lời Phật dạy
Bao nhiêu hữu tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Từ Tâm
Ngày đêm tự mình nương Pháp ở

_ Nguyện các thế giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí lợi quần sinh
Bao nhiêu tội nghiệp thấy tiêu trừ
Xa lìa các Khổ, về Viên Tịch
Hằng dùng Hương Giới xoa vóc sáng
Thường khoác áo Định để an thân
Hoa Diệu Bồ đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở thường an lạc.

TÙY CẦU ĐẠI HỘ MINH VƯƠNG ĐẠI TÂM ĐÀ LA NI
(Bản này y theo Bản đời Minh cf.P.626)

1. **Năng mô mẫu đà dã** (NAMO BUDDHÀYA)

2. **Nãng mô đát ma dã** (NAMO DHARMÀYA)
3. **Ná mạc tăng già dã** (NAMAḤ SAṂGHÀYA)
4. **Nãng mô bà nga phộc đế** (NAMO BHAGAVATE)
5. **Xá chỉ-dã mẫu nãng duệ** (‘SÀKYAMUNÀYE)
6. **Ma hạ ca lỗ ni ca dã** (MAHÀ KÀRUṆIKÀYA)
7. **Đát tha nghiệt đá dạ** (TATHÀGATÀYA)
8. **La-hạ đế, Tam muội tam mẫu đà dã** (ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA)
9. **Ná mạc táp đáp Tỳ-dược Tam miệu tam một đề tỳ-dược** (NAMAḤ SAPTABHYAḤ SAMYAKSAMBUDDHEBHAYAḤ)
10. **Ê sam ná mạc sa cật-lị đát-phộc** (EṢÀṂ NAMAḤ SKṚTVÀ)
11. **Mẫu đà xá sa nãng vật-lã đà duệ** (BUDDHA ‘SASANA VṚDHAYE)
12. **A hạ A ná nãnh-dần** (AHAM ADÀNYÀṂ)
13. **Bát-la phộc khát-sái minh** (PRAVAKṢA ME)
14. **Tát phộc tát đát-phộc nỗ kiến bả dạ** (SARVA SATVA ANUKAMPAYÀ)
15. **I hàm _ vĩ niệ m _ ma hạ đế cữu** (IMÀṂ VIDYA MAHÀ TEJÌ)
16. **Ma hạ ma la bả la cật-la hàm** (MAHÀ MALA PARÀKRAMÀṂ)
17. **Duệ xiêm bà sử đam ma tị đát-la điể m** (YE ṢYAM BHAṢITAM MÀTRÀYAM)
18. **Phộc nhật-la sa nãng ma nãnh sử lị** (VAJRÀSANA MAṆI SIRI)
19. **Ngật-la hạ _ Tát phộc vĩ nãng dã ca** (GRAHA SARVA VINÀYAKA)
20. **Thất-chế tát đát đắ c-vĩ-sái noa vĩ la đự ng nghiệt đá** (‘SCA VATA KṢAṆA VÌRAYAM GATA)
21. **Đát nễ dã tha** (TADYATHÀ)
22. **Nghĩ lị, nghĩ lị, nghĩ lị ni** (GIRI GIRI GIRIṆI)
23. **Nghĩ lị phộc đế** (GIRI VATI)
24. **Ngu noa phộc đế** (GUṆA VATI)
25. **A ca xả phộc đế** (ÀKÀ’SA VATI)
26. **A ca xả la truật đệ _ Bá bả vĩ nga đế** (ÀKÀ’SA ‘SUDDHE_ PÀPA VIGATE)
27. **A ca thế nga nga nãng đát lê** (ÀKÀ’SE GAGANA TALE)
28. **A ca xả vĩ tá lị ni** (ÀKÀ’SA VICÀRIṆI)
29. **Nhập-phộc lý đa thất-lê** (JVALITA ‘SIRE)
30. **Ma ni mục cật-để khư, tức đa mạo lý đà lê** (MAṆI MUKTI KHA CITTA BOLI DHARE)
31. **Tô kế thế** (SUKE’SE)
32. **Tô phộc cật đát lê** (SUVAKTRÌ)
33. **Tô mật đát lê** (SUNÌTRÌ)
34. **Tô vật la-noa mạo lý** (SUVARṆA BOLI)
35. **A để đế, A noa đắ p-bán ninh, ma nãng nghiệt đế** (ATÌTE ANÀTMAMṆI MANA GATE)
36. **Bát la để-luật đắ p-bán ninh** (PRATYUTMAMṆI)

37. **Năng mô tát phệ sam mầu đà nam** (NAMO SARVEṢĀM BUDDHĀNĀM)
38. **Nhập-phộc lý đa đế nhạ tam mầu đê** (JVALITA TEJA SAMBUDDHE)
39. **Tổ mầu đê** (SUBUDDHE)
40. **Bà nga phộc đê** (BHAGAVATE)
41. **Tổ la khất-sái ni** (SURA KṢAṆI)
42. **Tổ khất-sái minh** (SUKṢA ME)
43. **Tổ bát-la bệ** (SUPRABHE)
44. **Tổ ná minh** (SUDAME)
45. **Tổ nam đế** (SUNĀMTE)
46. **Ca lê** (CALE)
47. **Bà nga phộc đê** (BHAGAVATE)
48. **Bạt nại-la Phộc-đê** (BHADRA VATI)
49. **Bạt nại-lê** (BHADRE)
50. **Tổ bạt nại-lê** (SUBHADRE)
51. **Vĩ ma lê nhạ dã bạt nại lê** (VIMALE JAYA BHADRE)
52. **Bát-la tán noa tán ni** (PRACAṆḌA CAṆḌI)
53. **Phộc nhật-la tán ni** (VAJRA CAṆḌI)
54. **Ma hạ tán ni** (MAHĀ CAṆḌI)
55. **Kiểu lị** (GAURI)
56. **Hiển đà lị** (GANDHĀRI)
57. **Lai lý tán noa lý** (CERI CAṆḌALI)
58. **Ma đặng nghĩ** (MATAṆGI)
59. **Phú yết tư xá phộc lị nại-la nhĩ lị** (PUKASI 'SAVARI DRAMIṆḌI)
60. **Lao nại-lị ni** (RAUDRIṆI)
61. **Tát phộc la-tha sa đà nãnh** (SARVĀRTHA SĀDHANE)
62. **Hạ năng Hạ năng** (HANA HANA)
63. **Tát phộc thiết đốt-lỗ nãnh, nhược hạ nhược hạ** (SARVA 'SATRŪNĀM DAHA DAHA)
64. **Tát phộc nột sắt-tra nam** (SARVA DUṢṬĀNĀM)
65. **Tất-lệ đa, Tỳ xá tả noa chỉ nãnh nam** (PRETA PI'SĀCA ḌĀKIṆĪNĀM)
66. **Ma nỗ sái ma nỗ sái nãnh** (MANUṢYA AMANUṢYANĀM)
67. **Bả tả Bả tả** (PACA PACA)
68. **Hột-lị nãi diêm, vĩ đà-võng sa dã nhĩ vĩ đam** (HRDAYAM VIDHVAMSAYA JĪVITAM)
69. **Tát phộc nột sắt-tra ngật-la hạ nãnh** (SARVA DUṢṬA GRAHANĀM)
70. **Năng xả dã, năng xả dã** (NĀ'SAYA NĀ'SAYA)
71. **Tát phộc bá bả nãnh minh la khất-sái la khất-sái hàm** (SARVA PĀPA NIME RAKṢA RAKṢA MĀM)
72. **Tát phộc tát đất-phộc nam tả** (SAVA SATVĀNĀMCA)
73. **Tát phộc bà dữu bát nại-la phệ tỳ-dược** (SARVA BHAYOPADRAVEBHYAḤ)

74. **Tát phộc nột sắt-tra nam mãn đà năng củ lỗ** (SARVA DUṢṬANĀM BANDHANAM KURU)
75. **Tát phộc chỉ lý-vĩ sái năng xả nãnh** (SARVA KILIṢA NĀ'SANI)
76. **Mạt đa nam nị ma nãnh nãnh tả lê để trí để trí nãnh** (MĀTA NANḌI MĀNINI CALE TITI TITINI)
77. **Đốt tại cụ la ni vị la ni** (TUṬAI GHORANI VĪRANI)
78. **Bát-la vạt la, tam ma lê** (PRAVAVA SAMMALE)
79. **Tán noa lý** (CAṆḌARI)
80. **Ma đăng kỳ** (MATAŅGI)
81. **Vạt tạt tư tổ lỗ phó yết tư xả phộc lý hưởng ca lệ nạo-la vĩ lệ** (VACASI SURU PUKASI 'SAVARI 'SAMKĀRI DRAVAṆḌI)
82. **Nhược hạ nãnh bả tả nãnh mạt ná nãnh** (DAHANI PACANI MADANI)
83. **Tát la la, tát la lê** (SARALA SARALE)
84. **Tát la lăm bệ tứ năng** (SARALAMBHE HĪNA)
85. **Mạt địa-dữ đắc-cật-lị sắt-tra** (MADHYOKRṢṬA)
86. **Vĩ ná lệ ni** (VIDĀRINI)
87. **Vĩ đà lệ ni** (VIDHĀRINI)
88. **Ma tứ lý** (MAHĪLI)
89. **Ma hộ ma hộ lý nãnh** (MAHO MAHO LINI)
90. **Tát nãi nãnh tát noa bạn tễ** (GANENI GAṆA PACE)
91. **Mãn đế mãn đế nãnh** (VATI VATINI)
92. **Mãn đế chước cật-la phộc chỉ nãnh** (VATI CAKRA VĀSINI)
93. **Nhạ lê tổ lê** (JALE CULE)
94. **Xả phộc lệ xả ma lệ xả phộc lệ** ('SĀVARI 'SAMARI 'SĀVARI)
95. **Tát phộc nhĩ -dã địa hạ la ni** (SARVA VYĀDHI HĀRANI)
96. **Tổ nị tổ nị nãnh** (CONḌI CONḌINI)
97. **Nãnh nhĩ nãnh nhĩ** (NIMI NIMI)
98. **Nãnh mãn đà lệ để lệ lộ ca nhạ hạ nãnh** (NIMIḌ DHARI TRILOKA JAHANI)
99. **Đệ-lệ lộ ca lộ ca yết lệ** (TRILOKA LOKA KARI)
100. **Đát-lạt đà đồ ca nhĩ-dã phộc lộ chỉ nãnh** (TRAI DHĀTUKA VYĀVALOKINI)
101. **Phộc nhật-la bả la thú bá xả Khát nga chước cật-la để lệ thú la đá ma ni** (VAJRA PRA'SU PĀ'SA KHADGA CAKRA TRI'SŪLA CINTAMANI)
102. **Ma hạ vĩ nễ-dã đà la ni** (MAHĀ VIDYA DHĀRANI)
103. **La khát-sái la khát-sái Hàm _ Ma ma tát phộc tát đát-phộc nam tả** (RAKṢA RAKṢA MĀM MAMA SARVA SATVĀNĀMCA)
104. **Tát phộc tát-la tát phộc sa-tha năng nghiệt đát tả** (SARVATRĀ SARVA STHANA GATASYA)
105. **Tát phộc nột sắt-tra bà duệ tỳ-dược** (SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ)
106. **Tát phộc ma nỗ sái, ma nỗ sái bà duệ tỳ-dược** (SARVA MANUṢYA AMANUṢYA BHAYEBHYAḤ)

107. **Tát phộc vĩ-dã địa tỳ-dược** (SARVA VYĀDHIBHYAḤ)
108. **Phộc nhật-lê phộc nhật-la phộc đễ** (VAJRE VAJRAVATI)
109. **Phộc nhật-la bá ni đà lê** (VAJRAPAṆI DHĀRE)
110. **Tứ lý tứ lý** (HILI HILI)
111. **Nhĩ lý nhĩ lý** (MILI MILI)
112. **Tức lệ tức lệ** (CILI CILI)
113. **Tất lý tất lý** (SILI SILI)
114. **Phộc la phộc la phộc la nễ** (VARA VARA VARANI)
115. **Tát phộc đát-la nhạ dã lap đệ _ Sa-phộc hạ** (SARVATRĀ JAYA LAMVI SVĀHĀ)
116. **Bá bả vĩ ná la ni** (PĀPA VIDĀRAṆI)
117. **Tát phộc nhĩ-dã địa hạ la ni _ Sa-phộc hạ** (SARVA VYĀDHI HĀRAṆI SVĀHĀ)
118. **Tát phộc đát-la bà dã, hạ la ni _ Sa-phộc hạ** (SARVATRĀ BHAYA HĀRAṆI SVĀHĀ)
119. **Sa-phộc Sa-đễ bà phộc đô ma ma (.....) _ Sa-phộc hạ** (SVASTIRBHAVATU MAMA....)
120. **Phiến đễ _ Sa-phộc hạ** (‘SĀNTI SVĀHĀ)
121. **Bổ sắt-trí_ Sa-phộc hạ** (PUṢṬI SVĀHĀ)
122. **Nhạ dã đô nhạ duệ nhạ dã phộc đễ** (JAYA TUJAYE JAYAVATI)
123. **Nhạ dã vĩ bổ la vĩ ma lê_ Sa-phộc hạ** (JAYA VIPULA VIMALE SVĀHĀ)
124. **Tát phộc đát tha nghiệt đa, địa sắt-xá năng bố la-đễ_ Sa-phộc hạ** (SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA PURTI SVĀHĀ)
125. **Án _ Bộ lệ, bộ lệ _ Phộc nhật la phộc đễ** (OM_ BHURI BHURI VAJRAVATI)
126. **Đát tha nghiệt đa hột lệ nãi dã _ Bố la ni Tán đà la ni** (TATHĀGATA HRDAYA PURAṆI SANDHARAṆI)
127. **Mạt la mạt la nhạ dã vĩ nễ-duệ, hồng hồng, phát tra, phát tra, sa-phộc hạ** (BALA BALA JAYA VIDYE _ HŪM HŪM PHAT PHAT_ SVĀHĀ)

Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm hai quyển vào ngày 24/08/2011

ĐẠI TÙY CẦU ĐẠI ĐÀ LA NI

(Bản ghi chú từ trang 632 đến trang 634)

NAMAḤ SARVA TATHÀGATÀNÀM
NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATTVA BUDDHA
DHARMA SAṂGHEBHYAḤ
OM_VIPRA GARBHE
VIPULA VIMALE VIMALA GARBHE
VIMALE JAYA GARBHE
VAJRA JVALÀ GARBHE
GATI GAHANE
GAGANA VI'SODHANE
SARVA PAPA VI'SODHANE
OM_GUṆA VATI VICÀRIṆI
GAGARIṆI GAGARIṆI
GIRIṆI GIRIṆI
BHAGARI GARDDHABHARI
GAMARI GAMARI
GAHARI GAHARI
GAHA GAHA
GARGÀRI GARGÀRI
GAGARI GAGARI
GAMBHARI GAMBHARI
GABHI GABHI
GAHI GAHI
GAMARI GAMARI
GARE GARE
GUHA GUHA
GURU GURU
GUBHA GUBHA
GURIṆI GURIṆI
CALA MUCALE SAMUCALE
JAYE VIJAYE
JAGAVATI APARÀJITE
SARVA BHAYA VIGATE
GARBHA SAṂBHARAṆI
'SIRI 'SIRI
CIRI CIRI
MIRI MIRI
PIRI PIRI

GHIRI GHIRI
 SARVA MANTRÀKARṢAṆI
 SARVA 'SATRUN PRAMATHANÌ
 RAKṢA RAKṢA
 SARVA SATTVANÀÑCA
 SARVA DÀ
 SARVA BHAYEBHYAḤ
 SARVA VYÀDHIBHYAḤ
 SARVAPIDRAVEBHYAḤ
 CIRI CIRI
 VIRI VIRI
 DIRI DIRI
 VIGATÀVARAṆA VI'SODHANI
 VIVIDHÀVARAṆA VINÀSANI
 MUNI MUNI
 MUCI MUCI
 MULI MULI
 CILI CILI
 KILI KILI
 MILI MILI
 KAMALE VIMALE JAYE
 JAYÀVAHE
 JAYA VATI VI'SEṢA VATI BHAGAVATI
 RATNA MAKUṬA MÀLÀ DHARI VAJRA
 VIVIDHA VICITR VE'SA DHÀRIṆI
 BHAGAVATI MAHÀ VIDYÀ DEVI
 RAKṢA RAKṢA
 MAMA
 SARVA SATTVÀNAÑCA
 SAMANTÀ SARVA TRÀ _ SARVA PÀPA VI'SODHANÌ
 HURU HURU
 CURU CURU
 MURU MURU
 RAKṢA RAKṢA MAḤ
 SARVA SATTVÀNÀÑCA
 ANÀTHÀNTRANÀNALAYANÀNA PARÀYANÀNYA PARIMOCAYA
 SARVA DUḤKHE BHYAḤ
 CAṄḌI CAṄḌI
 CAṄḌO CAṄḌO
 CAṄḌINI CAṄḌINI
 VEGA VATI
 SARVA DUṢṬA NIVARAṆÌ VIJAYA VÀHINI
 HURU HURU

MURU MURU
CURU CURU
TURU TURU
MÀYUPÀLINÌ SURA
VARA PRAMATHANÌ
SARVA DEVA GAᅇA PÙJITE
CIRI CIRI
DHIRI DHIRI
SAMANTÀVALOKITE
PRABHE PRABHE_ SUPRABHE SUPRABHE VI'SUDDHE
SARVA PÀPA VI'SODHANI
DHARA DHARA_DHARAᅇINDHARE
SURU SURU
SUMURU SUMURU
RURU CALE CÀRAYA_ RURUCALE CÀRAYA
SARVA DUᅇᅇAN PURAYA_ SARVA DUᅇᅇAN PURAYA
ÀᅇAM MAMA_ SARVA SATTVÀNAᅇCA
KURU KURU
'SRÌ VASUNDHARE JAYA KAMALE
JULI JULI
VARA DÌKUSE
OM_ PADMA VI'SUDDHE
'SODHAYA 'SODHAYA
'SUDDHE 'SUDDHE
BHARA BHARA
BHIRI BHIRI
BHURU BHURU
MAᅇGALA VI'SUDDHE PAVITRA MUKHI
KHAᅇGIRI KHAᅇGIRI
KHARA KHARA
JVARITA 'SIᅇARE
SAMANTÀVALOKITA PRABHE
'SUBHA 'SUBHA_ PRAVI'SUDDHE
SAMANTA PRASÀRITA VABHÀSITA 'SUDDHE
JVALA JVALA
SARVA DEVAGAᅇA SAMÀKARᅇIᅇI SATYA PRATE
OM_ HRÌ TRÀᅇ
TARA TARA_ TÀRAYA TÀRAYA
MÀᅇI SAPARIVÀRÀN_ SARVA SATTVÀNÀᅇCA
NÀGA VILOKITE
HURU HURU
LAGHU LAGHU
HUTU HUTU

TUHU TUHU
 KṢIṆI KṢIṆI
 SARVA GRAHA BHAKṢIṆI
 PIṄGALI PIṄGALI
 MUCI MUCI
 SUMU SUMU _ SUVICARE
 TARA TARA
 NÀGA VILOKINI TÀRA VANTUMMAM SAPARIVÀRÀN
 SARVA SATTVÀNÀÑCA
 SAMSÀRṆA VÀHA GAVATI
 AṢṬHA MAHÀ BHAYEBHYAḤ
 SARVA TRA_ SAMANTATENA
 DI'SA VANDHENA
 VAJRA PRÀKÀRA VANDHENA
 VAJRA PA'SA VANDHENA
 VAJRA JVÀLI
 VAJRA JVÀLÀ VI'SUDDHENA
 BHURI BHURI
 BHAGAVATI
 GARBHA VATI
 GARBHA 'SODHANI
 KUKṢI SAMPÙRAṆI
 JVALA JVALA
 CALA CALA
 OM_ JVALANI JVALANI
 VARṢATU DEVA
 SAMANTENA DIVYODAKENÀMRṬA VARṢAṆI
 DEVATÀVATÀRAṆI _ABHIṢIÑCANTU
 SUGATA
 VARA VACANA _ AMṬA VARA VAPÙṢE
 RAKṢA RAKṢA
 MAMA (.....) SARVA SATTVÀNÀÑCA
 SARVA TRA_ SARVA DÀ
 SARVA BHAYEBHYAḤ
 SARVAPODRAVEBHYAḤ
 SARVOPASARGE BHYAḤ
 SARVA VYÀDHIBHYAḤ
 SARVA DUṢṬA BHAYA BHÌTEBHYAḤ
 SARVA KALI KALHA VIGRAHA
 VIVÀDA DUḤKHA PRADURUNIMIRTTÀ
 MAṄGALA PÀPA VI'SODHANI
 KUKṢI SAMPÙRA'SI
 SARVA YAKṢA RAKṢASA NÀGA VIDÀRIṆI

CALA CALA
 VALA VALA
 VARA VATI JAYA_ VARA VATI JAYA
 JAYANTUMAM
 SARVA TRA_SARVA KÀLAM SIDHYANTUME
 IYAM MAHÀ VIDYÀ SÀDHAYA
 MAᅇᅇALA ANUGHÀTAYA VIGHNÀN
 JAYA JAYA
 SIDDHE SIDHYA_ SIDDHE SIDHYA
 BUDDHYA BUDDHYA
 PÙRAYA PÙRAYA
 PÙRANI PÙRANI
 PÙRAYÀ'SAM MAM SAPARIVÀRAM
 SARVA SATTVÀNÀNCA
 SARVA DIDYOᅇGATA MÙRTTE JAYOTTARI
 JAYA KARÌ
 JAYA VATI
 TIᅇᅇHA TIᅇᅇHA
 BHAGAVATI SAMAYAM ANUPÀLAYA
 TATHÀGATA HᅇᅇDAYA 'SUDDHE
 VYAVALOKAYA MAMA SAPARIVÀRAM
 SARVA SATTVÀNÀNCA
 À'SAM PÙRAYA TRÀYA SVAMÀMÀᅇᅇHA
 MAHÀ DÀRUᅇA BHAYEBHYAᅇ
 SARVÀSIPERI PÙRAYA TRÀYA SVAMÀM
 MAHÀ BHAYEBHYAᅇ
 SARA SARA _ PRASARA PRASARA
 SARVÀVARAᅇA VI'SODHANI
 SAMANTÀ KÀRA MAᅇᅇALA VI'SUDDHE
 VIGATE VIGATE _ VIGATA MALA
 SARVA VIGATA MALA VI'SODHANI
 KᅇᅇNI KᅇᅇNI
 SARVA PÀPA VI'SUDDHE
 MALA VI'SUDDHE
 TEJA VATI _ TEJO VATI
 VAJRE VAJRA VATI_ TRAILOKYÀDHIᅇᅇHITE _ SVÀHÀ
 SARVA TATHÀGATA MÙRDDHNA BHIᅇIKTE _ SVÀHÀ
 SARVA BUDDHA BODHISATTVÀBHIᅇIKTE _ SVÀHÀ
 SARVA DEVATÀBHIᅇIKTE _ SVÀHÀ
 SARVA TATHÀGATA HᅇᅇDAYÀDHIᅇᅇHITA HᅇᅇDAYE _ SVÀHÀ
 SARVA TATHÀGATA HᅇᅇDAYA SAMAYE SIDDHE _ SVÀHÀ
 INDRE INDRAVATI VYAVALOKITE _ SVÀHÀ
 BRAHME BRAHMÀDHYUᅇᅇTE _ SVÀHÀ

VIṢṆU NAMASKṚTE _ SVÀHÀ
 MAHE'SVARA VANDITA PÙJITAYAI _ SVÀHÀ
 VAJRADHARA _ VAJRAPAṆI VALA VÌRYÀDHIṢṬHITE _ SVÀHÀ
 DHṚTARÀṢṬRÀYA _ SVÀHÀ
 VIRÙDHAKÀYA _ SVÀHÀ
 VÌRÙPAKṢÀYA _ SVÀHÀ
 VAI'SRAVAṆÀYA _ SVÀHÀ
 CATUR MAHÀ RÀJA NAMASKṚTÀYA _ SVÀHÀ
 JAMÀYA _ SVÀHÀ
 JAMA PÙJITA NAMASKṚTÀYA _ SVÀHÀ
 VARUṆÀYA _ SVÀHÀ
 MARUTÀYA _ SVÀHÀ
 MAHÀ MARUTÀYA _ SVÀHÀ
 AGNAYE _ SVÀHÀ
 NÀGAVILOKITÀYA _ SVÀHÀ
 DEVAGAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 VÀYAVE _ SVÀHÀ
 NÀGAVILOKITÀYA _ SVÀHÀ
 DEVAGAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 NÀGAGAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 YAKṢAGAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 RÀKṢASAGAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 GANDHARVAGAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 APASMÀRAGANE BHYAḤ _ SVÀHÀ
 ASURAGAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 GARUDAGAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 KINNARAGAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 MAHORAGAGAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 MANUSYA GAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 AMANUSYA GAṆEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA GRAHEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA BHÙTEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA PRETEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA PI'SACEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA APASMÀREBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA KUMBHÀNDEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA PÙTANEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA KATA PÙTANEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA DUṢṬA PRADUṢṬEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 OM _ DHURU DHURU (? SVÀHÀ)
 OM _ TURU TURU _ SVÀHÀ
 OM _ KURU KURU _ SVÀHÀ
 OM _ CURU CURU _ SVÀHÀ

OM_MURU MURU _ SVÀHÀ
OM_HANA HANA _ SVÀHÀ
SARVA 'SATRÙNÀM _ SVÀHÀ
OM_PHAHA PHAHA SARVA DUṢṬÀṆÀM _ SVÀHÀ
OM_PACA PACA SARVA PRABHYARTHIKA PRABHYAMITRÀM _
SVÀHÀ

YE MAMA (.....) AHITAIRṢIṆAS TEṢÀM 'SARÌRAM JVÀLE _ SVÀHÀ
SARVA DUṢṬA CITTÀNÀM _ SVÀHÀ
JVALITÀYA _ SVÀHÀ
SAMANTA JVALÀYA _ SVÀHÀ
VAJRA JVÀLÀYA _ SVÀHÀ
MÀṆI BHADRÀYA _ SVÀHÀ
PÙRṆA BHADRÀYA _ SVÀHÀ
SAMANTA BHADRÀYA _ SVÀHÀ
MAHÀ MAHANTA BHADRÀYA _ SVÀHÀ
MAHÀ KÀLÀYA _ SVÀHÀ
MÀTRGAṆÀYA _ SVÀHÀ
YAKṢIṆINÀM _ SVÀHÀ
RAKṢA'SINÀM _ SVÀHÀ
PREṬA PI'SÀCA ḌÀKININÀM _ SVÀHÀ
ÀKÀ'SA MÀTRṆÀM _ SVÀHÀ
SAMUDRA GÀMININÀM _ SVÀHÀ
SAMUDRA VÀSININÀM _ SVÀHÀ
RÀTRI CARÀNÀM _ SVÀHÀ
VELÀ CARÀṆÀM _ SVÀHÀ
AVELA CARÀṆÀM _ SVÀHÀ
GARBHA HAREBHYAḤ _ SVÀHÀ
GARBHÀHÀREBHYAḤ _ SVÀHÀ
GARBHA SAMDHÀRANÌYE _ SVÀHÀ
HULU HULU _ SVÀHÀ
CULU CULU _ SVÀHÀ
OM _ SVÀHÀ
SVA _ SVÀHÀ
BHUḤ _ SVÀHÀ
TVAḤ _ SVÀHÀ
OM_BHÙR TVAḤ _ SVÀHÀ
CILI CILI _ SVÀHÀ
SILI SILI _ SVÀHÀ
BUDHYA BUDHYA _ SVÀHÀ
MAṆḌALA BANDHE _ SVÀHÀ
'SÌMA VANDHYE _ SVÀHÀ
SARVA 'SATRÙNABHAÑJEYA _ SVÀHÀ
(JAMBHA JAMBHA) SVÀHÀ

STAMBHAYA STAMBHAYA _ SVÀHÀ
 CCHINDHA CCHINDHA _ SVÀHÀ
 BHINDHA BHINDHA _ SVÀHÀ
 BHAÑJA BHAÑJA _ SVÀHÀ
 VANDHA VANDHA _ SVÀHÀ
 MOHAYA MOHAYA _ SVÀHÀ
 MAÑI VI'SUDDHE _ SVÀHÀ
 SÙRYA SÙRYA VI'SUDDHE 'SODHÀNIYE _ SVÀHÀ
 VI'SODHANIYE _ SVÀHÀ
 CANDRE CANDRE PÙRṆACANDRE _ SVÀHÀ
 GRAHEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 NAKṢTREBHYAḤ _ SVÀHÀ
 PI'SACEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 VI'SVEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 'SIVEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 'SÀNTIBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SVASTYAYANEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 'SIVAM KARI _ SVÀHÀ
 'SAM KARI _ SVÀHÀ
 'SÀTIṀ KARI _ SVÀHÀ
 PÙṢṬIṀ KARI _ SVÀHÀ
 VALA VARDDHANI _ SVÀHÀ
 'SRÌ KARI _ SVÀHÀ
 'SRÌ VARDDHANI _ SVÀHÀ
 'SRÌ JVÀLINI _ SVÀHÀ
 NAMUCI _ SVÀHÀ
 MARUCI _ SVÀHÀ
 VAGA VATI _ SVÀHÀ

01/06/1997

□ NHẤT THIẾT PHẬT TÂM CHÚ :

OM _ SARVA TATHÀGATA MÙRTTE _ SVÀHÀ
 PRAVARA VIGATA BHAYE SAMAYA SVAMÀM
 BHAGAVATI SARVA PÀPÀN HRDAYAḤ
 SVASTIRBHAVATU MAMA SAPARIVÀRAṢYA
 SARVA SATTVÀNÀÑCA
 MUNI MUNI _ VIMUNI VIMUNI
 CARI CALANE
 BHAYA VIGATE
 BHAYA HARINÌ
 BODHI BODHI
 BODHAYA BODHAYA
 BUDDHILI BUDDHILI

CUMVILI CUMVILI
SARVA TATHÀGATA HRDAYA JUṢṢTE _ SVÀHÀ

□ **NHẤT THIẾT NHƯ LAI PHẬT TÂM ẤN CHÚ :**

(Bản ghi chú không có Chân Ngôn này)

□ **QUÁN ĐỈNH CHÚ :**

OM_ MUNI MUNI_ MUNI VARE
ABHISIÑCANTU MAMA SAPARIVÀRA SYA_ SARVA
SATTVÀNAÑCA

SARVA TATHÀGATA_ SARVA VIDYÀBHIṢEKAIḤ
MAHÀ VAJRA KAVACA MUDRÀ MUDRITEḤ
SARVA TATHÀGATA HRDAYA ADHIṢṢṢHITA VAJRA _ SVÀHÀ

□ **QUÁN ĐỈNH ẤN CHÚ :**

OM_ AMṢṢTA VARE _ VARA VARA _ PRAVARA VI'SUDDHE
HUM_ HUM_ PHAṢ PHAṢ _ SVÀHÀ

□ **KẾT GIỚI CHÚ :**

OM_ AMṢṢTA VILOKINI GARBHE SAMṢRAKṢINI AKARṢANI
HUM_ HUM_ PHAṢ PHAṢ _ SVÀHÀ

□ **PHẬT TÂM CHÚ :**

OM_ VIPULE VIMALE JAYA VALE AMṢṢTE
HUM_ PHAṢ _ SVÀHÀ

□ **TÂM TRUNG TÂM CHÚ :**

OM_ BHARA BHARA_ SAMBHARA SAMBHARA
INDRIYA VALA VI'SODHANI
HUM_ HUM_ PHAṢ PHAṢ _ SVÀHÀ

□ **TÙY CẦU ĐẠI HỘ MINH VƯƠNG ĐẠI TÂM ĐÀ LA NI :**

NAMA BUDDHÀYA
NAMO DHARMÀYA
NAMAḤ SAMGHÀYA
NAMO BHAGAVATE 'SAKYAMUNAYE MAHÀ KÀRUÑIKÀYA
TATHÀGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA
NAMAḤ SAMASTE BHYAḤ SAMYAKSAMBUDDHEBHYAḤ
BHÀVANAITAN NAMASKṢṢTYA
BUDDHA 'SASANA VRDDHAYE
AHAM IDÀNIM
PRAVAKṢYÀMI
SATTVÀNÀNUKAMPAYÀ
IMAM_ VIDYAM_ MAHÀ TEJAM

MAHÀ VALA PARÀKRAMÌDHVAM
 YASYÀM _ BHÀṢITA MATRÀYÀM MUNÌNAM
 VAJRA MAYÀSANE MÀRA KÀYÀ'SCA
 GRAHÀḤ SARVA VINÀYAKÀḤ
 VIGHNÀ'SCA SANTIYEKE CITTAT KṢANÀDVILAYAM GATÀḤ
 TADYATHÀ : OM_ GIRI GIRI
 GIRIṆI GIRIṆI
 GIRI VATI
 GUṆA VATI
 ÀKÀ'SA VATI
 ÀKÀ'SA VI'SUDDHE
 SARVA PÀPA VIGATE
 ÀKÀ'SE GAGANA TALE
 ÀKÀ'SA VICÀRIṆI
 JVALITA 'SISARE_MANI MAUKTIKA KHARI TAULIDHARE
 SUKE'SE
 SUVAJRA
 SUNETRE
 SUVARṆA
 SUVE'SE_GAURE
 ATITE_ANÀGATE_PRATYUTPANNE
 NAMAḤ SARVE ṢÀMBUDDHÀNÀM
 JVALITA TEJA SÀMBUDDHE
 SUBUDDHE
 BHAGAVATI
 SURAKṢANI
 AKṢAYE SUKṢAYE
 SUKṢAME
 SUPRABHE
 SUDANE
 SUDÀNTE
 VADE VARADE SUVRATE
 BHAGAVATI
 BHADRAVATI
 BHADRE
 SUBHADRE
 VIMALE JAYA BHADRE
 PRACANDE
 CAṆḌE CAṆḌI CAṆḌI
 VAJRA CAṆḌE
 MAHÀ CAṆḌE
 DYO GAURI
 GAMDHÀRI

CAṆḌĀLI
 MATAÑGI
 VACASI SUMATI
 PUKKASI 'SAVARI 'SAMKARI DRAMIDĪ
 RAUDRIṆI
 SARVĀRTHA SĀDHANI
 HANA HANA SARVA 'SATRŪNA _ DAHA DAHA
 SARVA DUṢṬĀN
 PRETA_ PI'SĀCA _ ḌAKININĀM
 MANUṢYA _ AMANUṢYĀṆAÑCA
 PACA PACA
 HRDAYAṀ VIDHVAṀ SAYA JĪVITAM
 SARVA DUṢṬA GRAHĀNĀM
 NĀ'SAYA NĀ'SAYA
 SARVA PĀPA NIME BHAGAVATI RAKṢA RAKṢA MAṀ
 SARVA SATTVĀNĀÑCA
 SARVATRA SARVADĀ SARVA BHAYOPADRAVE BHYAḤ
 SARVA DUṢṬĀNĀM VAMDHANAM KURU KURU
 SARVA KILVIṢA NĀ'SANĪ
 MĀRKAṆḌE MRṬYUR DAṆḌANI VĀRAṆI MĀNA DAṆḌE
 MĀNINI CALA VICALE
 CIṬI CIṬI
 VITI VITI
 MITI MITI
 NIDI NIDITE
 DYORONĪ VIRIṆĪ
 PRAVARA SAMARE
 CAṆḌĀLI
 MATAÑGI
 RŪNDHASI SARA SIVACISA SUMATI PURKVASI 'SAVARI
 'SAMKARI DRAMIDĪ
 ḌHAHARI PACARI PĀCARI MARDDANĪ
 SARALE
 SARALAMBHE HĪNA
 MADHYONKRṢṬA
 VIDĀRIṆI
 VIDHĀRINI
 MAHILE MAHILE
 MAHĀ MAHILE
 NIGAḌE NIGADABHAÑCA
 MATTE MATTINI
 DĀNTE CAKRE CAKRA VĀKINI
 JVALE JVALE JVŪLE JVALINI

'SAVARI 'SAVARI
 SARVA VYÀDHI HARANI
 CÙDI CÙDI CÙDINI CÙDINI MAHÀ CÙDINI
 NIMI NIMI
 NIMINDHARI TRILOKADAHANI
 TRILOKÀLOKA KARI
 TRAI DHÀTUKA VYAVĀLOKANI
 VAJRA PARA'SU MUÑGARA KHANGA CAKRA TRI'SULA
 CINTAMANI MAKUTA
 MAHÀ VIDYA DHÀRAṆI
 RAKṢA RAKṢA MAṆ SARVA SATTVĀNĀÑCA
 SARVATRA SARVA STHĀNAGATAM
 SARVA DUṢṬA BHAYE BHYAḤ
 SARVA MANUṢYA AMANUṢYA BHAYE BHYAḤ
 SARVA VYÀDHI BHYAḤ
 VAJRE VAJRAVATI
 VAJRAPĀṆI DHARE
 HILI HILI
 MILI MILI
 KILI KILI
 CILI CILI
 SILI SILI
 VARA VARA VARADE
 SARVATRA JAYA LABDHE SVĀHĀ
 GARBHA SAMBHARANI SVĀHĀ
 SARVA 'SATRÙ HARANI SVĀHĀ
 SVASTIRBHAVATU MAMA SARVA SATTVĀNĀÑCA SVĀHĀ
 'SĀNTI KARI SVĀHĀ
 PUṢṬI KARI SVĀHĀ
 VALA VARDDHAṆI SVĀHĀ
 OM_JAYATU JAYE JAYAVATI KAMALE VIMALE SVĀHĀ
 VIPULE SVĀHĀ
 SARVA TATHĀGATA MURTTE SVĀHĀ
 OM_BHÙRI MAHÀ 'SĀNTI SVĀHĀ
 OM_BHÙḤ BHÙRI BHÙRI VAJRAVATI
 TATHĀGATA HRDAYA PÙRIṆI ÀYUḤ SANDHĀRAṆI
 VARA VARA VALAVATI JAYA VIDYE _ HÙM HÙM_ PHAT PHAT
 SVĀHĀ

(Bản Phạn ghi thêm Chân Ngôn dưới đây)

OM_MANI DHARI VAJRINI MAHÀ PRATIRE HÙM HÙM PHAT
 PHAT SVĀHĀ

OM_MANI VAJRE HRDAYA_VAJRE MÀRA 'SAINYA VIDÀYANI_
HANA HANA SARVA 'SATRÙN_VAJRA GARBHE_TRÀ'SAYA
TRÀ'SAYA_SARVA MÀRA BHAYANÀNÌ_HÙM HÙM_PHAṬ PHAṬ_
SVÀHÀ

01/06/1997



बुद्धरुषिं समं ज्वलं मलं विष्टुं कुरुते न विनामं सुद
हृदयं मुखं वरुणं वरुणं वरुणं मकरं वरुणं

BUDDHA ABHIṢINÀM SAMANTA JVALA MÀLÀ VI'SUDDHE
SPHURIKṚTA CINTÀMAṆI MUDRA HRDAYA APARAJITA
DHARAṆI PRATISARAḤ MAHÀVIDYARÀJA

Dịch âm Phạn văn : HUYỀN THANH

नमः सर्वगतगं

NAMAḤ SARVA TATHÀGATÀNÀM

नम नमः सर्वबुद्धवैश्वानरः बुद्धं वक्ष्यं संपद्युः

NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHÀ BODHISATVEBHYAḤ BUDDHÀ

DHARMA SAMGHEBHYAḤ

गच्छं उं विपुलगर्भं

TADYATHÀ : OM_ VIPULA GARBHE

विपुलं विमलं जयगर्भं

VIPULA VIMALE JAYAGARBHE

वज्रं ज्वलगर्भं

VAJRA JVALAGARBHE

गतिगहने गगने विषोदहने

GATI GAHANE GAGANA VI'SODHANE

सर्वपापं विषोदहने

SARVA PÀPA VI'SODHANE

उं गुणवति

OM_ GUṆA VATI

गगरी

GAGARINĪ

गरी गरी

GARI GARI

गमरी २

GAMARI GAMARI

गहा २

GAHA GAHA

गर्गरी २

GARGÀRI GARGÀRI

गगरी २

GAGARI GAGARI

गम्भरी २

GAMBHARI GANBHARI

गति २

GATI GATI

गमि २

GAMANI GAMANI

गार

GARE

गुरुं गुरुं

GURU GURU GURUNE

बलं मबलं मुबलं

CALE ACALE MUCALE

जयं विजयं

JAYE VIJAYE

सर्वं भयं विगतं

SARVA BHAYA VIGATE

गर्भं संभारं

GARBHA SAMBHARANI

सिरी २

SIRI SIRI

मिरी २

MIRI MIRI

गिरी २

GIRI GIRI

समंताकरं

SAMANTA AKARANI

सर्वं शत्रुं प्रमथं

SARVA 'SATRU PRAMATHANI

रक्षं रक्षं माम् (.....) सर्वं सत्त्वानाम्

RAKSA RAKSA MAMA (.....) SARVA SATVANAMCA

विरि २

VIRI VIRI

विगतं अवारं भयं नासं

VIGATA AVARANA BHAYA NÀ'SANI

सुरि २

SURI SURI

चिरी २

CIRI CIRI

कमलं विमलं जयं

KAMALE VIMALE JAYE

जयं वाहे

JAYÀ VAHE

जया वति

JAYA VATI

भगवति

BHAGAVATI

रत्ना मुकुटं मालं धारिणी

RATNA MAKUTA MÀLÀ DHÀRINI

वहुं विविधं विचित्रं वेषं रूपं धारिणी

VAHU VIVIDHA VICITRA VEṢA RÙPA DHÀRINI

ବାଗବତୀ
 BHAGAVATI
 ମହା ବିଦ୍ୟାଦେବୀ
 MAHÀ VIDYADEVI
 ଠିକ୍ ଠିକ୍ ମମା ମତ୍ ମତ୍ ସର୍ବ
 RAKṢA RAKṢA MAMA (.....) SARVA SATVÀNÀMCA
 ସମନ୍ତା ସର୍ବତ୍ର
 SAMANTÀ SARVATRA
 ସର୍ବପାପ ବିନାଶକ
 SARVA PÀPA VI'SODHANE
 ହୁରୁ ହୁରୁ
 HURU HURU
 ନକ୍ଷତ୍ର ମାଳା ଦହାରିଣୀ
 NAKṢATRA MÀLÀ DHÀRIṆĪ
 ଠିକ୍ ଠିକ୍ ମାମ
 RAKṢA RAKṢA MAM
 ମମା
 MAMA (.....)
 ଅନାଥସ୍ୟା
 ANÀTHASYA
 ଟ୍ରାନ୍ନାପାରାୟାନ୍ୟା
 TRÀNAPARÀYANASYA
 ପରିମୋକା ଯା ମେ
 PARIMOCA YA ME
 ସର୍ବ ଦୁଃଖିଣ୍ୟା
 SARVA DUHKHEBHYAḤ
 ବନ୍ଦୀ ବନ୍ଦୀ ବନ୍ଦିନୀ
 CANDI CANDI CANDINI
 ବେଗା ବାତୀ
 VEGA VATI
 ସର୍ବ ଦୁଷ୍ଟା ନିବାରଣୀ
 SARVA DUṢṬA NIVÀRANĪ
 ଶତ୍ରୁପକ୍ଷ ପ୍ରାମଥାନୀ
 'SATRÙPAKṢA PRAMATHANĪ
 ବିଜୟା ବାହିନୀ
 VIJAYA VÀHINI
 ହୁରୁ ହୁରୁ
 HURU HURU
 ମୁରୁ ମୁରୁ
 MURU MURU
 କୁରୁ କୁରୁ
 CURU CURU
 ଆୟୁ ପାଳାନୀ ସୁରା
 AYUH PÀLANI SURĀ
 ଦୀ ମଧ୍ୟା

ກຮາກິນີ ກຮາກິນີ
 KHARGANI KHARGANI
 ກຮາ ກຮາ
 KHARA KHARA
 ຈຽລິຕາ ສິເຣ
 JVALITA 'SIRE
 ສາມັນຕາ ປຣາສາຣິຕາ ອວາບຮາສິຕາ ສູດເດ
 SAMANTA PRASARITA AVABHASITA 'SUDDHE
 ຈຽລີ ຈຽລີ
 JVALA JVALA
 ສາຣວ ດວາກິນີ
 SARVA DEVAGANA
 ສາມາ ກາຣສານີ ສາຕິຍາ ວາຕີ
 SAMA AKARŞANI SATYA VATI
 ຕາຣາ ຕາຣາ ຕາຣາຍາ ມາມ (.....)
 TARA TARA TÀRAYA MAM (.....)
 ນາກ ວິລອກິຕີ
 NÀGA VILOKITE
 ລາຫູ ລາຫູ
 LAHU LAHU
 ຮູນູ ຮູນູ
 HUNU HUNU
 ກຊິນີ ກຊິນີ
 KŞINI KŞINI
 ສາຣວ ກາຣາ ບຮາກຊານີ
 SARVA GRAHA BHAKŞANI
 ປິມກິລີ ປິມກິລີ
 PIMGALI PIMGALI
 ສູມູ ສູມູ
 CUMU CUMU
 ສູມູ ສູມູ
 SUMU SUMU
 ສູວີ ສູວີ
 CUVI CARE
 ຕາຣາ ຕາຣາ
 TARA TARA
 ນາກ ວິລອກິຕີ ຕາຣາ ຕາຣາ ຕູມາມ (.....)
 NÀGA VILOKITE TÀRAYA TUMAM (.....)
 ບຮາກວາຕີ
 BHAGAVATI
 ອສະຕາ ມາຮາ ດາຣູນາ ບຮາຍິບຮາຍາ
 AŞTA MAHÀ DÀRUᅇA BHAYEBHYAᅇ
 ສາມູດຣາ ສາກາ ປຣາຕິຍັນຕາມ ປາຕາລາ
 SAMUDRA SÀGARA PRATYANTAM PÀTALA
 ກາກິນີ ກາກິນີ

GAGANA TALAM
 सव्य समान
 SARVATRA_ SAMANTANA
 क्षि वधन
 DI'SÀ BANDHENA
 वज्र प्रकर
 VAJRA PRAKÀRA
 वज्र पक्षि वधन
 VAJRA PÀ'SA BANDHANENA
 वज्र ज्वल विसुद्ध
 VAJRA JVALA VI'SUDDHE
 भुरुर
 BHURI BHURI
 गर्भ वति
 GARBHA VATI
 गर्भ विमोचन
 GARBHA VI'SODHANI
 कुक्षि संपुराण
 KUKṢI SAMPURANI
 ज्वल २
 JVALA JVALA
 चल चल
 CALA CALA
 ज्वलण
 JVALANI
 प्रवर्षतु देव
 PRAVARṢATU DEVA
 समान क्षुद्रकन
 SAMANTANA DIDHYODAKENA
 अमृत वधण
 AMṚTA VARṢANI
 देवता २
 DEVATÀ DEVATÀ
 धारण अभिसिंका तुमे
 DHARANI ABHISIMCA TUME
 सुगत
 SUGATA !
 वर वचनमृत वर वपुष
 VARA VACANA AMṚTA VARA VAPUṢE
 रक्ष रक्ष मामा (.....) सर्वा सत्वानाम्का
 RAKṢA RAKṢA MAMA (.....) SARVA SATVÀNÀMCA
 सव्य सव्य
 SARVATRA _ SARVADÀ
 सव्य भयै
 SARVA BHAYE BHYAH

सर्वोपद्रवेषुः
 SARVOPADRAVEBHYAH
 सर्वोपसर्गेषुः
 SARVOPASARGE BHYAH
 सर्वं दुष्टं भयं भित्तया
 SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTASYA
 सर्वकाले कालाह विग्रहे
 SARVA KALI KĀLAHA VIGRAHA
 विवादं दुःस्वप्नं दुर्नि
 VIVADÀ DUḤSVAPNÀM DURNI
 महा मङ्गल्या पापा विनासनि
 MAHÀ MAṆGALLYA PĀPA VINÀ'SANI
 सर्वयक्ष इक्ष्मन् नगा विवराणि
 SARVA YAKṢA_RAKṢASA_NĀGA NIVĀRAṆI
 सारणि सर
 SARANI SARE
 बला बला बलावति
 BALA BALA BALAVATI
 जय जय जय तुभ्यं
 JAYA JAYA JAYA TUMĀM
 सर्वत्र सर्वं कर्म सिद्धयतुमे
 SARVATRA_SARVA KARMA SIDDHYATUME
 इमं महा विद्या सधया
 IMAM MAHÀ VIDYAM SĀDHAYA
 सधया सर्व मण्डल सधनि घटाया
 SĀDHAYA SARVA MAṆḌALA SĀDHANI GHATĀYA
 सर्वे विघ्नानि
 SARVA VIGHNĀM
 जय २
 JAYA JAYA
 सिद्धे २ सुसिद्धे
 SIDDHE SIDDHE SUSIDDHE
 सिद्धि २
 SIDDHYA SIDDHYA
 बुद्धि २
 BUDDHYA BUDDHYA
 बोधय २
 BODHAYA BODHAYA
 पुराय २
 PÙRAYA PÙRAYA
 पुराणि २ पुराय मे
 PÙRAṆI PÙRAṆI PURAYA ME
 शिवं सर्वं विद्याधिता मूर्ति रुद्रं रुद्रं
 À'SAM SARVA VIDYA ADHIGATA MÙRTTE RUDRAM RUDRAM
 JAYAVATI JAYOTTARI

तिष्ठ २

TIṢṬA TIṢṬA

समयमनुपलय तथगत हृदय सुद्ध

SAMAYAM ANUPĀLAYA TATHĀGATA HRDAYA 'SUDDHE

व्यवलय तुमं

VYAVALOKAYA TUMĀM

अष्टभि मह दारुण भयैभ्याह

AṢṬABHI MAHĀ DĀRUṆA BHAYEBHYAḤ

सारा २

SARA SARA

प्रसारा २

PRASARA PRASARA

सर्वान् विद्व

SARVA AVARAṆA VI'SODHANI

समन्तं कर मण्डल विद्व

SAMANTĀ KĀRA MAṆḌALA VI'SUDDHE

विगत २ विगत मल विद्व

VIGATE VIGATE VIGATA MALA VI'SODHANI

क्षिणी २

KṢIṆĪ KṢIṆĪ

सर्वं पप विद्व

SARVA PĀPA VI'SUDDHE

मल विगत

MALA VIGATE

तेजवती

TEJAVATI

वज्रवती

VAJRAVATI

त्रिलोक्या अधिष्ठते सर्व

TRALOKYA ADHIṢṬATE SVĀHĀ

सर्वं तथगत मूर्धना अभिषिक्ते सर्व

SARVA TATHĀGATA MŪRDHNA ABHIṢIKTE SVĀHĀ

सर्वं बोधिसत्वा अभिषिक्ते सर्व

SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE SVĀHĀ

सर्वं देवता अभिषिक्ते सर्व

SARVA DEVATA ABHIṢIKTE SVĀHĀ

सर्वं तथगत हृदयव्यवलय हृदय सर्व

SARVA TATHĀGATA HRDAYA ADHIṢṬATA HRDAYE SVĀHĀ

सर्वं तथगत समय सिद्धे सर्व

SARVA TATHĀGATA SAMAYA SIDDHE SVĀHĀ

इन्द्रे इन्द्रवती इन्द्र व्यवलय सर्व

INDRE INDRAVATI INDRA VYAVALOKITE SVĀHĀ

ब्रह्मे ब्रह्माध्युषते सर्व

BRAHME BRAHMA ADHYUṢITE SVĀHĀ

विष्णु नमस्कृत सर्व

VIṢṆÌ NAMAḤSKRTE SVÀHÀ
 મહાશ્વર વજ્ર વાજરાય સ્વાહા
 MAHE'SVARA VANMITA PÙJITAYAM SVÀHÀ
 વજ્રવર વજ્રપાની વલ્લભીયધિષ્ઠિત સ્વાહા
 VAJRADHARA VAJRAPÀÑI BALAVÌRYA ADHIṢṬITE SVÀHÀ
 વૃતારાષ્ટ્રયા સ્વાહા
 DHRTARÀṢṬRAYA SVÀHÀ
 વિરુદ્ધયા સ્વાહા
 VIRÙDHAKÀYA SVÀHÀ
 વિરુપક્ષયા સ્વાહા
 VIRÙPÀKṢÀYA SVÀHÀ
 વૈશ્રવણયા સ્વાહા
 VAI'SRAVAṆÀYA SVÀHÀ
 ચતુર્માહા રાજયા નામાશ્કૃતયા સ્વાહા
 CATURMAHÀ RÀJÀYA NAMAḤSKRṬÀYA SVÀHÀ
 યમયા સ્વાહા
 YAMMÀYA SVÀHÀ
 યમ સ્વાહા નામાશ્કૃતયા સ્વાહા
 YAMMA PÙJITA NAMAḤSKRṬÀYA SVÀHÀ
 વરુણયા સ્વાહા
 VARUṆÀYA SVÀHÀ
 મરુતયા સ્વાહા
 MARUTÀYA SVÀHÀ
 મહા મરુતયા સ્વાહા
 MAHÀ MARUTÀYA SVÀHÀ
 મૃગયા સ્વાહા
 AGNAYE SVÀHÀ
 નાગ વિલોકિતયા સ્વાહા
 NÀGA VILOKITÀYA SVÀHÀ
 દેવગાંભ્યાઃ સ્વાહા
 DEVAGANEBHYAḤ SVÀHÀ
 નાગગાંભ્યાઃ સ્વાહા
 NÀGAGANEBHYAḤ SVÀHÀ
 યક્ષગાંભ્યાઃ સ્વાહા
 YAKṢAGANEBHYAḤ SVÀHÀ
 રાક્ષસગાંભ્યાઃ સ્વાહા
 RAKṢASAGANEBHYAḤ SVÀHÀ
 ગંધર્વગાંભ્યાઃ સ્વાહા
 GANDHARVAGANEBHYAḤ SVÀHÀ
 અસુરગાંભ્યાઃ સ્વાહા
 ASURAGANEBHYAḤ SVÀHÀ
 ગરુડગાંભ્યાઃ સ્વાહા
 GARUḌAGANEBHYAḤ SVÀHÀ
 કિંદારગાંભ્યાઃ સ્વાહા
 KINDARAGANEBHYAḤ SVÀHÀ

મહોરગગનેભ્યાઃ સ્વાહા
 MAHORAGAGANE BHYAḤ SVÀHÀ
 મનુષ્યેભ્યાઃ સ્વાહા
 MANUṢYEBHYAḤ SVÀHÀ
 અમનુષ્યેભ્યાઃ સ્વાહા
 AMANUṢYEBHYAḤ SVÀHÀ
 સર્વ ગ્રહેભ્યાઃ સ્વાહા
 SARVA GRAHEBHYAḤ SVÀHÀ
 સર્વ નક્ષત્રેભ્યાઃ સ્વાહા
 SARVA NAKṢATREBHYAḤ SVÀHÀ
 સર્વ ભૂતેભ્યાઃ સ્વાહા
 SARVA BHÙTEBHYAḤ SVÀHÀ
 અગ્નેઃ સ્વાહા
 PRETEBHYAḤ SVÀHÀ
 બિંસુલેભ્યાઃ સ્વાહા
 PI'SACEBHYAḤ SVÀHÀ
 અપસ્મારેભ્યાઃ સ્વાહા
 APASMAREBHYAḤ SVÀHÀ
 કુમ્ભાંડેભ્યાઃ સ્વાહા
 KUMBHÀṆḌEBHYAḤ SVÀHÀ
 ઓં ધુરુ ધુરુ સ્વાહા
 OM_DHURU DHURU SVÀHÀ
 ઓં તુરુ તુરુ સ્વાહા
 OM_TURU TURU SVÀHÀ
 ઓં મુરુ મુરુ સ્વાહા
 OM_MURU MURU SVÀHÀ
 હાના હાના સર્વોત્ક્રમણ્ય સ્વાહા
 HANA HANA SARVA 'SATRÙṆÀṂ SVÀHÀ
 દાહા દાહા સર્વોદુષ્ટપ્રદુષ્ટાણ્ય સ્વાહા
 DAHA DAHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬAṆÀṂ SVÀHÀ
 પાકા પાકા સર્વપ્રત્યર્થિકાપ્રત્યમિત્રાણ્ય સ્વાહા
 PACA PACA SARVA PRATYARTHIKA PRATYÀMITRÀṆÀṂ SVÀHÀ
 યે મામા (.....)
 યે અહિ તેષામહિ તેષામસર્ત્રેસામ સર્વિરમ જ્વાલાયા અદુષ્ટા
 AHI TEṢIṆAḤ TEṢÀṂ SARTRESÀṂ 'SARÌRAM JVALAYA ADUṢṬA
 CITTANAṂ SVÀHÀ
 જ્વાલિતાયા સ્વાહા
 JVALITÀYA SVÀHÀ
 પ્રજ્વાલિતાયા સ્વાહા
 PRAJVALITÀYA SVÀHÀ
 દીપ્તા જ્વાલાયા સ્વાહા
 DÌPTA JVALÀYA SVÀHÀ
 સમંતા જ્વાલાયા સ્વાહા
 SAMANTA JVALÀYA SVÀHÀ

मणिभद्राय नमः
 MANIBHADRĀYA SVĀHĀ
 पुनःभद्राय नमः
 PURNABHADRĀYA SVĀHĀ
 महाकालाय नमः
 MAHĀ KĀLĀYA SVĀHĀ
 मृगमय नमः
 MATRGAṆĀYA SVĀHĀ
 यक्षिणं नमः
 YAKṢANĪNĀM SVĀHĀ
 रक्षसिणं नमः
 RĀKSASĪNĀM SVĀHĀ
 अक्षय मणिं नमः
 ĀKĀ'SA MĀTRINĀM SVĀHĀ
 समुद्र वसिणिं नमः
 SAMUDRA VĀSINĪNĀM SVĀHĀ
 रत्र वरिणं नमः
 RĀTR CARĀṆĀM SVĀHĀ
 दिवस वरिणं नमः
 DIVASA CARĀṆĀM SVĀHĀ
 त्रसंत्या वरिणं नमः
 TRSANTYA CARĀṆĀM SVĀHĀ
 वेल वरिणं नमः
 VELA CARĀṆĀM SVĀHĀ
 अवेल वरिणं नमः
 AVELA CARĀṆĀM SVĀHĀ
 गर्भदंष्ट्रः नमः
 GARBHĀHĀREBHYAḤ SVĀHĀ
 गर्भ सन्धरणिं नमः
 GARBHA SANDHĀRĀṆĪ SVĀHĀ
 हुलु २ नमः
 HULU HULU SVĀHĀ
 ॐ नमः
 OM SVĀHĀ
 स्वः नमः
 SVAḤ SVĀHĀ
 भुः नमः
 BHUḤ SVĀHĀ
 भुवः नमः
 BHUVAḤ SVĀHĀ
 ॐ भुः भुवः स्वः नमः
 OM_BHUR BHUVAḤ SVAḤ SVĀHĀ
 सिः सिः नमः
 CĪṬI CĪṬI SVĀHĀ
 सिः सिः नमः

VIṬI VIṬI SVÀHÀ
 वी॒ळ वी॒ळ स॒द
 DHÀRANI SVÀHÀ
 ध॒र॒ण॒ि स॒द
 DHÀRANI SVÀHÀ
 ध॒र॒ण॒ि स॒द
 AGNI SVÀHÀ
 अ॒ग्नि॒ स॒द
 TEJO VAPU SVÀHÀ
 ते॒जो॒ व॒पु॒ स॒द
 CILI CILI SVÀHÀ
 चि॒लि॒ चि॒लि॒ स॒द
 SILI ILI SVÀHÀ
 शि॒लि॒ इ॒लि॒ स॒द
 BUDDHYA BUDDHYA SVÀHÀ
 बु॒द्ध्या॒ बु॒द्ध्या॒ स॒द
 SIDDHYA SIDDHYA SVÀHÀ
 सि॒द्ध्या॒ सि॒द्ध्या॒ स॒द
 MAṄḌALA SIDDHE SVÀHÀ
 म॒ण्॒ड॒ला॒ सि॒द्धे॒ स॒द
 MAṄḌALA BANDHE SVÀHÀ
 म॒ण्॒ड॒ला॒ ब॒न्धे॒ स॒द
 SÌMÀ BANDHANI SVÀHÀ
 शि॒मं॒ ब॒न्ध॒नि॒ स॒द
 SARVA 'SATRÙNÀM JAMBHA JAMBHA SVÀHÀ
 स॒र्व॒ स॒त्रु॒ण॒ा॒म॒ ज॒म्भ॒ा॒ ज॒म्भ॒ा॒ स॒द
 STAMBHAYA STAMBHAYA SVÀHÀ
 श॒म्भ॒या॒ श॒म्भ॒या॒ स॒द
 CCHINDA CCHINDA SVÀHÀ
 च॒चि॒न्दा॒ च॒चि॒न्दा॒ स॒द
 BHINDA BHINDA SVÀHÀ
 भि॒न्दा॒ भि॒न्दा॒ स॒द
 BHAÑJA BHAÑJA SVÀHÀ
 भ॒ञ्ज॒ा॒ भ॒ञ्ज॒ा॒ स॒द
 BANDHA BANDHA SVÀHÀ
 ब॒न्धा॒ ब॒न्धा॒ स॒द
 MOHAYA MOHAYA SVÀHÀ
 म॒ोहा॒या॒ म॒ोहा॒या॒ स॒द
 MANI VI'SUDDHE SVÀHÀ
 म॒णि॒ वि॒सु॒द्धे॒ स॒द
 SÙRYE SÙRYE SÙRYA VI'SUDDHE VI'SODHANI SVÀHÀ
 स॒ूर्ये॒ स॒ूर्ये॒ स॒ूर्या॒ वि॒सु॒द्धे॒ वि॒सो॒ध॒नि॒ स॒द
 CANDRA SUCANDRA PURṄACANDRA SVÀHÀ
 च॒न्द्रा॒ सु॒च॒न्द्रा॒ पु॒र॒ण॒ा॒च॒न्द्रा॒ स॒द
 GRAHEBHYAḤ SVÀHÀ

ନକ୍ଷତ୍ରାଣାଃ ସ୍ୱାହା
 NAKṢTREBHYAḤ SVÀHÀ
 ନିବେ ସ୍ୱାହା
 'SIVE SVÀHÀ
 ନିରାଣାମ୍ ସ୍ୱାହା
 'SÀNTI SVÀHÀ
 ସ୍ୱାସ୍ୟା ଯାନେ ସ୍ୱାହା
 SVASYA YANE SVÀHÀ
 ନିବେ କରୀ ନିରାଣାମ୍ କରୀ ପୁଷ୍ଟି କରୀ ବାଳା ବର୍ଦ୍ଧାନୀ ସ୍ୱାହା
 'SIVAM KARI_ 'SÀNTI KARI_PUṢṬI KARI_BALA VARDHANI
 SVÀHÀ
 ନିରୀ କରୀ ସ୍ୱାହା
 'SRÌ KARI SVÀHÀ
 ନିରୀୟା ବର୍ଦ୍ଧାନୀ ସ୍ୱାହା
 'SRÌYA VARDHANI SVÀHÀ
 ନିରୀୟା ଜ୍ୱାଳାନୀ ସ୍ୱାହା
 'SRÌYA JVALANI SVÀHÀ
 ନାମୁଚି ସ୍ୱାହା
 NAMUCI SVÀHÀ
 ମାରୁଚି ସ୍ୱାହା
 MARUCI SVÀHÀ
 ବେଗାବତୀ ସ୍ୱାହା
 VEGAVATI SVÀHÀ

10/07/1997

NHÁT THIẾT NHƯ LAI TÂM CHÂN NGÔN :

ଓଁ
 OM
 ନିବେ ନାମୋଗାତା ମୂର୍ତ୍ତି ପ୍ରାବାରା ବିଗାତୀ
 SARVA TATHÀGATA MÙRTTE PRAVARA VIGATI
 ନିବେ ନିମୟା ସ୍ୱାମାମ୍
 BHAYE 'SAMAYA SVAMAM
 ନିବେଗାବତୀ
 BHAGAVATI
 ନିବେ ପାପେବ୍ୟାଃ ସ୍ୱାସ୍ତିର୍ଭାବତୁ
 SARVÀ PÀPEBHYAḤ SVASTIRBHAVATU
 ମୁନିମୁନି ବିମୁନି
 MUNI MUNI VIMUNI
 କାରେ କାଳାନୀ
 CARE CALANI
 ନିବେ ବିଗାତୀ
 BHAYA VIGATE
 ନିବେ ନୀରାନୀ
 BHAYA HÀRANI

ब॒ध॒२

BODHI BODHI

ब॒ध॒य॒२

BODHAYA BODHAYA

बु॒द्धि॒२

BUDDHILI BUDDHILI

सर्व॑ तथ॒गत॑ हृ॒दय॑ सु॒ष्ठु॒ सु॒द

SARVA TATHÀGATA HRDAYA JUṢṢṢAI- SVÀHÀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM ẤN CHÂN NGÔN :

ॐ वज्रव॑ति वज्र॑ प्र॒तिष्ठ॑ति सु॒द

OM _ VAJRAVATI VAJRA PRATIṢṢṢITE 'SUDDHE

सर्व॑ तथ॒गत॑ मु॒द्रा॒धि॒ष्ठ॑ना॒धि॒ष्ठ॑ते॒ मा॒हा

SARVA TATHÀGATA MUDRA ADHIṢṢṢANA ADHIṢṢṢATE MAHÀ MUDRE SVÀHÀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI KIMCƯƠNG BỊ GIÁP CHÂN NGÔN :

ॐ मु॒नि॒२ मु॒नि

OM MUNI MUNI MUNI

व॒रु॒ म॒रु॒त्त॒म॒मु॒खा

CARE ABHISIMCA TUMÀM

सर्व॑ तथ॒गत॑ सर्व॑ वि॒द्य॒अभि॑षेक॑ म॒हा वज्र॑ क॒वच॑

SARVA TATHÀGATA _SARVA VIDYA ABHIṢEKAI_MAHÀ VAJRA KAVACA

मु॒द्रा॒ मु॒द्रि॒ते

MUDRÀ MUDRITEH

सर्व॑ तथ॒गत॑ हृ॒दय॑अधि॑ष्ठ॒ति वज्र॑ सु॒द

SARVA TATHÀGATA HRDAYA ADHIṢṢṢITA VAJRE SVÀHÀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI QUÁN ĐỈNH ẤN CHÂN NGÔN :

ॐ अ॒मृ॒ता व॒र॒ व॒र॒२ व॒र॒ व॒र॒ वि॒प्र॒व॒रा वि॒सु॒द्धे॒ ह॒म॒ सु॒द

OM_AMṚTA VARE_ VARA VARA PRAVARA VI'SUDDHE HÙM HÙM _ PHAT PHAT _ SVÀHÀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI KẾT ẤN CHÂN NGÔN :

ॐ अ॒मृ॒ता वि॒ल॒कि॒नि ग॒र्भ॒ा स॒म॒रा॒क्ष॒णि अ॒का॒रा॒क्ष॒णि ह॒म॒ सु॒द

OM_ AMṚTA VILOKINI GARBHA SAMRAKṢANI ÀKARṢANI HÙM HÙM_ PHAT PHAT _ SVÀHÀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM TRUNG TÂM CHÂN NGÔN :

ॐ वि॒म॒ले॒ ज॒या व॒र॒ अ॒मृ॒ते॒ ह॒म॒ ह॒म॒ ह॒म॒ ह॒म॒ सु॒द

OM_ VIMALE JAYA VARE AMṚTE _ HÙM HÙM HÙM HÙM _ PHAT PHAT PHAT PHAT_ SVÀHÀ

ଗିରୀ ୧ ଗିରୀଠ
 GIRA GIRA GIRINI
 ଗିରୀ ବାଟି
 GIRI VATI
 ଗୁଣ ବାଟି
 GUNA VATI
 ଅକାର ବାଟି
 ÀKÀRA VATI
 ଅକାର ଉଦ୍ଧ ପାପା ବିଗାଟି
 ÀKÀRA 'SUDDHE PÀPA VIGATE
 ଅକାଶେ ଗାଗନା ଟାଲି
 ÀKÀ'SE GAGANA TALE
 ଅକାଶା ବିକାରିଣି
 ÀKÀ'SA VICÀRIṆI
 ଜ୍ଵାଳାତା ସିରୀ
 JVALATÀ 'SIRE
 ମାଣି ମୁକ୍ତିକା ଚିତା ବୋଲି ଦ୍ଵାରେ
 MAṆI MUKTIKHA_ CITA BOLI DHARE
 ସୁକେଶି
 SUKE'SE
 ସୁବାକ୍ରା
 SUVAKTRA
 ସୁନିତ୍ରି
 SUNITRI
 ସୁବର୍ଣ୍ଣ ବୋଲି
 SUVARṆA BOLI
 ଅତିତେ ଅନାତ୍ମାମ୍ନି ମାନା ଗାଟି
 ATITE ANATMAMṆI MANA GATE
 ପ୍ରାତ୍ୟୁତ୍ତମାମ୍ନି
 PRATYUTMAMṆI
 ନାମାଃ ସର୍ବେଶାମ୍ ବୁଦ୍ଧାନାମ୍
 NAMAḤ SARVEṢÀṂ BUDDHÀNÀṂ
 ଜ୍ଵାଳିତା ତେଜା ସାମ୍ବୁଦ୍ଧେ
 JVALITA TEJÀ SAMBUDDHE
 ସୁବୁଦ୍ଧେ
 SUBUDDHE
 ଭଗବାତି
 BHAGAVATI
 ସୁରା କ୍ଷାଣି
 SURA KṢAṆI
 ସୁକ୍ଷମେ
 SUKṢAME
 ସୁପ୍ରାଭେ
 SUPRABHE
 ସୁହମ୍

SUDAME
 सुदमे
 SUNÀMTE
 वृ
 CARE
 भगवती
 BHAGAVATI
 भद्र सुभद्र
 BHADRE SUBHADRE
 विमले जय भद्र
 VIMALE JAYA BHADRE
 प्रवृ वृ
 PRACANDA CANDA
 वज्रवृ
 VAJRA CANDA
 महावृ
 MAHÀ CANDA
 गौरी
 GAURI
 गन्धारी
 GANDHÀRI
 चरी चण्डाली मतमंगी
 CERI CANÐALI MATAMGI
 पुकसी सवारी द्रामिन्दी
 PUKASI 'SAVARI DRAMINDI
 रामद्रिणी
 RAMDRINÌ
 सर्वार्थ साधने
 SARVÀRTHA SADHANE
 हाना हाना सर्वा सत्रुणाम्
 HANA HANA SARVA 'SATRÙNÀM
 दाहा दाहा सर्वा दुष्टानाम्
 DAHA DAHA SARVA DUṢṬANÀM
 अग्रे पिशाच दकिनिणाम्
 PRETA PI'SACA ÐAKINÌNÀM
 मनुष्य अमानुष्याणाम्
 MANUṢYA AMANUṢYANÀM
 पचा पचा
 PACA PACA
 हृदयं विध्वंसय स्या जिवितम्
 HRDAYAM VIDHVAM SAYA JIVITAM
 सर्व दुष्ट ग्राहणाम्
 SARVA DUṢṬA GRAHÀNÀM
 नस्य नस्य
 NÀ'SAYA NÀ'SAYA

ସର୍ବ ପପ ଉକ୍ଷ ରକ୍ଷା ରକ୍ଷା ମାମ୍
 SARVA PĀPA NIME RAKṢA RAKṢA MĀM
 ସର୍ବ ସତ୍ତ୍ଵ ଶତ୍ରୁ
 SARVA SATVĀNĀMCA
 ସର୍ବ ବ୍ୟାଧିପଦ୍ମଭୟଃ
 SARVA BHAYA UPADRAVEBHYAḤ
 ସର୍ବ ଦୁଃଖ ଶତ୍ରୁ ବନ୍ଧନ କୁରୁ
 SARVA DUṢṬĀNĀM BANDHADAM KURU
 ସର୍ବ କିଲିଷା ନାଶନୀ
 SARVA KILLIṢA NA'SANI
 ମାତା ନାନ୍ଦି ମାନିନୀ ଚାଳିତୀ ତିତିନୀ
 MĀTA NĀNDI MĀNINI CALE TĪTĪ TĪTINI
 ତୁଟା ଘୋରାଣି ବିରାଣି
 TUṬAI GHORAṆI VĪRAṆI
 ପ୍ରାଠା ସାମାରି
 PRAVARA SAMMARE
 ବନ୍ଦାରି ମାତାମ୍ଗି
 CAṆDARI MATAMGI
 ବାକାସି ସୁମୁରୁ ପୁକାସି 'ସାଠାରି 'ସାମକାରି ଡ୍ରାଠାରି
 VACASI SUMURU PUKASI 'SAVARI 'SAMKARI DRAVINḌI
 ଦାହାଣି ପାକାଣି ମାଦାଣି
 DAHANI PACANI MADANI
 ସାରା ସାରା
 SARALA SARALE
 ସାରାଲାମ୍ଭେ ହିନାମାଧ୍ୟୋ କ୍ରଷ୍ଟା
 SARALAMBHE HĪNAMADHYO KRṢṬA
 ବିଦାରିଣି ବିଦହାରିଣି
 VIDĀRIṆI VIDHĀRIṆI
 ମାହିଲି ମାହୋ ମାହୋଲିନି
 MAHĪLI MAHO MAHOLINI
 ଗାଣେଣି ଗାଣା ପାକେ
 GAṆENI GAṆA PACE
 ବାଟି ବାଟିନି
 VATI VATINI
 ବାଟେ କାକ୍ରା କିନି
 VATE CAKRA KINI
 ଜାଲେ କୁଲେ
 JALE CULE
 'ସାଠାରି 'ସାମାରି 'ସାଧାରି
 'SAVARI 'SAMARI 'SĀDHARI
 ସାର୍ଠାଦି ହାରାଣି
 SARVA VYADHI HARAṆI
 କଣ୍ଡା କଣ୍ଡାଣି
 CONḌI CONḌINI
 ଉକ୍ଷେ ଉକ୍ଷାରି

NIMI NIMI NIMIMDHARI

ତ୍ରିଲୋକ ଜାହାନୀ

TRILOKA JAHANI

ତ୍ରିଲୋକ ଲୋକକାରୀ

TRILOKA LOKA KARI

ତ୍ରୈଧାତୁକା ବ୍ୟାଭୋକିନୀ

TRAI DHÀTUKA VYAVELOKINI

ଘଟ୍ଟା ପାରାସୁ ପାଂସା କାର୍ଗା ଚକ୍ରା ତ୍ରିସାଳା ଚିନ୍ତାମାଣୀ

VAJRA PARA'SU PÀ'SA KHARGA CAKRA TRI'SÀLA CINTÀMAÑI

MAHÀVIDYÀDHÀRAÑI

ରାକ୍ଷା ରାକ୍ଷା ମାମ୍ ସାର୍ବା ସତ୍ତ୍ଵାନାମ୍ଚା

RAKṢA RAKṢA MÀM_SARVA SATVÀNÀMCA

ସାର୍ଵାତ୍ରା ସାର୍ଵା ସ୍ଥାନା ଗତାସ୍ୟା

SARVATRA SARVA STHANA GATASYA

ସାର୍ଵା ଦୁଷ୍ଟା ଭୟାତ୍ମିକା

SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ

ସାର୍ଵା ମାନୁଷ୍ୟା ଅମାନୁଷ୍ୟା ଭୟାତ୍ମିକା

SARVA MANUṢYA AMANUṢYA BHAYEBHYAḤ

ସାର୍ଵା ବ୍ୟାଧିତ୍ମିକା

SARVA VYADHIBHYAḤ

ଘଟ୍ଟା ଘଟ୍ଟାଘଟୀ

VAJRE VAJRAVATI

ଘଟ୍ଟାପାଣି ଦହାରେ

VAJRAPÀÑI DHARE

ହିଲି ହିଲି

HILI HILI

ମିଲି ମିଲି

MILI MILI

ଚିଲି ଚିଲି

CILI CILI

ମିଲି

MILI

ଘଟ୍ଟା ଘଟ୍ଟା ଘଟ୍ଟା

VARA VARA VARANI

ସାର୍ଵାତ୍ରା ଜୟାଲମ୍ବି ସ୍ଵାହା

SARVATRA JAYALAMVI SVÀHÀ

ପାପା ବିଦାରାଣୀ ସାର୍ଵା ବ୍ୟାଧି ହାରାଣୀ ସ୍ଵାହା

PÀPA VIDÀRAÑI_SARVA VYADHI HARAÑI SVÀHÀ

ସାର୍ଵାତ୍ରା ଭୟା ହାରାଣୀ ସ୍ଵାହା

SARVATRA BHAYA HARAÑI SVÀHÀ

ପୁଷ୍ଟି ସ୍ଵାହା

PUṢṬI SVÀHÀ

ସ୍ଵାସ୍ତିର୍ଭାଘାତୁ ମାମା (.....) ସ୍ଵାହା

SVASTIRBHAVATU MAMA (.....) SVÀHÀ

ମିତ୍ର ସ୍ଵାହା

MITRA SVÀHÀ

Mật Tạng Bộ 3_ No.1154 (Tr.637_ Tr.644)

PHẬT NÓI KINH TÙY CẦU TỨC ĐẮC ĐẠI TỰ TẠI ĐÀ LA NI THẦN CHÚ

Hán dịch : Đời Đường –Nước **Ca Thấp Di La** (Ka'smìra) thuộc Bắc Ấn
Độ_Tam Tạng **BẢO TỰ DUY** dịch ở Chùa THIÊN CUNG

Việt Dịch : HUYỀN THANH

Như vậy tôi nghe, một thời Đức **Bà Già Bà** (Bhagavam: Thế Tôn) ngự tại núi **Kỳ Xà Quật** (Gr̥dhakùṭa) ở Đại thành **Vương Xá** (Ràja-gr̥ha) cùng với các đệ tử dự hội nói Pháp

Bấy giờ vị Đại Phạm Thiên Vương là *Chủ của Thế Giới Sa Bà* (Sahampati) đến chỗ Phật ngự nhiều quanh theo bên phải ba vòng, đỉnh lễ bàn chân của Đức Phật, chấp tay hướng về Đức Phật rồi bạch Phật rằng: “Nguyện xin Đức Thế Tôn vì lợi ích cho chúng sinh, nói Đà La Ni Thần Chú khiến cho khắp cả Trời Người được an vui”

Đức Phật nói: “Lành thay ! Lành thay ! Đại Phạm Thiên Vương ! Ông hay thương xót tất cả chúng sinh mà hỏi về việc lợi ích này. Ông hãy suy nghĩ cho khéo! Ta sẽ vì ông mà phân biệt diễn nói

Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú này hay ban cho tất cả chúng sinh sự an vui tối thắng. Chẳng bị tất cả **Dạ Xoa** (Yakṣa), **La Sát** (Ràkṣasa) với **bệnh điên loạn** (Unmàda), **quỷ đói** (Preta), **quỷ Tắc Kiến Đà** (Skandha), các hàng quỷ thần gây não hại, cũng chẳng bị bệnh nóng lạnh xâm tổn. Ở nơi cư ngụ luôn luôn được thù thắng, chẳng bị sự xâm hại bởi đấu chiến oán thù, lại hay đập tan kẻ địch, chú trở yểm đảo chẳng có thể làm hại, tội của nghiệp trước đều được tiêu diệt. Chất độc chẳng thể gây hại, lửa chẳng thể thiêu đốt, đao chẳng thể gây thương tích, nước chẳng thể cuốn chìm. Chẳng bị sấm sét (lôi điện, phích lịch) gió ác mưa bão không đúng thờigây tổn hại .

Nếu có người thọ trì Thần chú này thì nơi cư ngụ được thù thắng. Nếu có thể viết chép Thần Chú rồi đeo trên cổ hoặc cột trên cánh tay thì người đó hay thành tất cả việc thanh tịnh tối thắng. Thường được **chư Thiên** (Devànàṃ), **Long Vương** (Nàga-ràja) ủng hộ. Lại được **chư Phật** (Buddhànàṃ), **Bồ Tát** (Bodhisatva) nghĩ nhớ. **Kim Cương Mật Tích** (Vajra-guhyaka), **Tứ Thiên Đại Vương** (Catvāsraḥ-mahà-ràjikàḥ: 4 vị Đại Thiên Vương) Thiên Đế Thích (Indra, hay ‘Sakra), **Đại**

Phạm Thiên Vương (Maha-brahma-deva-ràja), **Tỳ Nữ Thiên** (Viṣṇu), **Đại Tự Tại Thiên** (Mahe'svara), **Câu Ma La Quân Chúng** (Kumàra-sena-gaṇa), **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinàyaka), **Đại Hắc Thiên** (Mahà-kàla), **Nan Đề Kê Thuyết Thiên** (Nàndike'svara)..... ngày đêm thường theo ủng hộ người trì Chú này .

Lại được **Ma Đế Kiến Noa** (Màṭṭr-gaṇa), **Thiên chúng** (Deva-gaṇa) với các **Thiên Thần chúng** (Devatà-gaṇa), **Tự Tại** (Ì'svara) khác cũng ủng hộ như vậy.

Lại được Chư Ma, Thiên chúng với các quyến thuộc. Chư Thần, bậc có Uy Đức lớn của Thần Chú là: **Uống Câu Thi Thần** (Amku'se), **Bạt Chiết La Thần** (Vajra), **Thương Yết La Thần** ('Samkhara), **Ma Mạc Kê Thần** (Màmakì), **Tỳ Câu Tri Thần** (Bhṛkṛti), **Đa La Thần** (Tàrà), **Ma Ha Ca La Thần** (Mahà-kàla), **Bộ Đa Thần** (Bhùta), **Chước Yết La Ba Ni Thần** (Cakra-pàṇi), **Đại Lực Thần** (Mahà-bala), **Trường Thọ Thiên**, **Ma Ha Đề Tỳ Thần** (Mahà-devì), **Ca La Yết Ni Thần**, **Hoa Xỉ Thần** (Puṣpa-danti), **Ma Ni Châu Kế Thần**, **Kim Kế Thần**, **Tân Nghiệt La La Khí Thần**, **Điện Man Thần**, **Ca La La Lợi Thần**, **Tỳ Câu Tri Thần** (Bhṛkṛti), **Kiên Lao Địa Thần** (Dṛdha-pṛthivì), **Ô Đà Kế Thi Thần**, **Thập Phiệt Lật Đa Na Na Thần**, **Đại Nộ Thần** (Mahà-krodha), **Chấp Kiếm Thần** (Khaḍga-dhàra), **Ma Ni Quang Thần** (Maṇi-prabha), **Xà Tri Ni Thần** (Jaṭini), **Nhất Xà Tra Thần** (Eka-jāta), **Phật Đà Đà La Ba Lợi Ni Thần** (Buddha-dhara-pàṇi), **Lăng Kê Thuyết Thiên** (Laṅke'svara) và vô lượng các **Thiên Thần** (Devatà) khác Các Thiên chúng ấy đều đến ủng hộ.

Nếu Thần Chú này được đeo trên thân, bàn tay... thì **Quỷ Tử Phụ Mẫu** (Hāṛtye và Pañcika), **Ma Ni Bạt Đà Thần** (Maṇi-bhadra), **Lực Thiên** (Bala-deva), **Đại Lực Thiên** (Mahà-bala-deva), **Thắng Khí Ni Thần** (Samkhini), **Câu Tra Đàn Để Thần** (Kuṭa-danti), **Công Đức Thiên** ('Sri), **Đại Biện Thiên** (Sarasvatì)luôn luôn đi theo ủng hộ.

Nếu có người nữ nào thọ trì Thần Chú này sẽ có thể lực lớn, thường sinh con trai. Lúc thọ thai thì thai sẽ được an ổn, khi sanh sản được an vui, không có các bệnh tật, mọi tội tiêu trừ, quyết định không nghi. Do sức của Phước Đức mà tiền của, lúa gạo được tăng trưởng. Lời bảo ban khiến cho người đều tin nhận. Thường được tất cả điều cung kính, nên phải khiết tịnh (trong sạch tinh khiết)

Nếu có người nam , người nữ, đồng nam , đồng nữ trì chú này sẽ được an vui , không có bệnh tật, mọi tội tiêu trừ, sắc tướng đẹp đẽ mạnh khoẻ, viên mãn cát tường , phước đức tăng trưởng .

Nếu có người nam, hoặc người nữ, đồng nam, đồng nữ... trì Chú này sẽ được an vui, không có bệnh tật, mọi tội tiêu trừ, sắc tướng đẹp đẽ mạnh khoẻ, viên mãn cát tường , Phước Đức tăng trưởng, tất cả Chú Pháp đều được thành tựu.

Người đeo Chú này tuy chưa vào Đàn, liền thành người đã vào tất cả Đàn, cùng đồng hạnh với người đã vào Đàn, chẳng bị ác mộng, tội nặng tiêu diệt. Nếu có kẻ khởi Tâm ác hướng đến thì chẳng thể làm hại cho người trì Chú này được. Tất cả lạc dục mong cầu đều được thành tựu.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền nói Chú là:

1. Na mâu tát bà đát tha nghiệt đa năng (NAMAḤ SARVA TATHAGATÀNÀM)

2. Na mâu bột đà đạt ma tăng chi biểu (NAMO BUDDHA DHARMA SAMGHEBHAYAḤ)

3. Án (OM)

4. Tỳ bổ la nghiệt bệ (VIPULA GARBHE)

5. Tỳ mặt lê xà gia nghiệt bệ (VIMALE JAYA GARBHE)

6. Phiệt chiết la thời phộc la nghiệt bệ (VAJRA JVALA GARBHE)

7. Nghiệt để già ha nê (GATI GAHANE)

8. Già già na tỳ du đạt nê (GAGANA VI'SODHANE)

9. Tát bà bả ba tỳ du đạt nê (SARVA PÀPA VI'SODHANE)

!0. Án (OM)

11. Cù noa bạt để (GUṆA VATI)

12. Già già lị ni (GAGARINI)

13. Kỳ lị kỳ lị (GIRI GIRI)

14. Già mặt lị (GAMÀRI)

15. Già ha già ha (GAHA GAHA)

16. Già nghiệt lị già nghiệt lị (GARGÀRI GARGÀRI)

17. Già già lị, Già già lị (GAGARI GAGARI)

18. Kiềm bà lị, Kiềm bà lị (GAMBHARI GAMBHARI)

19. Nghiệt để, nghiệt để (GATI GATI)

20. Già mặt nê già lị (GAMARI GARE)

21. Cù lô cù lô, Cù lô ni (GÛRU GÛRU GÛRUNE)

22. Chiết lệ chiết lệ, mâu chiết lệ (CALE ACALE MUCALE)

23. Thệ duệ, tỳ thệ duệ (JAYE VIJAYE)

24. Tát bà bà gia tỳ nghiệt để (SARVA BHAYA VIGATE)

25. Nghiệt bà tam bà la ni (GARBHA SAMBHARAṆI)

26. Bử lị tỳ lị (SIRI SIRI)

27. Dĩ lị dĩ lị (MIRI MIRI)

28. Tam mạn đa ca lị sa ni (SAMANTA AKARṢAṆI)

29. Thiết đồ tăng bát la mặt tha nễ ('SATRÙNÀM PRAMATHANI)

30. Lạc xoa lạc xoa ma ma (Tôi tên là....) tả (RAKṢA RAKṢA MAMAṢYA

31. Tỳ lị tỳ lị (VIRI VIRI)

32. Tỳ nghiệt đa phiệt la ni (VIGATA AVARAṆI)

33. Bà gia bà xá tô lị tô lị (BHAYA PÀ'SA SURI SURI)

34. Chất lý ca mặt lệ (CILI KAMALE)

35. Thị duệ (JAYE)

36. Thị gia bà hê (JAYA VAHE)

37. Thị gia bà để (JAYA VATI)

38. Bà già bạt để (BHAGAVATI)

39. **Hạt la dát na ma câu tra ma la đạt lệ** (RATNA MAKUṬA MĀLĀ DHĀRI)

40. **Tỳ chất đa la bệ sa ba đà lệ ni** (VICITRA VEṢA RŪPA DHĀRIṆĪ)

41. **Bà già bặt để tất địa gia đệ tỳ** (BHAGAVATI VIDYĀDEVĪ)

42. **Lạc xoa đô ma** (Tôi tên là) **tả** (RAKṢA TUMAMṢYA)

43. **Tam mạn đa ca la tỳ du đạt nễ** (SAMANTA KARA VI'SODHANE)

44. **Hô lô hô lô** (HURU HURU)

45. **Nhược sát dát tả ma la đà lệ ni** (NAKṢATRA MĀLĀ DHĀRIṆĪ)

46. **Chiên noa chiên noa chiên ni** (CAṆḌA CAṆḌA CAṆḌĪ)

47. **Bệ già bặt để** (VEGA VATI)

48. **Tất bà đột sát tra nễ bà la ni** (SARVA DUṢṬA NIVĀRAṆĪ)

49. **Thiết đốt lỗ bát xoa bát loa mặt tha nễ** ('SATRŪ PAKṢA PRAMATHANI)

50. **Tỳ xà gia bà tứ** (VIJAYA VĀHINI)

51. **Hổ lô hổ lô** (HURU HURU)

52. **Mẫu lô mẫu lô** (MURU MURU)

53. **Chu lô chu lô** (CURU CURU)

54. **A dữu ba thư nễ** (AYUḤ PĀLANI)

55. **Tô la bà la ma thát nễ** (SURA VARA MATHANI)

56. **Tất bà đề bà đa bỏ thị để** (SARVA DEVATĀ PŪJITE)

57. **Địa lệ địa lệ** (DHIRI DHIRI)

58. **Tam mạn đa bà lô cát đế** (SAMANTA AVALOKITE)

59. **Bát la bệ** (PRABHE)

60. **Tô bát la bà du nễ** (SUPRABHA 'SUDDHE)

61. **Tất bà bả ba tỳ du đạt nễ** (SARVA PĀPA VI'SODHANE)

62. **Đà la đà la đà la ni** (DHARA DHARA DHARAṆĪ)

63. **Bạt la đà lệ** (VARA DHARE)

64. **Tô mẫu tô mẫu** (SUMU SUMU)

65. **Tô mẫu lô chiết lệ** (SUMURU CALE)

66. **Chiết lệ giá la gia đột sát tra** (CALE CALĀYA DUṢṬA)

67. **Bộ la gia a thưởng** (PŪRAYA Ā'SAM)

68. **Thi lệ bà bô đà la chiết gia ca mặt lệ** ('SRI VAPUDHARA JAYA KAMALE)

69. **Khí sử ni khí sử ni** (KṢIṆĪ KṢIṆĪ)

70. **Tất bà đề ba đa bà la đà tả câu thí** (SARVA DEVATĀ VARADA AṆ KU'SE)

71. **Án** (OM)

72. **Bát đặc ma tỳ du đề** (PADMA VI'SUDDHE)

73. **Du đạt nễ du đề** ('SODHANE 'SUDDHE)

74. **Bà la bà la** (BHARA BHARA)

75. **Tỳ lệ tỳ lệ** (BHIRI BHIRI)

76. Bộ lô bộ lô (BHURU BHURU)
77. Mãng ngải la nhiếp bát đề (MAṆGALA VI'SUDDHE)
78. Bạt bậc đa la mục khế (PAVITRA MUKHE)
79. Khương ca lệ (KHARGARI)
80. Khư la khư la (KHARA KHARA)
81. Thời phộc lật đa thất lệ (JVALITA 'SIRE)
82. Tam mạn đa bát la tát lệ đa bà bà chí đa du đề (SAMANTA PRASARITA AVABHAṢITA 'SUDDHE)
83. Thời phộc la thời phộc la (JVALA JVALA)
84. Tát bà đề bà đề noa tam ma yết lệ sa ni (SARVA DEVAGAṆA SAMA AKARṢAṆI)
85. Tát đế gia phiệt đế (SATYA VATI)
86. Đát la đát la (TÀRA TÀRA)
87. Na già tỳ lô yết nễ (NÀGAVILOKINI)
88. La hô la hô (LAHU LAHU)
89. Hô nỗ hô nỗ (HUNU HUNU)
90. Sát ni sát ni (KṢIṆI KṢIṆI)
91. Tát bà nghiệt la ha bặc sát ni (SARVA GRAHA BHAKṢAṆI)
92. Thỉ nghiệt la thỉ nghiệt la (PIMḠALA PIMḠALA)
93. Chu mẫu chu mẫu, tô mẫu tô mẫu (CUMU CUMU SUMU SUMU)
94. Tỳ chiết lệ (VICALE)
95. Đát la đát la (TÀRA TÀRA)
96. Đa la gia đồ ma (Tôi tên là....) tả. Ma ha bội gia (TÀRÀYA TUMAMAṢYA MAHÀ BHAYA)
97. Tam mâu đạt la, sa già la, bát lệ diễn đa, ba đa la, già già na (SAMUDRA SÀGARA PRATYANTAMA PÀTÀLA GAGANA)
98. Sa mạn đế na (SAMANTENA)
99. Bạt chiết la thời phộc la tỳ du đạt nễ (VAJRA JVALA VI'SODHANE)
100. Bộ lệ bộ lệ (BHURI BHURI)
101. Nghiệt bà phiệt đế nghiệt bà tỳ du đạt nễ (GARBHAVATI GARBHA VI'SODHANE)
102. Câu khí sử tam bộ la ni (KUKṢI SAPURANI)
103. Xà la giá la xà lật nễ (CALA CALA JVALINI)
104. Bát la phiệt lệ sa đồ đề bà sa mạn đế na (PRAVAṢATU DEVA SAMANTENA)
105. Điệt tỳ dụ đà kế na (DIDHYODAKENA)
106. A mật lật đa phiệt lệ sa ni (AMṚTA VARṢANI)
107. Đề ba đa bà đa lật ni (DEVA DEVA DHÀRIṆI)
108. A tỳ tru giá đồ mê (ABHIṢIṆCA TUME)
109. A mật lật đa bạt la bà bộ sái (AMṚTA VARA VAPUṢPE)
110. Lạc xoa, lạc xoa ma ma (Tôi tên là...) tả (RAKṢA RAKṢA MAMAṢYA)

111. **Tát bà đất la** (SARVATRÀ)
112. **Tát bà đà** (SARVADÀ)
113. **Tát bà bà duệ biểu** (SARVA BHAYEBHYAḤ)
114. **Tát bồ ô ba đạt la bộ biểu** (SARVA UPADRAVEBHYAḤ)
115. **Tát bồ ô bát tát kỳ biểu** (SARVA UPASARGEBHYAḤ)
116. **Tát bà đột sắt tra bà duệ tỳ đất tả** (SARVA DUṢṬA BHAYE BHÌTAṢYA)
117. **Tát bà yết lệ yết la ha** (SARVA KÀLI KALAHA)
118. **Tỳ yết la ha tỳ bà đà** (VIGRAHA VIVÀDA)
119. **Đột tấp pháp bát na** (DUḤSVAPNÀM)
120. **Đột lật nễ mặt đa, a măng ngải lược dạ** (DURNI MINTA AMAMGALLYA)
121. **Bả ba tỳ na thiết nễ** (PÀPA VINÀ'SANI)
122. **Tát bà được phu la sát sa nễ bà la ni** (SARVA YAKṢA RÀKṢASA NIVÀRAṆI)
123. **Sa la ni tát lệ** (SARAṆI SARE)
124. **Bà la bà la** (BALA BALA)
125. **Bà la bạt đế** (BALAVATI)
126. **Xà gia xà gia đồ ma** (Tôi tên là....) **tả** (JAYA JAYA TUMAM ṢYA)
127. **Tát bà đất la** (SARVATRÀ)
128. **Tát bà ca lam** (SARVA KÀRAM)
129. **Tát đoạn đồ bát địa gia sa đà gia** (SIDDHYANTUME VIDYA SÀDHAYAT)
130. **Tát bà mạn trà la sa đạt nễ** (SARVA MAṆḌALA SÀDHANI)
131. **Xà gia tất đề** (JAYA SIDDHE)
132. **Tát đề, tô tất đề** (SIDDHE SUSIDDHE)
133. **Tát đà gia tất đà gia** (SIDDHYA SIDDHYA)
134. **Bộ địa gia, bộ địa gia** (BUDDHYA BUDDHYA)
135. **Bô la ni, bô la ni** (PÙRAṆI PÙRAṆI)
136. **Tát bà bát địa gia địa nghiệt đá mẫu lật đề** (SARVA VIDYA ADHIGATA MÙRTTE)
137. **Xà du đất lệ xà gia bạt đế** (JAYOTTARI JAYAVATI)
138. **Sắt xá đế** (ṢṬHATI)
139. **Đề sắt xá đế sắt xa** (TIṢṬA TIṢṬA)
140. **Tam muội gia ma nễ ba lại gia** (SAMAYAM ANUPÀLAYA)
141. **Đất tha nghiệt đa du đề** (TATHÀGATA 'SUDDHE)
142. **Tỳ gia bà lô ca gia đô ma** (Tôi tên là....) **tả** (VYÀVALOKAYA TUMAMṢYA)
143. **A sắt tra bát hiệt lam , ma ha bà gia đà lỗ ni** (AṢṬA BHIRIRAM MAHÀ BHAYA DÀRUṆI)
144. **Tát la tát la** (SARA SARA)
145. **Bát la tát la, bát la tát la** (PRASARA PRASARA)

146. **Tát bà phiệt la noa tỳ du đạt nễ** (SARVA AVARAṆA VI'SODHANE)
147. **Tam mạn đa ca la man trà la du đề** (SAMANTA KÀRA MAṆḌALA 'SUDDHE)
148. **Tỳ nghiệt đề, tỳ nghiệt đề** (VIGATE VIGATE)
149. **Tỳ nghiệt đa mặt lê du đạt nễ** (VIGATA MÀRE 'SODHANE)
150. **Khí sử ni, khí sử ni** (KṢIṆI KṢIṆI)
151. **Tát bà bạt ba tỳ du đề** (SARVA PÀPA VI'SUDDHE)
152. **Mạt la tỳ du đề** (MÀRA VIGATE)
153. **Đế xà bạt đế, bạt chiết la bạt đế** (TEJAVATI VAJRAVATI)
154. **Đề lệ lô chỉ gia địa sát xỉ đế, sa ha** (TRAILOKYA ADHIṢṬITE SVÀHÀ)
155. **Tát bà đất tha nghiệt đa mẫu la đà tỳ sắc ngật đế, sa ha** (SARVA TATHÀGATA MURDDHA ABHIṢIKTE SVÀHÀ)
156. **La bà bồ đề tát đỏa , tỳ sắc ngật đế, sa ha** (SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE SVÀHÀ)
157. **Tát bà đề bà đa, tỳ sắc ngật đề, sa ha** (SARVA DEVATÀ ABHIṢIKTE SVÀHÀ)
158. **Tát bà đất tha nghiệt đa hiệt lật đà lệ, địa sát xỉ đế, sa ha** (SARVA TATHÀGATA HRDAYE ADHIṢṬITE SVÀHÀ)
159. **Tát bà đất tha nghiệt đa tam muội gia tất đệ, sa ha** (SARVA TATHÀGATA SAMAYA SIDDHE SVÀHÀ)
160. **Ấn diệt lệ, ấn đà la bạt đế, ấn đà la tỳ gia bà lô cát đế, sa ha** (INDRE INDRAVATI INDRAVYAVALOKITE SVÀHÀ)
161. **Bột la ế mê, bột la ế mê, bột la ha ma địa du sát đế, sa ha** (BRAHME BRAHME BRAHMA ADHYUṢṬE SVÀHÀ)
162. **Tỷ sát nỗ na ma tất cát lật đế, sa ha** (VIṢṆU NAMASKRTE SVÀHÀ)
163. **Ma hê thấp phộc la na ma tất cát lật đế, sa ha** (MAHE'SVARA NAMASKRTE SVÀHÀ)
164. **Bạt chiết la đà la , bạt chiết la ba ni, bà la tỳ lê gia, địa sát xỉ đế, sa ha** (VAJRADHÀRA VAJRAPÀṆI BALA VÌRYA ADHIṢṬITE SVÀHÀ)
165. **Tiểu lệ đế la sát tra la gia, sa ha** (DHṚTARÀṢṬRÀYA SVÀHÀ)
166. **Tỳ lô trà ca gia, sa ha** (VIRÙDHAKÀYA SVÀHÀ)
167. **Tỳ lô ba xoa gia, sa ha** (VIRÙPÀKṢAYA SVÀHÀ)
168. **Bùi thất la mãn noa gia, sa ha** (VAI'SRAVAṆÀYA SVÀHÀ)
169. **Chiết đốt lạc ma ha la xà, na ma tất cát lật đa gia, sa ha** (CATUR MAHÀ RÀJA NAMASKRÀYA SVÀHÀ)
170. **Bà lỗ noa gia, sa ha** (VARUNÀYA SVÀHÀ)
171. **Na già tỳ lô chỉ đa gia, sa ha** (NÀGAVILOKITÀYA SVÀHÀ)
172. **Đề bà nghiệt nãi biểu, sa ha** (DEVA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
173. **Na già nghiệt nãi biểu, sa ha** (NÀGA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
174. **Dược xoa nghiệt nãi biểu, sa ha** (YAKṢAGAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)

175. **Kiên đạt bà nghiệt nãi biểu, sa ha** (GANDHARVA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
176. **A tô la nghiệt nãi biểu, sa ha** (ASURA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
177. **Già lỗ trà nghiệt nãi biểu, sa ha** (GURUDA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
178. **Khẩn na la nghiệt nãi biểu, sa ha** (KIMNARA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
179. **Ma hô la già nghiệt nãi biểu, sa ha** (MAHORAGA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
180. **Hạt la sát sa nghiệt nãi biểu, sa ha** (RĀKṢASA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
181. **Ma nễ sái biểu, sa ha** (MANUṢYEBHYAḤ SVÀHÀ)
182. **A ma nễ sái biểu, sa ha** (AMANUṢYEBHYAḤ SVÀHÀ)
183. **Tát bà già lạc hê biểu,sa ha** (SARVA GRAHEBHYAḤ SVÀHÀ)
184. **Tát bà bộ để biểu , sa ha** (SARVA BHŪTEBHYAḤ SVÀHÀ)
185. **Bế lệ để duệ biểu, sa ha** (PRETEBHYAḤ SVÀHÀ)
186. **Tát xá chế biểu, sa ha** (PI'SĀCEBHYAḤ SVÀHÀ)
187. **Áng ba tát ba lệ biểu, sa ha** (APASMĀREBHYAḤ SVÀHÀ)
188. **Cát lý nãi biểu , sa ha** (KUMBHĀNḌEBHYAḤ SVÀHÀ)
189. **Án** (OM)
190. **Độ lô độ lô, sa ha** (DHURU DHURU SVÀHÀ)
191. **Đổ lô đổ lô, sa ha** (TURU TURU SVÀHÀ)
192. **Mâu lô mâu lô, sa ha** (MURU MURU SVÀHÀ)
193. **Ha na tát bà thiết đồ lỗ ấp ma ma tả, sa ha** (HANA SARVA 'SATRŪNĀM MAMAṢYA SVÀHÀ)
194. **Đà ha đà ha tát bà đột sắt tra, bát la đột sắt tra, ma ma** (Tôi tên là...) **tả, sa ha** (DAHA DAHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬA MAMAṢYA SVÀHÀ)
195. **Bát già bát già tát bà bát la để gia thiết ca, bát la để gia mật đa la, ma ma** (Tôi tên là....) **tả, sa ha** (PACA PACA SARVA PRATYARTHĪKA PRATYĀMITRA MAMAṢYA SVÀHÀ)
196. **Thời phộc lật đa gia, sa ha** (JVALITĀYA SVÀHÀ)
197. **Bát la thời phộc lật đa gia, sa ha** (PRAJVALITĀYA SVÀHÀ)
198. **Địa bát đa thời phộc la gia, sa ha** (DĪPTA JVALĀYA SVÀHÀ)
199. **Tam mạn đa bát la thời phộc lật đa gia, sa ha** (SAMANTA PRAJVALITĀYA SVÀHÀ)
200. **Ma ni bạt đạt la gia, sa ha** (MAṆIBHADRĀYA SVÀHÀ)
201. **Bố lật noa bạt đà la gia, sa ha** (PŪRṆABHADRĀYA SVÀHÀ)
202. **Ma ha ca la gia, sa ha** (MAHĀ KĀLĀYA SVÀHÀ)
203. **Ma để lị già noa gia, sa ha** (MĀTRGAṆĀYA SVÀHÀ)
204. **Dược khát sử ni ấp , sa ha** (YAKṢINĪNĀM SVÀHÀ)
205. **Hạt la sát tứ ấp, sa ha** (RĀKṢASĪNĀM SVÀHÀ)
206. **A ca xa ma để ấp, sa ha** (ĀKĀ'SA MĀTRNĀM SVÀHÀ)

207. Tam mẫn đạt la nễ bà tất nễ áp, sa ha (SAMUDRA NIVÀSINĪNĀM SVÀHĀ)
208. Hạt la để lị chiết lam , sa ha (RĀTR CARĀṆĀM SVÀHĀ)
209. Địa bà sa chiết lam, sa ha (DIVASA CARĀṆĀM SVÀHĀ)
210. Để lị tán địa gia chiết lam, sa ha (TRISANTYA CARĀṆĀM SVÀHĀ)
211. Bệ la chiết lam, sa ha (VELA CARĀṆĀM SVÀHĀ)
212. A bệ la chiết lam, sa ha (AVELA CARĀṆĀM SVÀHĀ)
213. Hạt bà chiết lệ biểu, sa ha (GARBHĀHĀREBHYAḤ SVÀHĀ)
214. Hạt bà tán đà la ni , hô lô hô lô, sa ha (GARBHA SANDHĀRAṆĪ HULU HULU SVÀHĀ)
215. Án, sa ha (OM SVÀHĀ)
216. Tát bà, sa ha (SVĀḤ SVÀHĀ)
217. Bộ phiệt, sa ha (BHŪḤ SVÀHĀ)
218. Bộ lỗ bộ phiệt, sa ha (BHŪRBHŪVAḤ SVÀHĀ)
219. Chất tán chất tán, sa ha (CĪṬĪ CĪṬĪ SVÀHĀ)
220. Phí tán phí tán, sa ha (VĪṬĪ VĪṬĪ SVÀHĀ)
221. Đà la ni, sa ha (DHĀRAṆĪ SVÀHĀ)
222. Đà la ni, sa ha (DHARAṆĪ SVÀHĀ)
223. Ác kỳ nễ, sa ha (AGNI SVÀHĀ)
224. Đế thù bà bố, sa ha (TEJO VÀYU SVÀHĀ)
225. Chỉ lý chỉ lý, sa ha (CILĪ CILĪ SVÀHĀ)
226. Tỷ lý tỷ lý, sa ha (SILĪ SILĪ SVÀHĀ)
227. Bột địa gia, bột địa gia, sa ha (BUDDHYA BUDDHYA SVÀHĀ)
228. Mạn trà la tất địa duệ, sa ha (MAṆḌALA SIDDHYE SVÀHĀ)
229. Mạn trà la bạn đà duệ, sa ha (MAṆḌALA BANDHAYE SVÀHĀ)
230. Tư ma bạn đạt ni, sa ha (‘SĪMA BANDHANI SVÀHĀ)
231. Chiêm bà chiêm bà, sa ha (JAMBHA JAMBHA SVÀHĀ)
232. Tát đam bà, tất đam bà, sa ha (STAMBHA STAMBHA SVÀHĀ)
233. Sân đà, sân đà , sa ha (CCHINDA CCHINDA SVÀHĀ)
234. Tần đà tần đà, sa ha (BHINDA BHINDA SVÀHĀ)
235. Bạn đà bạn đà, sa ha (BANDHA BANDHA SVÀHĀ)
236. Mâu hồi già mâu hồi già, sa ha (MOHAYA MOHAYA SVÀHĀ)
237. Ma ni tỳ dụ đề, sa ha (MAṆĪ VI‘SUDDHE SVÀHĀ)
238. Tố lật duệ, tố lật duệ, tô lị gia, tỳ dụ đề, sa ha (SŪRYE SŪRYE SŪRYA VI‘SUDDHE SVÀHĀ)
239. Chiến diệt lệ, tô chiến diệt lệ, bố lật noa chiến diệt lệ, sa ha (CANDRE SUCANDRE PŪRṆACANDRE SVÀHĀ)
240. Nhạ sát đa la gia, sa ha (NAKṢATRĀYA SVÀHĀ)
241. Thất phệ, sa ha (‘SIVE SVÀHĀ)
242. Phiến để duệ, sa ha (‘SĀNTIYE SVÀHĀ)
243. Tô phộc tất để dã, dã nễ, sa ha (SVASATYA YANE SVÀHĀ)

244. **Thi phạm yết li, phiến để yết li, bổ sắt trí bạt lật đà nễ, sa ha** (‘SIVAM KARI, ‘SANTI KARI, PUṢṬI BALA VARDHANI SVÀHÀ)
 245. **Thất li yết lệ, sa ha** (‘SRÌ KÀRE SVÀHÀ)
 246. **Thất li gia bạt li đà nễ, sa ha** (‘SRÌYA VARDHANI SVÀHÀ)
 247. **Thất li gia thời phộc la nễ, sa ha** (‘SRÌYA JVALANI SVÀHÀ)
 248. **Na mâu chi, sa ha** (NAMUCI SVÀHÀ)
 249. **Ma lỗ chi, sa ha** (MURUCI SVÀHÀ)
 250. **Bệ già phiệt để, sa ha** (VEGA VATI SVÀHÀ)
 Phần bên trên là **Căn bản Chú**

__Nhất Thiết Phật Tâm Chú :

1. **Án** (OM)
2. **Tát bà đát tha nghiệt đa mộ lật để** (SARVA TATHÀGATA MÙRTTE)
3. **Bạt la phiệt la nghiệt đa bà duệ** (PRAVARA GATA BHAYE)
4. **Xa ma diễn đở ma ma** (Tôi tên là....) **tả, tát bà bả bế biều**
 (‘SAMAYAMTU MAMAṢYA _ SARVA PÀPEBHAYAḤ)
5. **Sá tát để la bà phiệt đở** (SVÀSTIRBHAVATU)
6. **Mâu chi, mâu chi, tỳ mâu chi** (MUṆI MUṆI VIMUṆI)
7. **Giá li, giá li, giá la nễ** (CALE CALE CALANE)
8. **Nghiệt để** (GATI)
9. **Bà đà la nãi** (BHAYA HÀRANI)
10. **Bộ địa bộ địa** (BODHI BODHI)
11. **Bộ đà gia, bộ đà gia** (BODHIYA BODHIYA)
12. **Bột địa lợi, bột địa lam** (BUDHILI BUDHILAM)
13. **Tát bà đát tha nghiệt đa hiệt lật đà gia** (SARVA TATHÀGATA HRDAYA)
14. **Thụ sắt lai** (JUṢṬAI)
15. **Sa ha** (SVÀHÀ)

__Nhất Thiết Phật Tâm Ấn Chú :

1. **Án** (OM)
2. **Bạt chiết la bạt để** (VAJRA VATI)
3. **Bạt chiết la bát la để sắt xỉ đa du để** (VAJRA PRATIṢṬITA ‘SUDDHE)
4. **Đát tha nghiệt đa mẫu đà la** (TATHÀGATA MUDRA)
5. **Địa sắt xá na, địa sắt xỉ để, sa ha** (ADHIṢṬTANA ADHIṢṬITE)

__Quán Đỉnh Chú :

1. **Án** (OM)
2. **Mâu nễ, mâu nễ, mâu nễ phiệt lệ** (MUṆI MUṆI MUṆI VARE)

3. **A tỳ tru giả đô mê** (ABHIṢIMCA TUME)
4. **Tát bà đát tha nghiệt đa ma hồng** (Tôi tên là....) (SARVA TATHÀGATA MÀM)
5. **Tát bà bát tha gia tỳ sai kế** (SARVA VIDYA ABHIṢEKAI)
6. **Ma ha bạt chiết la phiệt gia, mẫu đà la, mẫu địa li để** (MAHÀ VAJRA KAVACA MUDRA MUDRITEH)
7. **Đát tha nghiệt đa hiệt lật đà gia** (TATHÀGATA HRDAYA)
8. **Địa sắt xỉ đa, bạt chiết lệ, sa ha** (ADHIṢṬITA VAJRE SVÀHÀ)

_ Quán Đỉnh Ấn Chú :

1. **Án** (OM)
2. **A mật lật đa phiệt lệ** (AMRTA VARE)
3. **Phộc la phộc la** (VARA VARA)
4. **Bát la phộc la tỳ du đề** (PRAVARA VI'SUDDHE)
5. **Hàm hàm** (HÙM HÙM)
6. **Phán tra, phán tra** (PHAṬ PHAṬ)
7. **Sa ha** (SVÀHÀ)

_ Kết Giới Chú :

1. **Án** (OM)
2. **A mật lật đa phiệt lệ** (AMRTA VARE)
3. **Nghiệt bà lạc sát ni** (GARBHA RAKṢAṆI)
4. **A yết la sa ni** (ÀKARṢAṆI)
5. **Hàm hàm** (HÙM HÙM)
6. **Phán tra, phán tra** (PHAṬ PHAṬ)
7. **Sa ha** (SVÀHÀ)

_ Phật Tâm Chú :

1. **Án** (OM)
2. **Tỳ ma lệ** (VIMALE)
3. **Xà gia phiệt để** (JAYA VATI)
4. **A mật lật để** (AMRTE)
5. **Hàm hàm hàm hàm** (HÙM HÙM HÙM HÙM)
6. **Phán tra, phán tra, phán tra, phán tra** (PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ)
7. **Sa ha** (SVÀHÀ)

_ Tâm Trung Tâm Chú :

1. **Án** (OM)
2. **Bạt la bạt la** (BHARA BHARA)
3. **Tâm bạt la** (SAMBHARA)
4. **Ấn địa lật gia** (INDRIYA)

5. **Tỳ du đạt nễ** (VI'SODHANE)

6. **Hàm hàm** (HÙM HÙM)

7. **Tầng lô già lệ** (KURU CALE)

8. **Sa ha** (SVÀHÀ)

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Thần Chú này xong, liền bảo Đại Phạm rằng: "Nếu có ai tạm nghe Đà La Ni này thì tất cả mọi tội chướng của kẻ trai lành, người nữ thiện ấy đều được trừ diệt.

_ Nếu hay tụng trì thì nên biết người ấy tức là thân của Kim Cương (Vajra-kàya), lửa chẳng thể thiêu đốt được.

Này Đại Phạm ! Ông nên biết việc này: Tại Đại Thành **Ca Tỳ La** (Kapila), lúc Đồng Tử **La Hầu La** (Ràhula) ở trong thai mẹ. Mẹ Ngài tên là **Gia Du Đà La** (Ya'sodhara) vốn là người nữ thuộc dòng tộc **Thích Ca** ('Sàkya). Khi bà bị ném vào hầm lửa thì lúc đó, La Hầu La đang nằm trong thai mẹ, nghĩ nhớ đến Chú này, cho nên hầm lửa lớn kia liền biến thành ao hoa sen. Đây là uy lực của Thần Chú này, do nhân duyên ấy mà lửa chẳng thể thiêu đốt được."

_ Đức Phật bảo: "Này Đại Phạm ! Chất độc chẳng thể hại người ấy được. Như ở thành **Thiện Du** có người con của vị Trưởng Giả **Phong Tài** (Bhogavatì), khéo trì tất cả **Cấm Chú** khác. Khi trì *Chú lực* nhiếp triệu vua **Rồng Đức Xoa Ca** (Takṣaka) lại quên **Kết Giới** (Sìma-bandhana). Vị Long Vương ấy giận dữ nghiêng răng gây tổn hại khiến cho người đầy phải chịu khổ não lớn. Trong khoảng khắc, mệnh không có ai có thể cứu vãn được.

Ở trong cái thành ấy, có vị **Ưu Bà Di** (Upāsika: Cận Sự Nữ) tên là **Vô Cấu** (Amala) thường trì **Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú** này. Vị Ưu Bà Di ấy khởi Tâm Đại Từ Bi, sinh lòng thương xót, liền đi đến nơi đó dùng Chú này cứu chữa. Bà mới tụng Chú một biến thì chất độc kia liền bị tiêu diệt làm cho người ấy được hoàn lại Bản Tâm. Thời người con của Vị Trưởng Giả ở bên bà **Vô Cấu** thọ trì Chú này, ghi nhớ tại Tâm. Vì thế nên biết chất độc chẳng thể hại được.

_ Lại nữa Đại Phạm ! Ở thành **Ba La Nại** (Vàraṇasì) có vị vua tên là **Phạm Thí**. Lúc đó, vị vua của nước lân cận có uy lực lớn, khởi bốn loại binh đến chinh phạt vua Phạm Thí. Khi bốn loại binh vào đến thành Ba La Nại thì vua Phạm Thí đã biết rồi. Ngài ban sắc lệnh cho mọi người trong Thành rằng: "*Các người đừng sợ hãi ! Ta có Thần Chú tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Đà La Ni**. Thần Chú này có sức mạnh hay đập nát kẻ địch với bốn loại binh*".

Khi đó vua Phạm Thí tắm rửa sạch sẽ, mặc áo mới sạch, viết chép Chú này đeo ở trên thân rồi lao vào chiến trận. Một mình vua giao tranh với giặc, giáng phục bốn loại binh khiến chúng quy hàng vua Phạm Thí.

Đại Phạm nên biết Đại Thần Chú này có uy lực lớn, được Như Lai ấn khả, thường nên nhớ niệm. Nên biết sau khi Đức Phật nhập diệt thì Chú này rất lợi ích cho chúng sinh.

_ Lại nữa Đại Phạm ! Nếu có người đeo Chú này, nên biết Như Lai dùng sức Thần Thông ủng hộ cho người đó. Nên biết người đó là **Thân của Như Lai**. Nên biết người đó là **Thân của Kim Cương**. Nên biết người đó là **Thân của Như Lai Tạng**. Nên biết người đó là **con mắt của Như Lai**. Nên biết người đó mặc áo giáp Kim Cương. Nên biết người đó là **Thân Quang Minh**. Nên biết người đó là **Thân Bất Hoại**. Nên biết người đó hay tội phục tất cả oán địch. Nên biết hết thảy tội chướng của người đó đều được tiêu diệt. Nên biết Chú đó hay trừ nạn khổ của Địa Ngục.

Đại Phạm nên biết, có vị Tỳ Khưu ít Tín Tâm, đối với Giới của Như Lai có sự khuyết phạm, lại ăn trộm đồ vật của Tăng hiền tiền, vật của Tăng thường trụ, vật của Tăng đi bốn phương mà dùng riêng cho mình. Sau này vị Tỳ Khưu đó bị bệnh nặng chịu nhiều khổ não.

Lúc ấy có một vị **Ưu Bà Tắc** (Upāsaka: Cận Sự Nam) thuộc dòng **Bà La Môn** (Brāhmaṇa) khởi Đại Từ Bi, viết Thần Chú này, đeo dưới cổ vị Tỳ Khưu bị bệnh. Khi đeo xong thì tất cả bệnh khổ thảy đều tiêu diệt. Sau khi hết thọ mệnh, vị Tỳ Khưu này bị đọa vào Địa Ngục **A Tỳ** (Avīci). Thi hài của vị Tỳ Khưu ấy được an táng trong cái Tháp và để Thần Chú lên trên thi hài. Ngày nay cái Tháp của vị Tỳ Khưu ấy còn tồn tại ở phía Nam của Thành **Mãn Túc**.

Vị Tỳ Khưu này tạt vào Địa Ngục thì hết thảy nỗi đau khổ của các kẻ chịu tội đều được ngừng dứt, khắp mọi người đều an vui, hết thảy đám lửa trong Địa Ngục cũng đều tiêu diệt.

Lúc đó, Ngục Tốt nhìn thấy hiện tượng đấy thì rất kinh ngạc lạ lùng, liền đem việc ấy thưa trình với **vua Diêm La** (Yama-rāja).

Thời vua Diêm La bảo Ngục Tốt rằng: *"Đây là Xá Lợi thuộc thân đời trước của bậc có Uy Đức lớn. Các người có thể đến phía Nam của thành Mãn Túc tìm xem có việc gì ?"*

Ngục Tốt nhận lệnh đi ngay, đầu đêm đến cái Tháp đó liền nhìn thấy cái Tháp tỏa hào quang như đám lửa lớn. Nhìn vào trong Tháp thì thấy ở trên thi hài của vị Tỳ Khưu có đặt Thần Chú **Tùy Cầu Túc Đắc Đại Đà La Ni**, lại có chư Thiên vây quanh thủ hộ. Lúc ấy, Ngục Tốt nhìn thấy sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn của Chú này liền đặt tên hiệu cho cái Tháp đó là **Tùy Cầu Túc Đắc** (Pratisārah)

Bấy giờ Ngục Tốt quay trở về trình báo mọi việc đã nhìn thấy cho vua Diêm La. Vị Tỳ Khưu ấy nương theo sức mạnh của Chú này mà tội chướng đều trừ diệt, liền được sinh về cõi **Tam Thập Tam Thiên** (Trāyastriṃ'sa-deva). Nhân vậy mà vị Trời này có tên là **Tùy Cầu Túc Đắc Thiên Tử** (Pratisāra-devaputra)

_ Đại Phạm nên biết, nếu biết như Pháp viết chép Chú này, đeo giữ trên Thân thì thường không có khổ não, lợi ích cho tất cả và trừ bỏ mọi sự sợ hãi.

Lại nữa Đại Phạm ! Như ở trong thành **Tiêu A Nguy** có vị Trưởng Giả tên là **Tỳ Lam Bà** (Vilambā). Kho tàng của ông đầy tràn, vàng bạc sung mãn, tiền của lúa đậu cực nhiều. Vị Trưởng Giả ấy là một Thương Chủ, ông dong chiếc thuyền to

đi vào biển lớn. Ở trong cái biển lớn ấy, gặp một con cá **Đê Di Lê** muốn phá hư thuyền. Vị vua **Rồng** trong biển lại sinh giận dữ, khởi sấm sét lớn, tuôn mưa đá cứng như Kim Cương. Lúc đó, mọi người rất sợ hãi lo lắng.

Khi ấy, vị **Thương Chủ** bảo các **Thương Nhân** rằng: *"Các ông đừng sợ hãi ! Tôi có phương kế quyết định thoát khỏi ách nạn này "*.

Chúng **Thương Nhân** nói: *"Lành thay ! Lành Thay ! "*.

Bấy giờ **Vị Thương Chủ** liền đúng như **Pháp viết chép Chú** này đặt trên đầu cây phượng. Tức thời con cá kia nhìn thấy chiếc thuyền này có vầng hào quang lớn như đám lửa rực nên thoái lui. Các hàng **Rồng** kia nhìn thấy tướng ấy liền khởi **Tâm Từ**. Khi ấy **vị Thương Chủ** với các **Thương Nhân** sinh **Tâm** cực vui vẻ và đến được nơi cất chứa vật báu.

Vì thế, **Đại Phạm !** Nên chép **Chú** này đặt trên đầu cây phượng sẽ hay trừ bỏ tất cả trận gió ác. Mọi hiện tượng rét lạnh chẳng đúng thời. Trời chợt nổi mây đen tuôn mưa sương mưa đá thủy đều ngừng dứt. Tất cả muỗi mòng, **Hoàng Trùng** với các loài khác...ăn phá lúa mạ tự nhiên sẽ lui tan. Tất cả giống thú ác, loài có nanh bén vuốt nhọn chẳng thể gây hại được. Tất cả lúa mạ, hoa quả, cỏ thuốc đều được tăng trưởng. Quả trái có vị ngon ngọt, chín mùi tùy theo thời. Các hàng **Long Vương** (**Nàga-ràja**) giáng mưa đúng thời tiết.

_ Lại nữa **Đại Phạm !** Nếu có người mong cầu thì cần phải như **Pháp viết chép Chú** này, ắt mọi điều cầu nguyện đều được thành tựu. Cầu con trai được con trai, cầu con gái được con gái, khéo giữ gìn bào thai, đứa con trong thai được an ổn, đủ ngày đủ tháng sinh sản an vui.

Đại Phạm nên biết, ở nước **Ma Già Đà** (**Magadha**) có vị vua tên là **Từ Mẫn Thủ** (? **Pratisàra-pàṇi**). Lúc mới sinh ra, vị vua ấy liền duỗi bàn tay phải nắm lấy vú mẹ thì hai bầu vú của mẹ biến thành màu vàng ròng và tự tuôn chảy sữa. Ở trong bàn tay của vị vua đó lại tuôn ra vô lượng châu báu ban cho các chúng sinh. Do nhân duyên ấy mà vị vua ấy có tên là **Từ Mẫn Thủ** .

Vị vua ấy không có con, vì muốn cầu con nên vua thiết lập **Hội Thí** to lớn cúng dường chư **Phật** và các **Tháp Miếu** nhưng chẳng được như nguyện. Sau đó, trong đêm vị vua nằm mộng thấy **Tĩnh Cư Thiên Tử** ('**Suddha-vasa-devaputra**) đi đến bảo với vua rằng: *"Đại Vương nên biết, có Đại Thần Chú tên là **Tùy Cầu Tức Đắc**. Đại Vương có thể như **Pháp viết chép** rồi cho **Đại Phu Nhân** đeo dưới cổ ắt sẽ có con"*

Lúc tỉnh giấc, vị vua chờ đến sáng sớm liền như **Pháp viết chép Đại Thần Chú** này và cho **Phu Nhân** đeo vào cổ. Tức thời bà có thai, đủ ngày đủ tháng sinh ra một đồng tử có đầy đủ sắc tướng uy nghiêm thù thắng, ai nhìn thấy cũng đều vui vẻ.

_ **Đại Phạm** nên biết, **Thần Chú** này có sức mạnh khiến cho mọi sự nguyện cầu đều được vừa ý.

Lại nữa Đại Phạm ! Khi **Thiên Đế Thích** ('Sakra) đánh nhau với **A Tu La** (Asura), thời **Thiên Vương Đế Thích** đeo Thần Chú này nên **Đế Thích Thiên Chúng** chẳng bị thương tổn, thường được thắng lợi quay về cung an ổn.

_ Lại nữa Đại Phạm ! Nếu có người đeo Thần Chú này trên Thân thì tất cả Chư Phật đều dùng Thần Lực gia bị cho người ấy, là nơi mà các Bồ Tát đã khen ngợi. Ở tất cả nơi, tất cả chỗ tranh tụng, luận bàn tranh cãi đều được chiến thắng, thường không có bệnh tật, tất cả tai nạn thình lình chẳng thể gây hại được, Tâm không có lo âu phiền muộn, luôn được chư Thiên thủ hộ.

Nếu ai viết chép tám Đạo Chú này đeo giữ, Tâm thường nhớ niệm thì tất cả mộng ác, tướng ác, việc chẳng tốt lành chẳng thể phạm vào thân. **Tùy Cầu Tức Đắc Đà La Ni Thần Chú** này được 99 ức trăm ngàn na do tha hằng hà sa đấng chư Phật cùng nhau tuyên nói, cùng nhau ấn khả, cùng nhau khen ngợi, cùng chung hoan hỷ. Chú này có thế lực lớn, có đại uy quang, có công dụng lớn, tất cả chúng Ma thấy đều bị giáng phục. Đại Thần Chú này rất khó có thể được.

Lại nữa Đại Phạm ! Thời quá khứ có Đức Phật tên là **Khai Nhan Hàm Tiểu Ma Ni Kim Bảo Hách Dịch Quang Minh Xuất Hiện Vương Như Lai**, ngồi trên **Tòa Kim Cương** (Vajrasana) trong **Bồ Đề Trường** (Bodhi-maṇḍa). Lúc mới thành Chính Giác thì có vô ương số **Ma** (Māra) với các **quyến thuộc** (Parivāra) đến chỗ Phật ngự, hiện các Thần Lực gây các chướng nạn, hiện các tướng ác, tạo hình sân hận, tuôn mưa khí tượng (Vũ Khí, Dao, Gậy....).

Bấy giờ Đức Thế Tôn điềm nhiên ngồi yên, dùng sức của căn lành hiền thiện nhớ niệm Chú này. Vừa mới nhớ niệm xong thì các **Ma Chúng** ấy nhìn thấy ở trong mỗi một lỗ chân lông của Đức Thế Tôn tuôn ra trăm ngàn vạn ức **Binh Chúng**, thân mặc áo giáp, phóng ánh sáng lớn, du hành tự tại trên hư không, thời các Ma Chúng bị mất Thần Thông, phải bỏ chạy tứ tán.

_ Lại nữa Đại Phạm ! Ở thành **Ô Thiên Na** (Ujayanì) có vị vua tên là **Phạm Thí**. Lúc ấy có một người vì mạo phạm đến nhà vua nên bị xử tội chết. Vị vua ban lệnh đem tội nhân vào trong núi xử tử. Lúc Đạo Phủ vung đao tính chém thì trước kia Tội Nhân ấy có đeo Chú này ở cánh tay phải, do sức mạnh của Chú này mà cây đao bị bốc lửa, tự nhiên tan hoại như bụi nhỏ.

Vị Pháp Quan nhìn thấy việc này xong thì kinh ngạc chưa từng có, liền đến bạch với vua, trình tấu đủ mọi việc. Vị Vua bảo Pháp Quan rằng: *"Ở trong núi kia có hang Dạ Xoa, trong hang đó có vô lượng Dạ Xoa trú ngụ. Người có thể đưa Tội Nhân vào trong hang ấy"*.

Vị Pháp Quan vâng theo lời dạy, đem Tội Nhân đến hang. Khi các Dạ Xoa đi đến muốn ăn thịt. Do uy lực của Chú này nên các nhóm Dạ Xoa đều nhìn thấy thân thể của người đó tỏa ra ánh sáng rực rỡ, thời các Dạ Xoa liền đưa Tội Nhân này ra bên ngoài hang động và cung kính lễ bái.

Khi ấy, vị Pháp Quan lại đem việc này trình tấu đầy đủ với nhà vua. Đức vua lại bảo: *"Hãy đem tội nhân này ném xuống con sông lớn"*

Vị Pháp Quan vâng lệnh ném người ấy xuống sông, nhưng tội nhân ấy chẳng bị nước nhận chìm tựa như có mặt đất che phủ trên nước. Vị Pháp Quan lại đem việc ấy khải tấu với Đại Vương.

Đức vua rất kinh ngạc liền kêu Tội Nhân lên hỏi: "Người dùng điều gì mà có thể thoát được nạn như vậy ? "

Tội Nhân đáp: "Tâu Đại Vương ! Thần không có cách giải thoát, chỉ nhờ trên Thân có đeo Thần Chú **Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni** thôi ".

Đức vua nghe xong, lấy làm lạ lùng, khen ngợi vô lượng."

Đức Phật bảo: "Này Đại Phạm ! Như các việc đã nói như trên, ông có thể biết về sức mạnh của Thần Chú đó, đều nên viết chép đeo giữ trên Thân".

_ Lại bảo Đại Phạm: "Nếu có người muốn đeo Chú này thì nên như Pháp mà viết chép. "

Bấy giờ, Đại Phạm bạch với Đức Phật rằng: "Thế Tôn ! Nếu muốn viết chép Chú này thì phải làm theo phép tắc nào ? "

Đức Phật bảo Đại Phạm: "Trước tiên nên kết Đàn. Ở bốn góc Đàn đều đặt một cái bình chứa đầy nước thơm. Bên trong Đàn vẽ làm hai Hoa Sen, hoặc 3 hoặc 4 hoặc 5 đóa sen. Bốn mặt chung quanh đều tạo râu nhụy hoa sen.

Lại làm một hoa sen hé nở lớn, cuối cọng hoa treo lụa đẹp.

Lại làm một hoa sen tám cánh, trên mỗi một cánh hoa làm một cây kích Tam Xoa, trên cuối cọng hoa treo lụa đẹp.

Lại làm một hoa sen tám cánh, ở giữa Tâm Hoa làm một cái chày Kim Cương, trên mỗi một cánh hoa cũng làm một cái chày, trên cuối cọng hoa ấy treo lụa đẹp.

Lại làm một hoa sen tám cánh, trên mỗi một cánh hoa đều làm một cây búa

Lại làm một hoa sen, ở trong Tâm Hoa vẽ làm một cây đao, cuối cuống hoa ấy cũng treo lụa đẹp.

Lại vẽ làm một cây kiếm, ở trên vỏ kiếm vẽ hoa, trên cuối cuống hoa ấy cũng treo lụa đẹp.

Lại làm một hoa sen, ở trong Tâm Hoa vẽ làm một vỏ ốc (Loa)

Lại làm một hoa sen, ở trong Tâm Hoa vẽ làm một sợi dây lớn (Quyển sách)

Lại làm một hoa sen, ở trong Tâm Hoa vẽ làm một trái châu rực lửa (Hỏa Diễm Châu)

Sau đó đốt hương, rải hoa, dâng thức ăn uống quả trái, mọi loại cúng dường.

_ Nếu có người muốn viết chép, đeo Chú này, cần phải y theo Pháp kết Đàn như vậy, còn phương pháp của Đàn khác chẳng được xen lẫn vào. Sai người viết Chú, trước tiên phải tắm gội sạch sẽ mặc áo mới sạch, ăn 3 loại Bạch Thực là : Sữa, Lạc, cơm gạo tẻ. Không cứ là giấy, lụa, trúc, vải, các vật... mỗi loại đều được phép dùng để viết chép Chú này.

Nếu có phụ nữ cầu sinh con trai thì dùng Ngưu Hoàng viết chép trên tấm lụa. Trước tiên hương bốn mặt viết Thần Chú này, bên trong vẽ một Đồng Tử có báu

Anh Lạc trang nghiêm cái cổ, bàn tay nâng một cái bát bằng vàng chứa đầy châu báu. Lại ở bốn góc đều vẽ một thân Đông Tử mặc áo giáp.

_ Lại làm mọi loại **ẤN** cho người đeo Chú này

Nếu Chuyển Luân Vương đeo Chú này, thì ở trong Tâm của Chú vẽ hình **Quán Thế Âm Bồ Tát** (Avalokite'svara) với hình **Đế Thích** (Indra). Lại ở bên trên làm mọi loại Phật Ấn, các Thiện Thần Ấn thấy khiến cho đầy đủ. Lại ở bốn góc vẽ bốn vị Thiên Vương với mọi báu trang nghiêm đều y theo *Bản Phương* (Phương Vị của mỗi Tôn)

Nếu vị Tăng đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ một vị **Kim Cương Thân** (Vajra-dhàra) với mọi báu trang nghiêm. Bên dưới vẽ một vị Tăng chấp tay quỳ thẳng lưng. Vị Kim Cương duỗi bàn tay ấn trên đỉnh đầu vị Tăng này.

Nếu **Bà La Môn** (Bràhmaṇa) đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Đại Tự Tại Thiên** (Ī'sana)

Nếu **Sát Lợi** (Kṣatriya) đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Ma Hê Thủ La Thiên** (Mahe'svara)

Nếu **Tỳ Xá** (Vai'sya) đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Tỳ Sa Môn Thiên Vương** (Vai'sravaṇa)

Nếu **Thủ Đà** ('Sùdra) đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Chước Yết La Thiên** (Na La Diên Thiên : Nàràyaṇa)

Nếu đồng nam đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Câu Ma La Thiên** (Kumàra)

Nếu đồng nữ đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Ba Xà Ba Đề Thiên** (Prajàpati: Sinh Chủ, tên của vị Phạm Thiên)

Từ đây trở lên là nghi tắc của người đeo Chú. Ở trong Tâm của Chú vẽ các Thiên Thần đều có hình trạng thiếu niên có diện mạo vui tươi

_ Nếu có người muốn trì đeo Thần Chú này đều phải mỗi mỗi tự mình y theo Bản Pháp

Nếu phụ nữ mang thai đeo Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ **Ma Ha Ca La Thiên** (Mahà-kàla: Đại Hắc Thiên) với khuôn mặt màu đen

Nếu có người treo Chú này trên cây phượng cao, thì nên ở nơi có địa thế cao dựng một cây phượng cao. Ở trên đầu cây phượng đặt một trái Hỏa Diễm Châu, lại đặt Thần Chú này ở bên trong trái châu ấy thì hết thảy các chướng ngại ác với các bệnh dịch đều được tiêu diệt.

Nếu gặp lúc nắng hạn thì ở trong Tâm của Chú vẽ một con rồng 9 đầu

Nếu lúc mưa quá nhiều cũng vẽ con Rồng 9 đầu này và nên đặt trong nước có Rồng ắt nắng hạn sẽ tuôn mưa, còn lúc mưa quá nhiều sẽ được quang tạnh ngay.

Nếu Thương Nhân đeo Thần Chú này thì ở trong Tâm của Chú vẽ hình Thương Chủ với các Thương Chúng đi theo, ắt đều được an vui

Người trì Chú này, tự mình muốn đeo thì ở trong Tâm của Chú vẽ một **Nữ Thiên**, lại ở bên trong vẽ các vì sao (Tinh Thần), mặt trời, mặt trăng.

Nếu Phạm Nhân đeo Chú này thì chỉ nên viết chép Chú này, rồi đeo giữ”

_ Đức Phật bảo: ”Này Đại Phạm ! Nếu các người hay như Pháp viết chép , trì đeo thì thường được an vui... Hết thấy việc đã làm đều được thành tựu. Đời này an vui, đời sau sinh lên Trời, hết thấy tội chướng đều được tiêu diệt. Người thường thọ trì luôn được Chư Phật Bồ Tát hộ niệm. Ở trong giấc mộng thường được nhìn thấy Phật, cũng được cả sự tôn kính của mọi người. Ông nên thọ trì khiến cho lưu bố rộng rãi “

Đức Phật nói Kinh này xong thời Đại Phạm Thiên Vương nghe điều Đức Phật đã nói, Tâm rất vui vẻ, tin nhận phụng hành.

PHẬT NÓI KINH TỪ CẦU TỨC ĐẮC ĐẠI ĐÀ LA NI THẦN CHÚ _Hết_

Các bài Chú Đà La Ni dưới đây đều y theo bản của nhà Minh cf.P.638a

1. **Na Ma tát đát tha nghiệt đa nam** (NAMAḤ SARVA TATHÀGATANÀM)

2. **Na mô bột đà đạt ma tăng kỳ biểu** (NAMO BUDDHA DHARMA SAMGHEBHYAḤ)

3. **Án** (OM)

4. **Tỳ bổ la nghiệt bệ** (VIPULA GARBHE)

5. **Tỳ mạt lệ xà gia nghiệt bệ** (VIMALE JAYA GARBHE)

6. **Phạt thiệt la thập phộc la nghiệt bệ** (VAJRA JVALA GARBHE)

7. **Nghiệt đế già ha nê** (GATI GAHANE)

8. **Già già na tỳ du đạt nê** (GAGANA VI'SODHANE)

9. **Tát bà bá ba tỳ du đạt nê** (SARVA PÀPA VI'SODHANE)

10. **Án** (OM)

11. **Cù noa phạt đế** (GUṆA VATI)

12. **Già già lị nê** (GAGARINĪ)

13. **Kỳ lị kỳ lị** (GIRI GIRI)

14. **Già mạt lị** (GAMÀRI)

15. **Già ha già ha** (GAHA GAHA)

16. **Già nghiệt lị, già nghiệt lị** (GARGÀRI GARGÀRI)

17. **Già già lị, già già lị** (GAGARI GAGARI)

18. **Kiểm bà lị, Kiểm bà lị** (GAMBHARI GAMBHARI)

19. **Nghiệt đế nghiệt đế** (GATI GATI)

20. **Già mạt nê nghiệt lệ** (GAMANI GARE)

21. **Cù lỗ, cù lỗ, cù lỗ ni** (GÛRU GÛRU GÛRUNE)

22. **(Chiết lê lệ) chiết lệ, mâu chiết lệ** (CALE ACALA MUCALE)

23. **Xã duệ, tỳ xã duệ** (JAYE VIJAYE)

24. **Tát bà bà gia tỳ nghiệt đế** (SARVA BHAYA VIGATE)

25. **Nghiệt bà tam bà la nê** (GARBHA SAMBHARANI)
26. **Thi li, thi li, mật li, mật li, dĩ li , dĩ li** (SIRI SIRI_ MIRI MIRI_ GHIRI GHIRI)
27. **Tam mạn đa ca li sa ni** (SAMANTA AKARŞANI)
28. **Tát bà thiết đồ lỗ bát la mật tha nễ** (SARVA ‘SATRÙ PRAMATHANI)
29. **Lạc xoa, lạc xoa, ma ma** (Tôi tên là...) **tả** (RAKŞA RAKŞA MAMAŞYA)
30. **Tỳ lợi, tỳ lợi, tỳ nghiệt đa la ni** (VIRI VIRI VIGATA AVARANI)
31. **Bà gia na xá nê** (BHAYA NÀ'SANI)
32. **Tô li, tô li** (SURI SURI)
33. **Chất li, ca mật lệ** (CILI KAMALE)
34. **Xã duệ** (JAYE)
35. **Vi xã gia, xã gia phộc hê** (VIJAYA JAYA VAHE)
36. **Xã gia phạt đễ** (JAYAVATI)
37. **Bạc già phạt đễ** (BHAGAVATI)
38. **Yết la đất na ma câu tra ma la đạt li** (RATNA MAKUṬA MÀLÀ DHÀRI)
39. **Tỳ chất đa la bệ sa lô bi đà li ni** (VICITRA VEṢA RÙPA DHÀRAṆI)
40. **Bạc già phạt đễ, bát địa gia đề tỳ** (BHAGAVATI VIDYA-DEVÌ)
41. **Lạc xoa đồ mạn, ma ma** (Tôi tên là...) **tả** (RAKŞA TUMAM MAMAŞYA)
42. **Tam mạn đa ca la tỳ du đạt nễ** (SAMANTA KÀRA VI'SODHANE)
43. **Hổ lỗ hổ lỗ** (HURU HURU)
44. **Nhạ sát đất la ma la đà li ni** (NAKṢTRA MÀLÀ DHÀRIṆI)
45. **Chiên noa, chiên noa, chiên trĩ nễ** (CAṆḌA CAṆḌA CAṆḌINI)
46. **Bệ già phạt đễ** (VEGA VATI)
47. **Tát bà đột sắt tra nễ phộc la ni** (SARVA DUṢṬA NIVÀRAṆI)
48. **Thiết đồ lỗ bác xoa bát la mật địa nễ** (‘SATRÙ PAKŞA PRAMATHANI)
49. **Tỳ xá gia bà tứ nễ** (VIJAYA VÀHINI)
50. **Hổ lỗ hổ lỗ** (HURU HURU)
51. **Mẫu lỗ mẫu lỗ** (MURU MURU)
52. **Chủ lỗ chủ lỗ** (CURU CURU)
53. **A dữu ba bát nễ** (AYUḤ PÀLANI)
54. **Tô la bà la mật tha nễ** (SURA VARA MATHANI)
55. **Tát bà đề phạt đa bổ thi đê** (SARVA DEVATÀ PÙJITE)
56. **Địa li địa li** (DHIRI DHIRI)
57. **Tam mạn đà bà lô cát đế** (SAMANTA AVALOKITE)
58. **Bát lạp bệ, bát lạp bệ** (PRABHE PRABHE)
59. **Tô bát lạp ba truật đê** (SUPRABHE ‘SUDDHE)
60. **Tát bà bả ba tỳ du đạt nễ** (SARVA PÀPA VI'SODHANE)

61. **Đà la, đà la, đà la ni** (DHARA DHARA DHARAṆI)
62. **Bạt la đà lệ** (VARA DHARE)
63. **Tô mẫu tô mẫu** (SUMU SUMU)
64. **Tô mẫu lỗ chiết lệ** (SUMURU CALE)
65. **Chiết lệ giá la gia đột sắt tra** (CALE CALÀYA DUṢṬA)
66. **Bô la gia , a thưởng** (PÙRAYA À'SAM)
67. **Thất lệ bà bổ đà la xã gia ca mặt lệ** ('SRÌ VAPUDHANAM JAYA KAMALE)
68. **Khí sử ni, khí sử ni** (KṢIṆI KṢIṆI)
69. **Tát bà đề bà đa phộc la đà ưởng câu thi** (SARVA DEVATÀ VARADA AṆKU'SE)
70. **Án** (OM)
71. **Bát đầu ma tỳ truật đề** (PADMA VI'SUDDHE)
72. **Du đạt nễ truật đề** ('SODHANE 'SUDDHE)
73. **Bà la bà la** (BHARA BHARA)
74. **Tỳ lệ tỳ lệ** (BHIRI BHIRI)
75. **Bộ lỗ bộ lỗ** (BHURU BHURU)
76. **Mộng nghiệp la nhiếp bạt đề** (MAMGALA VI'SUDDHE)
77. **Ba bạt đa la mộc khô** (PAVITRA MUKHE)
78. **Sai ca lệ** (KHARGARI)
79. **Khư la khư la** (KHARA KHARA)
80. **Thập phộc lật đa thất lệ** (JVALITA 'SIRE)
81. **Tam mạn đa bát la tát lệ đa phộc bà tất đa truật đề** (SAMANTA PRASARITA AVABHAṢITA 'SUDDHE)
82. **Thập phộc la, thập phộc la, tát bà đề phộc nghiệt nỗ** (JVALA JVALA SARVA DEVAGAṆA)
83. **Tam ma nghiệt lật sa ni** (SAMA AKARṢAṆI)
84. **Tát để phạt để** (SATYA VATI)
85. **Đát la đát la** (TÀRA TÀRA)
86. **Ná già tỳ lỗ cát nễ đế** (NÀGA VILOKINITE)
87. **La hổ la hổ** (LAHU LAHU)
88. **Hổ nỗ hổ nỗ** (HUNU HUNU)
89. **Sát ni sát ni** (KṢIṆI KṢIṆI)
90. **Tát bà nghiệt la ha bạc sát ni** (SARVA GRAHA BHAKṢAṆI)
91. **Tân nghiệt lệ. Tân nghiệt lệ** (PIMGALI PIMGALI)
92. **Chủ mẫu, chủ mẫu, tô chủ mẫu** (CUMU CUMU SUCUMU)
93. **Tỳ chiết lệ** (VICALE)
94. **Đát la đát la** (TÀRA TÀRA)
95. **Đa la gia đồ mạn, ma ma** (Tôi tên là...) **tả, ma ha bà gia** (TÀRÀYA TUMAM MAMA ṢYA MAHÀ BHAYA)
96. **Tam muội đạt la , sa già la, bát lợi diễn đa, ba bả la, già già na** (SAMUDRA SÀGARA PRATYANTÀM PÀTÀLA GAGANA)

97. **Tam mạn đế na** (SAMANTENA)
98. **Phạt chiết la thập phộc la tỳ truyệt đề** (VAJRA JVALA VI'SUDDHE)
99. **Bệ lệ bệ lệ** (BHURI BHURI)
100. **Nghiệt bà phạt đề, nghiệt bà phì du đạt nễ** (GARBHA VATI_ GARBHA VI'SODHANE)
101. **Câu khí sử tam bổ la ni** (KUKṢI SAPURANI)
102. **Giả la, giả la, giả lật nễ** (CALA CALA JVALANI)
103. **Bát la phạt lật sa đồ đề ba tam mạn đế na** (PRAVAṢATU DEVA SAMANTENA)
104. **Đạt phiếu du độ kế na** (DIDHYODAKENA)
105. **A mật lật đa phạt lật sa ni** (AMṚTA VARṢANI)
106. **Đề phạt đa a phạt đa la ni** (DEVATÀ AVA DHÀRANI)
107. **A tỳ tru giả đồ man** (ABHIṢIMCA TUMAM)
108. **A mật lật đa bà la bà bổ sái** (AMṚTA VARA VAPUṢPE)
109. **Lạc xoa, ma ma** (Tôi tên là....) **tả** (RAKṢA MAMAṢYA)
110. **Tát bạt đất la** (SARVATRÀ)
111. **Tát bạt đà** (SARVADÀ)
112. **Tát bà bà duệ biểu** (SARVA BHAYEBHYAḤ)
113. **Tát bổ ô ba đạt la bệ biểu** (SARVA UPADRAVEBHYAḤ)
114. **Tát bổ ô bát tát kỳ biểu** (SARVA UPASARGE BHYAḤ)
115. **Tát bà đột sắt tra bà già tộ** (SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ)
116. **Tỳ đất tả** (BHÌTAṢYA)
117. **Tát bà yết lệ yết la ha** (SARVA KÀLI KALAHA)
118. **Tát yết la, tỳ phộc đà** (VIGRAHA VIVÀDA)
119. **Đột tấp phạp bát na** (DUḤSVAPNÀM)
120. **Lật đột nễ mật đa a mang ngải biểu** (DURNI MINTA AMAMGALLYABHYAḤ)
121. **Bả ba tỳ na xả nễ** (PÀPA VINÀ'SANI)
122. **Tát bà được xoa la sát nễ bà la ni** (SARVA YAKṢA RAKṢA NIVÀRANI)
123. **Sa la ni tát lệ** (SARANI SARE)
124. **Bà la bà la** (BALA BALA)
125. **Bà la phạt đề** (BALAVATI)
126. **Xà gia, xà gia, đồ mạn, ma ma** (Tôi, họ tên...) **tả** (JAYA JAYA TUMAM MAMA ṢYA)
127. **Tát bát đất la** (SARVATRÀ)
128. **Tát bà ca lam** (SARVA KÀRAM)
129. **Tát diện đồ bạt địa gia sa đà gia** (SIDDHYANTU VIDYA-SÀDHAYAT)
130. **Tát bà mạn trà la sa đạt nễ** (SARVA MAṆḌALA SÀDHANI)
131. **Xã gia tát đề** (JAYA SIDDHE)
132. **Tát đề, tô tát đề** (SIDDHE SUSIDDHE)

133. **Tất địa gia, tất địa gia** (SIDDHYA SIDDHYA)
134. **Bộ địa gia, bộ địa gia** (BUDDHYA BUDDHYA)
135. **Bô la ni, bô la ni** (PÙRAṆI PÙRAṆI)
136. **Tát bà bát địa gia địa nghiệt la mộ lật đề** (SARVA VIDYA ADHIGATA MŪRTTE)
137. **Xà du đất lệ** (JAYOTTARI)
138. **Xà gia phạt để** (JAYAVATI)
139. **Để sắt tra, để sắt tra** (TIṢṬA TIṢṬA)
140. **Tam ma gia ma nô ba lại gia** (SAMAYAM ANUPĀLAYA)
141. **Đất tha nghiệt đa truật đề** (TATHĀGATA ‘SUDDHE)
142. **Tỳ gia bà lô ca gia đồ man, ma ma** (Tôi tên là...) **tả** (VYĀVALOKAYA TUMAM MAMAṢYA)
143. **A sắt tra hạt hiệt lam ma ha bà gia đà lỗ ni** (AṢṬA BHIRI MAHĀ BHAYA DĀRUṆI)
144. **Tát la tát la** (SARA SARA)
145. **Bát la tát la, bát la tát la** (PRASARA PRASARA)
146. **Tát bà phộc la noa tỳ du đạt nễ** (SARVA AVĀRAṆA VI’SODHANE)
147. **Tam mạn đa ca la mạn trà la truật đề** (SAMANTA KĀRA MAṆḌALA ‘SUDDHE)
148. **Tỳ nghiệt đế, tỳ nghiệt đế** (VIGATE VIGATE)
149. **Tỳ nghiệt đa mặt lệ đạt nễ** (VIGATA VARDHANI)
150. **Khí ni, khí ni** (KṢIṆI KṢIṆI)
151. **Tát bà bả ba tỳ truật đề** (SARVA PĀPA VI’SUDDHE)
152. **Mạt la tỳ truật đề** (MĀRA VI’SUDDHE)
153. **Đế xã phạt để phạt chiết la phạt để** (TEJAVATI VAJRAVATI)
154. **Trát lệ lô ca địa sắt xỉ đế, sa ha** (TRAILOKYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ)
155. **Tát bà đất tha nghiệt đa mộ la đà tỳ sắc cát đế, sa ha** (SARVA TATHĀGATA MURDHA ABHIṢIKTE SVĀHĀ)
156. **Tát bà bồ đề tát đỏa tỳ sắc cát đế, sa ha** (SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE SVĀHĀ)
157. **Tát bà đề phạt đa tỳ sắc cát đế, sa ha** (SARVA DEVATĀ ABHIṢIKTE SVĀHĀ)
158. **Tát bà đất tha nghiệt đa hiệt lệ đà gia, địa sắt xỉ đế, sa ha** (SARVA TATHĀGATA HRDAYA ADHIṢṬITE SVĀHĀ)
159. **Tát bà đất tha nghiệt đa tam muội gia tất đề, sa ha** (SARVA TATHĀGATA SAMAYA SIDDHE SVĀHĀ)
160. **Ấn diệt lệ, ấn đà la phạt để, ấn đà la biểu bà lô cát đế, sa ha** (INDRE INDRAVATI INDRA VYĀVALOKITE SVĀHĀ)
161. **Bộ la hê mê, bộ la hê mê, bộ la ha ma địa du sắt đế, sa ha** (BRAHME BRAHME BRAHMA ADHYUṢṬE SVĀHĀ)
162. **Tỳ sắt nỗ na ma tất cát lật đế, sa ha** (VIṢṆU NAMASKRTE SVĀHĀ)

163. Ma hê thấp phộc la na ma tất cát lật đế, sa ha (MAHE'SVARA NAMASKRTE SVÀHÀ)
164. Phạt chiết la đạt la, phạt chiết la bả ni, ba la phì lị gia địa sắt xỉ đế, sa ha (VAJRADHÀRA VAJRAPÀNI BALA VÌRYA ADHIṢṬITE SVÀHÀ)
165. Địch lị đế tra sắt tra la gia, sa ha (DHṚTARÀṢṬRÀYA SVÀHÀ)
166. Tỳ lô trạch ca gia, sa ha (VIRÙDHAKÀYA SVÀHÀ)
167. Tỳ lô bác xoa gia, sa ha (VIRÙPÀKṢAYA SVÀHÀ)
168. Bùì thất la hạt noa gia, sa ha (VAI'SRAVAṆÀYA SVÀHÀ)
169. Chiết đốt ma ha la xà na ma tất cát lị đa gia, sa ha (CATUR MAHÀ RÀJA NAMASKRṬÀYA SVÀHÀ)
170. Bà lô noa gia, sa ha (VARUṆÀYA SVÀHÀ)
171. Diêm ma bố xà, na ma tất cát lị đa gia, sa ha (YAMA PÙJA NAMASKRṬÀYA SVÀHÀ)
172. Phộc lỗ noa gia, sa ha (VARUṆÀYA SVÀHÀ)
173. Ná già tỳ lỗ chỉ đa gia, sa ha (NÀGAVILOKITÀYA SVÀHÀ)
174. Đề bà nghiệt nễ biểu, sa ha (DEVA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
175. Ná già nghiệt nễ biểu, sa ha (NÀGA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
176. Dực xoa nghiệt nễ biểu, sa ha (YAKṢA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
177. Kiên đạt bà nghiệt nễ biểu, sa ha (GANDHARVA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
178. A tô la nghiệt nễ biểu, sa ha (ASURA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
179. Bà lỗ trà nghiệt nễ biểu , sa ha (GARUDA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
180. Khẩn na la nghiệt nễ biểu, sa ha (KIMNARA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
181. Ma hô la già nghiệt nễ biểu, sa ha (MAHORAGA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
182. La sát sa nghiệt nễ biểu, sa ha (RÀKṢASA GAṆEBHYAḤ SVÀHÀ)
183. Ma nô sái biểu, sa ha (MANUṢYEBHYAḤ SVÀHÀ)
184. A ma nô sái biểu, sa ha (AMANUṢYEBHYAḤ SVÀHÀ)
185. Tát bà nghiệt lạc hê biểu, sa ha (SARVA GRAHEBHYAḤ SVÀHÀ)
186. Tát bà bồ đế biểu, sa ha (SARVA BHÙTEBHYAḤ SVÀHÀ)
187. Bế lệ đế biểu, sa ha (PRETEBHYAḤ SVÀHÀ)
188. Tát xá chế biểu, sa ha (PI'SÀCEBHYAḤ SVÀHÀ)
189. A bát tát ma lệ biểu, sa ha (APASMÀREBHYAḤ SVÀHÀ)
190. Cam bàn trệ biểu, sa ha (KUMBHÀNDEBHYAḤ SVÀHÀ)
191. Án, đở lỗ đở lỗ, sa ha (OM DHURU DHURU SVÀHÀ)
192. Án, đô lỗ đô lỗ, sa ha (OM TURU TURU SVÀHÀ)
193. Án, mẫu lỗ mẫu lỗ, sa ha (OM MURU MURU SVÀHÀ)
194. Ha na ha na tát bà thiết đở lỗ nam, ma ma (Tôi tên là...) tả, sa ha (HANA HANA SARVA 'SATRÙNÀM MAMAṢYA SVÀHÀ)

195. **Đà ha đà ha tát bà đột sắt tra , bát la đột sắt tra, ma ma** (Tôi tên là...) **tả, sa ha** (DAHA DAHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬA MAMAṢYA SVÀHÀ)
196. **Bát giả bát giả tát bà bát lật để thiết lam, bát lật để mật đa la, ma ma** (Tôi tên là...) **tả, sa ha** (PACA PACA SARVA PRATYATHIKA PRATYÀMITRANÀM MAMAṢYA SVÀHÀ)
197. **Thập phộc lật đa gia, sa ha** (JVALITÀYA SVÀHÀ)
198. **Bát la thập phộc lật đa gia, sa ha** (PRAJVALITÀYA SVÀHÀ)
199. **Chập bát la thập phộc lật đa gia, sa ha** (DÌPTA JVALITÀYA SVÀHÀ)
200. **Tam mạn đa bát la thập phộc lật đa gia, sa ha** (SAMANTA PRAJVALITÀYA SVÀHÀ)
201. **Ma ni bạt đạt la gia, sa ha** (MAÑIBHADRÀYA SVÀHÀ)
202. **Bố lật noa bạt đà la già, sa ha** (PURNABHADRÀYA SVÀHÀ)
203. **Ma ha ca la gia, sa ha** (MAHÀ KÀLÀYA SVÀHÀ)
204. **Ma để lị già noa gia, sa ha** (MÀTRGANÀYA SVÀHÀ)
205. **Dược khí ni nam, sa ha** (YAKṢAÑINÀM SVÀHÀ)
206. **La sát tử nam, sa ha** (RÀKṢASINÀM SVÀHÀ)
207. **A ca xá ma để lị nẫm, sa ha** (ÀKÀ'SA MÀTRNÀM SVÀHÀ)
208. **Tam mộ đà la nễ bà tát la nẫm, sa ha** (SAMUDRA NIVÀSININÀM SVÀHÀ)
209. **Hạt la để lị chiết la lam nẫm, sa ha** (RÀTR CARÀNÀM SVÀHÀ)
210. **Địa phạt sa chiết la nẫm, sa ha** (DIVASA CARÀNÀM SVÀHÀ)
211. **Để lị san địa chiết la nẫm, sa ha** (TRISANTYA CARÀNÀM SVÀHÀ)
212. **Bệ la chiết la nẫm, sa ha** (VELA CARÀNÀM SVÀHÀ)
213. **A bệ la chiết la nẫm, sa ha** (AVELA CARÀNÀM SVÀHÀ)
214. **Nghiệt bà chiết lệ biểu, sa ha** (GARBHAHÀREBHYAḤ SVÀHÀ)
215. **Nghiệt bà san đà la ni, hổ lỗ hổ lỗ, sa ha** (GARBHA SANDHÀRAÑI HULU HULU SVÀHÀ)
216. **Án, sa ha** (OM SVÀHÀ)
217. **Tát bà bộ, sa ha** (SVÀḤ BHUḤ SVÀHÀ)
218. **Bộ phộc , sa ha** (BHÙVÀḤ SVÀHÀ)
219. **Bồ lạc bộ phộc, sa ha** (BHÙRBHÙVÀḤ SVÀHÀ)
220. **Chất trí chất trí, sa ha** (CỊṬI CỊṬI SVÀHÀ)
221. **Phí trí phí trí, sa ha** (VIṬI VIṬI SVÀHÀ)
222. **Đà la ni, sa ha** (DHÀRAÑI SVÀHÀ)
223. **Tỳ la ni, sa ha** (DHIRAÑI SVÀHÀ)
224. **A kỳ nễ, sa ha** (AGNI SVÀHÀ)
225. **Đế thú bà bố, sa ha** (TEJO VÀYU SVÀHÀ)
226. **Chỉ lị chỉ lị, sa ha** (CILI CILI SVÀHÀ)
227. **Nễ lị nễ lị, sa ha** (DILI DILI SVÀHÀ)
228. **Tứ lị tứ lị, sa ha** (HILI HILI SVÀHÀ)

229. **Bộ địa gia, bộ địa gia, sa ha** (BUDDHYA BUDDHYA SVÀHÀ)
 230. **Mạn trà la tất đề duệ, sa ha** (MANḌALA SIDDHIYE SVÀHÀ)
 231. **Mạn trà la bạn đề duệ, sa ha** (MANḌALA BANDHEYE SVÀHÀ)
 232. **Tư ma bạn đạt nễ, sa ha** (‘SÌMA BANDHANE SVÀHÀ)
 233. **Chiêm bà chiêm bà, sa ha** (JAMBHA JAMBHA SVÀHÀ)
 234. **Tất đam bà , tất đam bà, sa ha** (STAMBHA STAMBHA SVÀHÀ)
 235. **Sân đà sân đà, sa ha** (CCHINDA CCHINDA SVÀHÀ)
 236. **Tần đà tần đà, sa ha** (BHINDA BHINDA SVÀHÀ)
 237. **Bạn đà bạn đà, sa ha** (BANDHA BANDHA SVÀHÀ)
 238. **Mâu ha gia, mâu ha gia, sa ha** (MOHAYA MOHAYA SVÀHÀ)
 239. **Ma ni tỳ truyệt đề, sa ha** (MAṆI VI’SUDDHE SVÀHÀ)
 240. **Tố lật duệ, tố lật duệ, Tô li gia tỳ truyệt đề, sa ha** (SÛRYE SÛRYE SÛRYA VI’SUDDHE SVÀHÀ)
 241. **Chiến diệt lệ, tô chiến diệt lệ, bố lật noa chiến diệt lệ, sa ha** (CANDRE SUCANDRE PÙṆACANDRE SVÀHÀ)
 242. **Nhạ sát đất la gia, sa ha** (NAKṢTRÀYA SVÀHÀ)
 243. **Thấp phệ, sa ha** (‘SIVE SVÀHÀ)
 244. **Phiến để duệ, sa ha** (‘SÀNTIYE SVÀHÀ)
 245. **Tô phạt tất để nễ, sa ha** (SVASTYA YANE SVÀHÀ)
 246. **Thủy phạm yết, Phiến dạ yết, Bố sát trí phạt lật đà nễ, sa ha** (‘SIVAM KÀRI_ ‘SÀNTI KÀRI_ PUṢṬI VARDHANI SVÀHÀ)
 247. **Thất li yết li, sa ha** (‘SRÌ KÀRI SVÀHÀ)
 248. **Thất li gia phạt lật đà nễ, sa ha** (‘SRÌYA VARDHANI SVÀHÀ)
 249. **Thất li gia thập phộc la nễ, sa ha** (‘SRÌYA JVALANI SVÀHÀ)
 250. **Na mâu chi, sa ha** (NAMUCI SVÀHÀ)
 251. **Ma lỗ chi, sa ha** (MARUCI SVÀHÀ)
 252. **Bệ già phạt để, sa ha** (VEGA VATI SVÀHÀ)

__Nhất thiết Phật Tâm Chú :

1. **Án (OM)**
2. **Tát bà đất tha nghiệt đa mô lật đế** (SARVA TATHÀGATA MÛRTTE)
3. **Bát lật phộc la nghiệt đa bà duệ** (PRAVARA GATA BHAYE)
4. **Xá ma đồ diễn, ma ma** (Tôi tên là....) **tả, tát bà bà bế biểu** (‘SAMAYA TUMAM MAMA ṢYA _ SARVA PÀPEBHYAḤ)
5. **Tát bà bà duệ biểu** (SARVA BHAYEBHYAḤ)
6. **Sa tất để hạt la bà phạt đồ** (SVÀSTIRBHAVATU)
7. **Mâu chi mâu chi** (MUṆI MUṆI)
8. **Tỳ mâu chi** (VIMUṆI)
9. **Chiết li chiết la nễ nghiệt đế** (CALE CALANE GATE)
10. **Bà gia ha la nễ** (BHAYA HÀRAṆI)
11. **Bộ địa bộ địa** (BODHI BODHI)
12. **Bộ đà gia, bộ đà gia** (BODHIYA BODHIYA)

13. **Bột địa li, bột địa li** (BUDHILI BUDHILI)

14. **Tát bà đát tha nghiệt đa tứ li đà gia** (SARVA TATHÀGATA HRDAYA)

15. **Thụ sắt lai** (JUṢṬAI)

16. **Sa ha** (SVÀHÀ)

_Nhất Thiết Như Lai Phật Tâm Ấn Chú :

1. **Án** (OM)

2. **Phạt thiết la phạt đế** (VAJRAVATI)

3. **Phạt thiết la bát lạt đế sắt xỉ đế truật đề** (VAJRA PRATIṢṬITE ‘SUDDHE)

4. **Đát tha nghiệt đa mộ đà la** (TATHÀGATA MUDRA)

5. **Địa sắt xá na, địa sắt xỉ đế, sa ha** (ADHIṢṬANA ADHIṢṬITE SVÀHÀ)

_Quán Đỉnh Chú :

1. **Án** (OM)

2. **Mẫu nễ, mẫu nễ, mẫu nễ phạt lệ** (MUṆI MUṆI MUṆI VARE)

3. **A tỳ tru giả đồ mê** (ABHIṢIMCA TUME)

4. **Tát bà đát tha nghiệt đa mạn, ma ma** (Tôi tên là...) **tả** (SARVA TATHÀGATANÀM MAMAṢYA)

5. **Tát bà bát địa gia tỳ sái kê** (SARVA VIDYA ABHIṢEKAI)

6. **Ma ha phạt chiết la ca phạt giá, mộ đà la mộ địa li đế** (MAHÀ VAJRA KAVACA MUDRA MUDRITEḤ)

7. **Đát tha nghiệt đa tứ li đà gia** (TATHÀGATA HRDAYA)

8. **Địa sắt xỉ đa phạt chiết lệ, sa ha** (ADHIṢṬITA VAJRE SVÀHÀ)

_Quán Đỉnh Ấn Chú :

1. **Án** (OM)

2. **A mật lạt đa** (AMṚTA)

3. **Phạt lệ phộc la phộc la** (VARE VARA VARA)

4. **Bát la phộc la** (PRAVARA)

5. **Tỳ truật đề** (VI‘SUDDHE)

6. **Hàm hàm** (HUM HUM)

7. **Phán tra, phán tra** (PHAT PHAT)

8. **Sa ha** (SVÀHÀ)

_Kết Giới Chú :

1. **Án** (OM)

2. **A mật lạt đa tra lô yết nễ** (AMṚTA VILOKINI)

3. **Nghiệt bà lạc sát ni** (GARBHA RAKṢANI)

4. **A nghiệt lạt sa ni** (AKARṢANI)

5. **Hàm hàm** (HUM HUM)

6. **Phán tra, phán tra** (PHAT PHAT)

7. Sa ha (SVÀHÀ)

Phật Tâm Chú :

1. **Án (OM)**
2. **Tỳ ma lệ (VIMALE)**
3. **Xà gia phật đế (JAYAVATI)**
4. **A mật lật đế (AMRTE)**
5. **Hàm hàm hàm hàm (HÙM HÙM HÙM HÙM)**
6. **Phán tra, phán tra, phán tra, phán tra (PHAT PHAT PHAT PHAT)**
7. **Sa ha (SVÀHÀ)**

Tâm Trung Tâm Chú :

1. **Án (OM)**
2. **Tô lỗ tô lỗ (SURU SURU)**
3. **Bạt la bạt la (BHARA BHARA)**
4. **Tam bạt la, tam bạt la, ấn niết lệ gia (SAMBHARA SAMBHARA INDRIYA)**
5. **Tỳ dụ đạt nễ (VI'SODHANE)**
6. **Hàm hàm (HÙM HÙM)**
7. **Lỗ lô giá lệ (RURU CALE)**
8. **Ca lỗ giá lệ, sa ha (KURU CALE SVÀHÀ)**

Hiệu chỉnh xong vào ngày 26/08/2011

Mật Tạng Bộ 3_ No.1155 (Tr.644_ Tr. 649)

**KIM CƯƠNG ĐỈNH DU GIÀ TỐI THẮNG BÍ MẬT THÀNH PHẬT
TÙY CẦU TỨC ĐẮC THẦN BIẾN GIA TRÌ THÀNH TỰU ĐÀ LA NI
NGHI QUỸ**

Hán dịch: Đặc Tiến Thí Hồng Lô Khanh_ Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí **BẤT KHÔNG** phụng chiếu dịch

Việt dịch : HUYỀN THANH

Bấy giờ **Diệt Ác Thú Bồ Tát** (Sarva-apàya-jahah) ở trong Đại Tập Hội của Đức Phật **Tỳ Lô Giá Na** (Vairocana) từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: ”Thế Tôn ! Con vì chúng sinh trong nẻo ác của Thế Giới tạp nhiễm thuộc thời Mật Pháp ngày sau, mà nói **Diệt Tội Thành Phật Đà La Ni**, tu **ba Mật Môn**, chứng **Niệm Phật Tam Muội**, được sinh về Tịnh Thổ. Dùng phương tiện nào để cứu khổ ban vui cho chúng sinh bị tội nặng ? Con muốn tế độ tất cả chúng sinh đau khổ“

Khi ấy Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát rằng: ”Đối với chúng sinh không biết ăn năn, không biết xấu hổ, Tà Kiến, buông lung thì không có Pháp tế độ. Lúc sống thì nhận chịu mọi điều khốn ách, lúc chết thì bị rơi vào Địa Ngục **Vô Gian** (Avìci), chẳng được nghe tên của Tam Bảo. Huống chi là chẳng nhìn thấy Phật thì làm sao mà được có lại thân người ? !... “

Diệt Ác Thú Bồ Tát lại bạch rằng: ”Phương tiện của Đức Như Lai chẳng thể đo lường được, Đức Như Lai có Thần Lực vô tận. Nguyên xin Đức Thế Tôn nói Pháp bạt khổ bí mật. Đức Phật là cha mẹ của tất cả chúng sinh. Xin hãy vì chúng sinh năm trước mà nói Pháp **Quyết định thành Phật** “

Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát rằng: ”Ta có Pháp bí mật, là điều hiếm có trên đời, là Pháp tối thắng bậc nhất để **diệt tội thành Phật**. Pháp ấy tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn**.

Nếu có người mới nghe qua **Đề Danh** (Tên đầu đề) của Chân Ngôn này, hoặc tụng **Đề Danh** thì người gần gũi với người tụng **Đề Danh**, hoặc cùng ở một nơi thì người ấy đều được tất cả hàng Thiên Ma, Quỷ ác, tất cả Thiện Thần Vương đi đến ủng hộ. Giả sử người đó ăn ngũ tân, giết hại cá, dâm dục với chị em gái, hoặc tất cả súc sinh nữ thì các **Tỳ Na Dạ Ca** (Vinàyaka) cũng chẳng thể gây chướng ngại

mà đều tùy thuận, ngày đêm thủ hộ, dứt trừ tai nạn khiến được an ổn, hưởng chi là tự mình niệm tụng.

Nếu tụng đầy đủ thì tất cả tội nặng đều được tiêu diệt, được vô lượng Phước Đức. Khi chết ắt sinh về **Thế Giới Cực Lạc** (Sukha-vatì). Tuy đã gây ra tội cực nặng cũng chẳng bị đọa vào Địa Ngục. Nếu giết hại cha mẹ, giết **A La Hán** (Arahat), phá sự hòa hợp của chư Tăng, làm cho thân Phật chảy máu, thiêu đốt Kinh Tượng, làm ô uế chốn **Già Lam** (Samghàrama), chê bai mọi người, khinh chê các lời dạy, khen mình chê người. Dù đã gây ra các tội như vậy vẫn quyết định sinh về cõi Cực Lạc, tự được Thượng Phẩm, tự hóa sinh trong hoa sen chẳng còn sinh trong bào thai. Có điều người mau thành Phật vì trước kia từng nghe Chân Ngôn này, người chậm thành Phật vì đời đời chẳng được nghe Chân Ngôn này.

Nếu người Nam, người Nữ, Đồng Nam, Đồng Nữ trì **Đề Danh** của Chân Ngôn này sẽ được an vui, không có các bệnh tật, sắc tướng đầy đủ sự rực rỡ, viên mãn cát tường, đều được thành tựu tất cả **Chân Ngôn Pháp**.

Nếu đem **Đề Danh** của Chân Ngôn này, hoặc 1 chữ, 2 chữ cho đến 10 chữ. Hoặc đem 1 câu, 2 câu cho đến 10 câu cùng một biến của Chân Ngôn để vào trong ngọc, vàng, bạc, lưu ly rồi đội trên đỉnh đầu thì người ấy tuy chưa vào **Đàn** liền thành người đã vào tất cả **Đàn**, thành kẻ **Đồng Hạnh** với người đã vào **Đàn**, ngang bằng với chư Phật không có sai khác, chẳng gặp mộng ác, tội nặng được tiêu diệt. Nếu kẻ có Tâm ác hướng tới người ấy thì cũng chẳng làm hại được, tất cả việc đã làm đều thành tựu.

Đức Phật nói **Phổ Biến Diễm Man Thanh Tĩnh Xí Thịnh Tư Duy Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Tổng Trì Đại Tùy Cầu Đà La Ni** :

Năng mạc tát phộc đất tha nghiệt đá nam (Quy mệnh nghiệp Thân Khẩu Ý của Tỳ Lô Giá Na Phật tràn đầy khắp hư không diễn nói Giáo thâm sâu của **Kim Cương Nhất Thừa** thuộc ba Mật Môn của Như Lai)

[NAMAḤ SARVA TATHÀGATÀNÀM]

Năng mô năng mạc tát phộc một đà mạo địa tát đất-phộc tỳ-dược (Quy mệnh Tâm Bản Giác, Pháp Thân Thường Trụ, đài sen Tâm của Pháp màu nhiệm, Đức của *ba Thân* trang nghiêm xưa nay, trụ Tâm của 37 Tôn thành các Tam Muội nhiều như số bụi nhỏ của Phổ Môn, Pháp Nhiên của *Nhân Quả* với *xa lìa Nhân Quả*, đầy đủ vô biên gốc của biển Đức, viên mãn quay trở lại chư Phật của Tâm mà Con đỉnh lễ)

[NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVEBHYAḤ]

Một đà đạt ma tăng kỳ tỳ-dược (Nam mô Diệt Ác Thú Bồ Tát, Bạc cứu khổ ban vui cho Hữu Tình trong ba đường và khiến cho chúng sinh trong Pháp Giới lìa khổ được vui)

[BUDDHA DHARMA SAṀGHEBHYAḤ]

Đát nhĩ-dã tha (Lời ấy nói rằng)

[TADYATHÀ]

[OM VIPULA GARBHE]

Vĩ bố la vĩ ma lê (Tất cả chúng sinh diệt tội)

[VIPULA VIMALE]

Nhạ dã nghiệt bệ (Tất cả chúng sinh ban cho báu Như Ý)

[JAYA GARBHE]

Phộc nhật-la nhập-phộc la nghiệt bệ (Tất cả chúng sinh đoạn trừ phiền não)

[VAJRA JVALA GARBHE]

Nga đế nga ha ninh (Tất cả chúng sinh thành tựu sự mong cầu)

[GATI GAHANE]

Nga nga nãg vĩ thú đạt ninh (Tất cả chúng sinh Từ Bi che chở giúp đỡ)

[GAGANA VI'SODHANE]

Án, tát phộc bá bả vĩ thú đạt ninh (Tất cả chúng sinh trong Thế Giới không có Phạt Từ Bi che chở giúp đỡ)

[OM SARVA PÀPA VI'SODHANE]

Án, ngu lỗ noa phộc đế nga nga lệ ni (Tất cả chúng sinh cắt đứt sự khổ sinh trong Thai)

[OM GUṆA VATI GAGARIṆI]

Nghĩ lệ, nghĩ lệ nghiêm ma lệ nghiêm ma lệ (Tất cả chúng sinh ban cho thức ăn uống)

[GIRI GIRI GAMÀRI GAMÀRI]

Ngược hạ ngược hạ (Tất cả chúng sinh ban cho quần áo)

[GAHA GAHA]

Nghiệt nga lệ nghiệt nga lệ (Tất cả chúng sinh khiến cho mãn *Chúng sinh Ba La Mật*)

[GARGÀRI GARGÀRI]

Nghiêm ba lệ nghiêm ba lệ (Tất cả chúng sinh mãn *Nhẫn Nhục Ba La Mật*)

[GAMBHARI GAMBHARI]

Nga đế nga đế nga ma nãnh nga lệ (Tất cả chúng sinh mãn *Tinh Tiến Ba La Mật*)

[GATI GATI GAMANA GARE]

Ngu lỗ ngu lỗ ni (Tất cả chúng sinh mãn *Thiền Ba La Mật*)

[GÜRURU GÜRURUNE]

Tả lê, a tả lê (Tất cả chúng sinh mãn *Tuệ Ba La Mật*)

[CALE ACALE]

Mẫu tả lê, nhạ duệ vĩ nhạ duệ (Tất cả chúng sinh mãn *Phương Tiện Ba La Mật*)

[MUCALE JAYE VIJAYE]

Tát phộc bà dã vĩ nga đế nghiệt bà tam bà la ni (Tất cả chúng sinh mãn *Nguyện Ba La Mật*)

[SARVA BHAYA VIGATE GARBHA SAMBHARANI]

Tất lệ tất lệ nhĩ lệ kỳ lệ kỳ lệ tam mãn đá ca la-sái ni (Tất cả chúng sinh mãn *Lực Ba La Mật*)

[SIRI SIRI MIRI GHIRI GHIRI SAMANTA AKARṢANI]

Tát phộc thiết đốt-lỗ bát-la mặt tha nãnh (Tất cả chúng sinh mãn *Trí Ba La Mật*)

[SARVA 'SATRÙ PRAMATHANI]

La khát-sái, la khát-sái (Thành tựu)

[RAKṢA RAKṢA]

Ma ma (Cứu cánh)

[MAMA]

Tát phộc tát đát-phộc nan tả (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa oán)

[SARVA SATVÀNÀṀ CA]

Vĩ li vĩ li vĩ nga đá phộc la noa ba đã nãnh xả nãnh (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa Tham Dục)

[VIRI VIRI VIGATA AVARAṆI BHAYA NÀ'SANI]

Tô li tô li tức li kiểm ma lê (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa Tâm ngu si)

[SURI SURI CILI KAMALE]

Vĩ ma lê (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa nạn khổ về ăn uống)

[VIMALE]

Nhạ duệ nhạ đã phộc hề nhạ dạ (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa nạn khổ về nước)

[JAYE JAYAVAHE JAYA]

Phộc đế bà nga phộc đế (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa nạn khổ về lửa)

[VATI BHAGAVATI]

La đát-nãnh ma củ tra ma la đà li ni, phộc hộ, vĩ vĩ đà, tức đát-la (Tất cả chúng sinh khiến xa lìa sự sợ hãi về giặc cướp binh lính)

[RATNA MAKUṬA MÀLÀ DHÀRAṆI BAHU VIVIDHA CITRA]

Phệ sái, lỗ bả, đà li, bà nga phộc đế, ma hạ vĩ nhĩ-dã nễ vĩ (Tất cả chúng sinh an ổn thân tâm)

[VEṢA RÙPA DHÀRI BHAGAVATI MAHÀ-VIDYA-DEVÌ]

La khát-sái, la khát-sái (Thành tựu)

[RAKṢA RAKṢA]

Ma ma (Cứu cánh)

[MAMA]

Tát phộc tát đát-phộc nan tả (Tất cả chúng sinh, cha mẹ đời quá khứ khiến cho thành Phật)

[SARVA SATVÀNÀṀ CA]

Tam mãn đá tát phộc đát-la (Tất cả chúng sinh, cha mẹ trong 7 đời khiến cho thành Phật)

[SAMANTA SARVATRÀ]

Tát phộc bá bả vĩ thú đà nãnh (Tất cả chúng sinh, cha mẹ vĩnh viễn cắt đứt sự khổ về sinh tử)

[SARVA PÀPA VI'SODHANE]

Hộ lỗ hộ lỗ (Tất cả chúng sinh, cha mẹ được trường thọ)

[HURU HURU]

Nặc khất-sái đát-la (Tất cả chúng sinh không có bệnh hoạn)
 [NAKṢATRA]

Ma la, đà li ni (Tất cả chúng sinh khiến cho phát Tâm Bồ Đề)
 [MĀLĀ DHĀRAṆĪ]

La khất-sái, la khất-sái (Thành tựu)
 [RAKṢA RAKṢA]

Hàm (Quyết định)
 [MĀM]

Ma ma (Cứu cánh)
 [MAMA]

A năng tha tả đát-la noa bả la dã noa tả (Diệt tội sát sinh)
 [ĀNATHAṢYA ATRANA PARĀYANAṢYA]

Bả li mô tả, dã minh, tát phộc nậu khế tỳ-dược, tán ni (Diệt tội trộm cắp)
 [PARIMOCA YĀME SARVA DUḤKHEBHYAḤ CAṆḌI]

Tán ni, tán ni nãnh, phệ nga phộc đế (Diệt tội Dâm Dục)
 [CAṆḌI CAṆḌINI VEGA-VATI]

**Tát phộc nốt sắt-tra, nãnh phộc la ni, thiết đốt-lỗ, bạc khất-sái, bát-la mặt
 tha nãnh, vĩ nhạ dã, phộc tứ nãnh** (Diệt tội nói dối)
 [SARVA DUṢṬA NIVĀRAṆĪ ‘SATRŪ PAKṢA PRAMATHANI VIJAYA
 VĀHANI]

Hộ lỗ hộ lỗ (Diệt tội buôn bán rượu)
 [HURU HURU]

Tổ lỗ tổ lỗ (Diệt tội khen mình chê người)
 [CURU CURU]

A dục bá la nãnh tô la phộc la mặt tha nãnh (Diệt tội tham lam keo kiệt)
 [AYUḤ PĀLANI SURA VARA MATHANI]

Tát phộc nễ phộc đá bố tư đế (Diệt tội giận dữ)
 [SARVA DEVATĀ PŪJITE]

Địa li địa li (Diệt tội phỉ báng)
 [DHIRI DHIRI]

Tam mãn đá phộc lộ chỉ đế (Diệt tội uống rượu)
 [SAMANTA AVALOKITE]

Bát-la bệ bát-la bệ [Diệt tội ăn Ngũ Tân (Hành, họ, tỏi, nén, hưng cừ)]
 [PRABHE PRABHE]

Tố bát-la bà vĩ thuận đệ (Diệt tội hại chim cá để ăn thịt)
 [SUPRABHA VI’SUDDHE]

Tát phộc bá bả vĩ thú đà ninh (Diệt tội Phá Giới, làm cho đầy đủ Giới)
 [SARVA PĀPA VI’SODHANE]

Đạt la, đạt la, đạt la ni, đạt la, đạt lệ (Diệt tội chằng dây dỗi)
 [DHARA DHARA DHARAṆĪ_ DHARA DHARE]

Tô mẫu tô mẫu [Diệt tội của *ba Độc* (Tham, Sân, Si)]
 [SUMU SUMU]

Lỗ lỗ tả lê [Diệt tội của **ba Lậu** (Dục Lậu, Hữu Lậu, Vô Minh Lậu)]
[RURU CALE]

Tá la dã, nộ sắt-thiêm, bố la dã [Diệt tội của **ba điều không thật** (Nhân Thành Giả, Tương Tục Giả, Tương Đãi Giả)]
[CALÀYA DUṢṬAM PÙRAYA]

Minh a thiêm [Diệt tội của **ba Hữu** (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới)]
[ME À'SAM]

Thất-li phộc bổ đà nan nhạ dã kiếm ma lê [Diệt tội của **bốn Thức Trụ** (Sắc Thức Trụ, Thọ Thức Trụ, Tưởng Thức Trụ, Hành Thức Trụ)]
[‘SRÌ VAPUDHANAM JAYA KAMALE]

Khất-sử ni, khất-sử ni [Diệt tội của **bốn giòng chảy** (tứ Lưu: Kiến Lưu, Dục Lưu, Hữu Lưu, Vô Minh Lưu)]
[KṢIṆI KṢIṆI]

Phộc la nễ phộc la năng củ thế [Diệt tội của **bốn sự chọn lấy** (tứ Thủ: Dục Thủ, Kiến Thủ, Giới Cấm Thủ, Ngã Ngữ Thủ)]
[VARADE VARADA AṆKU'SE]

Án bát nạp-ma vĩ thuận đê [Diệt tội của **bốn Báo** (hiện báo, sinh báo, hậu báo, vô báo)]
[OM PADMA VI'SUDDHE]

Thú đà dã, thú đà dã, vĩ thuận đê [Diệt tội của **bốn Duyên** (Nhân Duyên, Đẳng Vô Gian Duyên, Tăng Thượng Duyên)]
[‘SODHAYA ‘SODHAYA VI'SUDDHE]

Bả la bả la [Diệt tội của **bốn Đại** (đất, nước gió, lửa)]
[BHARA BHARA]

Tị li tị li [Diệt tội của **bốn sự cột trói** (tứ Phộc: Dục Ai Thân Phộc, Sân Khuể Thân Phộc, Giới Đạo Thân Phộc, Thân Kiến Thân Phộc)]
[BHIRI BHIRI]

Bộ lỗ bộ lỗ [Diệt tội của **bốn cách ăn** (tứ Thực: Đoạn Thực, Xúc Thực, Tư Thực, Thức Thực)]
[BHURU BHURU]

Mộng nga la vĩ thuận đê [Diệt tội của **bốn cách Sinh** (tứ sinh: Noãn Sinh, Thai Sinh, Thấp Sinh, Hoá Sinh)]
[MAMGALA VI'SUDDHE]

Bả vĩ đất-la mục khí [Diệt tội của **năm Trụ Địa** (Kiến Nhất Thiết Trụ Địa, Dục Ai Trụ Địa, Sắc Ai Trụ Địa, Hữu Ai Trụ Địa)]
[PAVITRA MUKHE]

Khát nghĩ ni, khát nghĩ ni [Diệt tội của **năm Thọ Căn** (khổ, yêu thích, lo, vui vẻ, buông bỏ)]
[KHARGAṆI KHARGAṆI]

Khứ la khứ la [Diệt tội của **năm sự che lấp** (ngũ Cái: Tham Dục Cái, Sân Khuể Cái, Hôn Miên Cái, Trạo Cử Ác Tác Cái, Nghi Cái)]
[KHARA KHARA]

Nhập-phộc li đa thủy lệ (Diệt tội của **năm loại kiên cố**)

[JVALITA 'SIRE]

Tam mãn đa bát-la sa li đá [Diệt tội của **năm Kiên** (Thân Kiên, Biên Chấp Kiên, Tà Kiên, Kiên Thủ Kiên, Giới Cấm Thủ Kiên)]

[SAMANTA PRASARITA]

Phộc bà tất đa thuận đệ [Diệt tội của **năm Tâm** (Suất Nhĩ Tâm, Tầm Cầu Tâm, Quyết Định Tâm, Nhiễm Tịnh Tâm, Đăng Lưu Tâm)]

[AVABHAṢITA 'SUDDHE]

Nhập-phộc la, nhập-phộc la (Diệt tội của **Vân Tinh Căn**)

[JVALA JVALA]

Tát phộc nễ phộc nga noa [Diệt tội của **sáu Thức** (Nhân Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức)]

[SARVA DEVAGAṆA]

Tam ma ca la-sái ni [Diệt tội của **sáu Tướng** (Tổng Tướng, Biệt Tướng, Đồng Tướng, Dị Tướng, Thành Tướng, Hoại Tướng)]

[SAMA AKARṢANI]

Tát đễ-dã phộc đế [Diệt tội của **sáu Ái** (sáu sự yêu thương được sinh ra khi sáu Căn tiếp xúc với sáu Trần)]

[SATYA VATI]

Đa la [Diệt tội của **sáu Hạnh** (Thập Tín Hạnh, Thập Trụ Hạnh, Thập Hành Hạnh, Thập Hồi Hương Hạnh, Thập Địa Hạnh, Đăng Giác Hạnh)]

[TÀRA]

Đá la dã hàm (Diệt tội của **sáu Ái**)

[TÀRÀYA MAM]

Năng nga vĩ lộ chỉ đế la hộ la hộ (Diệt tội của **sáu điều nghi ngờ**)

[NÀGAVILOKITE LAHU LAHU]

Hộ nỗ hộ nỗ [Diệt tội của **bảy Lộ** (Kiến Lộ, Tu Lộ, Căn Lộ, Ác Lộ, Thân Cận Lộ, Thọ Lộ, Niệm Lộ)]

[HUNU HUNU]

Khất-sử ni, khất-sử ni (Diệt tội của **bảy điều nghi định**)

[KṢIṆI KṢIṆI]

Tát phộc ngật-la hạ bạc khất-sái ni [Diệt tội của **tám Đáo** (Đất mà tám phương đã đến tức bốn phương bốn góc)]

[SARVA GRAHA BHAKṢANI]

Băng nghiệt li, băng nghiệt li [Diệt tội của **tám nỗi Khổ** (Sinh Khổ, Lão Khổ, Bệnh Khổ, Tử Khổ, Ai Biệt Ly Khổ, Oán Tăng Hội Khổ, Cầu Bất Đắc Khổ, Ngũ Ấm Thịnh Khổ)]

[PIMGALI PIMGALI]

Tổ mẫu tổ mẫu, tổ mẫu tổ mẫu {Diệt tội của **tám loại vọng tưởng** (bát cấu: Niệm Phiền Não, Bất Niệm Phiền Não, Niệm Bất Niệm Phiền Não, Ngã Phiền Não, Ngã Sở Phiền Não, Tự Tính Phiền Não, Sai Biệt Phiền Não, Nhiếp Thọ Phiền Não)]

[CUMU CUMU_ SUMU SUMU]
Tố vĩ tả lệ (Diệt tội của *chín ách nạn ngang trái*)
 [CUVI CARE]
Đa la đa la, năng nga vĩ lộ chỉ nãnh (Diệt tội của *chín điều sửa trị*)
 [TÀRA TÀRA NÀGA VILOKINA]
Đá la dã đồ hàm (Diệt tội của *chín Thượng Duyên*)
 [TÀRÀYA TUMAM]
Bà nga phộc đế (Diệt tội của *mười loại Phiền Não*)
 [BHAGAVATI]
A sát-tra ma ha đát lỗ ná bà duệ tỳ-được (Diệt tội của *mười sự cột trời*)
 [AṢṬA MAHÀ DÀRUṆE BHAYEBHYAḤ]
Tam mẫu nại-la sa nga la (Diệt tội của *mười một Biến Sử*)
 [SAMUDRA SÀGARA]
Bát lệ-diễn đảm (Diệt tội của *mười sáu Tri Kiến*)
 [PRATYANTAM]
Bá đá la nga nga năng đát lam (Diệt tội của *mười tám Giới*)
 [PÀTÀLA GAGANA TALAM]
Tát phộc đát-la tam mãn đế năng (25 Ngã)
 [SARVATRÀ SAMANTENA]
Trị xả mãn đệ năng phộc nhật-la bát-la ca la (60 Cánh)
 [DI'SA BANDHENA VAJRA PRÀKÀRA]
Phộc nhật-la bá xả, mãn đản nịnh năng (Kiến đế tư duy 98 Sử 108 Phiền Não)
 [VAJRA PÀ'SA BANDHANE]
Phộc nhật-la nhập-phộc la vĩ thuận đệ (Hai *Tuệ Minh*, ba *Tân Lãng*)
 [VAJRA JVALA VI'SUDDHE]
Bộ lệ bộ li (Quảng Tứ Đẳng Tâm = Tâm của 4 nhóm rộng rãi)
 [BHURI BHURI]
Nghiệt bệ phộc đế (20 Trụ Diệp)
 [GARBHE VATI]
Nghiệt bà vĩ thú đà nãnh (Diệt 4 nẻo Ác, được 4 Vô úy)
 [GARBHA VI'SODHANE]
Cộc khất-sử tam bố la ni (Hoá độ *năm đường*:Địa Ngục, quỷ đói, súc sinh, người, Trời)
 [KUKṢI SAMPÙRANI]
Nhập-phộc la, nhập-phộc la (hộ vệ *năm Căn*: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân)
 [JVALA JVALA]
Tả la tả la (Tịnh *năm loại mắt*: Nhục Nhãn, Thiên Nhãn, Tuệ Nhãn, Pháp Nhãn, Phật Nhãn)
 [CALA CALA]
Nhập-phộc lệ nãnh (Thành *năm Phần*)
 [JVALINI]

Bát-la vạt sái đồ nễ phộc (Đây đủ *sáu Thần Thông*)
 [PRAVAṢATU DEVA]
Tam mãn đế năng (Mãn túc Nghiệp của *sáu Độ* :Bố Thí Độ, Trì Giới Độ, Nhẫn Nhục Độ, Tinh Tiến Độ, Thiền Định Độ, Trí Tuệ Độ)
 [SAMANTENA]
Nễ nhĩ-dữu ná kế năng (Chẳng sáu Trần mê hoặc)
 [DIDHYODAKENA]
A mật-lật đa phộc la-sái ni [Thường hành *sáu Diệu Hạnh* (đồng với sáu Hạnh Quán)]
 [AMṚTA VARṢANI]
Nễ phộc đá phộc đá la ni (Đời đời kiếp kiếp ngồi trên bảy đoá hoa trong sạch)
 [DEVA DEVA DHÀRAṆÌ]
A tị sẩn tả, đồ minh, tô nga đa, phộc la, phộc tả năng (8 loại nước tẩy rửa bụi trần)
 [ABHIṢIMCA TUME SUGATA VARA VACANA]
A mật lật đa, phộc la, phộc bổ sái (Đây đủ *9 Đoạn Trí*)
 [AMṚTA VARA VAPUṢPE]
La khất-sái, la khất-sái (Thành tựu)
 [RAKṢA RAKṢA]
Ma ma (Cứu cánh)
 [MAMA]
Tát phộc tát đất-phộc nan tả (Thành *Hạ Địa Hạnh*)
 [SARVA SATVÀNÀM CA]
Tát phộc đất-la tát phộc ná (*11 Không Giải*, thường dùng để trụ Tâm Tự Tại)
 SARVATRÀ SARVADÀ
Tát phộc bà duệ tỳ-dược (Hay chuyển *Trung Nhị Hạnh Luân*)
 [SARVA BHAYEBHYAḤ]
Tát mạo bát nại-la phê tỳ-dược (Đây đủ *18 Pháp Bất Cộng*)
 [SARVOPADRAVEBHYAḤ = SARVA-UPADRAVEBHYAḤ]
Tát mạo bả dược nghệ tỳ-dược (Viên mãn vô lượng tất cả Công Đức)
 [SARVOPASARGE BHYAḤ = SARVA-UPARARGE BHYAḤ]
Tát phộc nộ sất-tra bà dã tị đất tả [Đời đời kiếp kiếp cắt đứt *sự ngăn che của Kiêu Mạn* (kiêu mạn chướng)]
 [SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTAṢYA]
Tát phộc ca lị ca la ha (Làm khô cạn dòng nước Ai Dục)
 [SARVA KÀLI KALAHĀ]
Vĩ tát-la ha, vĩ phộc ná (Diệt ngọn lửa giận dữ)
 [VIGRAHA VIVÀDA]
Nỗ sa-phộc bả-nan, nột la nãnh nhĩ đá, mọng nghịet-ly đã lô già dã, bả vĩ năng xả nãnh (Vĩnh viễn nhỏ cắt hết *Si Tưởng*)

[DUḤSVAPNÀM DURNI MINTA AMAMGALLYA PÀPA VINÀ'SANI]
Tát phộc được khất-xoa, la khất-xoa sa (xé nát lưới võng của *các Kiến*)
[SARVA YAKṢA RÀKṢASA]
Năng nga nãnh phộc la ni (Khéo tu Đạo bền chắc của con người)
[NÀGA NIVÀRAṆI]
Tát la ni tát lệ ma la ma la ma la phộc để (Chính hưởng Bồ Đề)
[SARAṆI SARE BALA BALA BALAVATI]
Nhạ dã nhạ dã nhạ dã đố hàm (Thành tựu Pháp *37 Phẩm Trợ Đạo*)
[JAYA JAYA JAYA TUMAM]
Tát phộc đát-la tát phộc ca lam (Được Thân Kim Cương)
[SARVATRÀ SARVA KÀRAM]
Tát chiêu đố minh, ế hàm, ma hạ vĩ niệm (Được thọ mệnh không cùng tận)
[SIDDHYANTUME IMÀM VIDYA]
Sa đà dã sa đà dã (Vĩnh viễn xa lià sự oán hận, không có Tâm giết hại)
[SÀDHAYAT SÀDHAYAT]
Tát phộc mạn noa la sa đà nãnh (Thường nhận được sự an vui)
[SARVA MAṆḌALA SÀDHANI]
Già đa dã tát phộc vĩ-cận năng (Nghe tên nghe tiếng đều trừ khủng bố)
[GHÀTAYA SARVA VIGHNAM]
Nhạ dã nhạ dã (Mãn túc sự mong cầu)
[JAYA JAYA]
Tát đệ, tát đệ, tố tát đệ (Ai biệt ly khổ)
[SIDDHE SIDDHE SUSIDDHE]
Tát-địa dã, tát-địa dã (Trừ tai họa, được an vui)
[SIDDHYA SIDDHYA]
Một-địa dã, một-địa dã (Trừ bệnh, được sống lâu)
[BUDDHYA BUDDHYA]
Mạo đà dã, mạo đà dã, bố la dã (Trừ nạn về quan quyền)
[BODHAYA BODHAYA]
Bố la ni, bố la ni (Sinh sản an ổn)
[PÙRAṆI PÙRAṆI]
Bố la dã minh a khổ (Trừ khử, giáng phục oán tặc)
[PÙRAYA ME À'SAM]
Tát phộc vĩ nễ-dã vĩ nga đa một để nhạ dụ đa li (Khiến cho vua chúa kính
yêu)
[SARVA VIDYA VIGATA MÙRTTE JYOTTARI]
Nhạ dạ phộc để (Mọi người kính yêu)
[JAYA VATI]
Để sắt-tra, để sắt-tra (Người Trời kính yêu)
[TIṢṬA TIṢṬA]
Tam ma dã ma nộ bá la dã (Hậu Phi kính yêu)
SAMAYAM ANUPÀLAYA

Đát tha nghiệt đa (Phụ Nhân kính yêu)
[TATHÀGATA]

Hột-li nãi dã (Người nữ kính yêu)
[HRDAYA]

Thuấn đê (Bà La Môn kính yêu)
[‘SUDDHE]

Nhĩ-dã phộc lộ ca dã đồ hàm (Tể Quan kính yêu)
[VYÀVALOKAYA TUMAM]

A sắt-tra ty ma hạ ná lỗ noa bà duệ tỳ-được (Đại Thân kính yêu)
[AṢṬA BHIRI MAHÀ DÀRUṆA BHAYEBHYAḤ]

Tát la tát la (Cư Sĩ kính yêu)
[SARA SARA]

Bát-la tát la, bát-la tát la (Trưởng Giả, Trưởng Giả)
[PRASARA PRASARA]

Tát phộc phộc la noa, vĩ thú đà nãnh, tam mãn đá, ca la, mãn noa la, vĩ thuấn đê (Đế Thích, Đế Thích)
[SARVA AVARAṆA VI’SODHANE SAMANTA KÀRA MAṆḌALA VI’SUDDHE]

Vĩ nghiệt đế, vĩ nghiệt đế (Phạm Vương, Phạm Vương)
[VIGATE VIGATE]

Vĩ nga đa ma la (Đại Tự Tại Thiên, Đại Tự Tại Thiên)
[VIGATA MALA]

Vĩ thú đà nãnh (Thiên Đế Tướng Quân, Thiên Đế Tướng Quân)
[VI’SODHANE]

Khất-sử ni, khất-sử ni (Đồng nam đồng nữ, đồng nam đồng nữ)
[KṢIṆI KṢIṆI]

Tát phộc bá bả (Thiên Long, Thiên Long)
[SARVA PÀPA]

Vĩ thuấn đê (Dạ xoa, Dạ Xoa)
[VI’SUDDHE]

Ma la vĩ nghiệt đế (Càn Thát Bà kính yêu)
[MÀRA VIGATE]

Đế nhạ phộc đế (A Tu La, A Tu La)
[TEJA VATI]

Phộc nhật-la phộc đế (Ca Lô La, Ca Lô La)
[VAJRA VATI]

Đát-lạt lộ chỉ-dã (*Tỳ Lô Giá Na* hộ niệm)
[TRAILOKYA]

Địa sắt-xỉ đế (*Tăng Ích* thành tựu)
[ADHIṢṬITE]

Sa-phộc hạ (*Tức Tai* thành tựu)
[SVÀHÀ]

Tát phộc đất tha nghiệt đa một đà (A Súc Phật Kim Cương Ba La Mật hộ niệm)

[SARVA TATHÀGATA BUDDHA]

Tỳ sắc khát đế (Tăng Ích thành tựu)

[ABHIŠIKTE]

Sa-bà hạ (Tức Tai thành tựu)

[SVÀHÀ]

[Từ đây trở xuống đều giống nhau cho nên không ghi chú. Bên trong một câu có 3 câu: Câu đầu là **tên Phật hộ niệm**, câu giữa là **Tăng Ích thành tựu**, câu cuối là **Tức Tai thành tựu**. Ví dụ như **Tát phộc đất tha nghiệt đa một đà** (SARVA TATHÀGATA BUDDHA) là A Súc Phật Kim Cương Ba La Mật hộ niệm. **Tỳ sắc khát đế** (ABHIŠIKTE) là Tăng Ích thành tựu. **Sa-bà hạ** (SVÀHÀ) là Tức Tai thành tựu. Sau này dựa theo đây đều có thể thấy]

Tát phộc mạo địa tát đất-phộc tỳ sắc khát-đế, sa-bà hạ (SARVA BODHISATVA ABHIŠIKTE SVÀHÀ)

Tát phộc nễ phộc đa, tỳ sắc khát-đế, sa-bà hạ (SARVA DEVATÀ ABHIŠIKTE SVÀHÀ)

Tát phộc đất tha nghiệt đa hột-li nãi dã, địa sắt xỉ đa hột-li nãi duệ, sa-bà hạ (SARVA TATHÀGATA HRDAYA ADHIŠTITA HRDAYE SVÀHÀ)

Tát phộc đất tha nghiệt đa tam ma dã, tất đệ, sa-bà hạ (SARVA TATHÀGATA SAMAYA SIDDHE SVÀHÀ)

Ấn nại-lệ, ấn nại-la phộc đế, ấn nại-la nhĩ-dã phộc lộ chỉ đế, sa-bà hạ (INDRE INDRAVATI INDRA VYÀVALOKITE SVÀHÀ)

Một-la hám-minh, sa-bà hạ (BRAHME SVÀHÀ)

Một-la hám-ma nễ-dữu sử đế, sa-bà hạ (BRAHMA ADHYUŠTE SVÀHÀ)

Vĩ sắt-noa năng mạc tắc khát-li đế, sa-bà hạ (VIŠṆU NAMASKRTE SVÀHÀ)

Ma hê thấp-phộc la mãn nễ đa đa bộ nhĩ đá duệ, sa-bà hạ (MAHE'SVARA VANDITA PÙJITAYE SVÀHÀ)

Phộc nhật-la bá ni, ma la vĩ li-duệ địa sắt-xỉ đế, sa-bà hạ (VAJRAPÀṆI BALA VÌRYE ADHIŠTITE SVÀHÀ)

Địa-li đa-la sắt tra-la sắt tra-la dã, sa-bà hạ (DHRRÀŠTRÀYA SVÀHÀ)

Vĩ lỗ trà ca dã, sa-bà hạ (VIRÙDHÀKÀYA SVÀHÀ)

Vĩ lỗ bá khát-sái dã, sa-bà hạ (VIRÙPÀKṢAYA SVÀHÀ)

Vĩ thất-la ma noa dã, sa-bà hạ (VAI'SRAVAṆÀYA SVÀHÀ)

Tạt đốt la ma hạ la nhạ ná mạc tắc khát-li đá dã, sa-bà hạ (CATUR MAHÀ RÀJA NAMASKRÀYA SVÀHÀ)

Diễm ma dã, sa-bà hạ (YAMÀYA SVÀHÀ)

Diễm ma bố nhĩ đa ná mạc tắc khát-li đá dã, sa-bà hạ (YAMA PÙJITA NAMASKRÀYA SVÀHÀ)

Phộc lỗ noa (Thủy Thiên hộ niệm) dã (Tăng Ích thành tựu) sa-bà hạ (Tức Tai thành tựu) (VARUṆÀYA SVÀHÀ)

(Từ đây trở xuống dựa theo đây mà thấy biết vậy)

Ma lỗ đá dĩa, sa-bà hạ (MARÙTÀYA SVÀHÀ)

Ma hạ ma lỗ đá dĩa, sa-bà hạ (MAHÀ MARÙTÀYA SVÀHÀ)

A ngân-năng duệ, sa-bà hạ (AGNAYE SVÀHÀ)

Năng nga vĩ lộ chỉ đá dĩa, sa-bà hạ (NÀGAVILOKITÀYE SVÀHÀ)

Nễ phộc nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (DEVAGANĒBHYAḤ SVÀHÀ)

Năng nga nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (NÀGAGANĒBHYAḤ SVÀHÀ)

Dược khất-sái nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (YAKṢAGANĒBHYAḤ SVÀHÀ)

La khất-sái sa nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (RAKṢASAGANĒBHYAḤ SVÀHÀ)

Ngạn đạt phộc nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (GANDHARVAGANĒBHYAḤ SVÀHÀ)

A tô la nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (ASURAGANĒBHYAḤ SVÀHÀ)

Nga lỗ noa nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (GARUḌAGANĒBHYAḤ SVÀHÀ)

Khẩn na la nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (KIMNARAGANĒBHYAḤ SVÀHÀ)

Ma hộ la nga nga nãi tỳ-dược, sa-bà hạ (MAHORAGAGANĒBHYAḤ SVÀHÀ)

Ma nô sái tỳ-dược, sa-bà hạ (MANUṢYEBHYAḤ SVÀHÀ)

A ma nô sái tỳ-dược, sa-bà hạ (AMANUṢYEBHYAḤ SVÀHÀ)

Tát phộc nghiệt-la hề tỳ-dược, sa-bà hạ (SARVA GRAHEBHYAḤ SVÀHÀ)

Tát phộc ná khất-sái đát-lẽ tỳ-dược, sa-bà hạ (SARVA NAKṢATREBHYAḤ SVÀHÀ)

Tát phộc bộ đế tỳ-dược, sa-bà hạ (SARVA BHŪTEBHYAḤ SVÀHÀ)

Tất-li đế tỳ-dược, sa-bà hạ (PRETEBHYAḤ SVÀHÀ)

Tỷ xá tế tỳ-dược, sa-bà hạ (PI'SÀCEBHYAḤ SVÀHÀ)

A bả sa-ma lệ tỳ-dược, sa-bà hạ (APASMÀREBHYAḤ SVÀHÀ)

Án, độ lỗ độ lỗ, sa-bà hạ (OM DHURU DHURU SVÀHÀ)

Án, đồ lỗ đồ lỗ, sa-bà hạ (OM TURU TURU SVÀHÀ)

Án, mẫu lỗ mẫu lỗ, sa-bà hạ (OM MURU MURU SVÀHÀ)

Hạ năng hạ năng tát phộc thiết đốt-lỗ năm, sa-bà hạ (HANA HANA SARVA 'SATRŪNĀM SVÀHÀ)

Ná hạ ná hạ tát phộc nột sắt-tra bát-la nột sắt-tra năm, sa-bà hạ (DAHA DAHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬA SVÀHÀ)

Bả tả bả tả tát phộc bát-la thất dịch ca ba-la để-dĩa nhĩ đát-la năm duệ ma. A tứ đế sử noa đế sam tát phệ sam thiết li lam nhập-phộc la dã nột sắt-tra tức đá năm, sa-bà hạ (PACA PACA SARVA PRATYARTHIKA PRATYĀMITRĀNĀM YE MAMA AHITEṢINA TEṢAṂ SARVEṢĀM 'SARIRAM JVALĀYA ADUṢṬACITTĀNĀM SVÀHÀ)

Nhập-phộc li đá tỳ dĩa, sa-bà hạ (JVALITĀYA SVÀHÀ)

Bát-la nhập-phộc li đá dĩa, sa-bà hạ (PRAJVALITÀYA SVÀHÀ)
Nhĩ bả-đá nhập-phộc la dĩa, sa-bà hạ (DÌPTA JVALÀYA SVÀHÀ)
Tam mãn đa nhập-phộc la dĩa, sa-bà hạ (SAMANTA JVALÀYA SVÀHÀ)
Ma ni bạt nại-la dĩa, sa-bà hạ (MAÑI BHADRÀYA SVÀHÀ)
Bố la-noa bạt nại-la dĩa, sa-bà hạ (PÜRṆA BHADRÀYA SVÀHÀ)
Ma hạ ca la dĩa, sa-bà hạ (MAHÀ KÀLÀYA SVÀHÀ)
Ma đễ-li nga noa dĩa, sa-bà hạ (MÀTRGAṆÀYA SVÀHÀ)
Dược khát-sử ni nẫm, sa-bà hạ (YAKṢAṆÌNÀṀ SVÀHÀ)
La khát-sái tử nãnh nẫm, sa-bà hạ (RÀKṢASÌNÀṀ SVÀHÀ)
La đễ-li tả la nẫm, sa-bà hạ (RÀTR CARÀNÀṀ SVÀHÀ)
Nhĩ phộc sa tả la nẫm, sa-bà hạ (DIVASA CARÀNÀṀ SVÀHÀ)
Đễ-li tán địa-dĩa tả la nẫm, sa-bà hạ (TRISANTYA CARÀNÀṀ SVÀHÀ)
Phệ la tả la nẫm, sa-bà hạ (VELA CARÀNÀṀ SVÀHÀ)
A phệ la tả la nẫm, sa-bà hạ (AVELA CARÀNÀṀ SVÀHÀ)
Nghiệt bà hạ lệ tỳ-dược, sa-bà hạ (GARBHAHÀREBHYAḤ SVÀHÀ)
Nghiệt bà tán đá la ni, sa-bà hạ (GARBHA SANDHÀRAṆÌ SVÀHÀ)
Hộ lỗ hộ lỗ, sa-bà hạ (HURU HURU SVÀHÀ)
Án, sa-bà hạ (OM SVÀHÀ)
Sa-phộc, sa-bà hạ (SVÀḤ SVÀHÀ)
Bộc, sa-bà hạ (BHÙḤ SVÀHÀ)
Bộ phộc, sa-bà hạ (BHÙVÀḤ SVÀHÀ)
Án, bộ la-bộ phộc sa-phộc, sa-bà hạ (OM BHÙRBHÙVÀḤ SVÀḤ SVÀHÀ)
Tức trí tức trí, sa-bà hạ (CITI CITI SVÀHÀ)
Vĩ trí vĩ trí, sa-bà hạ (VITI VITI SVÀHÀ)
Đà la ni, sa-bà hạ (DHÀRAṆÌ SVÀHÀ)
Đà la ni, sa-bà hạ (DHARAṆI SVÀHÀ)
A cật nãnh, sa-bà hạ (AGNI SVÀHÀ)
Đế đở phộc bổ, sa-bà hạ (TEJO VÀYU SVÀHÀ)
Tức li tức li, sa-bà hạ (CILI CILI SVÀHÀ)
Tất li tất li, sa-bà hạ (SILI SILI SVÀHÀ)
Một địa-dĩa một địa-dĩa, sa-bà hạ (BUDDHYA BUDDHYA SVÀHÀ)
Tất địa dĩa tất địa dĩa, sa-bà hạ (SIDDHYA SIDDHYA SVÀHÀ)
Mạn noa la tất đê, sa-bà hạ (MAṆḌALA SIDDHE SVÀHÀ)
Mạn noa la mẫn đê, sa-bà hạ (MAṆḌALA BANDHE SVÀHÀ)
Tỷ ma mẫn đà nãnh, sa-bà hạ (‘SÌMA BANDHANI SVÀHÀ)
Tát phộc thiết đốt-lỗ nẫm tiêm ba tiêm ba, sa-bà hạ (SARVA ‘SATRÙNÀṀ JAMBHA JAMBHA SVÀHÀ)
Sa-đảm bà dĩa sa-đảm bà dĩa, sa-bà hạ (STAMBHÀYA STAMBHÀYA SVÀHÀ)
Thân na thân na, sa-bà hạ (CCHINDA CCHINDA SVÀHÀ)
Tấn na tấn na, sa-bà hạ (BHINDA BHINDA SVÀHÀ)

Bạn nhạ bạn nhạ, sa-bà hạ (BHAÑJA BHAÑJA SVÀHÀ)
Mãn đà mãn đà, sa-bà hạ (BANDHA BANDHA SVÀHÀ)
Mãng hạ dã mãng hạ dã, sa-bà hạ (MOHAYA MOHAYA SVÀHÀ)
Ma ni vĩ truật đệ, sa-bà hạ (MAÑI VI'SUDDHE SVÀHÀ)
Tố li-duệ tố li-dã vĩ truật đệ vĩ thú đà nãnh, sa-bà hạ (SÛRYE SÛRYA VI'SODHANE SVÀHÀ)
Tán nại-lệ tô tán nại-lệ bố la-noa tán nại-lệ, sa-bà hạ (CANDRE SUCANDRE PÛRNACANDRE SVÀHÀ)
Khư la hề tỳ-dược, sa-bà hạ (GRAHEBHYAḤ SVÀHÀ)
Nhược khát-sát đát-lệ tỳ-dược, sa-bà hạ (NAKṢTREBHYAḤ SVÀHÀ)
Thủy phệ, sa-bà hạ ('SIVE SVÀHÀ)
Phiến đế, sa-bà hạ ('SÀNTI SVÀHÀ)
Sa-phộc sa đế-dã dã minh, sa-bà hạ (SVASTYA YANE SVÀHÀ)
Thủy noan yết li phiến đế yết li bồ sát trí yết li ma la mặt đạt nãnh, sa-bà hạ ('SIVAM KARI_ 'SÀNTI KARI_ PUṢṬI KARI_ BALA VARDHANI SVÀHÀ)
Thất-li yết li. Sa-bà hạ ('SRÌ KARI SVÀHÀ)
Thất-li dã mặt đạt nãnh, sa-bà hạ ('SRÌYA VARDHANI SVÀHÀ)
Thất-li dã nhập-phộc la nãnh, sa-bà hạ ('SRÌYA JVALANI SVÀHÀ)
Nẩng mẫu tư, sa-bà hạ (NAMUCI SVÀHÀ)
Ma lỗ tư, sa-bà hạ (MURUCI SVÀHÀ)
Phệ nga phộc đế, sa-bà hạ (VEGA VATI SVÀHÀ)

Chân Ngôn này là Trí Căn Bản của vô số ức hàng hà sa chư Phật. Là Chân Ngôn lưu xuất từ vô lượng chư Phật. Do trì Chân Ngôn này mà Đức Phật thành Đạo, cho nên chư Phật ba đời trải qua vô số vạn ức kiếp, Đức **Tỳ Lô Giá Na Như Lai** (Vairocana-tathàgata) tự ở trong Pháp Giới Trí chấm dứt vô số kiếp để cầu được. Do đấy có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn**. Tất cả chư Phật chẳng được Chân Ngôn này thì chẳng thành Phật. Ngoại Đạo, Bà La Môn được Chân Ngôn này sẽ mau chóng thành Phật.

Tại sao thế ? Xưa kia tại nước **Ma Kiệt Đà** (Magadha) có một vị **Bà La Môn** (Bràhmana) tên là **Câu Bác**. Vị Bà La Môn này chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng có **sáu Ba La Mật Hạnh**, chẳng có bốn **Vô Lượng Trụ**. Ngày ngày giết các loài heo, dê, gấu, nai, ngỗng, gà, rùa... để ăn. Như vậy đều đều mỗi ngày từ 50 cho đến 100 sinh mạng. Trải qua 250 năm thì vị Bà La Môn này qua đời, liền từ bỏ nhân gian đi đến **cung của vua Diêm La** (Yama-pura)

Khi ấy **vua Diêm La** (Yama-ràja) bạch với **Đế Thích** (Indra) rằng: "*Tội nhân này được đem vào Địa Ngục nào ? Tội nặng nhẹ như thế nào ?*"

Đế Thích bảo rằng: "Tội của người này chẳng thể đo lường được, chẳng thể tính đếm số lượng được. **Thiện Kim Trát** (Cái trát bằng vàng dùng để ghi điều lành) không có ghi một điều lành nào, **Ác Thiết Trát** (Cái trát bằng sắt chuyên ghi điều ác) thì không thể tính đếm. Hãy mau tống giam hắn vào Địa Ngục **A Tỳ** (Avìci)"

Khi Ngục Tốt vâng lệnh liền ném tội nhân vào Địa Ngục, tức thời Địa Ngục tự nhiên biến thành ao sen chứa đầy nước tám Công Đức. Trong ao ấy có mọi thứ hoa sen: xanh, trắng, hồng, tím với màu sắc vượt hẳn các thứ sen khác. Trên mỗi tòa ngòai của từng đóa sen đều có một tội nhân ngòai và tội nhân này không hề có sự khổ đau.

Ngay lúc ấy **Ngục Tốt Đầu Trâu Đầu Ngựa** của vua Diêm La cùng nhau nói rằng: *"Ngục này lạ thay ! Tội nhân này bị bắt lầm rồi ! Địa Ngục biến thành Tịnh Thổ, Tội Nhân chẳng khác với Phật. Ta đã thấy nghe sự việc như vậy "*

Bấy giờ vua Diêm La đi đến **cung Đế Thích** (Indra-pura) bạch rằng: *"Câu Bác này chẳng phải là người có tội nên mới có Thần Thông như bên trên nói "*

Đế Thích đáp rằng: *"Lúc sống, hấn chưa từng làm một việc thiện nào cho dù nhỏ như hạt bụi. Quả thật Ta chẳng biết nỗi điều này "*

Đế Thích liền đi đến cõi Phật bạch với **Đức Thích Ca Văn Phật** ('Sàkyamuni-buddha) rằng: *"Câu Bác đã làm việc thiện như thế nào mà lại có thần biến như thế?"*

Khi ấy Đức Phật bảo Đế Thích rằng: *"Ngay thuở sinh tiền Câu Bác chẳng hề làm một việc thiện nào. Hãy nhìn xem hài cốt của hấn ở nhân gian ra sao"*

Đế Thích liền đến nơi chôn cất hài cốt của Câu Bác thì thấy cách nơi này một dặm về phía Tây có một cái **Tốt Đồ Ba** (Stupa: tháp nhiều tầng). Trong cái tháp ấy có để Chân Ngôn Căn Bản này. Do cái Tháp bị mục nát nên Chân Ngôn rơi rớt trên mặt đất. Một Chũ của bài văn ấy nương theo gió thổi dính trên hài cốt của Câu Bác.

Bấy giờ Đế Thích lại đến xem điều kỳ dị ở tám Địa Ngục thì thấy mỗi khi dời Câu Bác đến Địa Ngục nào tức thời nơi ấy liền biến thành nơi không có sự đau khổ. Lúc ấy Câu Bác và các tội nhân đều có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Một thời ở Thế Giới **Liên Hoa Đài Tạng** thành chư Phật Bồ Tát. Đức **Phật Vô Cấu** (Amala-buddha) ở Thế Giới nơi phương trên là **Câu Bác** vậy.

Công năng diệt tội còn như vậy, huống chi là tự mình trì tụng. Nếu người chí Tâm trì niệm thì còn có chút tội nào sao ? !...Cho nên Chân Ngôn này có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Thành Phật** vậy. Cầu Phước Đức tự tại, cầu bầy bấu tự tại vậy. Nhân đây Chân Ngôn này có 7 tên gọi là :

1) **Tâm Phật Tâm Chân Ngôn**:Trí Tâm trong Tâm Trí của Tỳ Lô Giá Na Như Lai

2) **Nhất Thiết Phật Tâm Ấn Chân Ngôn** : Ấn Trí Tâm thâm sâu của chư Phật

3) **Quán Đỉnh Chân Ngôn** : Quán đỉnh người trì niệm

4) **Quán Đỉnh Ấn Chân Ngôn** : Tẩy rửa phiền não, ấn Bồ Đề

5) **Kết Giới Chân Ngôn** : Trừ tội chướng, tịch trừ chư Ma

6) **Phật Tâm Chân Ngôn** : Tâm Trí chân thật của Phật

7) **Tâm Trung (Chân Ngôn)** : Không có gì vượt hơn được Pháp này

Người Trì Niệm cũng lại như vậy, như Đức Phật là Đấng thù thắng bậc nhất trong các Đấng **Pháp Vương** (Dharma-ràja)

Này Diệt Ác Thú ! Chân Ngôn này hay cứu tất cả chúng sinh. Chân Ngôn này hay khiến cho tất cả chúng sinh xa lìa các khổ não. Chân Ngôn này hay tạo sự lợi ích lớn cho tất cả chúng sinh, làm mãn sự ước nguyện. Như Đức Phật hay cứu tất cả chúng sinh bị khổ não. Như kẻ bị rét lạnh gặp được lửa sưởi ấm. Như kẻ trần truồng được quần áo mặc. Như con côi được gặp mẹ. Như kẻ vượt sông được thuyền bè. Như người bệnh tật được thuốc chữa. Như nơi tăm tối được đèn chiếu sáng. Như kẻ nghèo túng được của báu. Như ngọn đuốc diệt trừ ám tối.

Chân Ngôn này cũng lại như vậy, hay khiến cho chúng sinh xa lìa tất cả khổ với tất cả bệnh não, hay giải mở tất cả sự cột trói của sinh tử. Đây là thuốc hay cho người bệnh ở cõi **Diêm Phù Đề** (Jambu-dvīpa). Nếu người có bệnh được nghe Chân Ngôn này thì bệnh liền tiêu diệt.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện tạm nghe qua Chân Ngôn này thì hết thấy tất cả tội chướng đều được tiêu diệt. Hoặc tuy đã phạm dâm với tất cả người nữ thì vẫn chẳng chịu khổ đau nơi thai sinh. Tại sao vậy ? Vì người trì Chân Ngôn gần gũi cúng dường hoặc nam hoặc nữ đều đã được chuẩn bị sẵn Thân Phật.

Nếu người hay trì tụng thì nên biết người đó tức là Thân Kim Cương, lửa chẳng thể đốt. Nên biết Như Lai dùng sức Thần Thông ủng hộ người đó. Nên biết người đó là Thân Như Lai. Nên biết người đó là Thân của Tỳ Lô Giá Na Như lai. Nên biết người đó là Kho Tàng của Như Lai. Nên biết người đó là con mắt của Như Lai. Nên biết người đó mặc giáp trụ Kim Cương. Nên biết người đó là Thân Quang Minh. Nên biết người đó là Thân bất hoại. Nên biết người đó hay tội phục tất cả oán địch. Nên biết hết thấy tội chướng của người đó thấy đều tiêu diệt. Nên biết Chân Ngôn này hay trừ nỗi khổ của Địa Ngục.

Ta vì Phật Đạo, ở vô lượng cõi, từ xưa đến nay, rộng nói các Pháp chẳng thể đo lường được. Ở trong các Pháp đó thì Chân Ngôn này là tối thắng bậc nhất, chẳng có gì có thể so sánh được. Ở trong ba ngàn Đại Thiên Thế Giới tuy giết hại tất cả chúng sinh vẫn chẳng bị đọa vào nẻo ác. Tất cả đều do uy lực của Chân Ngôn này huống chi là phải chịu nạn khổ ở nhân gian. Thường khiến tuôn mưa bảy Báu, không có bệnh hoạn tai nạn, tất cả sự mong cầu đều được mãn túc, thân tâm an ổn, phước thọ vô lượng.

Này Diệt Ác Thú ! Dưới đây có bảy Chân Ngôn nhỏ dành riêng cho người nào chẳng thể trì niệm. Tên riêng của Chân Ngôn Căn Bản, nếu có người nam, kẻ nữ chẳng thể trì nổi Đại Chân Ngôn thì tùy theo sức mà thọ trì các Chân Ngôn này vậy.”

Lại nói mỗi một Chân Ngôn là:

— **Tâm Phật Tâm Chân Ngôn** :

Án , tát phộc đát tha nghiệt đa một đê (Thế Giới chín Hội của Tỳ Lô Giá Na Như Lai)

[OM SARVA TATHAGATA MURTE]

Bát-la phộc la vĩ nga đa bà duệ (Bốn Trí Như Lai)

[PRAVARA VIGATA BHAYE]

Xả ma dã bà-phộc minh (Nhất Thiết Trí của Như Lai)

[‘SAMAYA SVAME]

Bà nga phộc để tát phộc bá bế tỳ-dược (Bốn Trí, Nhất Thiết Trí)

[BHAGAVATI SARVA PÀPEBHYAḤ]

Sa-phộc sa để bà phộc đồ mẫu nễ mẫu nễ (37 Tôn)

[SVÀSTIRBHAVATU MUNI MUNI]

Vĩ mẫu nãnh tả lệ (Tất cả Trí của 37 Tôn)

[VIMUNI CALE]

Tả la nãnh bà đã vĩ nga đế (16 Tôn Đời Hiền Kiếp)

[CALANA BHAYA VIGATE]

Bà đã hạ la ni (Nhất Thiết Trí)

[BHAYA HÀRAṆI]

Mạo địa mạo địa (Độ chúng sinh)

[BODHI BODHI]

Mạo đà đã mạo đà đã (Ban Trí Tuệ cho chúng sinh)

[BODHIYA BODHIYA]

Một địa lị một địa lị (Ban thuốc tốt lành cho chúng sinh)

[BUDHILI BUDHILI]

Tát phộc đất tha nghiệt đa (Ban trân bảo, thức ăn uống cho chúng sinh)

[SARVA TATHÀGATA]

Hột-lị nãi gia túc sắt-tai, sa-phộc hạ (Ban an vui cho chúng sinh)

[HRDAYA JUṢṢṢAI SVÀHÀ]

_Nhất Thiết Phật Tâm Ấn Chân Ngôn :

Án, phộc nhật-la phộc để (Chữ Phật ba đời)

[OM VAJRA VATI]

Phộc nhật-la bát-la để sắt-xỉ đế, truật đệ. Tát phộc đất tha nga đa mẫu nãi-la (Tất cả Trí Ấn thành tựu sáu Ba La Mật)

[VAJRA PRATIṢṢṢITE 'SUDDHE SARVA TATHÀGATA MUDRA]

Địa sắt-xá nãnh địa sắt-xỉ đế ma hạ mẫu đất lệ, sa-phộc hạ (Thành tựu sự linh nghiệm của tất cả các Pháp ngay trong đời này)

[ADHIṢṢṢTANA ADHIṢṢṢITE MAHÀ MUDRE SVÀHÀ]

_ Quán Đỉnh Chân Ngôn :

Án, mẫu nãnh mẫu nãnh (Tất cả Như Lai đều tập hội)

[OM MUNI MUNI]

Mẫu nãnh phộc lệ (Tuôn ra nước Trí)

[MUNI VARE]

A ty tru tả đồ hàm (Tất cả Như Lai duỗi cánh tay màu vàng)

[ABHIṢṢṢICA TUMÀM]

Tát phộc đất tha nghiệt tha (Dùng nước Trí rưới lên đỉnh đầu)

[SARVA TATHÀGATA]

Tát phộc vĩ nễ-dã ty sái tứ diệm (Tẩy rửa 160 sở tri chướng phiền não trong thân)

[SARVA VIDYA ABHIṢEKAI]

Ma hạ phộc nhật-la hạ phộc tả (Vĩnh viễn cắt đứt tất cả khổ của sinh tử)

[MAHÀ VAJRA KAVACA]

Mẫu nại-la mẫu nại-lị đới (Nhập vào Ta)

[MUDRA MUDRITEḤ]

Tát phộc đa tha nga đa hột-lị nãi dạ địa sắt-xỉ đa, phộc nhật-lệ, sa-bà hạ
(Ngang đồng với Thân tràn khắp Pháp Giới của Như Lai)

[SARVA TATHĀGATA HRDAYA ADHIṢṬITA VAJRE SVĀHĀ]

_ Quán Đỉnh Ấn Chân Ngôn :

Ấn, a mật-lật đa phộc lệ (Chư Phật tập hội tuôn ra nước Trí, xoa đỉnh đầu hộ niệm thành tựu)

[OM AMṚTA VARE]

Phộc la phộc la (Thành tựu Bồ Đề)

[VARA VARA]

Bát-la phộc la vĩ truyệt đệ (Thành tựu Đẳng Chính Giác)

[PRAVARA VI'SUDDHE]

Hông (Cắt đứt phiền não của chúng sinh)

[HŪM]

Hông (Cắt đứt sở tri chướng của chúng sinh)

[HŪM]

Phát tra, phát tra, sa-bà hạ (Ta, Người thành tựu Niết Bàn)

[PHAT PHAT SVĀHĀ]

_ Kết Giới Chân Ngôn :

Ấn, a mật-lật đa vĩ lộ chỉ nãnh (Thành ngọn lửa nóng)

[OM AMṚTA VILOKINI]

Nghiệt bà tăng la khát-sái ni a yết sái ni (Thành lưới sắt vây quanh bức tường thành bằng sắt rọc lửa)

[GARBHA SAMRAKṢANI]

Hông (Tịch trừ quỷ Thần)

[HŪM]

Hông (Sát hại hết quỷ Thần)

[HŪM]

Phát tra phát tra (Tất cả Quỷ Thần đều thành hạt bụi nhỏ cũng chẳng thể sinh)

[PHAT PHAT]

Sa-bà hạ (Thành tựu)

[SVĀHĀ]

_ Phật Tâm Chân Ngôn :

Án, vĩ ma lê (Trí Như Lai tràn khắp Pháp Giới)

[OM VIMALE]

Nhạ dã, phộc lệ, a mật-lật đế, hồng hồng hồng hồng, phát tra phát tra
(Tất cả chúng sinh trong ba cõi đều có Phật Tính, thành tựu)

[JAYA VARE AMRTE HÙM HÙM HÙM HÙM PHAT PHAT SVÀHÀ]

_Tâm Trung Tâm Chân Ngôn :

Án, bả la bả la tam bạt la tam bạt la (Trí Tâm của Như Lai lợi ích cho chúng sinh)

[OM BHARA BARA SAMBHARA SAMBHARA]

Án nại-li dã, vĩ thú đà nãnh, hồng hồng, lỗ lỗ tả sơ (Tâm, Phật, Chúng sinh...
cả 3 điều này không có sai khác)

INDRIYA VI'SODHANE HÙM HÙM RURU CALE

Sa-bà ha

SVÀHÀ

Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát rằng: "Chân Ngôn này có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn** hay trừ tất cả tội nghiệp đặng chướng, hay phá tất cả nỗi khổ của con đường uế ác

Này Diệt Ác Thú ! Chân Ngôn này được vô số ức căng già sa câu chi trăm ngàn chư Phật cùng nhau tuyên nói. Người tùy vui thọ trì sẽ được Trí Ẩn của Như Lai ẩn lên, hay phá con đường uế ác cho tất cả chúng sinh, hay nhanh chóng đến cứu nạn khổ khiến cho chúng sinh bị đọa trong biển sinh tử được giải thoát. Vì chúng sinh đoản mệnh, kém phước không có người cứu hộ với các chúng sinh ưa tạo mọi nghiệp ác mà diễn nói.

Lại nữa Chân Ngôn này khiến cho các loại chúng sinh ở mọi nơi khổ đau như : Địa Ngục, nẻo ác...mọi loại đang lưu chuyển trong biển sinh tử, chúng sinh kém phước, kẻ bất tín đánh mất Chính Đạo... Như vậy đều được giải thoát "

Bấy giờ Đức Phật bảo: "Này Diệt Ác Thú ! Ta đem Chân Ngôn này phó chúc cho ông, dùng uy lực của Chân Ngôn này để cứu độ tất cả chúng sinh trong biển khổ. Diệt Ác Thú ! Ông nên trì niệm **quán hạnh** thủ hộ đừng để cho quên mất .

Này Diệt Ác Thú ! Nếu có người trong phút chốc được nghe Chân Ngôn này thì một ngàn kiếp trở lại bao nhiêu nghiệp ác chướng nặng đã tạo tác gom chứa đáng nhận mọi thứ sinh tử lưu chuyển nơi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh, Diêm La Vương Giới, thân A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Quỷ Thần, Bồ Đan Na, A Ba Sa Ma La, muỗi mòng, Rồng, Rùa, Chó, Trăn, Rắn, tất cả loài chim, các loài thú mạnh, tất cả loài hàm linh cựa quậy cử động cho đến thân của loài trùng, kiến..... ắt chẳng còn thọ nhận trở lại nữa, luôn được chuyển sinh ở cùng chỗ với vị Nhất Bồ Xứ Bồ Tát

của chư Phật Như Lai, đồng với BỒ Tát cùng sinh vào một nơi, hoặc được sinh vào nhà Đại Tể Bà La Môn, hoặc được sinh vào nhà giàu có tối thắng.

Này Diệt Ác Thú ! Người này được sinh vào những nơi cao quý như trên đều do nghe được Chân Ngôn này, cho nên nơi chuyển sinh đều được thanh tịnh không có thoái chuyển.

Này Diệt Ác Thú ! Cho đến được đến nơi tối thắng của **Bồ Đề Đạo Trường** (Bodhi-maṇḍa) đều do khen ngợi công đức của Chân Ngôn này như vậy. Do nhân duyên đây nên có tên là **Tùy Cầu Tức Đắc Chân Ngôn** .

_ Tiếp nói nhóm Mật Ấn

Mật tướng năm Như Lai

Trước, dùng Ấn ấn tim

Tiếp liền đặt trên đỉnh

Tiếp ấn trán, Tam Tinh

Tiếp ấn hai lông mày

Bên phải rồi bên trái

Đây tức đã kết xong

Thân Ta thành **Biến Chiếu** (Vairocana)

Ở lưỡi quán **Kim Cương**

Trước, chắp tay Kim Cương

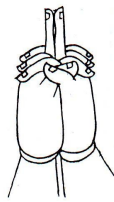
Liền thành **Kim Cương Phộc**

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như tháp nhọn

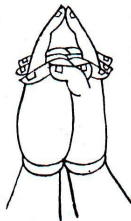
Tiến Lực (2 ngón trỏ) phụ ở lưng



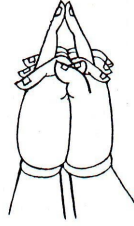
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) đứng như bát



Co ngược như hình Báu



Dời co như hoa sen



Hợp mặt trong lòng tay

Hợp Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái)



Liên thành Ấn bí mật

Ngũ Bí Mật Ấn này

Là Mật ở trong Mật

Là Bí (sâu kín) ở trong Bí

Chẳng truyền kẻ không A (Nếu không phải là bậc A Xà Lê thì không truyền)

A Xà Lê nếu biết

Pháp, Đệ Tử, tùy Nghi

Mới làm Pháp Đàn ấy

Như **Nghi Quỹ Pháp Hoa** (chẳng nói ở đây)

Bấy giờ Đức Phật bảo Diệt Ác Thú Bồ Tát: "Nay ông hãy lắng nghe ! Ta sẽ vì ông tuyên nói. Thọ trì Chân Ngôn này cũng vì các chúng sinh đoản mệnh mà nói. Nên tắm gội, mặc áo mới sạch, ngày ngày trì niệm **chín biến** thì chúng sinh đoản mệnh kia lại được tăng tuổi thọ vĩnh viễn xa lìa bệnh khổ. Tất cả nghiệp chướng thảy đều được tiêu diệt, cũng được giải thoát khỏi sự khổ đau của tất cả Địa Ngục. Các loài chim bay, súc sinh, hàm linh một lần được nghe Chân Ngôn này qua lỗ tai thì khi chấm dứt thân này ắt chẳng thọ nhận lại thân đó nữa.

Nếu gặp bệnh ác, nghe Chân Ngôn này liền được vĩnh viễn xa lìa. Tất cả các bệnh cũng được tiêu diệt. Nghiệp đáng bị đọa vào nẻo ác cũng được trừ diệt, liền được vãng sinh về Thế Giới tịch tĩnh. Từ Thân này trở về sau chẳng còn thọ thân trong bào thai mà được Hóa Sinh trong hoa sen, tất cả nơi sinh ra đều là hoa sen hóa sinh. Dù sinh ra ở nơi nào cũng ghi nhớ chẳng quên, thường biết Túc Mệnh.

Nếu có người trước kia đã gây tạo ra tất cả tội nghiệp cực nặng. Mệnh nương theo nghiệp ác ấy đáng bị đọa vào Địa Ngục, hoặc đọa vào cõi súc sinh, cõi Diêm La Vương, hoặc rơi vào cõi Nga Quỷ cho đến rơi vào Địa Ngục **Đại A Tỳ**, hoặc sinh vào loài thủy tộc, hoặc mang thân cầm thú hay thân của loài khác... mà nghe được Đề Danh của Chân Ngôn này cho đến một chữ, qua tai một lần thì chẳng bị thọ nhận sự khổ não của các cõi đã nói như vậy. Nghiệp chướng thảy đều tiêu diệt, mau chóng sinh về cõi Phật.

Nếu có người gần gũi người trì một chữ thì kẻ ấy được Đại Niết Bàn, lại tăng thọ mệnh, nhận được sự khoái lạc thù thắng. Khi bỏ thân này liền được vãng sinh về các cõi nước có mọi thứ vi diệu, thường cùng chư Phật tụ họp tại một nơi. Tất cả Như Lai luôn vì kẻ ấy diễn nói nghĩa vi diệu. Tất cả Thế Tôn liền thọ ký cho kẻ ấy. Thân thể của kẻ ấy tỏa ánh sáng chiếu soi tất cả cõi Phật.

Nay chỉ lược nói công lực của Chân Ngôn này như vậy.

Nếu có kẻ trai lành, người nữ thiện đối với Chân Ngôn, niệm niệm chẳng sinh nghi. Ngờ. Hoặc có kẻ trai lành, người nữ thiện sinh Tâm nghi hoặc thì đời đời chẳng được sự linh nghiệm của Chân Ngôn. Đời này bị bệnh **Bạch Lại** (lác, cùi hủi).

Ta vì lợi ích cho chúng sinh mới nói Chân Ngôn này. Vì chúng sinh bản cùng hạ tiện để lại Bát Ma Ni Như Ý này. Đây là Pháp Tạng thâm sâu, tất cả Trí Ấn của Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Người thường trì niệm cần phải cung kính như cung kính Đức Phật.

TÙY CẦU TỨC ĐẮC CHÂN NGÔN NGHI QUỸ _Hết_

Nước Đại Đường, chùa Thanh Long, Nội Cúng Phụng Sa Môn ĐÀM TRINH tu sửa tạo dựng bản Chân Ngôn ghi trên bia

_ **Thất Thập Thiên Chân Ngôn** :

Năng mặc tam mạn đa mạo đa nam. Án, tát nhật phộc đệ bà đa nam duệ kế cơ

Nguyên Vĩnh, năm thứ hai, tháng 11, ngày mồng chín, giờ Ngọ viết xong

Ở mặt Tây của viện **Liên Tạng** duyệt xong. Cực Nguyệt (? tháng 12) ngày 28

TRƯỜNG GIÁC

Hiệu chỉnh xong vào ngày 28/08/2011

Mật Tạng Bộ 3_ No.1156A (Tr.649_ Tr.650)

ĐẠI TÙY CẦU TỨC ĐẮC ĐẠI ĐÀ LA NI
MINH VƯƠNG SÁM HỐI PHÁP

Việt dịch : HUYỀN THANH

☐Tám Ấn Tùy Cầu :

1) **SÁM HỐI ẤN** cũng có tên là **BỒ ĐỀ TÂM ẤN** :

Ngửa 2 bàn tay. Tay phải: đem ngón vô danh quấn phía sau lưng ngón giữa, lấy ngón trở móc đầu ngón vô danh. Tay trái cũng như thế. Dem 2 ngón cái đều vịn trên móng ngón út, 2 ngón giữa cùng trụ dính nhau. Ngửa lòng bàn tay hướng lên trên đặt ngay trái tim, tụng Chú .

2) **BỒ ĐỀ CĂN BẢN KHẾ** cũng có tên là **THỌ KÝ ĐỈNH KHẾ ẤN** :

Dựa theo Ấn trước. Sửa 2 ngón út giao nhau trong lòng bàn tay. Hai ngón cái, bên trái đè bên phải, đều vịn gốc ngón và đè trên móng ngón út. Hai ngón trở vịn lẫn lộn trên của lưng ngón giữa

3) **NHƯ LAI BÌNH ĐẲNG KHẾ** cũng có tên là **THÍ THANH LƯƠNG KHẾ ẤN**

Tay phải: duỗi thẳng 3 ngón trở, giữa, vô danh. Dem ngón cái vịn vắn thứ nhất trên lưng ngón út. Chẳng nói đến tay trái.

NHƯ LAI THANH TỊNH KHẾ : Trước tiên chấp 2 tay lại. Hai ngón út cài chéo nhau trong lòng bàn tay, bên phải đè bên trái. Cả 3 ngón trở, giữa, vô danh đều hợp dính đầu ngón. Hai ngón cái cũng hợp đầu ngón, dẫu trong lòng bàn tay.

4) **NHƯ LAI TIÊU NHẤT THIẾT ÁC ĐỘC KHẾ** cũng có tên là **NHẤT THIẾT HOAN HỖ KHẾ** :

Y theo Bình Đẳng Ấn. Giao 2 cổ tay, bên phải đè bên trái. Ngửa lòng bàn tay hướng lên trên. Nếu bên ngoài có việc thì hồi hướng ra ngoài từ chối. Đây là **DIỆT ĐỘC KHẾ** .

5) **NHẤT THIẾT TRỪNG** (Loài trùng) **ĐẮC PHẬT KÝ** (Thọ ký) **KHẾ** :

Trước tiên chấp 2 tay lại. Dựng đứng 2 ngón út, co 2 ngón vô danh vào trong lòng bàn tay. Hai ngón giữa cài ngược nhau, bên phải đè bên trái trong lòng bàn tay. Hai ngón trở đều móc 2 ngón giữa. Hai ngón cái đều vịn bên cạnh lẫn giữa của ngón trở. Hai ngón út đều cong lại sao cho dừng dính vào ngón vô danh.

6) **BÍ MẬT KHẾ** cũng có tên là **TÂM TRUNG ẤN** :

Trước tiên chấp 2 tay lại. Các ngón trở, ngón vô danh, ngón út cùng cài ngược nhau trong lòng bàn tay. Dem đầu ngón cái bên trong lòng bàn tay và vịn trên móng cả 3 ngón (trở, vô danh, út).

7) **GIẢI THOÁT KHẾ** cũng có tên là **HỘ NIỆM THẬP PHƯƠNG KHẾ** :

Trước tiên chấp 2 tay lại, để ngay trái tim. Hơi co 3 ngón trở, vô danh, út vào trong lòng bàn tay sao cho các móng tay chung lưng nhau. Dem đầu ngón cái vào trong lòng bàn tay và vịn bên cạnh lóng giữa của ngón vô danh. Ngón giữa giương mở ngang lóng tay cùng chung lưng

8) **NHƯ LAI TÂM KHẾ** :

Trước tiên ngửa lòng bàn tay phải. Dùng **Tịnh Tâm** quán. Dem ngón cái vịn bên cạnh vắn giữa của ngón vô danh. Bốn ngón còn lại nắm thành quyền.

_ Đức Phật bảo các Đại Chúng: "Sám Hối như vậy là tuân theo Bồ Đề sinh tất cả chư Phật. Lúc phát Tâm Bồ Đề thời tự mình chẳng khởi ý thấp kém, chẳng che dấu các tội, tức là **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta)

Này **Thiện Nam Tử** (Kulaputra) ! Nên biết **Bồ Đề Tâm Khế** (Bodhi-cittamudra) này chẳng thể nghĩ bàn. Tại sao vậy ? Ta nhớ về thời quá khứ, Ta tu Hạnh Bồ Tát trải qua vô lượng kiếp, gom chứa Công Đức cũng vượt qua vô lượng kiếp. Tu học khổ hạnh như vậy trải qua ngàn hằng hà sa kiếp, nhưng rốt ráo vẫn không ghi được một điều nào. Tại sao thế ? Vì Ta có Tâm Nguyện thấp kém và còn tội dư thừa (Hữu dư tội) nên kiếp kiếp *sám tạ* (sám hối cầu xin tha tội) vẫn chẳng hết được. Vì Sám chẳng hết nên dẫn đến tai họa. Vì tội lỗi của quá khứ nên dẫn đến việc gây ra chướng nạn khiến cho chẳng được thành Phật. Do tự tâm của Ta chân thật cầu chư Phật nên phát ra rất nhiều (Nhược Can) Thệ Nguyện. Phát Nguyện xong rồi, trong khoảng khắc Tịnh Tín (tin tưởng trong sạch) liền được Khế này, xưng là **Nhất Thiết Chư Phật Đại Bồ Đề Tâm** (Sarva-buddhànām-mahā-bodhi-citta). Ta kết Khế này, lập Sám Hối ngay thì trong một thời đều dẹp tan được hết thảy chướng nạn. Mười phương chư Phật thọ ký, ban hiệu cho Ta trong tương lai được tên gọi là **Thích Ca Mâu Ni** ('Sākya-muṇi) có đầy đủ **mười Lực** và **bốn Vô Sở Úy**.

Này Thiện Nam Tử ! Giả sử có chúng sinh làm cho: thân của 10 vị Phật đổ máu, thân của 100 vị Phật đổ máu, thân của 1000 vị Phật đổ máu, thân của một vạn vị Phật đổ máu, thân của trăm ngàn ức vị Phật đổ máu cho đến thân của hằng hà sa số vị Phật đổ máu, thân của bất khả số bất khả số vị Phật đổ máu... mà kết Ấn này của Ta, tụng **Tùy Cầu Tức Đắc Đà La Ni** của Ta ba biến, cứ một câu một biến, một lần xưng danh tự. Nếu kẻ đó còn có tội dư thừa lộ ra với chúng sinh thì không thể có chuyện này. Tại sao vậy ? Nếu có tội còn dư thừa lộ ra với chúng sinh thì tất cả chư Phật liền mất Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu có một người khởi Tâm Từ Bi, kết Khế này của Ta, rộng vì **Đại Thiên** xưng nói. Vì chúng sinh nâng Ấn, chỉ khắp mười phương Giới thì tất cả tội chướng, bệnh, khổ não... của hết thảy chúng sinh đều tiêu diệt trong một thời không còn dư sót, liền chứng **Sơ Địa** (Càn Tuệ Địa: 'Sukla-vidar'sanā-bhūmi) mà tất cả chúng sinh cũng chẳng hay biết.

Nếu vào **cung Ma** (Mara-pura), kết trì Khế này thì **Ma Vương** (Māra-rāja) thuận phục, nhớ lại việc xưa mà buông bỏ **nghiệp Ma** (Māra-karma)

Nếu vào **cung vua** (Rāja-pura), kết trì Ấn này thì nhà vua liền khởi Từ Nhẫn, dùng chính pháp trị người

Nếu gặp nạn về vua chúa, vào châu huyện bị gông cùm xiềng xích. Kết trì Ấn này thì được giải thoát khỏi nạn gông cùm xiềng xích, vua quan tự khai ân, cả hai bên được hòa vui.

Nếu có người ngày ngày làm việc này thì tất cả Thế Gian không có việc gì không điều thuận được, Long Vương vui vẻ hay tuôn mưa xuống. Hết thảy kẻ có Tâm tàn độc trong tất cả Thế Gian đều hòa vui.

Nếu vào nơi chiến đấu, dùng Ấn này chỉ vào thì quân của hai bên liền hòa giải, không một bên nào bị tổn hại.

Thiện Nam Tử ! Ta dùng Ấn này, chẳng thể lấy điều gì so sánh được, cho nên chỉ dùng một ví dụ để biết.

Này Thiện Nam Tử ! Chư Thiên ở mười phương, cộng lại cả vạn vị cũng chẳng bằng sức lực của một vị **Na La Diên** (Nārāyaṇa). Các Na La Diên ở mười phương thế giới, cộng lại cả vạn vị cũng chẳng bằng sức lực của một vị Bồ Tát. Tất cả Bồ Tát ở mười phương thế giới, cộng lại cả vạn vị cũng chẳng bằng sức lực của đầu một sợi lông của một Đức Như Lai

Này Thiện Nam Tử ! Giả sử một vị Phật hay làm mọi thứ sức lực chẳng thể nghĩ bàn cũng chẳng giống như sức lực của vô lượng chư Phật. Tại sao thế ? Vì tất cả Như Lai cùng trụ trì, cùng tùy hỷ, cùng ẩn khả cho nên tất cả Như Lai đều từ đây sinh ra. **Bồ Tát** (Bodhisatva), **Kim Cương** (Vajra) âm thầm hỗ trợ cho đến Bồ Đề không có **Nhị Kiến** (tức **Doạn Kiến** và **Thường Kiến**. Hoặc **Vô Kiến** và **Hữu Kiến**).

Này Thiện Nam Tử ! Nếu nói về công dụng của Khế này thì trọn cả kiếp cũng chẳng thể nói hết được, cũng chẳng thể luận bàn được. Nếu có chúng sinh muốn đến **Phật Vị**, khởi đầu được chút ít về Khế này thì vẫn hơn Bạc Sơ Địa vì Bạc này cũng chưa nghe biết, cũng chẳng thể nói đủ được.

Căn Bản của Bồ Đề sinh từ một Tâm, sinh từ một Pháp, sinh từ cái thấy sai khác (Dị Kiến), sinh từ sự chặt đứt yêu ghét, sinh từ sự xa lìa nghiệp giết chóc, sinh từ Tịnh Thổ vô thủy, sinh từ Pháp quyết định, sinh từ Chất Trục Vô Vi, sinh từ sự nhu hòa thuận nhẫn, sinh từ sự dũng mãnh tinh cần, sinh từ lòng thương xót tất cả chúng sinh, sinh từ Đại Từ Bi, sinh từ sự không sợ hãi (vô úy), sinh từ sự khổ đau của nạn, sinh từ sự chẳng buông bỏ chúng sinh, sinh từ sự kính dưỡng cha mẹ, sinh từ sự hiếu thuận với sư trưởng, sinh từ Tâm chẳng nóng nảy, sinh từ Tâm chẳng hèn kém, sinh từ sự tinh ba nghiệp. Này Thiện Nam Tử ! Đây là **Bồ Đề Căn Bản Khế**

Thiện Nam Tử ! Tất cả Thiên Tiên, Rồng, Thần, bốn vị Thiên Vương, Kim Cương, Thanh Văn, Bích Chi Phật, chúng Thánh của bốn Quả với Bồ Tát Ma Ha Tát hành việc của Bồ Tát mà được thông suốt đầy đủ thì không bao giờ có việc đó. Tại sao thế ? Như việc này là **Hạnh** (Carya) của chư Phật, trừ khi Đức Phật dùng năng lực bên ngoài (ngoại năng) hành việc này tức là thân Phật chẳng thể nghĩ bàn cho nên đây chẳng phải là việc của Bồ Tát.

Này Thiện Nam Tử ! Cho đến Bồ Tát, Kim Cương chẳng trì Khế này, giả sử đạt đến **Pháp Vân Địa** (Dharma-megha-bhūmi) cũng chẳng được **Thọ Ký** (Vyākaraṇa). Tại sao thế ? Vì không có Bồ Đề vậy.

Thiện Nam Tử ! Nếu có người hoặc tu một Pháp, trăm Pháp, ngàn vạn Pháp, bất khả số Pháp mà chẳng trì Ấn này thì không có phần của một Pháp, chúng Thánh chẳng vui, Thiên Thần chẳng giúp. Nghiệp **Linh** đã tu, chỉ được thông chút ít, cùng làm chung với Ma Vương, cũng chẳng phải **Chính Sĩ** (Bậc tu hành chân chính).

Nếu trì Khế này không gián đoạn thì **tịnh và bất tịnh, trì và chẳng trì, cúng dường và chẳng cúng dường**, cho đến gây tạo đủ các nghiệp bất thiện mà có thể ở trong một niệm tạm nhớ Khế này, giữ gìn chẳng quên, ắt sau khi chết sẽ sinh về cõi

Trời **Thiện Trụ** (Sutiṣṭa), chứng **Bồ Đề Vương** (Bodhi-rāja), cũng được làm **Quán Đỉnh Kim Luân Vương** của Đại Thiên Giới.

Nếu hay tính Tâm với Thân, một ngày 12 thời mà 10 thời tạo ác chỉ có hai thời ghi nhớ suy tư về **Niết Bàn của Pháp** chẳng sai lầm, chẳng thoái lui thì *nhục thân* (thân máu thịt) liền chứng Bồ Đề, bay bổng dạo chơi (du đăng) khắp mười phương giống như Phật, không sai khác.

Thiện Nam Tử ! Như Khế này là nguồn gốc của hết thảy Ấn Khế trong mười phương thế giới. Thời Đại Thân, Đại Dược Xoa Vương, Bồ Tát, Kim Cương, tám Bộ Trời Rồng thường đến vệ hộ như Phật không khác, chỉ trừ Đức Như Lai ra không ai có được sức lực này. Chư Hữu sở tu, liền tự cầm đến cũng không có thiếu sót chút nào. **Trí Tuệ Môn văn Phật Trí Giả** (Bậc theo môn Trí Tuệ nghe về Trí Tuệ của Phật) thấy đều hiểu thấu. Trí của Bồ Tát cũng chẳng thể nói đủ được.

Khế này không có bản lưu hành, bí mật chẳng được nói ra. Như Thần Thông này gia hộ thì đã bảo cho mọi người, tuy thấy chúng mà chẳng thấy người vay mượn. Tại sao thế ? Vì mệnh căn mỗi mệт vậy. Thần thông đắc được, chỉ tự mình biết thôi.

□ **BÁT GIA BÍ LỤC** ghi rằng: “Đại Tùy Cầu Bát Ấn Pháp, một quyển (Duy Căn- Nhân Vận)

Bởi vì đảm nhận Pháp này. Diên Bảo năm thứ ba, năm Ất Mão, tháng Giêng ghi chép xong_ Kim Cương Thừa, Phật Tử TĨNH NGHIÊM (37 tuổi)

_ Thiên Minh cải nguyên, năm Tân Sửu, tháng năm nhuận _ Dùng Tạng bản của **Vũ Trí Tuệ Tâm** viện, viết chép xong_ Viện Trí Tích ĐÔNG VÕ TỬ NHÂN

_ Hưởng Hòa cải nguyên, mùa Thu năm Dậu, tháng bảy_ Dùng Bản này chép xong, liền đối chiếu với Quốc Tự (chữ Hán) sửa chữa và khắc lên bản gỗ để in_ Phong Sơn Sa Môn KHOÁI ĐẠO ghi, một lần kiểm tra xong

_ Hưởng Hòa năm thứ ba, tháng tư, ngày mồng năm_ Lúc trời rạng sáng, cầm bút ghi_ TỬ THUẬN

Hết

Hiệu chỉnh xong vào ngày 25/08/2001

Mật Tạng Bộ 3 _ No.1156B (Tr.650_ Tr.651)

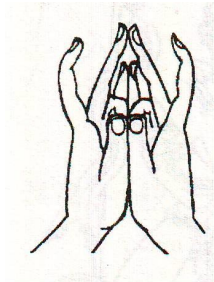
TÔNG QUYỂN TẶNG CHÍNH
ở nơi truyền khẩu của **Đường Quốc Sư**

Sưu tập Thủ Ấn và Việt dịch : HUYỀN THANH

1) ĐẠI TỪ CẦU CĂN BẢN ẤN :

Hai tay cài chéo các ngón bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội tướng xoa), hợp dựng 2 ngón giữa, đặt 2 ngón trỏ phía sau lưng 2 ngón giữa rồi hơi co lại như móc câu. Hợp dựng 2 ngón út, 2 ngón cái rồi hơi co lại, liền thành.

Tiếng Phạn nói **Phộc Nhật-La** (Vajra). Đời Đường dịch là **Ngũ Cổ Kim Cương** (Chày Kim Cương có 5 chấu)



2) NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM CHÂN NGÔN :

Úp tay trái, ngửa tay phải sao cho dính lưng nhau. Ngón giữa trợ lưng cùng móc cứng nhau như hình cây búa, liền thành.

Tiếng Phạn nói **Bạt La Thú** (Para'sù). Đời Đường dịch là **Việt Phủ** (Cây Búa)

(An ghi là: Dựng lưng 2 bàn tay, ngón giữa cùng móc nhau)



3) NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM ẤN CHÂN NGÔN :

Hai tay cài chéo các ngón bên trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền. Dựng 2 ngón giữa dính đầu nhau rồi co lại khiến cho tròn tựa, liền thành

Tiếng Phạn nói **Bả La Bá xả** (Prapà'sa). Đời Đường dịch là: **Sách** (sợi dây)



4) **NHẤT THIẾT NHƯ LAI KIM CƯƠNG BỊ GIÁP CHÂN NGÔN ẤN :**

Chấp hai tay lại. Co lỏng giữa của 2 ngón trỏ khiến bằng phẳng, đồng thời 2 đầu ngón dính nhau, liền thành.

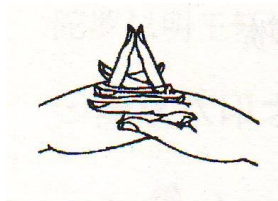
Tiếng Phạn nói **Kiệt Nga** (Khadga). Đời Đường dịch là **Kiểm** (cây kiếm)



5) **NHẤT THIẾT NHƯ LAI QUÁN ĐỈNH CHÂN NGÔN ẤN :**

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành quyền (Ngoại tương xoa) Hợp dựng 2 ngón vô danh, đem 2 ngón út giao nhau, liền thành.

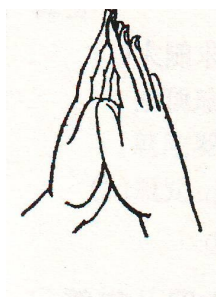
Tiếng Phạn nói **Chước Yết La** (Cakra). Đời Đường dịch là **Luân** (bánh xe)



6) **NHẤT THIẾT NHƯ LAI KẾT GIỚI ẤN CHÂN NGÔN :**

Hai ngón cái vịn trên móng 2 ngón út. Dựng hợp các ngón còn lại như hình Tam Kích Xoa (cây giáo có 3 chĩa) liền thành.

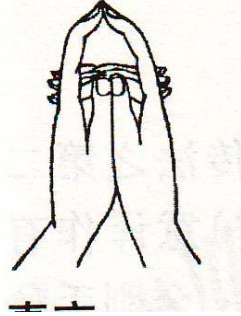
Tiếng Phạn nói **Để lệ Thú La** (Tri'sula). Đời Đường dịch là **Tam Cổ Xoa**



7) NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM TRUNG TÂM CHÂN NGÔN ẤN :

Hai tay cài chéo các ngón bên ngoài rồi nắm lại thành quyền. Dựng 2 ngón trở trụ đầu ngón dính nhau như hình bấu. Kèm cứng 2 ngón cái, liền thành.

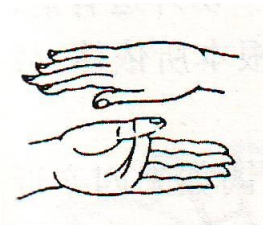
Tiếng Phạn nói **Tiến Đá Ma Ni** (Cintamani). Đời Đường dịch là **Bảo** (viên ngọc bấu Như Ý)



8) NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÙY TÂM CHÂN NGÔN ẤN :

Ngửa tay trái đặt ngay trái tim, dương 5 ngón tay. Đem tay phải úp trên tay trái cùng hợp nhau bằng phẳng, liền thành.

Tiếng Phạn nói **Ma Ha Vĩ Nễ-Dã Đà La Ni** (Mahà-vidya-dhàraṇī). Đời Đường dịch là **Đại Minh Tổng Trì**.



Từ Giác Đại Sư nói Đại Tùy Cầu Ấn chính là Nội Phộc Ngũ Cổ Ấn

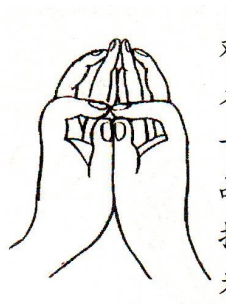
□ TÔN THẮNG PHẬT ĐỈNH ẤN :

Chấp tay giữa rỗng, co 2 phong (2 ngón trở) sao cho móng ngón tay cùng đối nhau. Đem 2 Không (2 ngón cái) vịn bên cạnh 2 Phong (2 ngón trở) như thế búng ngón tay



□ VẤN THÙ CĂN BẢN ẤN :

Chấp tay giữa rỗng, úp 2 Hỏa (2 ngón giữa) vịn 2 Thủy (2 ngón vô danh) sao cho đầu ngón trụ dính nhau. Co 2 Phong (2 ngón trỏ) vịn ngay trên 2 Không (2 ngón cái) .



Lại nói Nội Phộc. Hợp dựng 2 Địa (2 ngón út), co 2 Phong (2 ngón trỏ) đặt nằm ngang trên 2 Không (2 ngón cái) .

□ MÃN TÚC CÚ ẤN :

Hợp 2 Địa (2 ngón út) như cây kim. Hai Thủy (2 ngón vô danh) móc nhau bên trong lòng bàn tay. Hai Hỏa (2 ngón giữa) như hình bầu. Co 2 Phong (2 ngón trỏ) vịn trên 2 Không (2 ngón cái)

Chân Ngôn là: "A vĩ la hồng khiếm "

𑖀 𑖄 𑖂 𑖄 𑖂

*) A VIRĀ HŪM KHAM

Trình Quán năm thứ 19, tháng ba, ngày 12

Truyền Đại Bi Tam Muội Gia Chân Ngôn là :

"Quán Âm bát nột mang, sâm mãn đá cốt đà nẫm _ Át duệ thiên tá gia, tát la-bả tát đát-bả, xả đã, tát đá , tát-bả ha "

Hiệu chỉnh xong vào ngày 25/08/2011

TÙY CẦU TỨC ĐẮC ĐÀ LA NI

Dịch âm Phạm văn : HUYỀN THANH

NAMA SARVA TATHÀGATANÀM
NAMO NAMAḤ SARVA BUDDHÀ BUDHISATVABHYAḤ _
BUDDHA DHARMA SAṀGHEBHYAḤ
TADYATHÀ : OM VIPURA GARBHE
VIPURA VIMARE JAYA GARBHE
VAJRA JVARA GARBHE
GATI GAHANE
GAGANA VI'SODHANE
SARVA PÀPA VI'SODHANE
OM GÙṆA VATI
GAGARIṆI
GIRI GIRI
GAMÀRI GAMÀRI
GAHA GAHA
GARGARI GARGARI
GAGARI GAGARI
GARBHARI GARBHARI
GATI GATI
GAMANE GARE
GÙRU GÙRU GÙRUNE
CALE ACALE MUCALE
JAYA VIJAYA
SARVA BHAYA VIGATE
GARBHA SAṀBHARAṆI
SIRI SIRI
MIRI MIRI
GHIRI GHIRI
SAMANTA KARSANI
SARVA 'SATRÙ PRAMATHANI
RAKṢA RAKṢA _MAMA (.....) SYA
SARVA SATVÀNÀMCA
VIRI VIRI
VIGATA AVARAṆA
BHAYA NÀ'SANI
SURI SURI

CILI
 KAMARE VIMARE JAYA
 JAYA VAHE
 JAYA VATI BHAGAVATI
 RATNA MAKÛṬA MÀRA DHARINI
 MAHU VIVIDHA VICITRA
 VECA RUPA DHÀRINI
 BHAGAVATI MAHÀ VIDYÀ NIVI
 RAKṢA RAKṢA_MAMA (.....) SYA
 SARVA SATVÀNÀMCA
 SAMANTA _ SARVA TRA _ SARVA PÀPA VI'SODHANI
 HURU HURU
 NAKṢATRA MALA DHÀRINI
 RAKṢA RAKṢA MÀM
 MAMA (.....) ANATHA SYA
 ATRANAPARÀYAṆA SYA
 PARIMOCA YA ME
 SARVA DUḤKHEBHYAḤ
 CAṄḌI CAṄḌI CAṄḌINI
 VAGA VATI
 SARVA DUṢṬA NIVARANI
 'SATRÛ PAKṢA PRAMATHANI
 VIJAYA VAHINI
 HURU HURU
 MURÛ MURÛ
 CURU CURU
 AYUḤ PÀRANI SURA
 VARA MARTHANI
 SARVA DEVATA PUCITE
 DHIRI DHIRI
 SAMANTA AVALOKITE PRABHE
 PRABHE SUPRABHA VI'SUDDHI
 SARVA PÀPA VI'SODHANE
 DHARA DHARA DHARANI
 DHARA DHARE
 SUMU SUMU
 RURU CALE
 CÀRAYA DUṢṬA PURAYA _ ME A'SÀM 'SRÌ
 VAPUDHANAM
 JAYA KAMMALE
 KṢINI KṢINI
 VARADE VARADOMKU'SE
 OM_ PADMA VI'SUDDHE

'SODHAYA 'SODHAYA 'SUDDHE
 BHARA BHARA
 BHIRI BHIRI
 BHURU BHURU
 MAMGALA VI'SUDDHE
 PACITRA MUHKHI
 KHARGANI KHARGANI
 KHARA KHARA
 JVALITA 'SIRE
 SAMANTA PRASARITA VABHASITA 'SUDDHE
 JVALA JVALA
 SARVA VAGANA SAMA AKARANI
 SATYA VATE
 TARA TARA TARIYA MAM
 NAGA VILOKITE
 LAHU LAHU
 HUNU HUNU
 KSHINI KSHINI
 SARVA GRAHA BHAKSHANI
 PINGARI PINGARI
 CUMU CUMU
 SUMU SUMU
 CUVI CARE
 TARA TARA
 NAGA VILOKITE TARAYA TUMAM
 BHAGAVATI
 ASHTA MAHA DARUNA BHAYEBHYAH
 SAMUDRA SAGARA PARYAMTAM PATARA
 GAGANA TARAM
 SARVA TRA_SAMANTENA
 DI'SA BANTENA
 VAJRA PAKARA
 VAJRA PASHA BANDHANENA
 VAJRA JVARA VI'SUDDHE
 BHURI BHURI
 GARBHA VATI
 GARBHA VI'SODHANI
 KUKSI SAPURANI
 JVARA JVARA
 CARA CARA
 JVARINI PRAVARSA TUDE
 SAMANTENA DIBHYODAKENA
 AMRTA VARSHANI

DEVATA DEVATÀ DHARAᅇI
 ABHICICA TUME
 SUGATA
 VARA VACANA
 AMᅇTA VARA VAPUᅇE
 RAKᅇA RAKᅇA_MAMA (.....) SYA
 SARVA SATVANAMᅇA
 SARVA TRA_SARVA DA
 SARVA BHAYEBHYAᅇ
 SARVOPADRAVEBHYAᅇ
 SARVASARGEBHYAᅇ
 SARVA DUᅇᅇA BHAYA BHÌTA SYA
 SARVA KARI KARAHÀ
 VIVADA DUᅇSVÀPNA ADRNIMITA
 AMAMᅇALYA
 PÀPA VINÀ'SENI
 SARVA YAKᅇA RAKᅇASA NAGA NIVARAᅇI
 SARAᅇISARE
 BALA BALA _BALA VATI
 JAYA JAYA JAYA _JAYA TUMAMᅇ
 SARVA TRA_SARVA KARAMᅇ SIDDHYAMᅇ TUME
 IMAM MAHÀ VIDYAMᅇ SÀDHAYA
 SÀDHAYA SARVA MAᅇᅇARA SÀDHANE GHÀTAYA
 SARVA VIGHNAMᅇ
 JAYA JAYA
 SIDDHE SIDDHE
 SUSIDDHE SUSIDDHE
 SIDYA SIDYA
 BODYA BODYA
 BODHAYA BODHAYA
 PURAYA PYRAYA
 PURAᅇI PURAᅇI
 PURAYA ME A'SAMᅇ
 SARVA VIDYA DHIGATA MURTTI
 JAYOTTARI JAYA VATI
 TIᅇᅇA TIᅇᅇA
 SAMAYAM ANUPÀRAYA
 TATHÀGATA HRᅇDAYA 'SUDDHE
 VYAVAROKAYA TUMAMᅇ
 AᅇᅇA BHI_MAHÀ DÀRUᅇA BHAYEBHYAᅇ
 SARA SARA _PRASARA PRASARA
 SARVA VARAᅇA VI'SODHANI
 SAMANTÀ KÀRA MAᅇᅇARA VI'SUDDHE

VIGATE VIGATE VIGATA
 MARE VI'SODHANI
 KṢINI KṢINI
 SARVA PÀPA VI'SUDDHE
 MARA VIGATE
 TEJA VATI
 VAJRA VATI
 TRAILOKYA ADHIṢṬITE _ SVÀHÀ
 SARVA TATHÀGATA BUDDHA NAVIṢIKTE _ SVÀHÀ
 SARVA BODHISATVA ABHIṢIKTE _ SVÀHÀ
 SARVA DEVATA ABHIṢIKTE _ SVÀHÀ
 SARVA TATHÀGATA HRDAYA DHIṢṬITA HRDAYE _ SVÀHÀ
 SARVA TATHÀGATA SAMAYA SIDDHE _ SVÀHÀ
 INDRE _ INDRA VATI _ INDRA VYAVALOKITE _ SVÀHÀ
 BRAHME BRAHMA DHIYIṢITA _ SVÀHÀ
 VI'SUṢṆA NAMAḤ SKṚTA PUJITÀYE _ SVÀHÀ
 VAJRA DHARA _ VAJRA PÀNI BALA VÌRYA ADHIṢṬITE _ SVÀHÀ
 DHṚTARÀṢṬRA _ SVÀHÀ
 VIRUDHAKÀYA _ SVÀHÀ
 VIRUPÀKṢAYA _ SVÀHÀ
 VAI'SRAVAṆAYA _ SVÀHÀ
 CATURA MAHA RÀJA NAMA SKṚTAYA _ SVÀHÀ
 YAMÀYA _ SVÀHÀ
 YAMÀ PUJITA NAMA SKṚTAYA _ SVÀHÀ
 VARUṆAYA _ SVÀHÀ
 MARUTAYA _ SVÀHÀ
 MAHÀ MÀRUTAYA _ SVÀHÀ
 AGNAYE _ SVÀHÀ
 NAGA VIROKITE _ SVÀHÀ
 DEVA GAṆIBHYAḤ _ SVÀHÀ
 NAGA GAṆIBHYAḤ _ SVÀHÀ
 YAKṢA GAṆIBHYAḤ _ SVÀHÀ
 RAKṢASA GAṆIBHYAḤ _ SVÀHÀ
 GANDHARVA GAṆIBHYAḤ _ SVÀHÀ
 ASURA GAṆIBHYAḤ _ SVÀHÀ
 GARUḌA GAṆIBHYAḤ _ SVÀHÀ
 KINDARA GAṆIBHYAḤ _ SVÀHÀ
 MAHORAGA GAṆIBHYAḤ _ SVÀHÀ
 MANUSYE BHYAḤ _ SVÀHÀ
 AMANUSYE BHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA GRAHEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA NAKṢTREBHYAḤ _ SVÀHÀ
 SARVA BHUTEBHYAḤ _ SVÀHÀ

PRETEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 PĪ'SAṢEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 APASMAREBHYAḤ _ SVÀHÀ
 KUMBHANDĪBHYAḤ _ SVÀHÀ
 OM_ DHURU DHURU _ SVÀHÀ
 OM_ TURU TURU _ SVÀHÀ
 OM_ MURU MURU _ SVÀHÀ
 HÀNA HÀNA SARVA 'SATRÛNAM_ SVÀHÀ
 DÀHA DÀHA SARVA DUṢṬA PRADUṢṬANAM_ SVÀHÀ
 PACA PACA SARVA PRANYALIKA PRATYAMITRANAM
 YE_ MAMA (.....)_AHITE ṢĪṆA _ TEṢAM SARVEṢAM 'SARIRAM
 JVARAYA DUṢṬA CITTANAM _ SVÀHÀ
 JVALITAYA _ SVÀHÀ
 PRAJVALITÀYA _ SVÀHÀ
 DĪPTA JVALÀYA _ SVÀHÀ
 SAMANTA JVARAYA _ SVÀHÀ
 MAṆĪ BHADRAYA _ SVÀHÀ
 PURṆA BHADRÀYA _ SVÀHÀ
 MAHÀ KÀRÀYA _ SVÀHÀ
 MATRIGAṆAYA _ SVÀHÀ
 YAKṢĪṆINAM _ SVÀHÀ
 RAKṢASĪNAM _ SVÀHÀ
 AKA'SA MATRĪNAM_ SVÀHÀ
 SAMUDRA VASIHÀDIVASA CARÀNAM_ SVÀHÀ
 TRISANTIYA CARÀṆAM_ SVÀHÀ
 VERÀ CARAṆAM_ SVÀHÀ
 AVERA CARÀṆAM_ SVÀHÀ
 GARBHA HÀREBHYAḤ _ SVÀHÀ
 GARBHA SANTRANI _ SVÀHÀ
 HURU HURU _ SVÀHÀ
 OM_ SVÀHÀ
 SVÀḤ _ SVÀHÀ
 BHUḤ SVÀ
 BHUVAḤ _ SVÀHÀ
 OM_ BHURBHUVAḤ SVÀḤ _ SVÀHÀ
 CĪṬĪ CĪṬĪ _ SVÀHÀ
 VĪṬĪ VĪṬĪ _ SVÀHÀ
 DHARAṆĪ _ SVÀHÀ
 DHARAṆĪ _ SVÀHÀ
 AGNI _ SVÀHÀ
 TEJO VAPU _ SVÀHÀ
 CIRI CIRI _ SVÀHÀ
 SIRI SIRI _ SVÀHÀ

BUDHYA BUDHYA _ SVÀHÀ
 SIDHYA SIDHYA _ SVÀHÀ
 MAṄḌARA SIDDHE _ SVÀHÀ
 MAṄḌARA BANTE _ SVÀHÀ
 SÌMA BANDHANI _ SVÀHÀ
 SARVA ‘SATRÙṄAM _ SVÀHÀ
 JAMBHA JAMBHA _ SVÀHÀ
 STAMBHAYA STAMBHAYA _ SVÀHÀ
 CINDA CINDA _ SVÀHÀ
 BHINDA BHINDA _ SVÀHÀ
 BHAÑJA BHAÑJA _ SVÀHÀ
 BANDHA BANDHA _ SVÀHÀ
 MOHÀYA MOHÀYA _ SVÀHÀ
 MAṄI VI’SUDDHE _ SVÀHÀ
 SURYE _ SURYE _ SURYA _ VI’SUDDHE VI’SUDHANI _ SVÀHÀ
 CANDRE_ SUCANDRE _ PURṄA CANDRE _ SVÀHÀ
 GRAHEBHYAḤ _ SVÀHÀ
 NAKṢATREBHYAḤ _ SVÀHÀ
 ‘SIVE _ SVÀHÀ
 ‘SANTI _ SVÀHÀ
 SDHYAYANE _ SVÀHÀ
 ‘SIVAMḌ KARA _ ‘SANTI KARI_ PUṢṬI KARI_ BALA VARDHANI _
 SVÀHÀ
 ‘SRÌ KARI _ SVÀHÀ
 ‘SRÌYA VARDHANI _ SVÀHÀ
 ‘SRÌYA JVARANI _ SVÀHÀ
 NAMOCI _ SVÀHÀ
 MARUCI _ SVÀHÀ
 VEGA VATI _ SVÀHÀ

Ứng Vĩnh năm thứ 11, tháng bảy, ngày 19_ Viết xong_ HOÀNG PHẠM
 Bảo Vĩnh năm thứ tám, Tân Mão, tháng ba, ngày Vọng_ Khiến kính tín ghi
 chép_ Khe suối Đâu Suất, chùa Kê Đầu _ Tự giảng NGHIÊM GIÁC

19/06/1998

ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI KHÁM CHỨ
(Y theo bản dịch của BÁT KHÔNG, ngoài ra trợ thêm các văn)

Phạn Hán: Sa Môn MINH GIÁC
Phạn Việt dịch: HUYỀN THANH

बुद्धोऽभिषिक्तो समन्तकृत्स्नोऽप्यभ्युदयः
यस्य ज्वाला माला विसुद्धे स्पुरिकृता मुद्रा

BUDDHA (Phật) ABHIṢINĀM (thuyết, nói) SAMANTA (Phổ biến)
JVALA (diễm, ánh lửa) MĀLĀ (Man, vòng hoa) VI'SUDDHE (thanh tịnh)
SPHURIKṚTA (Xí thịnh. *Hoặc ghi là: (विष्पुः) VISPHURITA. Đường Viện Văn*
*Thù Tát ghi là: (शुः) SHURITA nói là **đuôi khấp**)* CINTĀMAṆI (Tư Duy Bảo)
MUDRA (Ấn) HRDAYA (Tâm) APRAJITA (Vô Năng Thắng_ Bản khác ghi là:
अपराजिता APARAJITA) DHARAṆI (Tổng Trì-Bản khác ghi là: **दरणि**
DHARAṆI) PRATISARĀ (Tùy Cầu) MAHĀ (Đại, to lớn) VIDYA (Minh) RĀJA
(Vương)

_Phần trên là Đề Mục. Nghi Quỹ và Đường Bản không có. Bản khác dùng
điều này làm Nội Đề. cuối cùng có câu **सम्पत्** SAMĀPTA)

नमः सर्वबुद्धेभ्यः

NAMAḤ (Kính lễ) SARVA TATHĀGATĀNĀM (Tất cả các Như Lai)

नमो नमः सर्वबुद्धेभ्यः बुद्धोऽप्यभ्युदयः

NAMO (Quy mệnh) AMAḤ (Kính lễ) SARVA BUDDHĀ
BODHISATVEBHYAḤ (Tất cả Phật Bồ Tát Đẳng. Chữ **द्व** TVA, Kinh ghi là **Đát-**
phộc xem sự thông biệt của Phạn Văn, bên dưới ghi **द्व**: BHYAḤ ất bên trên có
điểm **◌E** , đây gọi là Đẳng. Nay bên dưới ghi là **Tỳ-duợc** cho nên trên chữ **द्व**
TVA có thể có điểm **◌E**. Nếu như Đường Bản không có điểm **◌E** và chữ **Tỳ-**
duợc cũng có thể là việc như vậy) BUDDHĀ DHARMMA (?DHARMA)
SAMGHEBHYAḤ (nhóm Phật Pháp Tăng)

तद्यथा उम् विपुला

TADYATHĀ (như thường) OM (như thường) VIPULA (quảng bác, rộng rãi)
GARBHE Tạng)

विपुला विमले जयगर्भे

VIPULA (quảng bác) VIMALE (vô cấu, không có dơ. Là nước) JAYA
(Thắng) GARBHE (Tạng)

वज्रं क्वलं

VAJRA JVALA-GARBHE (Kim Cương Diễm Tạng)

गतिगहने गगने गगने

GATI GAHANE (Tôn Thắng ghi là: Rừng đông đúc của sáu nẻo)
GAGANA VI'SODHANE (tĩnh trừ như hư không)

सम्पत् विपुला

SARVA PÀPA VI'SODHANE (tĩnh trừ tất cả tội)

ॐ गुणवति

OM (như thường) GUṆA (Công Đức) VATI (cụ, đủ)

गगरीम

GAGARINI

गगरीम

GARI GARI

गगरीम

GAMARI GAMARI

गगरीम

GAHA GAHA

गगरीम

GARGARI GARGARI

गगरीम

GAGARI GAGARI

गगरीम

GAMBHARI GANBHARI (thậm thâm, sâu thẳm)

गगरीम

GATI GATI (Hành xứ, nơi đi đến)

गगरीम

GAMANI GAMANI

गगरीम

GARE

गुरुं गुरुं वत्

GURU GURU (tôn trọng, tôn trọng) GURUNE CALE

गुरुं गुरुं

ACALE (Vô động, không có lay động) MUCALE

गुरुं गुरुं

JAYE (Thắng) VIJAYE (Tối Thắng)

गुरुं गुरुं गगरीम

SARVA BHAYA (tất cả nỗi sợ) VIGATE (ly, xa lìa)

गगरीं गगरीं

GARBHA SAMBHARANI

गगरीं

SIRI SIRI

गगरीं

MIRI MIRI

गगरीं

GHIRI GHIRI

गगरीं गगरीं

SAMANTÀ (phổ, khắp cả) KARṢANI (गगरीं गगरीं AKARṢANI tức là

Nhiếp Triệu)

गगरीं गगरीं

SARVA 'SATRÙ (tất cả oan gia) PRAMATHANI (tồi phục)

गगरीं गगरीं गगरीं गगरीं

RAKṢA RAKṢA (ủng hộ, ủng hộ) MAMA (Tôi. người thọ trì. Có thể xưng tên của mình hoặc tên của người khác) SARVA SATVÀNÀMCA (tất cả các hàng chúng sinh. Liên kết với phần trên là: Ủng hộ tôi....với tất cả hàng chúng sinh)

ॐ २

VIRI VIRI

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

VIGATÀ (ly, xa lìa) VARAṆA (ॐ ॐ ॐ ॐ AVARAṆA là chuông)
BHAYA (Bố úy, đáng sợ) NÀ'SANI (trừ diệt)

ॐ २

SURI SURI

ॐ ॐ ॐ ॐ

CILI CILI

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

KAMALE (như hoa sen) VIMALE (vô cấu, không có dơ) JAYE (thắng)

ॐ ॐ ॐ ॐ

JAYÀ VAHE (Thắng thỉnh)

ॐ ॐ ॐ ॐ

JAYA VATI (Cụ Thắng)

ॐ ॐ ॐ ॐ

BHAGAVATI (Thế Tôn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

RATNA MAKUTA (Mão báu) MÀLÀ DHÀRIṆĪ (Trì man, cầm vòng hoa)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

VAHU (đa, nhiều) VIVIDHA (chủng chủng, mọi loại) VICITRA (tạp sắc)
VEṢA (hình) RÙPA (sắc, hình chất) DHÀRIṆĪ (Tổng Trì)

ॐ ॐ ॐ ॐ

BHAGAVATI (Thế Tôn)

ॐ ॐ

MAHÀ (Đại, to lớn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

SARVA SATVÀNÀMCA (Ủng hộ tôi....với tất cả hàng chúng sinh)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

SAMANTÀ (Phổ biến, tràn khắp cả) SARVATRA (tất cả nơi chốn)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

SARVA PÀPA (tất cả tội) VI'SODHANE (tĩnh trừ)

ॐ २

HURU HURU

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

NAKṢATRA (Tinh Tú) MÀLÀ DHÀRIṆĪ (Trì man, cầm vòng hoa)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

RAKṢA RAKṢA MAM (Ủng hộ tôi)

ॐ ॐ

MAMA (họ tên là.....)

ॐ ह्रीं नमो
 VIDYÀ (Minh) DEVI (Thiên Nữ)
 ॐ नमो नमो
 RAKṢA RAKṢA MAMA (họ tên, tôi là.... Ở đây xưng tên của mình hoặc
 tên của người khác)
 ॐ नमो नमो
 ANÀTHASYÀ
 ॐ नमो नमो नमो
 TRÀNAPARÀYANASYÀ
 ॐ नमो नमो
 PARI (Đều) MOCA (Giải thoát) YAME (nay tôi)
 ॐ नमो नमो नमो
 SARVA DUḤKHEBHYAḤ (tất cả nhóm khổ)
 ॐ नमो नमो नमो
 CAṄḌI CAṄḌI CAṄḌINI
 ॐ नमो नमो
 VEGA VATI
 ॐ नमो नमो नमो नमो
 SARVA (tất cả) DUṢṬA (ác) NIVÀRAṆI (già, ngăn che)
 ॐ नमो नमो नमो नमो
 ‘SATRÙPAKṢA (oán đảng) PRAMATHANI (phá)
 ॐ नमो नमो नमो
 VIJAYA (tối thắng) VÀHINI
 ॐ नमो नमो
 HURU HURU
 ॐ नमो नमो
 ARA MURA
 ॐ नमो नमो
 CURU CURU
 ॐ नमो नमो नमो नमो
 AYUḤ (Thọ mệnh) PÀLANI (hộ giúp) SURÀ
 ॐ नमो नमो नमो
 VARA MATHANI
 ॐ नमो नमो नमो नमो
 SARVA DEVATÀ (tất cả Thần) PÙJATE (cúng dường)
 ॐ नमो नमो
 DHIRI DHIRI
 ॐ नमो नमो नमो नमो
 SAMANTÀ (Phổ, khắp cả) VALOKITE (Quán. Chữ ॐ A đầu tiên ở trên
 chữ ॐ NTÀ)
 ॐ नमो नमो नमो नमो नमो
 PRABHE PRABHE (Quang, ánh sáng) SUPRABHE (Diệu Quang)
 VI’SUDDHE (Thanh tịnh)
 ॐ नमो नमो नमो नमो

SARVA PÀPA (tất cả tội) VI'SODHANE (tĩnh trừ)

ॐ ॐ ॐ

DHARA DHARA (Trì, gìn giữ) DHARAṆI (Tổng trì)

ॐ ॐ

DHARA DHARE

ॐ ॐ ॐ

SUMU SUMU

ॐ ॐ ॐ

RURU CALE

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

CÀLAYA DUṢṬA PURAYA ME

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

À'SAM 'SRÌ VAPUDHANÀM

ॐ ॐ ॐ ॐ

JAYA KAMALE (Thắng Liên Hoa)

ॐ ॐ ॐ ॐ

KṢIṆI KṢIṆI

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

VARADE (Dữ Nguyên) VARADÀMKUSE (ॐ ॐ ॐ VARADA là Dữ

Nguyên- ॐ ॐ ॐ AMKUSE là móc câu. Đường Bản , Bản của Bảo Tư Duy đều ghi là ॐ ॐ ॐ KU'SÀ)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

OM_ PADMA VI'SUDDHE (Như hoa sen thanh tịnh)

ॐ ॐ ॐ ॐ

'SODHAYA 'SODHAYA (Tĩnh trừ, tĩnh trừ)

ॐ ॐ

'SUDDHE (Thanh tịnh)

ॐ ॐ ॐ

BHARA BHARA

ॐ ॐ ॐ ॐ

BHIRI BHIRI

ॐ ॐ ॐ ॐ

BHURU BHURU

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

MAMGALA VI'SUDDHE (Cát khánh thanh tịnh)

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

PAVITRA MUKHI

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

KHARGAṆI KHARGAṆI (Táp, cây giáo ngắn)

ॐ ॐ ॐ ॐ

KHARA KHARA

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

JVALITA 'SIRE

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

SAMANTA (Phổ, khắp cả) PRASARITĀ (chúng chủng, mọi loại)
VABHASITA (chiếu diệu) ‘SUDDHE (thanh tịnh)

ॐ २

JVALA JVALA (Kinh Tô Tất Địa ghi là: phóng quang, phóng ánh sáng)

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५

SARVA DEVAGANA (tất cả Thiên Chúng)

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५

SAMA AKARṢAṆĪ (bình đẳng nhiếp triệu) SATYA VATI (Đế cụ, đủ sự
chân thật)

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५

TARA TARA TĀRAYA MĀM (cứu độ tôi)

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५

NĀGA VILOKITE

ॐ २

LAHU LAHU

ॐ २

HUNU HUNU

ॐ २

KṢINI KṢINI

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५

SARVA GRAHA (tất cả Chấp) BHAKṢAṆĪ

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५

PIMGALI PIMGALI (soi sáng, soi sáng)

ॐ २

CUMU CUMU

ॐ २

SUMU SUMU

ॐ २ ॐ ३

CUVI CARE

ॐ २

TARA TARA

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५ ॐ ६ ॐ ७ ॐ ८ ॐ ९

NĀGA VILOKITE TĀRAYA TUMĀM (cứu độ tôi)

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५

BHAGAVATI (Thế Tôn)

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५ ॐ ६ ॐ ७ ॐ ८ ॐ ९

AṢṬA (tám) MAHĀ RUṆA BHAYABHYAḤ (nhóm đáng sợ)

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५ ॐ ६ ॐ ७ ॐ ८ ॐ ९

SAMUDRA (biển) SĀGARA (biển. Hợp với phần trên nói là biển)

PRATYANTĀM PĀTĀLA

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५ ॐ ६ ॐ ७ ॐ ८ ॐ ९

GAGANA TALAM

ॐ २ ॐ ३ ॐ ४ ॐ ५ ॐ ६ ॐ ७ ॐ ८ ॐ ९

SARVATRA_ SAMANTENA (tất cả xứ phổ biến)

ॐ वज्रं
 DI'SÀ BANDHENA (Đại Phật Đỉnh ghi là: mười phương kết)
 वज्रं चक्रं
 VAJRA PRAKÀRA (Kim Cương Tướng, bức tường Kim Cương)
 वज्रं पद्मे वज्रं
 VAJRA PÀ'SA (Kim Cương Sách, sợi dây Kim Cương) BANDHANENA
 (cột buột)
 वज्रं ज्वलं विसुद्धं
 VAJRA JVALA VI'SUDDHE (Kim Cương Diễm thanh tịnh)
 कुक्षिं
 BHURI BHURI
 गर्भा वति
 GARBHA VATI (Tạng cụ)
 गर्भा विसुद्धिं
 GARBHA VI'SODHUNI (Tạng thanh tịnh ? VI'SODHANI)
 कुक्षिं संपुराणं
 KUKṢI SAMPURANI
 ज्वलं
 JVALA JVALA
 चला चला
 CALA CALA (động, lay động)
 ज्वलं
 JVALANI
 प्रवर्षतु देव
 PRAVARṢATU DEVA
 समन्तानि दिध्योदकेन
 SAMANTANA DIDHYODAKENA
 अमृता वधुः
 AMṚTA (Cam Lộ) VARṢANI (vũ, cơn mưa)
 देवता देवता
 DEVATÀ DEVATÀ (Thần)
 धारणी अभिषिक्ता तुमे
 DHARANI (Tổng trì) ABHIṢIMCA TUME (quán đỉnh tôi)
 सुगता
 SUGATA (Thiện Thệ, bậc khéo đến nẻo lành)
 वरं वचनं मृतं वरं वपुषु
 VARA VACANÀ (ngôn giáo thù thắng) MRṬA (Cam Lộ. chữ ॐ NÀ bên
 trên kéo dài tức là có chữ ॐ A đầu tiên) VARA VAPUṢE
 रक्षारक्षाममा सर्वसत्त्वैः
 RAKṢA RAKṢA MAMA (.....) SARVA SATVÀNÀMCA (Ủng hộ ủng
 hộ tôi... với tất cả hàng chúng sinh)
 सर्वत्र सर्वदा
 SARVATRA _ SARVADÀ
 सर्वत्रैः

SARVA BHAYE BHAYAḤ (tất cả nhóm đáng sợ)
 स॒र्व॒भ॒यै॒ भ॒यः
 SARVOPADRAVEBHAYAḤ
 स॒र्व॒उ॒प॒द्र॒वै॒भ॒यः
 SARVOPASARGEHBHAYAḤ
 स॒र्व॒उ॒प॒स॒र्ग॒वै॒भ॒यः
 SARVA DUṢṬA (tất cả ác) BHAYA (đáng sợ) BHĪTASYA
 स॒र्व॒दु॒ष्टै॒ भ॒यै॒ भ॒यः
 SARVA KALI KĀLAHA VIGRAHA
 स॒र्व॒क॒लि॒क॒ला॒ह॒ वि॒ग्रहः
 VIVADĀ DUḤ-SVAPNĀM (mộng ác) DURNI-MITTĀ (Tướng ác)
 MAMGALLYA (chẳng tốt lành. Chữ म A ở trên chữ नTTÀ)
 म॒म॒ग॒ल्यै॒ न॒मः
 PĀPA (Tội) VINĀ'SANI (Diệt trừ)
 प॒प॒वि॒ना॒स॒नि
 SARVA (tất cả) YAKṢA (Dạ Xoa) RAKṢASA (La Sát) NĀGA (Rồng)
 NIVĀRAṆI (chướng)
 नि॒व॒रा॒णै॒ नमः
 SARANI SARE
 स॒र॒णै॒ स॒रै॒ नमः
 BALA BALA (lực, sức mạnh) BALAVATI (cụ lực, đủ sức mạnh)
 ब॒ल॒ब॒ल॒व॒ति
 JAYA JAYA (Thắng, thắng) JAYA TUMĀM (khiến cho tôi thắng)
 ज॒य॒ज॒य॒तु॒म॒म
 SARVATRA (Đại Nhật Nghĩa Thích ghi là: tất cả xứ) SARVA KALAM
 (tất cả Thời) SIDDHYATUME (khiến tôi thành tựu)
 स॒र्व॒त्र॒ सि॒द्धि॒य॒तु॒मे
 IMĀM (Thử, điều này) MAHĀ (Đại, to lớn) VIDYAM (Minh)
 SĀDHAYA SĀDHAYA (thành tựu, thành tựu)
 स॒ध॒य॒स॒ध॒य॒तु॒म
 SARVA MAṆḌALA (tất cả Đàn Trường) SĀDHANI (thành tựu)
 GHATĀYA (Sát, bờ cõi đất nước)
 ग॒हा॒यै॒ नमः
 SARVA VIGHNĀM (tất cả chướng nạn)
 स॒र्व॒वि॒घ्नै॒ नमः
 JAYA JAYA (thắng, thắng)
 ज॒य॒ज॒य॒तु॒म
 SIDDHE SIDDHE (thành tựu, thành tựu) SUSIDDHE (Diệu thành tựu)
 सि॒द्धे॒ सु॒सि॒द्धे॒ नमः
 SIDDHYA SIDDHYA (Sở thành, chỗ đã thành)
 सि॒द्धि॒यै॒ नमः
 BUDDHYA BUDDHYA (Sở Giác, nơi đã hiểu)
 बु॒द्धि॒यै॒ नमः
 BODHAYA BODHAYA (hay khiến cho giác ngộ, hay khiến cho giác ngộ)
 बो॒ध॒यै॒ नमः

पुराय २
 PÙRAYA PÙRAYA (mãn túc, đầy đủ)
 पुराणि पुराणि पुराया मे अ'साम्
 PÙRAṆI PÙRAṆI PURAYA ME À'SÀM (mãn mong cầu của tôi)
 सर्व विद्याय सर्व धिगता मूर्त्ते जयवति
 SARVA VIDYÀ (tất cả Minh) DHIGATA MÙRTTE JAYOTTARI
 (Thắng thượng) JAYAVATI (cụ thắng)
 तिष्ठ २
 TIṢṬA TIṢṬA (trụ, trụ)
 समयमनुचलय नमो कुरु सुख
 SAMAYA (Bản Thệ) MANU (tùy theo) PÀLAYA (hộ giúp)
 TATHÀGATA HRDAYA (Như Lai Tâm) 'SUDDHE (thanh tịnh)
 त्र्यलोक्य तुम्ह
 VYAVALOKAYA TUMÀM (Quán tôi)
 अष्टक मन् इति कथं
 AṢṬA(tám) BHI (Hoặc có Bản ghi là **Tỷ-ly**, hoặc có bản ghi là **Tỷ**. Nhìn chung Đường Bản không có chữ **रु** BHI. Bản Phạn của Bảo Tư Duy ghi là: **अष्टक** (A ṢṬABHIRI. Kinh ghi là: A sắt-tra tỷ-phiêu) MAHÀ DÀRUṆA BHAYEBHYAḤ (nhóm đáng sợ)
 सार २
 SARA SARA (kiên cố, bền chắc)
 प्रसार २
 PRASARA PRASARA (cực kiên cố, rất bền chắc. Lại là Phổ Thiện, tốt lành khắp)
 सर्वविमोक्षदत्त
 SARVA AVARAṆA (tất cả chướng) VI'SODHANI (tĩnh trừ)
 समन्त कर मन् विदुः
 SAMANTA KARA (Nghĩa Thích ghi là **अकार** AKÀRA là hình tướng)
 MAṆḌALA VI'SUDDHE (Đạo Trường thanh tịnh)
 विगत २ विगत मन् विदुः
 VIGATE VIGATE (ly, lia xa) VIGATA MALA (ly cấu, lia dơ)
 VI'SODHANI (tĩnh trừ)
 क्षिणी २
 KṢIṆI KṢIṆI
 सर्व पाप विदुः
 SARVA PÀPA (tất cả tội) VI'SUDDHE (thanh tịnh)
 मल विगत
 MALA VIGATE (ly cấu, lia dơ)
 तेजवति
 TEJAVATI (cụ uy đức, đủ uy đức)
 वज्रवति
 VAJRAVATI (cụ Kim Cương)
 विश्वविश्वगत मन्

TRALOKYÀ (ba đời) DHISṬATE (nơi gia trì) Chử 𑖀KYÀ tức là đầu câu có chữ 𑖀 A) SVÀHÀ (thành tựu. Lại là có thể xem xét)

𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

SARVA TATHÀGATA (tất cả Như Lai) MÙRDHNÀ (Bồ Đề Trường Đà La Ni Kinh ghi là: đỉnh đầu) BHISIKTE (nơi quán đỉnh) SVÀHÀ

𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

SARVA BODHISATVÀ (tất cả Hữu Tình) BHISIKTE SVÀHÀ

𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

SARVA DEVATÀ (Tất cả Thần) BHISIKTE SVÀHÀ

𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀

SARVA TATHÀGATA HRDAYÀ (tất cả Như Lai Tâm) DHISṬATA HRDAYE (gia trì tâm) SVÀHÀ

𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀 𑖀𑖀

SARVA TATHÀGATA SAMAYA (tất cả Như Lai Tam Muội Gia)

SIDDHE (thành tựu) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

INDRE (Đế) INDRAVATI (Đế vương) INDRA VYAVALOKITE (Đế sở quán) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

BRAHME BRAHMA ADHYUṢITE SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

VIṢṆA NAMAḤSKṚTE (Người làm lễ) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

MAHE'SVARA (Đại Tự Tại) VANMITA PÙJITÀYE (Người lễ bái cúng dường) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

VAJRADHARA (Trì Kim Cương) VAJRAPÀṆI (Kim Cương Thủ) BALA (lực, sức mạnh) VIRYÀ (Tinh tiến) DHISṬITE (nơi gia trì) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

DHṚTARÀṢṬRA (Trì Quốc Thiên) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

VIRÙDHAKÀYA (Tăng Trưởng Thiên) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

VIRÙPÀKṢÀYA (Quảng Mục Thiên) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

VAI'SRAVANÀYA (Đa Văn Thiên) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

CATURMAHÀ RÀJÀYA (bốn Thiên Vương) NAMAḤSKṚTÀYA (người làm lễ) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

YAMÀYA (Diêm Ma) SVÀHÀ

𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀

YAMA PÙJITA NAMAḤSKṚTÀYA (Diêm Ma cúng dường tác lễ giả) SVÀHÀ

वरुणाय नमः
 VARUṆĀYA (Thủy Thiên) SVĀHĀ
 मरुताय नमः
 MARUTĀYA SVĀHĀ
 महामरुताय नमः
 MAHĀ MARUTĀYA (Ma Lỗ Đa Hỏa. Nghĩa Thích ghi là: Phong Thảm
 Hỏa) SVĀHĀ
 अग्नये नमः
 AGNAYE (Hỏa Thiên) SVĀHĀ
 नगविलोकिताय नमः
 NĀGA VILOKITĀYA SVĀHĀ
 देवगणैः नमः
 DEVA (Thiên) GAṆE (Chúng) BHYAḤ (Đẳng) SVĀHĀ
 नगगणैः नमः
 NĀGAGAṆEBHYAḤ (Long Chúng Đẳng) SVĀHĀ
 यक्षगणैः नमः
 YAKṢAGAṆEBHYAḤ (Dược Xoa Chúng Đẳng) SVĀHĀ
 राक्षसगणैः नमः
 RĀKṢASAGAṆEBHYAḤ (La Sát Chúng Đẳng) SVĀHĀ
 गन्धर्वगणैः नमः
 GANDHARVAGAṆEBHYAḤ (Tâm Hương Thần Chúng Đẳng) SVĀHĀ
 असुरगणैः नमः
 ASURAGAṆEBHYAḤ (Phi Thiên Chúng Đẳng) SVĀHĀ
 गरुडगणैः नमः
 GARUDAGAṆEBHYAḤ (Diệu Xí Thần Chúng Đẳng) SVĀHĀ
 किन्दरगणैः नमः
 KINDARAGAṆEBHYAḤ (Dược Thần Chúng Đẳng) SVĀHĀ
 महारुद्रगणैः नमः
 MAHORAGAṆEBHYAḤ (Đại Phúc Hành Thần Chúng Đẳng)
 SVĀHĀ
 मनुष्यैः नमः
 MANUṢYEBHYAḤ (Nhân Đẳng) SVĀHĀ
 अमनुष्यैः नमः
 AMANUṢYEBHYAḤ (Phi Nhân Đẳng) SVĀHĀ
 सर्वग्रहैः नमः
 SARVA GRAHEBHYAḤ (tất cả Chấp đẳng) SVĀHĀ
 सर्वदेवैः नमः
 SARVA NAKṢATREBHYAḤ (Tất cả Tú. Mọi Bản không có câu này.
 Kinh có ghi. Kinh của Bảo Tư Duy không có. Tại vì không có chữ không có mất)
 SVĀHĀ
 सर्वभूतैः नमः
 SARVA BHŪTEBHYAḤ (tất cả các Bộ Đa Tư) SVĀHĀ
 प्रैतैः नमः
 PRETEBHYAḤ (Nga Quỷ Đẳng) SVĀHĀ

(॒पि॒स॒भ्यः॑ सू॒न
 PĪSACEBHYAḤ (Tỳ Xá Già Đẳng) SVÀHÀ
 (॒अ॒स॒म॒र॒भ्यः॑ सू॒न
 APASMAREBHYAḤ (A Bà Sa Ma La Đẳng) SVÀHÀ
 (॒कु॒म्भ॒ण्ड॒भ्यः॑ सू॒न
 KUMBHÀNDEBHYAḤ (Câu Bàn Noa Đẳng) SVÀHÀ
 ॐ ॒ध॒रु॒ध॒रु॒ सू॒न
 OM_DHURU DHURU SVÀHÀ
 ॐ ॒तु॒रु॒तु॒रु॒ सू॒न
 OM_TURU TURU SVÀHÀ
 ॐ ॒मु॒रु॒मु॒रु॒ सू॒न
 OM_MURU MURU SVÀHÀ
 ह॒न॒स॒र्व॒सि॒द्धि॒न् सू॒न
 HÀNA HÀNA (Đánh, đánh) SARVA 'SATRÙṆAM (tất cả các oan gia)
 SVÀHÀ
 द॒ह॒स॒र्व॒दु॒ष्ट॒प्र॒दु॒ष्ट॒न् सू॒न
 DAHA DAHA (thieu đốt, thieu đốt) SARVA DUṢṬA PRADUṢṬAṆAM
 (tất cả các ác, cực ác) SVÀHÀ
 प॒च॒स॒र्व॒प्र॒त्य॒र्थि॒क॒प्र॒त्य॒य॒न् सू॒न
 PACA PACA (nấu thối, nấu thối) SARVA PRATYARTHIKA
 PRATYÀMITRÀṆAM SVÀHÀ
 य॒ म॒म
 YE MAMA (.....)
 अ॒हि॒ते॒षि॒णः
 AHI TEṢIṆAḤ
 त॒थै॒व॒ स॒र्व॒सि॒द्धि॒न् सू॒न
 TEṢÀM SARVESÀM (như vậy tất cả) 'SARĪRAM (thân) JVALAYA
 DUṢṬA CITTÀṆAM (các tâm ác) SVÀHÀ
 ज॒ल॒त॒या॒ सू॒न
 JVALITÀYA SVÀHÀ
 प्र॒ज॒ल॒त॒या॒ सू॒न
 PRAJVALITÀYA SVÀHÀ
 दी॒प्त॒ज॒ल॒त॒या॒ सू॒न
 DĪPTA JVALÀYA (Uy Diệu Phóng Quang) SVÀHÀ
 स॒म॒न्त॒ज॒ल॒त॒या॒ सू॒न
 SAMANTA JVALÀYA (Phổ Diễm) SVÀHÀ
 म॒णि॒भ॒द्र॒त॒या॒ सू॒न
 MAṆIBHADRÀYA (Bảo Hiên) SVÀHÀ
 प्र॒र॒ण॒त॒या॒ सू॒न
 PRARṆA (? पू॒र्ण॒ PÙRṆA) BHADRÀYA (Mãn Hiên. Đường Bản ghi là
 प्र॒श्न॒ PRASŪA. Bản của Bảo Tư Duy là पू॒र्ण॒ PRARṆA) SVÀHÀ
 म॒ह॒त॒या॒ सू॒न
 MAHÀ KÀLÀYA (Đại Hắc Thần) SVÀHÀ
 म॒ृग॒म॒या॒ सू॒न

MATRGAṆĀYA (Mẫu Chủng) SVĀHĀ
 ཡཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 YAKṢAṆĪṆĀM (các nữ Dược Xoa) SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 RĀKṢASĪṆĀM (các nữ La Sát) SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 ĀKĀ'SA MĀTRĪṆĀM SVĀHĀ
 མཚུམས་པ་མིཏྱཾ སྐྱེད་
 SAMUDRA VĀSINĪṆĀM (các hải xứ) SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 RĀTR CARĀṆĀM (Đạ Hành) SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 DIVASA CARĀṆĀM (Trú Hành) SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 TRISANTYA CARĀṆĀM (Tam Thời Hành) SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 VELA CARĀṆĀM SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 AVELA CARĀṆĀM SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 GARBHĀHĀREBHYAḤ (Thực Thai Đẳng, nhóm ăn bào thai) SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 GARBHA SANDHĀRAṆĪ (Thai Kiên Trì Đẳng) SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 HULU HULU SVĀHĀ
 ཨྱུཾ སྐྱེད་
 OM SVĀHĀ
 ཨྱུཾ སྐྱེད་
 SVAḤ SVĀHĀ
 ཨྱུཾ སྐྱེད་
 BHÙḤ SVĀHĀ
 ཨྱུཾ སྐྱེད་
 BHUVAḤ SVĀHĀ
 ཨྱུཾ ཨྱུཾམིཏྱཾ ཨྱུཾ སྐྱེད་
 OM_BHÙR BHUVAḤ SVAḤ SVĀHĀ
 ཨྱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 CĪṬĪ CĪṬĪ SVĀHĀ
 ཨྱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 VIṬĪ VIṬĪ SVĀHĀ
 ཨྱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 DHARAṆĪ SVĀHĀ
 ཨྱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 DHARAṆĪ (đất) SVĀHĀ
 རྩཱུཾམིཏྱཾ སྐྱེད་
 AGNI (lửa) SVĀHĀ

ॐ वपुः स्वहा
 TEJO VAPU SVÀHÀ
 ॐ चिलि चिलि स्वहा
 CILI CILI SVÀHÀ
 ॐ सिलि इलि स्वहा
 SILI ILI SVÀHÀ
 ॐ बुध्या बुध्या (Sở giác, sở giác) SVÀHÀ
 BUDHYA BUDHYA (Sở giác, sở giác) SVÀHÀ
 ॐ सिद्ध्या सिद्ध्या (Sở thành, sở thành) SVÀHÀ
 SIDHYA SIDHYA (Sở thành, sở thành) SVÀHÀ
 ॐ मण्डला सिद्धे (Đạo TRường thành tựu) SVÀHÀ
 MAṆḌALA SIDDHE (Đạo TRường thành tựu) SVÀHÀ
 ॐ मण्डला बन्धे (kết Đàn) SVÀHÀ
 MAṆḌALA BANDHE (kết Đàn) SVÀHÀ
 ॐ शिमा बन्धानि (kết Giới) SVÀHÀ
 SHIMÀ BANDHANI (kết Giới) SVÀHÀ
 ॐ सर्वे सत्रुणाम् (tất cả các oan gia) JAMBHA JAMBHA
 SARVA 'SATRÙNÀM (tất cả các oan gia) JAMBHA JAMBHA
 SVÀHÀ
 ॐ स्तम्भया स्तम्भया (trấn hộ) SVÀHÀ
 STAMBHAYA STAMBHAYA (trấn hộ) SVÀHÀ
 ॐ च्छिन्दा च्छिन्दा (chặt đứt, chặt đứt) SVÀHÀ
 CCHINDA CCHINDA (chặt đứt, chặt đứt) SVÀHÀ
 ॐ भिन्दा भिन्दा (xuyên thấu, xuyên thấu) SVÀHÀ
 BHINDA BHINDA (xuyên thấu, xuyên thấu) SVÀHÀ
 ॐ भ्रांजा भ्रांजा (đánh phá, đánh phá) SVÀHÀ
 BHAÑJA BHAÑJA (đánh phá, đánh phá) SVÀHÀ
 ॐ बन्धा बन्धा (cột buộc, trói buộc) SVÀHÀ
 BANDHA BANDHA (cột buộc, trói buộc) SVÀHÀ
 ॐ मोहाया मोहाया (mê hoặc, mê hoặc) SVÀHÀ
 MOHAYA MOHAYA (mê hoặc, mê hoặc) SVÀHÀ
 ॐ मणि विसुद्धे (Như Bảo thanh tịnh) SVÀHÀ
 MAṆI VI'SUDDHE (Như Bảo thanh tịnh) SVÀHÀ
 ॐ सुप्रभा सुप्रभा (như mặt trời, như mặt trời) SÙRYA VI'SUDDHE (như
 SÙRYE SÙRYE (như mặt trời, như mặt trời) SÙRYA VI'SUDDHE (như
 mặt trời thanh tịnh) VI'SODHANI (tĩnh trừ) SVÀHÀ
 ॐ चन्द्रा चन्द्रा (như mặt trăng) SUCANDRA (như mặt trăng màu nhiệm)
 PURṆACANDRA (như trăng đầy) SVÀHÀ
 ॐ ग्राह्ये ग्राह्ये (Chấp đẳng) SVÀHÀ
 GRAHEBHYAḤ (Chấp đẳng) SVÀHÀ
 ॐ नक्षत्रे नक्षत्रे (Chấp đẳng) SVÀHÀ
 NAKṢTREBHYAḤ (Chấp đẳng) SVÀHÀ
 ॐ शिव शिव (Chấp đẳng) SVÀHÀ
 SHIVA SHIVA (Chấp đẳng) SVÀHÀ

‘SIVE (Kính Ái) SVÀHÀ
 शिवे नमः
 ‘SÀNTI (Tịch tĩnh) SVÀHÀ
 शान्तिं यन् नमः
 SVASMA YANE (cát tường) SVÀHÀ
 अस्मिन् काले शिवे काले पुष्टि काले वर वदत नमः
 ‘SIVAM KARI (tác kính ái) ‘SÀNTI KARI (tác tịch) PUṢṬI KARI (tăng ích) BALA (lực, sức mạnh) VARDHANI (Tây Thành Ký ghi là: **Phật Đàn Na** là Tăng thêm. cho nên nay nói là sức mạnh tăng thêm) SVÀHÀ
 श्री काले नमः
 ‘SRÌ KARI (tác cát tường) SVÀHÀ
 श्रियं वदत नमः
 ‘SRÌYA VARDHANI (tăng điều tốt) SVÀHÀ
 श्रिया वदत नमः
 ‘SRÌYA JVALANI (Cát Tường Quang Điểm) SVÀHÀ
 नमसि नमः
 NAMUCI SVÀHÀ
 मरुति नमः
 MARUCI SVÀHÀ
 वगवत नमः
 VEGAVATI SVÀHÀ

10/07/1997

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM CHÂN NGÔN :

ॐ
 OM
 सर्वं तथगतं सर्वं प्रवृत्तं विगतं
 SARVA TATHÀGATA (tất cả Như Lai) MÙRTTE PRAVARA (Nghĩa Thích ghi là: Sở chứng) VIGATI (ly, xa lìa)
 भयं शिमेयं स्वयं
 BHAYE (đáng sợ) ‘SAMAYAM (trừ) SVAME (nơi tôi)
 भगवत
 BHAGAVATI (Thế Tôn)
 सर्वं पपेभ्यः स्वस्तिरभवत्
 SARVA PÀPEBHYAḤ (tất cả tội khổ) SVASTIRBHAVATU (đều hộ giúp tốt lành)
 मुनिं नमः
 MUNI MUNI (tịch, tịch) VIMUNI (thích vắng lặng)
 वरं वदत
 CARE (hành. Hoặc tác là वरं CALE tức là động. Đường Bản ghi là वरं CALE. Bản của Bảo Tư Duy là वरं CARI) CALANI (động)

भय विगत

BHAYA VIGATE (lìa sợ hãi)

भय हरिणी

BHAYA HĀRANI (trừ sợ hãi. Đường Bản ghi là: हरिणी HAMRANI .

Bản của Bảo Tư Duy là हरिणी HARANI)

बोधि बोधि

BODHI BODHI (Sở giác, sở giác)

बोधि बोधि

BODHAYA BODHAYA (giác ngộ, giác ngộ)

बुद्धि बुद्धि

BUDDHILI BUDDHILI

सर्व तथगत हृदय हृदय हृदय

SARVA TATHĀGATA HRDAYA (tất cả Như Lai Tâm) JUṢṬAI (tôn,

trưởng) SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM ẤN CHÂN NGÔN :

ॐ वज्रवती वज्र प्रवृत्ति सुद्ध

OM _ VAJRAVATI (Kim Cương Cự) VAJRA PRATIṢṬITE (Kim Cương

Trụ) ‘SUDDHE (thanh tịnh)

सर्व तथगत मुद्रा प्रवृत्ति मुद्रा मुद्रा हृदय

SARVA TATHĀGATA MUDRĀ (Như Lai Ấn) DHIṢṬANĀDHIṢṬATE

(Thần Lực sở gia trì) MAHĀ MUDRE (Đại Ấn) SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI KIMCƯƠNG BỊ GIÁP CHÂN NGÔN :

ॐ सुद्धि सुद्धि

OM MUNI MUNI (tịch, tịch) MUNI-VARE (tịch nguyện. Lại là Thắng

Tịch)

अभिषिक्त तुमाम

ABHISIMCA TUMĀM (quán đỉnh tôi)

सर्व तथगत सर्व विद्या विद्या मुद्रा वज्र कवचा

SARVA TATHĀGATA (tất cả Như Lai) SARVA VIDYĀ (tất cả Minh)

BHIṢEKAI (nơi quán đỉnh) MAHĀ VAJRA KAVACA (áo giáp Kim Cương)

मुद्रा मुद्रा

MUDRĀ MUDRITEH (Ấn, ấn)

सर्व तथगत हृदय प्रवृत्ति वज्र हृदय

SARVA TATHĀGATA HRDAYĀ (tất cả Như Lai Tâm) DHIṢṬITA (gia

trì) VAJRE (như Kim Cương) SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LAI QUÁN ĐỈNH ẤN CHÂN NGÔN :

ॐ समृद्धि वर वर सुद्धि सुद्धि सुद्धि सुद्धि सुद्धि सुद्धि

OM_AMṚTA (Cam Lộ) VARE (thắng nguyện) VARA VARA (thắng,

thắng) PRAVARA (Nghĩa Thích ghi là: Thù Thắng. Quyển Sách Kinh ghi là: Tối

Thắng) VI’SUDDHE (thanh tịnh) HŪM HŪM _ PHAT PHAT _ SVĀHĀ

NHẤT THIẾT NHƯ LẠI KẾT ÁN CHÂN NGÔN :

ॐ ऋमृग वल्लकिल ऋरु ऋरुमृ ऋरुधमृ ऋरु ऋरु२ ऋ
ॐ

OM_ AMṚTA VILOKINI GARBHA SAMRAKṢAṆI (Chữ ॐ SAM
Đường Bản và bản của Bảo Tư Duy không có) AKARṢAṆI (tổng trì) HÙM
HÙM_ PHAṬ PHAṬ _ SVÀHÀ

NHẤT THIẾT NHƯ LẠI TÂM TRUNG TÂM CHÂN NGÔN :

ॐ वल्ल ऋय वरु ऋमृग ऋरु ऋरु ऋरु ऋरु२ ऋरु२
ॐ

OM_ VIMALE (vô cấu, không có dơ) JAYA VARE AMṚTE (Cam Lộ) _
HÙM HÙM HÙM HÙM_ PHAṬ PHAṬ PHAṬ PHAṬ_ SVÀHÀ

NHẤT THIẾT NHƯ LẠI TÙY TÂM CHÂN NGÔN :

ॐ ऋरु२ ऋरु२ ऋरु२ वल्लकिल वल्लकिल ऋरु ऋरु वल्ल ॐ
OM_ BHARA BHARA _ SAMBHARA SAMBHARA _ I (Đường Bản ghi
chữ ॐ I, cho nên là I ngắn. Bản của Bảo Tư Duy là ॐ I) NDRIYA (căn)
VI'SODHANI (tĩnh trừ) HÙM HÙM_ RURU CALE (Bản của Bảo Tư Duy thì ở
đây tiếp có câu ऋरु वल्ल KARU CALE. Phạm Câu này trong mọi Bản thì không
có gì chẳng định) SVÀHÀ

Bản Phạn của Bảo Tư Duy có Nội Đề này là: ऋरु ARYA (Thánh Giả) ॐ
ॐ MAHÀ (Đại) वल्लकिल PRATISARÀ (Tùy Cầu) ऋरु NAMA (Danh, tên
gọi) वल्लकिल DHÀDHÀRAṆÌ (tổng trì) ऋरु SAMÀPTA (chấm dứt, hết).

Hết

23/03/2009

वृक्षभिरं समगं हृत् मन्त्रं विष्णुर्वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं
 वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं वृक्षं
 BUDDHA ABHIṢINÀṀ SAMANTA JVALA MÀLÀ VI'SUDDHE
 SPHURIKṚTA CINTÀMAṆI MUDRA HRḌAYA APÀRAJITA
 PRATISÀRA MAHÀ-VIDYA-RÀJA DHÀRAṆÌ

PHẬT THUYẾT PHỔ BIẾN QUANG ĐIỂM MAN
 THANH TĨNH XÍ THỊNH NHƯ Ý BẢO CHÂU ẤN TÂM
 VÔ NĂNG THẮNG TÙY CẦU ĐẠI MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI

Phục hồi và chú thích Phạm Văn : HUYỀN THANH

नमः सर्वतथागतानाम्

NAMAḤ SARVA TATHÀGATÀNÀṀ : Kính lễ tất cả chư Như Lai

नमः सर्वबुद्धबोधिषट्पथैः

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVEBHAYAḤ : Kính lễ tất cả Phật
Bồ Tát Đẳng.

नमो बुद्धधर्मसंगहेभ्यः

NAMO BUDDHÀ DHARMA SAṀGHEBHAYAḤ : Quy mệnh Phật Pháp
Tăng Đẳng.

(Đoạn này minh họa về lý quy mệnh chư Phật Bồ Tát và Tam Bảo)

गुरुभ्यः

TADYATHÀ : Liền nói Chú là

ॐ

OM : Ba Thân quy mệnh

ॐ ॐ ॐ

VIPULA GARBHE : Quảng bác Tạng

ॐ ॐ ॐ

VIPULA VIMALA GARBHE : Quảng bác ly cấu Tạng

ॐ ॐ ॐ ॐ

VIPULA VIMALE JAYA GARBHE : Quảng bác ly cấu Thắng Tạng

ॐ ॐ ॐ

VAJRA JVALA GARBHE : Kim Cương quang điểm Tạng

ॐ ॐ ॐ

GATI GAHANE : Rừng đông đúc của 6 nẻo luân hồi

ॐ ॐ ॐ

GAGANA VI'SODHANE : Tĩnh trừ như hư không

ॐ ॐ ॐ

SARVA PÀPA VI'SODHANE : Tĩnh trừ tất cả tội

ॐ

OM : Ba thân quy mệnh

ॐ ॐ

GUṆA VATI : Cụ Đức , đầy đủ công đức

ॐ ॐ ॐ

GAGARINĪ GAGARINĪ: Cuốn xoáy gom tụ

ॐ ॐ ॐ

GIRINĪ GIRINĪ : Cao đầy như núi non

ॐ ॐ ॐ

GAMÀRI GAMÀRI : Thâu tóm kết hợp

ॐ ॐ

GAHA GAHA : Tạo dựng thành nhà thất đuổi trừ ma quỷ

ॐ ॐ ॐ

GARGÀRI GARGÀRI : Âm thanh gầm thét như tiếng sấm

ॐ ॐ ॐ

GAGARI GAGARI : Âm thanh cuốn xoáy

ॐ ॐ ॐ

GAMBHARI GAMBHARI: Thâm thâm, thâm sâu

ॐ ॐ

GATI GATI : Hành xứ, nơi đi đến

ॐ ॐ ॐ

GAMANI GAMANI GARE : Nhóm tụ tôn kính

ॐ ॐ ॐ

GURU GURU GURUNE : Tôn trọng, tôn trọng, tôn trọng

ब्रह्म ब्रह्म ब्रह्म

CALE ACALE MUCALE : Lay động, bất động, trạng thái xảy ra

जय विजय

JAYE VIJAYE : Thắng, tối thắng

सर्व भय विगत

SARVA BHAYA VIGATE : Xa lìa tất cả sự sợ hãi

गर्भ संभारणि

GARBHA SAMBHARANI : Hàm chứa đảm nhận bào thai (che chở bảo dưỡng như gìn giữ thai nhi)

सिरी २

SIRI SIRI : Dững mãnh thù thắng cát tường

मिरी २

MIRI MIRI : Trở thành sự mềm dịu nhu thuận

गिरी २

GHIRI GHIRI : Uống vào, thọ nhận (vững vàng chẳng động)

समन्त अकार्षणि

SAMANTA AKARŞANI : Thỉnh triệu khắp cả

सर्व शत्रु प्रमथ

SARVA ‘SATRÙ PRAMATHANI : Tồi phục tất cả oan gia

रक्ष रक्ष

RAKŞA RAKŞA : Ủng hộ, ủng hộ

मम

MAMA (Tôi, Xưng họ tên người thọ trì hoặc có thể xưng tên người khác)

सर्व सत्त्व

SARVASATVÀNÀMCA : Tất cả các chúng sinh đẳng

*)

विरी २

VIRI VIRI : Dững mãnh, dững mãnh

विगता

VIGATA : Xa lìa

सर्वान् भय नाशयति

AVARAᅇA BHAYA NÀ’SANI : Trừ diệt chướng ngại sợ hãi

सुरी २

SURI SURI : Tuôn ra nước Trí Tuệ

सिली २

CILI CILI : Trường cửu lâu dài

कामले विले जय

KAMALE VIMALE JAYE : Tôn thắng ly cấu như hoa sen

जय वरु

JAYÀ VAHE : Thắng thỉnh

ଜୟବତୀ ଭଗବତୀ

JAYAVATI BHAGAVATI :Đại Thắng Thế Tôn

ରତ୍ନ ମକୃତ ମାଳା ଦ୍ଵାରୀ

RATNA MAKUṬA MĀLĀ DHĀRAṆĪ: Bảo quan man tổng trì (Tổng trì tràng hoa, mào báu)

ବହୁ ବିଭିନ୍ନ ବିଭିନ୍ନ ବସ୍ତ୍ର ରୂପ ଦ୍ଵାରୀ

BAHU VIVIDHA VICITRA VEṢA RŪPA DHĀRAṆĪ: Đa chủng chủng đoan nghiêm, hình sắc tổng trì (Tổng trì đủ mọi loại hình sắc đoan nghiêm)

ଭଗବତୀ ମହା-ବିଦ୍ୟା-ଦେବୀ

BHAGAVATI MAHĀ-VIDYA-DEVĪ : Thế Tôn Đại Minh Thiên Nữ

ରକ୍ଷା ରକ୍ଷା ମମା ସର୍ବ ସର୍ବଜୀବ

RAKṢA RAKṢA MAMA (.....) SARVASATVANĀMCA : Ủng hộ cho tôi (.....) với tất cả chúng sinh đẳng (*)

ସମନ୍ତ ସର୍ବତ୍ର ସର୍ବ ପାପ ବିନାଶକ

SAMANTA SARVATRA SARVA PĀPA VI'SODHANE : Tĩnh trừ tất cả tội trong khắp cả mọi nơi

ହୁରୁ

HURU HURU : Tốc tạt, nhanh chóng

ନକ୍ଷତ୍ର ମାଳା ଦ୍ଵାରୀ

NAKṢATRA MĀLĀ DHĀRAṆĪ : Tổng trì chuỗi Tinh Tú

ରକ୍ଷା ରକ୍ଷା ମମ

RAKṢA RAKṢA MĀM : Ủng hộ, ủng hộ tôi

ମମା

MAMA : Tôi (họ tên.....) xin thọ trì

*)

ମନାଥସ୍ୟା_ଅତ୍ରାଣା ପାରାୟନସ୍ୟା_ପରିମୋକ୍ଷା_ଯାମେ

ANĀTHASYA_ ATRĀṆA PARĀYANASYA _ PARIMOCA _ YĀME : Nay tôi giải thoát, vượt thoát nhóm Vô Tôn (không có Đấng đáng tôn trọng) nhóm không có ba thừa thắng thượng

ସର୍ବ ଦୁଃଖକ୍ଷୟକ

SARVA DUḤKHEBHYAḤ : Tất cả nhóm khổ não

କାନ୍ଦି କାନ୍ଦି

CANDI CANDI CANDINI : Bao ác, cực ác

ଭଗା ବତୀ

VEGA VATI : Nhanh chóng đầy đủ

ସର୍ବା ସାତ୍ରୁ ନିବାରୀ

SARVA 'SATRŪ NIVĀRAṆĪ : Chướng nạn của tất cả oan gia

ਸਤ੍ਰਪਕੁ

'SATRÙ PAKṢA : Bè nhóm của oan gia

ਪ੍ਰਮਥ

PRAMATHANI : Phá nát, tội phục

ਵਿਜਯ ਵਹਿਨਿ

VIJAYA VAHINI : Lời nói tối thắng

ਹੁਰੁ

HURU HURU : Nhanh chóng, nhanh chóng

ਮੁਰੁ

MURU MURU : Phóng tán, phóng tán

ਕੁਰੁ

CURU CURU : Lay động lay động

ਸ੍ਰਯੁ ਪਾਲਨਿ ਸੁਰਾ

AYUḤ PĀLANI SURĀ : Thiên Thần hộ mệnh

ਵਾਰੁ ਮਥਨਿ

VARA MATHANI : Có thể nguyện giáng phục phá huỷ

ਸਰਵ ਫੁਲਗ

SARVA DEVATĀ : Tất cả Thiên Thần

ਪੁਜਿਯੇ

PŪJITE : Cúng dường

ਧਿਰੁ

DHIRI DHIRI : Trì giữ, gìn giữ

ਸਮਾਂਤ ਆਲੋਕਿਯੇ ਪ੍ਰਬਹੇ

SAMANTA AVALOKITE PRABHE : Ánh sáng chiếu soi khắp nơi

ਸੁਪ੍ਰਬਹੇ

SUPRABHE : Ánh sáng màu nhiệm

ਵਿਸੁਧਿਯੇ

VI'SUDDHE : Thanh tịnh

ਸਰਵ ਪਾਪ ਵਿਸੋਧਨੇ

SARVA PĀPA VI'SODHANE : Tĩnh trừ tất cả tội

ਧਾਰਾ ਧਾਰਾ ਧਾਰਾਣਿ

DHARA DHARA DHARAṆI : Trì giữ, cầm nắm mảnh đất

ਧਾਰਾ ਧਾਰੇ

DHARA DHARE : Cầm nắm như sự giữ gìn của đất

ਸੁਮੁ ਸੁਮੁ

SUMU SUMU : Ưa thích, hài lòng

ਰੁਰੁ ਕਾਲੇ

RURU CALE : Lay động nội trần và ngoại trần

ਕਾਲਯਾ ਦੁਸ਼ਟਾ

CALĀYA DUṢṬĀ : Điều ác trong sự lay động

म पुराय म मन्त्र

ME PÙRAYA À'SAM 'SRÌ :Tôi được mãn túc điều tốt lành an vui trong sự
nguyện cầu

वपुधनं

VAPUDHANÀM : Ban bố gieo trồng

जय कमल

JAYA KAMALE : Hoa sen tôn thẳg

क्षि क्षि

KṢIṆI KṢIṆI : Nâng đỡ như đại địa

वारे वारकुसे

VARADE VARADA AMKU'SE : Ban cho sự cầu móc với điều ban cho

उं

OM : Ba thân quy mệnh

पद्म विसुद्धे

PADMA VI'SUDDHE : Sự thanh tĩnh của hoa sen

सोधय

'SODHAYA 'SODHAYA : Tĩnh trừ, tĩnh trừ

सुद्धे सुद्धे

'SUDDHE 'SUDDHE : Thanh tĩnh, thanh tĩnh

भार

BHARA BHARA : Đảm nhận, chuyên chở, thể chất, duy trì

भिरि भिरि

BHIRI BHIRI : Giúp đỡ hỗ trợ

भुरु भुरु

BHURU BHURU : Xem xét trợ giúp

मंगल विसुद्धे

MAMGALA VI'SUDDHE : Cát khánh (vui mừng an lạc) thanh tĩnh

पवित्र मुखे

PAVITRA MUKHE : Xảo diệu môn (cánh cửa màu nhiệm khéo léo)

खरगनि

KHARGAṆI KHARGAṆI : Hủy phá, làm hư hoại

खार

KHARA KHARA : Tĩnh bền chắc, sắc bén, khổ nạn

ज्वलि सिरि

JVALITA 'SIRE : Sự trong mát của ánh quang minh

समन्त प्रसारित अवभक्षित सुद्धे

SAMANTA PRASARITA AVABHÀṢITA 'SUDDHE : Sự thanh tĩnh của
khắp mọi loại ánh sáng chiếu diệu

खल

JVALA JVALA : Phóng quang, tỏa ra ánh hào quang

सर्व देवागम समक्षम

SARVA DEVAGANA SAMA AKARṢANI : Bình đẳng thính triệu tất cả
Thiên chúng

सत्य वति

SATYA VATI : Đầy đủ sự chân thật

तरार तराय मम

TÀRA TÀRA TÀRÀYA MAM : Cứu độ, cứu tế, cứu giúp cho tôi

नाग विलोकित

NÀGA VILOKITE : Long quán Thế (Loài Rồng xem xét nhìn ngó Thế gian)

लाहू

LAHU LAHU : Làm cho nhẹ nhàng

हनु

HUNU HUNU : Dứt trừ sự tự mãn

क्षि

KṢIṆI KṢIṆI : Nâng đỡ như đại địa

सर्व ग्राह भक्ष

SARVA GRAHA BHAKṢANI : Tàn hại tất cả Chấp Diệu

पिङ्गलि

PIMGALI PIMGALI : Soi sáng, soi sáng

कुमु

CUMU CUMU : Đặc biệt lạ lùng

सुमु

SUMU SUMU : xinh đẹp dịu dàng đáng ưa thích

कुवि

CUVI CARE : Lay động trải qua

तरार

TÀRA TÀRA : Cứu độ, cứu giúp

नाग विलोकित तराय तुमम

NÀGA VILOKITE TÀRÀYA TUMAM : Xin hàng Long Quán Thế cứu giúp
cho tôi

भगवति

BHAGAVATI : Thế Tôn

अष्ट

AṢṬA : Bát, con số tám

महा दारुण

MAHÀ DÀRUṆA : Cành nhánh của cái cây to lớn

भयै

BHAYEBHYAḤ : Nhóm đáng sợ

समुद्र

SAMUDRA : Biển cả

सगर

SÀGARA : Biển lớn

प्रत्यन्तं पठला गगनं तलं

PRATYANTÀM PÀTÀLA GAGANA TALAM : Duyên theo sự biểu tượng cứu độ như hư không

सर्वत्र

SARVATRÀ : Tất cả xứ

समन्तत्र

SAMANTENA : Phổ biến, khắp mọi nơi

दशैव बन्धनैः

DI'SÀ BANDHENA : Kết 10 luyến

वज्रं प्रकृतं

VAJRA PRAKÀRA : Bức tường Kim Cương

वज्रं पशुं बन्धनैः

VAJRA PÀ'SA BANDHANE : Kết buộc sợi dây Kim Cương

वज्रं ज्वलन्तं शुद्धं

VAJRA JVALA 'SUDDHE : Sự thanh tịnh của ánh lửa Kim Cương

भुरिभुरि

BHURI BHURI : Xem xét giúp đỡ

गर्भं वति

GARBHA VATI : Cụ tạng, đầy đủ sự cất chứa

गर्भं विषोदयन्

GARBHA VI'SODHANE : Tĩnh trừ sự cất chứa

कुक्षिं सम्पूरयन्

KUKṢI SAMPÙRANI : Khéo đầy đủ sự phú quý

ज्वलन्तं

JVALA JVALA : Phóng quang, tỏa ra ánh lửa

चलाचल

CALA CALA : Lay động, lay động

ज्वलन्तं प्रवृषतु देव

JVALANI PRAVAṢATU DEVA : Quang minh Thăng Phổ Bình Chính Thiên

समन्तत्र

SAMANTENA : Phổ biến

दधियुद्धकेन

DIDHYODAKENA : Thiên vạn thủy (Ngàn vạn dòng nước)

अमृतं वरुणं

AMRTA VARṢANI : Cơn mưa Cam Lộ (Cam Lộ vũ)

देवता २

DEVATÀ DEVATÀ : Thiên Thần, Thiên Thần

धरणी

DHÀRANÌ : Tổng trì

अभिषिक्त तुमे

ABHIṢIMCA TUME : Quán đỉnh cho tôi

सुगत

SUGATA : Đấng Thiện Thệ

वरा वचनमृत

VARA VACANA AMṚTA : Ban cho lời nói Bất Tử

वरा वपुष्प

VARA VAPUṢPE : Ban cho nước Mật Hoa

रक्षारक्ष मम सर्वसङ्ग

RAKṢA RAKṢA MAMA (...) SARVASATVÀNÀMCA : Ủng hộ ủng hộ cho tôi với tất cả chúng sinh đẳng

*)

सर्वत्र

SARVATRÀ : Tất cả xứ

सर्वद

SARVADÀ : Tất cả cõi đất

सर्व भयैः

SARVA BHAYEBHYAḤ : Tất cả nhóm đáng sợ

सर्व उपद्रवैः

SARVA UPADRAVEBHYAḤ : Tất cả nhóm phiền não

सर्व उपसर्गैः

SARVA UPASARGE BHYAḤ : Tất cả nhóm tai hoạn (sự bất hạnh, tai họa bất ngờ)

सर्व दुष्ट भयानकैः

SARVA DUṢṬA BHAYA BHĪTASYA : Tất cả nhóm có tính chất độc ác đáng sợ

सर्व काल

SARVA KÀLI : Tất cả Hắc Âm Mẫu

काल विग्रह

KALAH VIGRAHA: Đấu tranh phá trừ sự chấp chướng

विवद

VIVÀDA: Chủng chủng, mọi loại

दुःस्वप्न

DUḤSVAPNÀM : Mộng ác

दुर्निमित्त

DURNI MINTA : Tướng ác

संश्रय

AMAMGALLYA : Bất cát tường, chẳng an lành

𑀅𑀸𑀓

PÀPA : Tội

𑀧𑀸𑀢𑀸𑀓

VINÀ'SANI : Diệt trừ

𑀸𑀓

SARVA : Tất cả

𑀸𑀓

YAKṢA : Dạ xoa, Dược Xoa

𑀸𑀓𑀸𑀓

RĀKṢASA : La Sát

𑀸𑀓

NĀGA : Long, loài Rồng

𑀧𑀸𑀢𑀸𑀓

NIVĀRAṆI : Chướng ngại

𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓

SARAṆI SARE : Kiên cố bền chắc

𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓

BALA BALA BALA-VATI : Lực, sức mạnh, đầy đủ sức mạnh

𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓

JAYA JAYA : Thắng, tôn thắng

𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓

JAYA TUMĀM : Khiến cho tôi thắng

𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓 (𑀸𑀓𑀸𑀓𑀸𑀓)

SARVATRĀ SARVA KĀRAM SIDDHYANTU ME: Khiến cho tôi thành tựu tất cả hành động trong tất cả xứ

𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓

IMĀM MAHĀVIDYAM SĀDHAYAT SĀDHAYAT SARVA MAṆḌALA-SĀDHANI: **Đại Minh** này mỗi mỗi dựng lập nên Nghi Quỹ của tất cả Đàn Trường.

𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓 𑀸𑀓𑀸𑀓

GHĀTAYA SARVA VIGHNAM: chinh phạt phá hoại tất cả chướng nạn

𑀸𑀓𑀸𑀓

JAYA JAYA : Thắng, tôn thắng

(𑀸𑀓𑀸𑀓)

SIDDHE SIDDHE: Thành tựu, thành tựu

𑀸𑀓𑀸𑀓𑀸𑀓

SUSIDDHE SUSIDDHE: Diệu thành tựu, thành tựu mầu nhiệm

(𑀸𑀓𑀸𑀓)

SIDDHYA SIDDHYA : Sở thành, sở thành

𑀸𑀓𑀸𑀓

BUDDHYA BUDDHYA : Sở giác, sở giác

बोधय २

BODHAYA BODHAYA : Khiến cho giác ngộ, khiến cho kẻ khác giác ngộ

पुनरुच्यते २

PURAYA PURAYA : Mãn túc, mãn túc

पुनरुच्यते २

PURANI PURANI : Viên mãn, viên mãn

पुनरुच्यते मे २

PURAYA ME A'SAM : Viên mãn sự nguyện cầu của tôi

सर्वविद्या २

SARVA VIDYA : Tất cả Minh

अधिगत २

ADHIGATA : Hiện hành xứ, Nơi đang đi

मूर्त्ति २

MURTTE : Đỉnh đầu

जयवती २

JAYOTTARI : Thắng thượng

जयवती २

JAYA VATI : Cự thắng, đại thắng

तिष्ठति २

TISTA TISTA : Trụ, an trú

समय २

SAMAYAM : Bản thể

अनुपालय २

ANUPALAYA : Tùy hộ

तथागत २

TATHAGATA HRDAYA : Như Lai Tâm

सुद्धे २

'SUDDHE : Thanh tịnh

व्यावलोकय तुमाम् २

VYAVALOKAYA TUMAM : Xem xét cho tôi

*)

अष्टाभिरी महादरुणा भयैब्याहः २

ASTA BHIRI MAHA DARUNA BHAYEBHYAH: Bát tương ứng đại thụ
phiên não đấng (tám sự ủng hộ cho nhóm phiên não căn bản như cành nhánh của
cái cây to lớn)

सारा २

SARA SARA : Kiên cố, bền chắc

प्रसारा २

PRASARA PRASARA : Cực kiên cố, rất bền chắc

सर्ववाराणा विरोध २

SARVA AVARANA VI'SODHANE : Tĩnh trừ tất cả chướng

समस्त २

SAMASTA २

INDRE INDRAVATI INDRA VYÀVALOKITE SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành nơi xem xét của Trời Đế Thích, Thiên Đế , vua chúa

ब्रह्म ब्रह्मब्रह्मणं सूक्तं

BRAHME BRAHMA ADHYUṢĪṬE SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành nơi tăng trưởng Phạm Hạnh của hàng Phạm Thiên

विष्णु नमस्कृतं सूक्तं

VIṢṆU NAMASKRTE SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành sự tác lễ Trời Tỳ Nữ

महेश्वरं वन्दिता पूजिताय सूक्तं

MAHE'SVARA VANDITA PÙJITAYAM SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành sự lễ bái cúng dường Trời Đại Tự Tại

वज्रधरा वज्रपानि बला विर्या अधिष्ठिते सूक्तं

VAJRADHÀRA_VAJRAPÀṆI BALA VÌRYA ADHIṢṬĪTE SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành lực tinh tiến gia trì của Kim Cương Thủ và Kim Cương Trì

धृतराष्ट्राय सूक्तं

DHṚTARÀṢṬRÀYA SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Trì Quốc Thiên Vương

विरुधकाय सूक्तं

VIRUḌHAKÀYA SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Tăng Trưởng Thiên Vương

विरुपक्षाय सूक्तं

VIRUḆAKṢÀYA SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Quảng Mục Thiên Vương

वैश्रवणाय सूक्तं

VAI'SRAVAṆÀYA SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Tỳ Sa Môn Thiên Vương

चतुर्माहाराजं नमस्कृत्य सूक्तं

CATUR MAHÀ RÀJA NAMASKRṬÀYA SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành sự tác lễ bốn vị Đại Thiên Vương

यमय सूक्तं

YAMÀYA SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Trời Diêm Ma

यम पूजिता नमस्कृत्य सूक्तं

YAMA PÙJITA NAMASKRṬÀYA SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành sự tác lễ cúng dường Trời Diêm Ma

वरुणाय सूक्तं

VARUṆÀYA SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Thủy Thiên

मरुताय सूक्तं

MARÙTÀYA SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Phong Thiên

महा मरुताय सूक्तं

MAHÀ MARÙTÀYA SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Đại Phong Thiên

अग्नये सूक्तं

AGNAYE SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Hỏa Thiên

नगं वन्दिताय सूक्तं

सर्वं (सर्वत्र) सुखं

SARVA PI'SACEBHAYAḤ SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành tất cả Thực nhục
quỷ (quỷ ăn thịt) đáng

सर्वं अपस्मरेभ्यः सुखं

SARVA APASMÀREBHAYAḤ SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành tất cả Dương
đầu quỷ đáng

सर्वं कुम्भान्देभ्यः सुखं

SARVA KUMBHÀNÐEBHAYAḤ SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành tất cả Ung
hình quỷ đáng

सर्वं पुनः सुखं

SARVA PÙṬANEBHAYAḤ SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành tất cả Xú quỷ (Quỷ
hôi thối) đáng

सर्वं कटपुनः सुखं

SARVA KAṬAPÙṬANEBHAYAḤ SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành tất cả Kỳ Xú
Quỷ đáng

*)

ॐ धुरु धुरु सुखं

OM DHURU DHURU SVÀHÀ : Ba thân bảo giữ, ôm giữ tiêu đề thành tựu
tốt lành

ॐ तुरु तुरु सुखं

OM TURU TURU SVÀHÀ : Ba thân nhanh chóng nhanh chóng thành tựu
tốt lành

ॐ कुरु कुरु सुखं

OM KURU KURU SVÀHÀ : Ba thân tạo tác tạo tác thành tựu tốt lành

ॐ चुरु चुरु सुखं

OM CURU CURU SVÀHÀ : Ba thân lay động lay động thành tựu tốt lành

ॐ मुरु मुरु सुखं

OM MURU MURU SVÀHÀ : Ba thân phóng tán phóng tán thành tựu tốt
lành

हानं सर्वं सत्रुणं सुखं

HANA HANA SARVA 'SATRÙṆAM SVÀHÀ : Đánh đập đánh đập tất cả
oan gia thành tựu tốt lành

दहनं सर्वं दुष्टानं सुखं

DAHA DAHA SARVA DUṢṬÀNÀM SVÀHÀ : Thiêu đốt thiêu đốt tất cả
điều ác thành tựu tốt lành

पचं

PACA PACA : Nấu thối, nấu thối

सर्वं प्रत्यर्थिका प्रत्यमित्त्राणं सुखं

SARVA PRATYARTHIKA PRATYÀMITRANÀM SVÀHÀ : Tất cả
duyên thuận, duyên nghịch đều thành tựu tốt lành

य मम

YE MAMA (....) : Nay tôi (...)

अहितेशिना

AHITESHINA : Tập trung suy tư

तेषाम सर्वेषां शिरिं ह्येय सदा

TEṢAM SARVEṢAM 'SARIRAM JVALĀYA SVĀHĀ : Như vậy tất cả thân thể tỏa ra ánh sáng thành tựu tốt lành

सर्वे अदुष्टा चित्तानाम् स्वहा

SARVA ADUṢṬA CITTĀNĀM SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành tất cả Tâm không độc ác

ज्वलितेय सदा

JVALITĀYA SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành uy quang

प्रज्वलितेय सदा

PRAJVALITĀYA SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành uy quang thắng thượng

दीप ह्येय सदा

DĪPTA JVALĀYA SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành Diệu phóng Quang

समन्त ह्येय सदा

SAMANTA JVALĀYA SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành Phổ diễm Quang

वज्र ह्येय सदा

VAJRA JVALĀYA SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành Kim Cương Quang

मणिभद्रेय सदा

MAṆIBHADRĀYA SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành đấng Bảo Hiền

पुनःभद्रेय सदा

PURṆABHADRĀYA SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành đấng Mãn Hiền

महा कालेय सदा

MAHĀ KĀLĀYA SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành Đại Hắc Thiên Thần

मृगामेय सदा

MĀTRGAṆĀYA SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành Mẫu chúng

यक्षिणीम् सदा

YAKṢAṆĪNĀM SVĀHĀ : Thành tựu chư Dạ Xoa Nữ

रक्षसिणीम् सदा

RĀKṢASIṆĀM SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành chư La Sát Nữ

अकसा मृगम् सदा

ĀKĀ'SA MĀTRNĀM SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành chư Hư Không Mẫu

समुद्र वसिणीम् सदा

SAMUDRA VASINĪNĀM SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành chư Hải Xứ

रत्र वरिणीम् सदा

RĀTR CARĀNĀM SVĀHĀ : Thành tựu tốt lành chư Dạ Hành (Đi ban đêm)

दिवस वरुणं सूक्त

DIVASA CARAṆAM SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành chư Trú Hành (Đi ban ngày)

त्रिसन्तु वरुणं सूक्त

TRISANTYA CARAṆAM SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành chư Tam Thời Hành (Đi trong 3 thời)

वेल वरुणं सूक्त

VELA CARAṆAM SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Thời Hành (Đi có thời hạn)

मवेल वरुणं सूक्त

AVELA CARAṆAM SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Vô Thời Hành (Đi không có thời hạn)

गर्भहारैभ्याः सूक्त

GARBHÀHÀREBHYAḤ SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Thực Thai đẳng (nhóm ăn bào thai)

गर्भ सन्धारणि सूक्त

GARBHA SANDHÀRAṆÌ SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Thai kiên trì đẳng (nhóm giữ gìn bào thai bền chắc)

हुलु २ सूक्त

HULU HULU SVÀHÀ : Nhanh chóng nhanh chóng thành tựu tốt lành

कुलु २ सूक्त

CULU CULU SVÀHÀ : Lay động lay động thành tựu tốt lành

उं सूक्त

OM SVÀHÀ : Sự sáng tạo thành tựu tốt lành

सुः सूक्त

SVAḤ SVÀHÀ : Bầu trời thành tựu tốt lành

भुः सूक्त

BHÙḤ SVÀHÀ : Mặt đất thành tựu tốt lành

भुवः सूक्त

BHÙVAḤ SVÀHÀ : Không khí không gian thành tựu tốt lành

उं सुकुवः सुः सूक्त

OM BHÙRBHÙVAḤ SVAḤ SVÀHÀ: Sự sáng tạo ra mặt đất, không gian, bầu trời thành tựu tốt lành

सिदि सिदि सूक्त

CITÌ CITÌ SVÀHÀ : Hiểu biết , hiểu biết thành tựu tốt lành

विदि विदि सूक्त

VITÌ VITÌ SVÀHÀ : Mau chóng lia phiến não thành tựu tốt lành

धरणि सूक्त

DHÀRAṆÌ SVÀHÀ : Tổng trì thành tựu tốt lành

धरणि सूक्त

DHARAṆÌ SVÀHÀ :Đất thành tựu tốt lành

ॐ अग्निं स्वहा

AGNI SVÀHÀ : Lửa thành tựu tốt lành

ॐ तेजो वायुं स्वहा

TEJO VÀYU SVÀHÀ : Uy quang, gió thành tựu tốt lành

ॐ त्रिलोकं स्वहा

CILI CILI SVÀHÀ : Trường cửu lâu dài thành tựu tốt lành

ॐ सिलि सिलि स्वहा

SILI SILI SVÀHÀ : Dững mãnh thù thắng thành tựu tốt lành

ॐ बुद्ध्यां स्वहा

BUDDHYA BUDDHYA SVÀHÀ : Sở giác, sở giác thành tựu tốt lành

ॐ सिद्ध्यां स्वहा

SIDDHYA SIDDHYA SVÀHÀ : Sở thành, sở thành thành tựu tốt lành

ॐ मण्डलं स्वहा

MANḌALA SIDDHE SVÀHÀ : Thành tựu Đạo Trường thành tựu tốt lành

ॐ मण्डलं बन्धुं स्वहा

MANḌALA BANDHE SVÀHÀ : Kết Đoàn thành tựu tốt lành

ॐ सीमा बन्धानि स्वहा

‘SĪMA BANDHANI SVÀHÀ : Kết Giới thành tựu tốt lành

ॐ सर्वं सत्त्वं नष्टं स्वहा

SARVA ‘SATRÙNÀṀ BHAÑJAYA SVÀHÀ : Đập nát tất cả oan gia thành
tựu tốt lành

ॐ जम्बु द्वीपं स्वहा

JAMBHA JAMBHA SVÀHÀ : Tội phá đập nát thành tựu tốt lành

ॐ स्तम्भं स्वहा

STAMBHÀYA STAMBHÀYA SVÀHÀ : Trấn hộ, trấn hộ thành tựu tốt lành

ॐ चिन्दां स्वहा

CCHINDA CCHINDA SVÀHÀ : Cắt đứt cắt đứt thành tựu tốt lành

ॐ भिन्दां स्वहा

BHINDA BHINDA SVÀHÀ : Xuyên thấu xuyên thấu thành tựu tốt lành

ॐ भान्जं स्वहा

BHAÑJA BHAÑJA SVÀHÀ : Đập nát, đập nát thành tựu cát tường

ॐ बन्धं स्वहा

BANDHA BANDHA SVÀHÀ : Cột buộc, trói buộc thành tựu tốt lành

ॐ मोहं स्वहा

MOHAYA MOHAYA SVÀHÀ : Mê hoặc , mê hoặc thành tựu tốt lành

ॐ मणिं स्वहा

MAṆI VI‘SUDDHE SVÀHÀ : Thanh tịnh như ngọc báu thành tựu tốt lành

ॐ शुभं स्वहा

SÙRYE SÙRYE SÙRYA VI'SUDDHE VI'SODHANE SVÀHÀ : Tĩnh trừ như mặt trời, như mặt trời thanh tịnh thành tựu tốt lành

बसु सुबसु पूरु बसु सुद

CANDRE SUCANDRE PÙRṆA CANDRE SVÀHÀ : Như mặt trăng, như mặt trăng màu nhiệm, như mặt trăng tròn đầy thành tựu tốt lành

ग्राह्युः सुद

GRAHEBHYAḤ SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Diệu Chấp đẳng

नक्षत्र्युः सुद

NAKṢATREBHYAḤ SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành Tinh Tú đẳng

सिवा सुद

'SIVE SVÀHÀ : Kính ái thành tựu tốt lành

सन्ति सुद

'SÀNTI SVÀHÀ : Tịch tịnh thành tựu tốt lành

स्वस्त्या याने सुद

SVASTYA YANE SVÀHÀ : Cát tường thành tựu tốt lành

सिवं करि सन्ति करि पुष्टि करि बाल वार्धनि सुद

'SIVAM KÀRI, 'SÀNTI KÀRI, PUṢṬI KÀRI, BALA VARDHANI SVÀHÀ : Tác kính ái, tác tịch tịnh, tác tăng ích, tăng sức lực thành tựu tốt lành

श्री करि सुद

'SRÌ KÀRI SVÀHÀ : Tác cát tường thành tựu tốt lành

श्रिया वार्धनि सुद

'SRÌYA VARDHANI SVÀHÀ : Tăng trưởng cát tường thành tựu tốt lành

श्रिया ज्वालि सुद

'SRÌYA JVALANI SVÀHÀ : Cát tường quang điểm thành tựu tốt lành

नमुचि सुद

NAMUCI SVÀHÀ : Không có sự mê loạn thành tựu tốt lành

मारुचि सुद

MARUCI SVÀHÀ : Thọ nhận sự an lạc thành tựu tốt lành

वेगवति सुद

VEGA VATI SVÀHÀ : Nhanh chóng đầy đủ thành tựu tốt lành

(Đoạn này diễn nói rằng : người thọ trì Đà La Ni này có thể được các hàng Trời, Rồng, Thần , Quỷ, Chấp Diệu, Tinh Tú ... thủ hộ và được sự hộ niệm của tất cả Như Lai)

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM CHÂN NGÔN :

ॐ

OM : Ba thân quy mệnh

सर्व तथगत मूर्त्ते

SARVA TATHÀGATA MÙRTTE : Tất cả Như Lai Đỉnh

सर्वान् भूतान्

PRAVARA VIGATI : Xa lìa sở thuyết

𑀧𑀸𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲

BHAYE 'SAMAYA : Trừ bỏ sự sợ hãi

𑀧𑀸𑀓

SVÀME : Nơi tôi

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧

BHAGAVATI : Thế Tôn

𑀧𑀸𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧: 𑀧𑀸𑀓𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧𑀸𑀓

SARVA PÀPEBHYAḤ SVÀSTIRBHAVATU : Điều hộ cát tường tất cả tội

dằng

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧

MUNI MUNI VIMUNI CARE CALANE: Lay động hạnh tịch tĩnh, tịch tĩnh, vui thích sự tịch tĩnh

𑀧𑀸𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧

BHAYA VIGATE : Xa lìa sự sợ hãi

𑀧𑀸𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧

BHAYA HÀRANI : Trừ khử sự sợ hãi

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧

BODHI BODHI : Sở giác, sở giác

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧𑀸𑀓

BODHIYA BODHIYA : Giác ngộ, giác ngộ

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧𑀸𑀓

BUDHILI BUDHILI :Không buông bỏ Tuệ Giác

𑀧𑀸𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧𑀸𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧𑀸𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧𑀸𑀓

SARVA TATHÀGATA HRDAYA JUṢṬAI : Tôn trọng tăng trưởng tất cả

Như Lai Tâm

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧

SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM ẤN CHÂN NGÔN :

𑀧𑀸𑀓

OM : Ba thân quy mệnh

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧

VAJRA VATI : Cự Kim Cương, Đại Kim Cương

𑀧𑀸𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧

VAJRA PRATIṢṬITE : Kim Cương Thiện Trụ

𑀧𑀸𑀓

'SUDDHE : Thanh tịnh

𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧𑀸𑀓 𑀧𑀸𑀓𑀲𑀧𑀸𑀓

TATHÀGATA MUDRA (Như Lai Ấn) ADHIṢṬANA (Thần lực) ADHIṢṬITE
(Sở gia trì)

मह मुद्र

MAHÀ MUDRE : Như Đại Ấn

मूढ

SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI BỊ GIÁP CHÂN NGÔN :

ॐ

OM : Ba thân quy mệnh

मुनि मुनि मुनि वरे

MUNI MUNI MUNI VARE : Nguyện tịch tĩnh, tịch tĩnh, thắng tịch tĩnh

मन्त्रिणं वृष

ABHIṢIMCA TUMÀM : Quán đỉnh cho tôi

सर्व तथगत सर्व विदुषिण

SARVA TATHÀGATA SARVA VIDYA ABHIṢEKAI : Tất cả Minh quán

đỉnh của tất cả Như Lai

मह वज्र कवच मुद्र

MAHÀ VAJRA KAVACA MUDRA : Đại Kim Cương Giáp Trụ Ấn

मूढः

MUDRITEḤ : Sở ấn (nơi đóng ấn)

सर्व तथगत हृदय

SARVA TATHÀGATA HRDAYA : Tất cả Như Lai Tâm

मन्त्रिण

ADHIṢṬITA : Gia trì

वज्र

VAJRE : Như Kim Cương

मूढ

SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI QUÁN ĐỈNH CHÂN NGÔN :

ॐ

OM : Ba thân quy mệnh

मृग वरे

AMṚTA VARE : Cam Lộ thắng nguyện

वृ २ प्रवृ

VARA VARA PRAVARA : Thắng nguyện, thắng nguyện, tối thắng nguyện

वि सुद्ध

VI'SUDDHE : Thanh tịnh

हूँ

HUM HUM : Khủng bố nhân NGÃ, PHÁP

ॐ

PHAT PHAT : Phá bại nhân NGÃ, PHÁP

ॐ

SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI KẾT GIỚI CHÂN NGÔN :

ॐ

OM : Ba thân quy mệnh

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

AMṚTA VILOKINI GARBHA : Cam Lộ quán chiếu Tạng

ॐ ॐ ॐ

SAMRAKṢANI : Chính thức ủng hộ

ॐ ॐ ॐ

ÀKARṢANI : Thỉnh triệu

ॐ ॐ

HUM HUM : Khủng bố, khủng bố

ॐ ॐ

PHAT PHAT : Phá bại, phá bại

ॐ

SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÂM TRUNG TÂM CHÂN NGÔN :

ॐ

OM : Ba thân quy mệnh

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

VIMALE JAYA VARE AMṚTE : Vô cấu thắng nguyện Cam Lộ

ॐ ॐ ॐ ॐ

HUM HUM HUM HUM : Khủng bố

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

PHAT PHAT PHAT PHAT : Phá bại

ॐ

SVÀHÀ : Thành tựu tốt lành

NHẤT THIẾT NHƯ LAI TÙY TÂM CHÂN NGÔN :

ॐ

OM : Ba thân quy mệnh

ॐ ॐ ॐ

BHARA BHARA : Đảm nhận, chuyên chở, duy trì

ॐ ॐ ॐ ॐ

SAMBHARA SAMBHARA : Chính thức đảm nhận, chính thức duy trì

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

NAMO BUDDHÀYA (Quy Y Phật)

नमो बुद्धाय

NAMO DHARMÀYA (Quy Y Pháp)

नमो धर्माय

NAMO SAMGHÀYA (Quy Y Tăng)

नमो सगवतं भिक्षुसंघाय मन्त्रैः कर्मैः श्रद्धां प्रतिपद्ये

NAMO BHAGAVATE 'SÀKYAMUṆÀYE-MAHÀ-KÀRUṆIKÀYA TATHÀGATÀYA ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA (Quy mệnh Đức Thế Tôn Đại Bi Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chính Đẳng Chính Giác)

ॐ नमो भगवते

EṢAM NAMASKRTVÀ (Như vậy Kính lễ xong)

बुद्धं भिक्षुं वृक्षं मूला

BUDDHA 'SASANA VRDDHAYE AHÀ (Giác Tuệ truyền lệnh tiêu diệt sự già cỗi)

मदं संघं कुरु

MIDÀNÀM SAMPRAVA KṢAME (Khiến cho tôi làm hao tổn sự kích động chính của thói hư tật xấu)

ॐ विद्या महा तेजो महा बला पराक्रमा

IMAM VIDYA MAHÀ TEJE _ MAHÀ BALA, PARÀKRA MAM (Đại uy quang của bài Minh này làm cho tôi có được năng lực về sức mạnh to lớn)

यच्छास्त्रं मया वक्ष्ये मन्त्रिणा

YA ṢYÀM BHAṢITAM MÀTRÀYAM, VAJRÀSANA MANIṢITA (Các nguyên tố tỏa sáng chiếu diệu của nhóm căn bản thực tế này thỏa mãn ước muốn đạt được Tòa Kim Cương)

ग्राहं सर्वं विनायकं वा कुरु विद्यां गतं

GRAHA SARVA VINÀYAKA VATA KṢAṆA VIRAYAM GATA (Là lối nẻo tối thượng gấp rút làm suy yếu tất cả loài Tỳ Na Dạ Ca gây chướng ngại)

तद्यथा

TADYATHÀ (Như vậy, liền nói Chú là)

गिरि गिरि गिरिवती गुणवती मन्त्रवती मन्त्रिणी च
गिरि गिरि गिरि गिरि

GIRA GIRA, GIRIṆI , GIRI VATI , GUṆA VATI , ÀKÀRA VATI , ÀKÀRA 'SUDDHE, PÀPA VIGATE, ÀKÀ'SE GAGANA TALE (Sự ca tụng năng lực của Ngôn Ngữ , có đầy đủ sự khéo léo, đầy đủ Công Đức, đầy đủ sức mạnh trọng yếu, khiến cho xa lìa tội lỗi giống như khoảng hư không của Không Gian)

मन्त्रं विना मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं मन्त्रं

ÀKÀ'SA VICÀRAṆI JVALITÀ, 'SIRI, MAṆI, MUKTIKA , CITTA MORI DHÀRI (Tính uy quang phản chiếu trong không gian , giữ gìn sự tự hào của Tâm về: cây Kiếm, viên ngọc Như Ý, Ngọc Trân Châu)

सुकेसे सुवक्त्रा सुनेत्रे सुवर्णा मरि

SUKE'SE , SUVAKTRA, SUNETRE, SUVARṆA , MORI (Tự hào về mái tóc đẹp, khuôn mặt đẹp, con mắt đẹp và các thỏi vàng ròng)

अतिग अन्तम निमन गत

ATITE , ANÀTMAM , NIMÀNA GATE (Đi bằng qua lối nhỏ giới hạn của vật chất hữu hình)

प्रत्युद्गमन

PRATYUDGAMANA (Rời khỏi địa vị , tiến bộ cao hơn)

नमः सर्व बुद्धे

NAMAḤ SARVA SAMBUDDHÀNÀM (Kính lễ tất cả Đấng Chính Giác)

ज्वलिता तेजा सबुद्धे सुबुद्धे

JVALITA TEJA_ SAMBUDDHE, SUBUDDHE (Tinh uy quang tỏa ánh lửa Chính Giác, Diệu Giác)

भगवते सुराक्षणे सुक्षमे

BHAGAVATE, SURA KṢAṆI, SUKṢA ME (Đức Thế Tôn gấp rút tỏa sáng, sáng tạo cho tôi)

सुप्रबहे सुदामे सुनति चले

SUPRABHE, SUDÀME, SUNÀTI CALE (Lay động Diệu Tuệ ban cho nguồn hạnh phúc của ánh sáng màu nhiệm)

भगवते सुभद्रे विमले जयाभद्रे

BHAGAVATE, SUBHADRE, VIMALE, JAYA-BHADRE (Đức Thế Tôn Diệu Hiền, Ly Cấu , Thắng Hiền)

प्रकाशं वज्रं वज्रकाण्डं महाकाण्डं गौरी गन्धकेशिकां चण्डालीं मत्तमंगीं पुष्कलीं

PRACAṆḌA, CAṆḌA, VAJRA-CANḌA _ MAHÀ CAṆḌA GAURI GANDHACELIKÀ, CAṆḌALI MATAMGI _ PUKKASI ‘SAVARI (Dùng tướng Cực Bạo Ác, Bạo ác, Kim Cương Bạo ác , mùi xạ hương của Đại Bạo Ác Huy Tố Nữ , Hương Tượng Bạo ác làm thay đổi cây cối màu chàm)

द्रामिदि राुदरिणि सरवर्था सधने हाना हाना

DRÀMIDI RAUDRÌṆI, SARVÀRTHA SÀDHANE, HANA HANA (Thieu đốt tất cả sự thành tựu lợi ích về thảo quả nhỏ bé và thiếu nữ còn quá trẻ)

सर्वत्रिंशद् दहा दहा

SARVA ‘SATRÙ, DAHA DAHA (Đánh đập, vổ nát tất cả oan gia)

सर्वदुष्टान् प्रेतान् पिशाचान् दकिनान् मानुष्यां

SARVA DUṢṬANÀM , PRETA, PI’SÀCA, DÀKININÀM, MANUṢYA , AMANUṢYA_ PACA PACA (Nấu thổi tinh thực tất cả loài hung ác, quỷ đói, Tỳ Xá Già, loài Hồ My , người, Phi Nhân)

हृदयं विध्वंसया जितम्

HRDAYAM VIDHVAMSA YA JÌMITAM (Ăn nuốt sự tồi hoại của nhóm Tâm)

सर्वदुष्टं ग्रहणं नश्यति

SARVA DUṢṬA GRAHÀNÀM, NÀ’SAYA NÀ’SAYA (Trừ diệt, trừ bỏ tất cả loài hung ác gây chướng ngại)

सर्वपापानि राक्षसाणि सर्वसत्त्वानि

SARVA PÀPAN IME, RAKṢA RAKṢA MÀM SARVA SATVANÀMCA (Ủng hộ trợ giúp cho tôi và tất cả chúng sinh dứt trừ tất cả tội lỗi)

सर्वदुष्टान् वृक्षान् वृक्षान्

SARVA BHAYA, UPADRAVEBHAYA, SARVA DUṢṬĀNĀM BANDHANĀM KURU (Tạo tác sự cột trói tất cả sự phiền não đáng sợ với tất cả điều ác)

सर्वहृदि नहिज

SARVA KLE'SA NĀ'SANI (Trừ bỏ tất cả sự phiền não)

मता नन्दि मनन वव

MĀTA NANDI MĀNĀNA CALE (Lay động lòng hiếu thảo làm cho mẹ vui vẻ)

तिथ तिथि तुति तिति, गहोराणि विराणि, प्रवारा

TITHA TITĪNI TUṬI TIṬI, GHORANI VIRANI, PRAVARA SAMMĀLE (Dùng tình yêu gom thảo quả nhỏ bé và rễ cây thuốc trong ngày rằm, kết thành tràng hoa chân chính tốt nhất , dâng hiến các bậc mạnh mẽ đáng kính)

वद्वे मन्दि ववमि सुसुरि पुकमि दिवरे दिवेरे

CĀNDALI MATAMGI, VACASI, SUMURU, PUKASI 'SAVARI, SAMKĀRI (Hương Tượng bạo ác dùng sự khéo phóng tán của tài hùng biện, chân chính tạo tác làm thay đổi cây cối màu chàm)

द्विदि दद्वि पवदि मयदि मरे मरे मरे

DRAVIDI DAHANI PACANI MATHANI, SARALA SARALI SARALAMBHE (Ngay thẳng, thẳng thắn, làm cho ngay thẳng: đập nát, thổi nấu , chận đứng Ngôn Ngữ)

हिन मध्यो क्रि स्ता, विदरानि विदरानि

HĪNA MADHYO KR ṢṬA , VIDĀRANI VIDĀRANI (Xa lia nơi vui giữ của hàng Tiểu Thừa Và Trung Thừa)

महिरा मह मह लिनि

MAHIRA MAHĀ MAHĀ LINI (Trụ đỉnh vào cái lớn không có gì lớn bằng là mặt trời Giác Tuệ)

गानि गाना पसे

GAṆANI GAṆA PACE (Tinh thực giòng tộc quyền thuộc)

वति वतिनि जले कुले 'सवारी

VATI VATINI JALE CULE 'SAVARI (Thay đổi màu sắc tẩy rửa nguồn nghèo khó)

समारी सार्थारा, सर्वा व्यदधि हारानि, कोति कोतिनि, निमि

'SAMARI 'SĀṬHARA , SARVA VYĀDHI HĀRANI, COṬI COṬINI, NIMI NIMI NIMIM DHĀRI (Gìn giữ sự khép chặt, cắt đứt khỏi tất cả nguyên nhân bệnh tật trong vòng Luân Hồi ô nhiễm)

त्रिलोक जाहानि, लारा करि, त्राइदहतुका व्यैवलोकिनि

TRILOKA JAHANI, LARA KĀRI, TRAI DHĀTUKA VYĀVALOKINI (Quán chiếu ba Cõi, tạo sự tự do vĩ đại cho tất cả tội lỗi của Hữu Tình trong ba đời)

वज्र परिशु परिशु वरि वरि विशु विशु मरुद्विदिदि

VAJRA (Ngũ Cổ Kim Cương) PARA'SU (Cái búa) PĀ'SA (Sợi dây) KHADGA (Cây Kiếm) CAKRA (Bánh xe) TRI'SŪLA (Tam Cổ Xoa) CINTĀMAṆI (Viên ngọc Như Ý) MAHĀ -VIDYA-DHĀRANI (Đại Minh Đà La Ni)

इक्ष्वाकु सर्वसर्व

RAKṢA RAKṢA MĀM SARVA SATVANĀMCA (Ủng hộ trợ giúp cho tôi và tất cả chúng Hữu Tình)

सर्व सर्वान गच्छ

SARVATRĀ, SARVA STHANA, GATASYA (Tất cả Xứ, tất cả nơi cư ngụ, tất cả thú hưởng)

सर्व दुष्टान्दुः

SARVA DUṢṬA BHAYEBHYAḤ (Tất cả sự hung ác đáng sợ)

सर्व मनुष्यामनुष्याः सर्व शत्रुः

SARVA MANUṢYA AMANUṢYA, BHAYEBHYAḤ SARVA VYĀDHIBHYAḤ (Tất cả nhóm bệnh tật , các sự đáng sợ của tất cả người với Phi Nhân)

वज्र वज्रवज्र वज्रचक्र वरु (रुद्र २ शक्र २ मरु २ वरु २ वरुण सर्वान्दुष्टान्दुः

VAJRI (Kim Cương Nữ) VAJRA VATI (Cụ Kim Cương) VAJRAPĀṆI (Kim Cương Thủ) DHĀRE HĪRI HĪRI, CILI CILI , SIRĪ SIRĪ (Cầm chày Kim Cương phóng tỏa sấm sét , đi qua đi lại , trường cửu lâu dài) VARA VARA VARANI, SARVATRA JAYA LĀBHIM SVĀHĀ (Thuận theo y theo **Nhóm bệnh tật hung ác đáng sợ trên** mà trừ khử và giúp cho gặp gỡ sự Tôn Thắng ở khắp mọi nơi)

चक्र (रुद्र १) सर्व शत्रुनाशनं

PĀPA VIDĀRANI (Xa lia sự chấp giữ tội lỗi) SARVA VYĀDHI HĀRANI , SVĀHĀ (Làm cho tất cả loài gây ra bệnh tật đều được tốt lành)

सर्वान्दुष्टान्दुः

SARVATRA BHAYA HĀRANI, SVĀHĀ (Làm cho loài gây ra sự đáng sợ ở tất cả nơi đều được tốt lành)

पुष्टिं

PUṢṬI , SVĀHĀ (Viên mãn thành tựu tốt lành sự tăng ích)

स्वस्तिवस्तु मम

SVASTIRBHAVATU MAMA, SVĀHĀ (Tôi và tất cả chư Hữu, quyết định thành tựu)

शान्तिं

‘SĀNTI , SVĀ HĀ (Quyết định thành tựu pháp Tức Tai)

पुष्टिं

PUṢṬI , SVĀHĀ (Quyết định thành tựu pháp Tăng Ích)

जय सुजय जयवति विपुला विमले

JAYA, SUJAYE, JAYA VĀTI, VIPULA VIMALE, SVĀHĀ (Quyết định thành tựu pháp : Thắng, Thiện Thắng, Cụ Thắng, Quảng bác ly cấu)

सर्व तथैवागच्छन्तु पुराणं

SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬANA PŪRITA, SVĀHĀ (Làm cho đầy đủ tất cả Thần Lực của Như Lai, quyết định thành tựu)

ॐ रुद्र २ वज्रवज्र

OM, BHŪRI BHŪRI, VAJRA-VATI (Hỡi Đấng Cụ Kim Cương có sức lực mãnh mẽ phi thường)

गणगणैश्चैव पुराणं संदामि

TATHÀGATA HRDAYA PÙRANI SAMDHÀRANI (Chân chính giữ gìn
đầy đủ Tâm của Như Lai)

बलबल जयविद्यु

BALA ABALA, JAYA-VIDYA (Bài Thắng Minh có sức mạnh không có gì
mạnh hơn)

हृम

HÙM HÙM (Khủng bố 2 Nhân : Nội Chương, Ngoại Chương)

फट

PHAT PHAT (Phá bại 2 Nhân : Nội Chương, Ngoại Chương)

सव

SVÀHÀ (Thành tựu viên mãn cát tường)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 27/08/2011

MỤC LỤC

1_ Dẫn nhập	Tr.01
2_ Phổ Biến Quang Minh Thanh Tĩnh Xí Thịnh Như Ý Bảo Ấn Tâm Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đại Tùy Cầu Đà La Ni Kinh (No.1153)	
_ Quyển Thượng.....	Tr.14
_ Quyển Hạ	Tr.37
3_ Đại Tùy Cầu Đà La Ni	Tr.61
4_ Phạm Bản của Đại Tùy Cầu Đà La Ni	Tr.74
5_ Phật Thuyết Đại Tùy Cầu Tức Đắc Đại Tự Tại Đà La Ni Thần Chú Kinh (No.1154)	Tr.95
6_ Kim Cương Đỉnh Du Già Tối Thắng Bí Mật Thành Phật Tùy Cầu Tức Đắc Thần Biến Gia Trì Thành Tựu Đà La Ni Nghi Quỹ (No.1155)	Tr.121

7_ Đại Tỳ Cầu Tức Đắc Đại Đà La Ni Minh Vương Sám Hối Pháp (No.1156A)	Tr.143
8_ Tông Quyển Tăng Chính ở nơi truyền khẩu của Đường Quốc Sư (No.1156A)	Tr.147
9_ Tỳ Cầu Tức Đắc Đà La Ni (Đồ Tượng 9)	Tr.151
10_ Đại Tỳ Cầu Đà La Ni Khám Chú (No.2242)	Tr.158
11_ Phục hồi Đại Tỳ Cầu Đà La Ni	Tr.176
12_ Phục hồi Tỳ Cầu Đại Hộ Minh Vương Đại Tâm Đà La Ni	Tr.199
13_ Mục lục	Tr.204

韋陀天將



二十四诸天之韦陀天将
Skanda, the Temple Guardian

昵图网 www.nipic.com

BY: catandcraze

NO:20100622180727383871